PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
BUDDHASĀSANA THERAVĀDA



VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMA)

BẢN GIẢI
SIÊU LÝ CAO HỌC

DUYÊN HIỆP LỰC
&
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH
(PAṬICCASAMUPPĀDA)

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco

Chuyển ngữ từ bản tiếng Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2518 - tức Năm Quý Sửu - 1974



PL: 2556 - DL:2013

 **NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Arahaṃ Sammāsambuddho Bhagavā Buddhaṃ Bhagavantaṃ abhivādemi.
Svākkhato Bhagavatā dhammo dhammaṃ namassami.
Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṅgho sanghaṃ namāmi.

Việt dịch:
Đại Trưởng lão Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm trưởng ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy (Theravāda) - Việt Nam



DUYÊN HIỆP LỰC

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2518 - tức Năm Quý Sửu - 1974



SIÊU LÝ CAO HỌC

Duyên *(Pacacaya hay Paccayo)* có nghĩa là trợ giúp làm cho các pháp khác sanh ra và đặng còn hoặc thêm vững mạnh. Có những câu *Pāḷi* chú giải như sau:

- *Paṭicca phalaṃ ayati etasmāti = paccayo:* Đặng thành tựu do nhờ pháp này, nên pháp này mới gọi là duyên (Pháp trợ giúp sanh ra là duyên).
- Và nữa: *Paṭicca phalaṃ eti gacchāti pavattati etasmāti = paccayo:* Kết quả đặng vững còn do nhờ pháp này thì pháp này mới gọi là duyên (sự ủng hộ cho còn hay vững mạnh, đó gọi là duyên).

Trước kể duyên, sau sẽ định nghĩa.

24 DUYÊN *(PACCAYO)*

1. *Hetupaccayo*	Nhân duyên
2. *Ārammaṇapaccayo*	Cảnh duyên
3. *Adhipatipaccayo*	Trưởng duyên
4. *Anantarapaccayo*	Vô gián duyên
5. *Samanantarapaccayo*	Đẳng vô gián duyên
6. *Sahajātapaccayo*	Câu sanh duyên
7. *Aññamaññapaccayo*	Hỗ tương duyên
8. *Nissayapaccayo*	Y chỉ duyên
9. *Upanissayapaccayo*	Cận y duyên
10. *Purejātapaccayo*	Tiền sanh duyên
11. *Pacchājātapaccayo*	Hậu sanh duyên
12. *Āsevanapaccayo*	Trùng dụng duyên
13. *Kammapaccayo*	Nghiệp duyên
14. *Vipākapaccayo*	Dị thục quả duyên
15. *Āhārapaccayo*	Vật thực duyên
16. *Indrīyapaccayo*	Quyền duyên
17. *Jhānapaccayo*	Thiền na duyên
18. *Maggapaccayo*	Đồ đạo duyên
19. *Sampayuttapaccayo*	Tương ưng duyên
20. *Vippayuttapaccayo*	Bất tương ưng duyên
21. *Atthipaccayo*	Hiện hữu duyên
22. *Natthipaccayo*	Vô hữu duyên
23. *Vikhatapaccayo*	Ly khứ duyên
24. *Avikhatapaccayo*	Bất ly duyên

47 DUYÊN *(PACCAYO)*

1. *Hetupaccayo*	Nhân duyên
2. *Ārammanapaccayo*	Cảnh duyên
3. *Ārammanādhipatipaccayo*	Cảnh trưởng duyên
4. *Sahajātādhipaccayo*	Câu sanh trưởng duyên
5. *Anantarapaccayo*	Vô gián duyên
6. *Samanantarapaccayo*	Đẳng vô gián duyên
7. *Sahajātapaccayo*	Câu sinh duyên
8. *Aññamaññapaccayo*	Hỗ tương duyên
9. *Sahajātanissayapaccayo*	Câu sanh y duyên
10. *Vatthupurejātanissayapaccayo*	Vật tiền sinh y duyên
11. *Vatthārammanapurejātanissayapaccayo*	Vật cảnh tiền sanh y duyên
12. *Ārammaṇūpanissayapaccayo*	Cảnh cận y duyên
13. *Anantarūpanissayapaccayo*	Vô gián cận y duyên
14. *Pakatūpanissayapaccayo*	Thường cận y duyên
15. *Vatthupurejātapaccayo*	Vật tiền sinh duyên
16. *Ārammaṇapurejātapaccayo*	Cảnh tiền sanh duyên
17. *Pacchājātapaccayo*	Hậu sanh duyên
18. *Āsevanapaccayo*	Trùng dụng duyên
19. *Sahajātakammapaccayo*	Câu sinh nghiệp duyên
20. *Nānakkhanikakammapaccayo*	Dị thời nghiệp duyên
21. *Vipākapaccayo*	Dị thục quả duyên
22. *Rūpa āhārapaccayo*	Sắc vật thực duyên
23. *Nāma āhārapaccayo*	Danh vật thực duyên
24. *Sahajātindrīyapaccayo*	Câu sinh quyền duyên
25. *Purejātindrīyapaccayo*	Tiền sanh quyền duyên
26. *Rūpajīvitindrīyapaccayo*	Sắc mạng quyền duyên
27. *Jhānapaccayo*	Thiền na duyên
28. *Maggapaccayo*	Đồ đạo duyên
29. *Sampayuttapaccayo*	Tương ưng duyên
30. *Sahajātavippayuttapaccayo*	Câu sinh bất tương ưng duyên
31. *Vatthupurejātavippayuttapaccayo*	Vật tiền sinh bất tương ưng duyên
32. *Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayo*	Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên
33. *Pacchājātavippayuttapaccayo*	Hậu sinh bất tương ưng duyên
34. *Sahajātatthipaccayo*	Câu sinh hiện hữu duyên
35. *Ārammaṇapurejātatthipaccayo*	Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên
36. *Vatthupurejātatthipaccayo*	Vật tiền sinh hiện hữu duyên
37. *Pacchājātatthipaccayo*	Hậu sinh hiện hữu duyên
38. *Āhāratthipaccayo*	Vật thực hiện hữu duyên
39. *Indrīyatthipacccayo*	Quyền hiện hữu duyên
40. *Natthipaccayo*	Vô hữu duyên
41. *Vikhatapaccayo*	Ly khứ duyên
42. *Sahajāta avikhatapaccayo*	Câu sinh bất ly duyên
43. *Ārammaṇapurejāta avikhatapaccayo*	Cảnh tiền sinh bất ly duyên
44. *Vatthupurejāta avikhatapaccayo*	Vật tiền sinh bất ly duyên
45. *Pacchājāta avikatapaccayo*	Hậu sanh bất ly duyên
46. *Āhāra avikhatapaccayo*	Vật thực bất ly duyên
47. *Indrīya avikhatapaccayo*	Quyền bất ly duyên

Duyên là mãnh lực trợ giúp và ủng hộ, có 2 cách:

- 1 là mãnh lực trợ cho đặng sanh ra, Pāḷi gọi là *janakasatti.*
- 2 là mãnh lực ủng hộ cho còn hoặc thêm mạnh, Pāḷi gọi là *upathambhakasatti.*

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

ĐỊNH NGHĨA 24 DUYÊN

1. Nhân duyên *(Hetupaccayo)*

Nhân có 4 thứ:

- 1 là "nhân nhân", Pāḷi gọi là *"hetu hetu"* tức là tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si; cũng gọi nhân tương ưng *(sampayuttahetu).*
- 2 là "duyên nhân", Pāḷi gọi là *"paccayahetu"* tức là sắc tứ đại minh làm nguyên-do cho sắc pháp đặng gọi là sắc uẩn.
- 3 là "chí thượng nhân", Pāḷi gọi là *"uttamahetu"* tức là nghiệp thiện, bất thiện tạo quả tốt, xấu…
- 4 là "phổ biến nhân", Pāḷi gọi là *"sadhāraṇahetu"* tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức v.v…

Nói nhân đây chỉ lấy nhân nhân *(hetu hetu)* tức là nhân tương ưng. Có những Pāḷi chú giải như vầy:

- *Hinoti patiṭṭhāti etthāti = hetu:* Những pháp thành tựu nhờ đây mà đặng vững vàng, chính đây là nhân.
- *Hetu ca so paccayo cāti = hetupaccayo:* Chính là nhân ấy trợ giúp, ủng hộ, cũng gọi là Nhân duyên
- *Mūlaṭṭhena upakārako dhammo = hetupaccayo:* Pháp mà ủng hộ, ý nghĩa như gốc rễ gọi là Nhân duyên.

(Rút trong bộ Paṭṭhāna aṭṭhakkathā).

2. Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo)*

Cảnh là bị tâm biết. Duyên là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ. Có những Pāḷi chú giải như vầy:

- *Citta cetasikehi ālambiyatīti = ārammaṇaṃ:* Pháp mà những tâm và sở hữu biết đặng gọi là cảnh.
- *Citta cetasikā āgantvā ramanti etthāti = ārammaṇaṃ:* Những tâm và sở hữu ưa đến đây mà, thì là cảnh.
- *Ā abhimukhaṃ ramanti etthāti = ārammaṇaṃ:* Pháp biết cảnh ưa đến trước mặt đây mà, thì là đối tượng.
- *Citta cetasike ālambatīti = ārammaṇaṃ:* Pháp nào mà tất cả tâm và sở hữu níu quớ, pháp ấy gọi là cảnh.

Thế nên, mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng lối cảnh, mới gọi là Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo).*

3. Trưởng duyên *(Adhipatipaccayo)*

Lớn trội hơn gọi là trưởng *(adhipati)*. Mãnh lực trợ giúp, ủng hộ gọi là duyên *(paccayo).* Có những Pāḷi chú giải như vầy:

- *Adhinānaṃ pati = adhipati:* Pháp trội hơn với những pháp tương ưng đó gọi là trưởng.
- *Adhipati ca so paccayo cāti = adhipatipaccayo:* Những pháp giúp bằng cách lớn lao hay trội hơn, đó gọi là Trưởng duyên.
- *Jetthakatthena upakārako dhammo = adhipatipaccayo:* Pháp mà trợ giúp bằng cách trội lớn hơn, đó gọi là Trưởng duyên.

4. Vô gián duyên (*Anantarapaccayo*)

Bất đoạn là không dứt hay không đứt *(anantara).* Duyên *(paccayo)* nghĩa như trước, về sau khỏi định nghĩa duyên. Có những Pāḷi chú giải như vầy:

- *Anantarayati antaraṃ karotīti = antaraṃ:* Những pháp mà ngăn chặn làm cho có cách khoảng, gọi là đoạn.
- *Natti yesaṃ antaranti = anantarā:* Những pháp mà không có gián đoạn, cách hở nhau, đó gọi là bất đoạn.
- *Anantarabhāvena upakārako dhammo = anantarapaccayo:* Những pháp trợ giúp bằng cách không gián đoạn, nên gọi là Vô gián duyên.

5. Đẳng vô gián duyên *(Samanantarapaccayo):* Là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách liên tiếp. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
   - *Sutthu anantarāti samanantarā:* Khít khao rành rạnh không cách khoảng gọi là liên tiếp.
   - *Samanantaraṃ hutvā upakārako dhammo = samanantarapaccayo:* Cách liên tiếp là ủng hộ nên gọi Đẳng vô gián duyên.

6. Câu sanh duyên *(Sahajātapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách đồng sanh. Có Pāḷi chú giải như vầy:
   - *Jāyatīti = jāto:* Có ra thì gọi là sanh.
   - *Saha jāto = sahajāto:* Sanh chung nhau một lượt là đồng sanh. (Và nữa):
   - *Paccayuppanena saha jāyatīti = sahajāto:* đồng sanh với sở duyên cũng gọi là đồng sanh.
   - *Sahajāto hutvā upakārako dhammo = sahajātapaccayo:* Pháp vừa đồng sanh vừa ủng hộ nhau, nên gọi là Câu sanh duyên.

7. Hỗ tương duyên *(Aññamaññapaccayo)* là mãnh lực ủng hộ, trợ giúp qua lại. Có Pāḷi chú giải như vầy:
   - *Aññamaññaṃ hutvā paccayo = aññamaññapaccayo:* Cách giúp qua giúp lại gọi là Hỗ tương duyên.

8. Y chỉ duyên *(Nissayapaccayo)* là chỗ nương nhờ của Pháp. Có những *Pāḷi* chú giải như vầy:
   - *Nissayanti etthāti = nissayo:* Pháp sở duyên nương nhờ nên đây gọi là y. (Và nữa):
   - *Adhiṭṭhānākāravasena vā nisssakāravasena vā paccayuppanna dhammehi siyate nissayatīti = nissayo:* (Hoặc) Pháp sở duyên nhờ ủng hộ hay nương đặng vững vàng nên gọi là y. (Và nữa):
   - *Adhiṭṭhānākārena nissayākārena ca upakārako dhammo = nissayapaccayo:* Pháp mà trợ giúp vững vàng và ủng hộ cho những pháp nương nhờ đó gọi là Y chỉ duyên.

9. Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng chỗ nương rất chịu mạnh. Có Pāḷi chú giải như vầy:
   - *Bhuso nissayo = upanissayo:* Chỗ nương mạnh mẽ gọi là đại y (Hoặc là):
   - *Balavarato nissayoti = upanissayo:* Chỗ nương có sức rất mạnh gọi là đại y.
   - *Upanisayabhāvena upakārako dhammo = upanissayapaccayo:* Những pháp làm nơi nương dựa, ủng hộ đặng rất mạnh mẽ, đó gọi là Cận y duyên (Hoặc):
   - *Palātarabhāvena upakārako dhammo = upanissayapaccayo:* Pháp thành chỗ nương nhờ ủng hộ rất có nhiều sức mạnh, nên gọi là Cận y duyên.

10. Tiền sanh duyên *(Purejātapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp bằng cách sanh trước. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
    - *Purejāyiddhāti = purejato:* Vì sanh trước nên gọi là tiền sanh.

- *Purejato ca so paccayo cāti = purejātapaccayo:* Sanh trước và làm duyên, nên gọi là Tiền sanh duyên.

11. Hậu sanh duyên *(Pacchājātapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sanh sau. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
    - *Pacchā jāyatīti = pacchājato:* sanh sau gọi là hậu sanh.
    - *Pacchājāto ca so paccayo cāti = pacchājātapaccayo:* sanh sau và làm duyên, đó gọi là Hậu sanh duyên.
    - *Pacchājāto hutvā upakārako dhammo = pacchājātapaccayo:* Sanh sau mà ủng hộ pháp sanh trước, như thế gọi là Hậu sanh duyên.

12. Trùng dụng duyên *(Āsevanapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp bằng cách hưởng cảnh hoài hoài. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
    - *Āpunappunaṃ sevanaṃ = āsevanaṃ:* Hưởng cảnh hoài hoài gọi là trùng dụng.
    - *Āsevati punappunaṃ pavattiti = āsevanaṃ:* Sanh trùng thứ hưởng hoài hoài gọi là trùng dụng.
    - *Āsevanaṃ ca taṃ paccataṃ cāti = āsevanapaccayaṃ:* Sự hưởng hoài hoài là duyên trợ hộ, đó gọi là Trùng dụng duyên.

13. Nghiệp duyên *(Kammapaccyo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sắp đặt hay đào tạo. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
    - *Karanaṃ kammaṃ:* Hành động gọi là nghiệp.
    - *Karoti patisaṅkharotīti = kammaṃ:* Sắp đặt tạo tác gọi là nghiệp.
    - *Kammaṃca taṃ paccayo cāti = kammapaccayaṃ:* Trợ giúp bằng cách sắp đặt hay tạo tác, đó gọi là Nghiệp duyên.

14. Dị thục quả duyên *(Vipākapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng tâm quả. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
    - *Pahayakapahātabbabhāvena aññamaññaviruthudhānaṃ kusalākusalānaṃpākāti = vipākā:* Pháp thành tựu của pháp nhân trái ngược với nhau bằng cách lợi hại tức là thiện và bất thiện. Nên những pháp thành tựu ấy gọi là quả (Hay là):
    - *Sāvajja anavajjabhāvena vā kañhasukkabhāvenava aññamaññavisiddhānaṃ kusalākusalanaṃ pakati = vipākā: quả* thiện và bất thiện khác hẳn nhau bằng cách lỗi phải hoặc đen trắng đều gọi là quả.
    - *Vipāko ca so paccayo cāti = vipākapaccayo:* Chính là quả làm duyên gọi rằng Dị thục quả duyên. (Và nữa):
    - *Vipaccanabhavena paccayo upakārakoti = vipākapaccayo:* Gọi Dị thục quả duyên là có ý nghĩa giúp cho thành tựu.

15. Vật thực duyên *(Āhārapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ như đem chất bổ dưỡng vào. Có những Pāḷi chú giải như vầy:
    - *Sakasakapaccayuppanne āharoti = āhāro:* Càng thâu hút đem lại thành tựu của mình nên gọi là vật thực.
    - *Rūpārūpānaṃ upadhambhakatthena upakāraka cattāro āhara = āhārapaccayo:* Tứ thực trợ giúp hộ cho danh sắc dinh dưỡng bổ thêm, nên gọi là Vật thực duyên.

16. Quyền duyên *(Indīyapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách cai quản. Có những Pāḷi chú giải như vầy:

- *Indati paramaissariyaṃ kārotīti = Indriyaṃ:* Cai quản rất tự do, làm như thế gọi là quyền.
- *Indriyañca taṃpaccayaṃcāti = Indriyapaccayaṃ:* Trợ giúp bằng cách quyền, nên gọi là Quyền duyên.
- *Issariyaḍḍhena adhipatiyaddhena vā upakāraka itthindrīya purisindrīyavajja visatindrīya = Indīyapaccayo:* Trừ trạng thái nam, trạng thái nữ, còn 20 pháp quyền hộ trợ bằng cách chủ trương hay lớn trội, thế gọi là Quyền duyên.

17. Thiền na duyên *(Jhānapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách thiêu đốt pháp nghịch hay là khắn khít với đề mục. Có những Pāḷi chú giải *(vacanattha)* như vầy:
- *Ārammaṇam jhayati upajjhāyatīti = Jhānaṃ:* Chong vào khắn khít cảnh đề mục gọi là thiền.
- *Jhānāñca taṃ paccayañcati = Jhānapaccayaṃ:* Trợ giúp bằng lối thiền, đó gọi là Thiền na duyên.
- *Ārammaṇaṃ upagantvā tasmin vā bhusaṃ daḷhaṃ nippattittavā viya jhāyanaḍḍhena olokanaddhena upakārako dhammo = Jhānapaccayo:* trợ giúp bằng cách chong vào, hít hoặc như dính cứng với cảnh, cách giúp như thế gọi là Thiền na duyên.

18. Đồ đạo duyên *(Maggapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách thông suốt lên xuống. Có những Pāḷi chú giải *(vacanattha)* như vầy:
- *Maggo viyāti = Maggo:* Những pháp như đường đi gọi là đạo.
- *Sugati dukkhatinaṃ nibbānassa ca abhimukhaṃ papānato = Maggo:* Đưa đến chốn khổ, chỗ vui và Níp-bàn gọi là đạo.
- *Maggabhāvena upakārako dhammo = Maggapaccayo:* Trợ giúp bằng cách đạo gọi là Đồ đạo duyên.

19. Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách hòa hợp.
   Có những Pāḷi chú giải *(vacanattha)* như vầy:
- *Samaṃ ekuppadatādipakārehi yuttaṃti = Sampayuttaṃ:* Hòa trộn đều với nhau, đồng sanh chung một lượt v.v… gọi là tương ưng.
- *Saṃpayuttabhāvena upakārako dhammo = Sampayuttapaccayo:* Pháp hộ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp gọi là Tương ưng duyên.

20. Bất tương ưng duyên (Bất hợp duyên) *(Vippayuttapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách không hòa trộn. Có những Pāḷi chú giải *(vacanattha)* như vầy:
- *Ekuppāda tādipakarehi na payuttanti = vippayuttaṃ:* Không hoà hợp sanh chung nhau … nên gọi là bất hợp hoặc bất tương ưng.
- *Vippayuttabhāvena upakārako dhammo = vippayuttapaccayo:* Pháp hộ trợ bằng cách không hòa hợp gọi là Bất tương ưng duyên.

21. Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp bằng cách đang còn.
   Có Pāḷi chú giải như vầy: *Paccuppannalakkhanena atthibhāvena tadisasseva dhammassa upathaṃbhakatthena upakārako dhammo = atthipaccayo:* Pháp trợ giúp, ủng hộ cho pháp sở duyên bằng cách đang còn mới gọi là Hiện hữu duyên.

22. Vô hữu duyên *(Natthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách không có.
   Có Pāḷi chú giải như vầy: *Paramatthasabhāvena natthitaya upakārako dhammo = natthipaccayo:* Pháp mà hộ trợ chơn tướng siêu lý bằng cách không có nên gọi là Vô hữu duyên.

23. Ly khứ duyên *(Vigatapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách lìa nhau.
Có Pāḷi chú giải như vầy: *Vigatabhāvena nirodhassa pattitāya upakārako dhammo = vigatapaccayo:* Pháp hộ trợ bằng cách diệt mất, xa lìa gọi là Ly khứ duyên.

24. Bất ly duyên *(Avigatapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách chưa lìa khỏi xa nhau.
Có Pāḷi chú giải như vầy: *Avigatabhāvena nirodhassa appattiyā tādisasseva dhammassa upathaṃbhakatthena upakārako dhammo = avigatapaccayo:* Pháp mà trợ giúp, ủng hộ cho pháp năng duyên bằng lối hiện còn, chưa diệt xa lìa nhau, gọi là Bất ly duyên.



ĐỊNH NGHĨA NHỮNG DUYÊN CHIA RA THEO RỘNG KHÔNG TRÙNG TRƯỚC

1. Cảnh trưởng duyên *(Ārammaṇādhipatipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cảnh mạnh, vững, lớn lao (duyên chia, ít có chú giải).
2. Câu sanh trưởng duyên *(Sahajātādhipatipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách đồng sanh lớn trội hơn pháp tương ưng.
3. Câu sanh y duyên *(Sahajātanissayapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách cho nương nhờ với sự đồng sanh (hay sự câu sanh).
4. Vật tiền sanh y duyên *(Vatthupurejātanissayapaccayo)* là sanh trước hộ trợ cho sanh sau nương nhờ.
5. Vật cảnh tiền sanh y duyên *(Vatthārammaṇapurejātanissayapaccayo)* là sanh trước và thành cảnh giúp cho tâm sanh sau nương nhờ bắt làm cảnh.
6. Cảnh cận y duyên *(Ārammaṇūpanissayapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ cho nương nhờ bằng cảnh rất mạnh.
7. Vô gián cận y duyên *(Anantarūpanissayapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách cho nương nhờ sự không gián đoạn.
8. Thường cận y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ cho nương nhờ bằng cách rất thuần thục chuyên môn thường làm hoài hoài cho đến quen thành nết.
9. Vật tiền sanh duyên *(Vatthupurejātapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách 6 vật (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý - sắc (hay vật)) sanh trước.
10. Cảnh tiền sanh duyên *(Ārammaṇapurejātapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sanh trước và thành cảnh.
11. Câu sanh nghiệp duyên *(Sahajātakammapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sở hữu tư *(cetanā)* sanh chung với tâm. Có Pāḷi chú giải: *Kāyaṅgavācaṅgacittaṅgābhisaṅkharaṇabhūtena cittappayogasaṅkhātena kiriyābhāvena-paccayo upakārakoti = kammapaccayo:* trợ giúp, ủng hộ bằng cách phối hợp tâm để nung đúc điều kiện thân, khẩu, ý nên gọi là Nghiệp duyên.
12. Dị thời nghiệp duyên *(Nānakkhanikakammapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách nghiệp khác thời kỳ. Có những Pāḷi chú giải:
    - *Nā nākhano = nānakkhano:* Sát-na khác nhau gọi là biệt thời.

- *Attano paccayuppannadhamma pavattikkhaṇato visuṃ bhūte atite nānākhanesiddhāti = nānakkhanikā:* Những pháp sở duyên thuộc về khi bình nhựt do thành tựu tiến hóa riêng khác Sát-na của mình đã qua như thế đều cũng gọi biệt thời.
- *Nānakkhaṇo pavattaṃ kammaṃ = nānakkhanikammaṃ:* Nghiệp sanh ra khác (nhau với) sát-na gọi là nghiệp biệt thời.
- *nānakkhaṇikakammaṃ hutvā upakārako dhammo = nānakkhaṇikakammapaccayo:* Pháp hộ trợ bằng cách nghiệp khác thời gian gọi là Dị thời nghiệp duyên.

13. Sắc vật thực duyên *(Rūpa āhārapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách chất bổ do miếng ăn v.v…

14. Danh vật thực duyên *(Nāma āhārapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách thâu hút đem cảnh lại mạnh hơn pháp đồng sanh, nên gọi là Danh vật thực duyên.

15. Câu sanh quyền duyên *(Sahajātindrīyapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách pháp quyền danh mà đồng sanh với pháp sở duyên hay là giúp bằng cách cai quản và đồng sanh.

16. Tiền sanh quyền duyên *(Purejātindrīyapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách cai quản ủng hộ.

    Có Pāḷi chú giải như vầy: *Purejāto hutvā indrīyabhāvena upakārako dhammo = purejātindrīyapaccayo:* Pháp hộ trợ bằng cách có quyền và sanh trước, thế gọi là Tiền sanh quyền duyên.

17. Sắc mạng quyền duyên *(Rūpajīvitindrīyapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ cho pháp khác bằng sự cai quản của sắc mạng quyền làm cho trong thân thể không hư hoại.

18. Câu sanh bất tương ưng duyên *(Sahajātavippayuttapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sanh đồng thời mà không hòa trộn nhau.

19. Vật tiền sanh bất tương ưng duyên *(Vatthupurejātavippayuttapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vật sanh trước giúp cho tâm sanh sau. (lẽ dĩ nhiên là tâm và sắc không bao giờ hòa trộn đặng).

20. Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên *(Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng 4 trạng thái:
    - 1 là giúp bằng cách vật (sắc ý vật).
    - 2 là giúp bằng cách cảnh.
    - 3 là giúp bằng cách sanh trước.
    - 4 là giúp bằng cách bất hợp (bất tương ưng).

21. Hậu sanh bất tương ưng duyên *(Pacchājātavippayuttapaccayo)* là mãnh lực trợ giúp bằng cách sanh sau mà không hòa trộn.

22. Câu sanh hiện hữu duyên *(Sahajātatthipaccayo)* là trợ giúp, ủng hộ bằng cách đồng sanh với nhau và đang còn.

23. Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên *(Ārammaṇapurejātatthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sanh trước mà còn và làm cảnh cho pháp sở duyên.

24. Vật tiền sanh hiện hữu duyên *(Vatthupurejātatthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách 6 vật (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vật (tim)) sanh trước và còn.

25. Hậu sanh hiện hữu duyên *(Pacchājātatthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sanh ra sau và còn.

26. Vật thực hiện hữu duyên *(Āhāratthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách chất bổ đang còn.

27. Quyền hiện hữu duyên *(Indrīyatthipaccayo)* là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ bằng cách sắc mạng quyền đang còn.

6 duyên sau đây trùng 6 duyên như vầy:

1. Câu sanh bất ly duyên giống như Câu sanh hiện hữu duyên.
2. Cảnh tiền sanh bất ly duyên giống như Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.
3. Vật tiền sanh bất ly duyên giống như Vật tiền sanh hiện hữu duyên.
4. Hậu sanh bất ly duyên giống như Hậu sanh hiện hữu duyên.
5. Vật thực bất ly duyên giống như Vật thực hiện hữu duyên.
6. Quyền bất ly duyên giống như Quyền hiện hữu duyên.

~~~~~~~~~~

24 DUYÊN CHIA THÀNH 47 DUYÊN.

∗ Trong 24 duyên có 14 duyên không chia là duyên số 1, 2, 4, 5, 6, 7, 11, 12, 14, 17, 18, 19, 22 và 23.

∗ Còn 10 duyên ngoài ra chia thành 33 duyên rộng như sau:

1) Trưởng duyên chia thành 2: Cảnh trưởng duyên, Câu sanh trưởng duyên.
2) Tiền sanh duyên chia thành 2: Vật tiền sanh duyên, Cảnh tiền sanh duyên.
3) Nghiệp duyên chia thành 2: Câu sanh nghiệp duyên, Dị thời nghiệp duyên.
4) Vật thực duyên chia thành 2: Sắc vật thực duyên, Danh vật thực duyên.

5) Y chỉ duyên chia thành 2 hoặc 3: Câu sanh y duyên, *Tiền sanh y duyên.*
Tiền sanh y duyên chia làm 2: Vật tiền sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên.

6) Cận y duyên chia thành 3: Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên.
7) Quyền duyên chia thành 3: Câu sanh quyền duyên, Tiền sanh quyền duyên, Sắc mạng quyền duyên.
8) Bất tương ưng duyên chia thành 4: Câu sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh bất tương ưng duyên.

9) Hiện hữu duyên chia thành 5 hoặc 6: Câu sanh hiện hữu duyên, *Tiền sanh hiện hữu duyên*, Hậu sanh hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Sắc mạng quyền hiện hữu duyên.
Tiền sanh hiện hữu duyên chia thành: Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên.

10) Bất ly duyên chia thành 5 hoặc 6: Câu sanh bất ly duyên, *Tiền sanh bất ly duyên*, Hậu sanh bất ly duyên, Vật thực bất ly duyên, Quyền bất ly duyên.
Tiền sanh bất ly duyên chia thành: Cảnh tiền sanh bất ly duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên.

Cho nên trong văn lục bát có nêu như vầy:

Bất ly còn hiện hai duyên,
Chia năm duyên nhỏ, Sanh tiền đồng sanh.
Đoàn thực sanh hậu phân rành,
Lại thêm sắc mạng quyền thành là năm.

~~~~~~~~~~

KẾ 12 DUYÊN TRÙNG

Như sau:

- Đẳng vô gián duyên trùng Vô gián duyên.
- Cảnh cận y duyên trùng Cảnh trưởng duyên.
- Vô gián cận y duyên trùng Vô gián duyên.
- Vật tiền sanh bất tương ưng duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.
- Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên trùng Vật Cảnh tiền sanh y duyên.
- Hậu sanh bất tương ưng duyên trùng Hậu sanh duyên.

Sáu duyên sau từ số 42-47 trùng sáu duyên trước từ 34-39.

Theo 47 duyên trùng 12 duyên, còn lại 35 duyên phải học chi pháp, câu lọc v.v… . Về sau, miễn nhắc những duyên trùng.

Theo lời giải của tập "Đại Xứ Giải" in kỳ sau, trang 475, hàng 18 về sau có nói như vầy: Bởi vì khi đức Phật ngài thuyết "Vô gián duyên" rồi, thì Ngài xét thấy căn cơ của chúng sanh cũng có bậc không thể tỏ ngộ dễ dàng. Vì thế nên Ngài mới nói luôn "Đẳng vô gián duyên", dù trùng chi pháp … nhưng cũng giúp thêm cho Vô gián duyên càng chặt chẽ, mà Ngài đổi tên Đẳng vô gián duyên càng rõ nghĩa lý hơn danh từ Vô gián duyên nữa (cũng như sắc pháp có nhiều tên vậy, ý lý trình bày nhiều khía cạnh).

Các duyên sau trùng, cũng lý như thế.

35 duyên còn lại không trùng. Trước sẽ kể chi pháp là pháp năng duyên, pháp sở duyên và pháp địch duyên.

- Pháp năng duyên tức là pháp duyên về phần mãnh lực trợ giúp, ủng hộ, cũng gọi là nhân.
- Pháp sở duyên về phần thành tựu kết quả do nhờ pháp năng duyên, cũng gọi là quả.
- Còn pháp địch duyên hoặc đối lập duyên là ngoài ra pháp sở duyên tức là không nương nhờ pháp năng duyên. Níp-bàn và chế định thường thuộc về pháp này, cũng gọi là ngoại quả.

Có những câu chú giải *(vacanaṭṭha)* như sau:

- Chú giải duyên tức là năng duyên đã có trước.
- Pāḷi chú giải sở duyên như vầy: *Paccayato uppannaṃ = paccayuppannaṃ:* Sanh ra từ nơi duyên gọi là sở duyên.
- 2 Câu Pāḷi chú giải địch duyên như vầy:
  - *Paccayuppannassa pativaruddhaṃ anikaṃ = paccanikaṃ:* Về phần trái nghịch với sở duyên gọi là địch hay đối lập.
  - *Paccyuppannena paccati virujjhatīti = paccaniko:* Nghịch lẫn với sở duyên nên gọi là địch hay đối lập.

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

CHI PHÁP

1/ **Nhân duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Nhân duyên: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si.
* Pháp sở duyên trong phần Nhân duyên: sắc tâm hữu nhân, sắc tái tục với tâm hữu nhân, tâm hữu nhân và sở hữu hợp (trừ si hợp tâm si).
* Pháp địch duyên trong phần Nhân duyên: 18 tâm vô nhân, 12 sở hữu tợ tha hợp, sở hữu si hợp tâm si, sắc âm dương[1], sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhựt, sắc nghiệp vô tưởng, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục với tâm vô nhân.

2/ **Cảnh duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Cảnh duyên: Những pháp bị tâm và sở hữu biết tức là tất cả pháp (tùy trường hợp).

  Bộ “Diệu Pháp Trác Tri” *(Abhidhammāvatāra)* nói:
  - Phàm phu không biết đặng tâm của bực sơ quả.
  - Bực sơ quả không biết đặng tâm của bực nhị quả.
  - Bực nhị quả không biết đặng tâm của bực tam quả.
  - Bực tam quả không biết đặng tâm của bực tứ quả.

  Tức là người bực thấp không biết đặng tâm của người bực cao. Người bực cao biết đặng tâm của người bực thấp.
* Pháp sở duyên trong phần Cảnh duyên: Tâm và sở hữu nhờ cảnh mới sanh và còn đặng.
* Pháp địch duyên trong phần Cảnh duyên: Tất cả sắc pháp.

3/ **Cảnh trưởng duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Cảnh trưởng duyên: Níp-bàn, sắc rõ thành cảnh tốt và cảnh 3 thời theo người ưa thích và 84 hoặc 116 tâm, 48 sở hữu hợp (trừ tâm sân, si, thân thức thọ khổ với sở hữu 3 tâm này).
* Pháp sở duyên trong phần Cảnh trưởng duyên: Tâm tham, tâm đại thiện, đại tố tương ưng, tâm siêu thế, 45 sở hữu (trừ vô lượng phần, sân phần và hoài nghi).
* Pháp địch duyên trong phần Cảnh trưởng duyên: 81 tâm hợp thế, 52 sở hữu hợp trong khi bắt cảnh không tốt hay không ưa thích và tất cả sắc pháp.

4/ **Câu sanh trưởng duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Câu sanh trưởng duyên: Pháp đang làm trưởng tức là 1 trong 4 pháp trưởng mà đang làm trưởng hay là một trong dục, cần, tâm, thẩm đang khi làm pháp trưởng, chỉ lấy trong phần tâm đồng lực nhị, tam nhân.
  - Trưởng kiên cố nhứt định.
  - Trưởng dục giới bất định.

  - Ở Dục giới thì 1 pháp làm trưởng.
  - Ở lộ kiên cố thì 4 pháp đồng làm trưởng.

  Tại sao pháp trưởng hiệp tâm dục giới thì 4 pháp trưởng thay đổi nhau? Còn với tâm đồng lực kiên cố thì 4 pháp trưởng làm trưởng đồng thời nhau!

  Xin thí dụ hiệp pháp và chỉ lý đo:

[1] sắc âm dương cũng còn gọi là sắc quí tiết.

Trạng thí dụ trưởng trong dục giới như đời thượng cổ trong rừng có 4 gia đình ở chung, có vợ con của 4 trưởng gia đình là 31 người, tùy thời công việc và trường hợp trong 4 người chỉ được thay phiên nhau 1 người làm trưởng.

Hiệp pháp:

- 4 trưởng gia đình đây tỷ như tứ trưởng.
- Còn vợ con cả 31, tỷ như sở hữu.

Lý do:

- Khi gặp cảnh ưa rất mạnh thì "dục" làm trưởng, còn 3 trưởng kia không được làm trưởng.
- Khi sốt sắn bằng tâm này như là ráng làm việc v.v… thì lúc ấy có "cần" làm trưởng, 3 trưởng kia không đặng làm trưởng lúc này.
- Khi tâm sáng suốt rất mạnh đang hiểu pháp lý, biết sự thắc mắc sâu xa cao siêu thì là "trí" làm trưởng, 3 trưởng kia như thường.
- Còn khi biết cảnh thì hành động theo v.v… mặc dù đủ 4 trưởng, nhưng dục, cần, trí tầm thường, chỉ có sự bắt cảnh trội hơn, nên "tâm" đặng làm trưởng, 3 trưởng kia cũng như thường.

Tỷ dụ có nhóm khác, 4 gia đình ở chung, tính hết chừng 37, tổ chức bình quyền mỗi ông gia trưởng đồng thời đều đặng làm trưởng với tất cả trong nhóm và đồng thời cũng có nhờ nhau như là 4 ông mỗi đêm đồng canh 4 cửa.

Hiệp pháp:

Bốn ông gia trưởng đồng quyền gác cửa là tỷ như tứ trưởng, người ở trong gia đình có 33, tỷ như sở hữu hợp chung.

Lý do:

Tứ trưởng hiệp đồng lực kiên cố đều đồng làm trưởng và đồng nhờ. Vì sự ưa thích, ráng đến, bắt cảnh và soi sáng, 4 phương diện này đều phải đồng trội hơn tâm dục giới.

* Pháp sở duyên trong phần Câu sanh trưởng duyên: sắc tâm trưởng, 52 hoặc 84 tâm đổng lực nhị, tam nhân và 51 sở hữu hợp (trừ pháp đang làm trưởng duyên).
* Pháp địch duyên trong phần Câu sanh trưởng duyên: Những pháp ngoài ra pháp sở duyên đã kể tức là tâm quả đáo đại, 54 tâm Dục giới khi nào thứ nào không thành pháp sở duyên; sắc tâm phi trưởng, sắc nghiệp, sắc âm dương, sắc vật thực và 43 sở hữu hợp, với 37 tâm vô trưởng và trí khi không làm trưởng.

(Hoặc phân nhứt định và bất định).

(Chi pháp trưởng duyên theo hợp như Câu sanh trưởng duyên).

5/ **Vô gián duyên:**

* Pháp năng duyên trong phần Vô gián duyên: Tâm và sở hữu sanh trước (chỉ trừ tâm tử của bực La-hán).
* Pháp sở duyên trong phần Vô gián duyên: Tất cả tâm và sở hữu sanh sau.
* Pháp địch duyên trong phần Vô gián duyên: Tất cả sắc pháp.

6/ **Đẳng vô gián duyên:**

Đẳng vô gián duyên trùng Vô gián duyên.

7/ **Câu sanh duyên:**

* Pháp năng duyên trong phần Câu sanh duyên: Tứ danh uẩn tức là tâm, sở hữu bình nhựt, tái tục theo cõi hữu tâm và sắc tứ đại minh tức là sắc tâm tứ đại, sắc tứ đại nghiệp tái tục, sắc tứ đại ngoại, sắc tứ đại vật thực, sắc tứ đại quí tiết, sắc tứ đại nghiệp vô tưởng, sắc tứ đại nghiệp bình nhựt và tứ danh uẩn tái tục theo cõi ngũ uẩn, tức là 2 tâm thẩm tấn thọ xả, 8 đại quả, 5 tâm quả sắc giới, 35 sở hữu hợp, luôn cả ý vật tái tục *(dịch theo văn).*

* Pháp sở duyên trong phần Câu sanh duyên: Tứ danh uẩn, tâm, sở hữu bình nhựt, tái tục theo cõi hữu tâm và tất cả sắc pháp như là sắc tâm, sắc tái tục, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương, sắc nghiệp vô tưởng, sắc nghiệp bình nhựt và tứ danh uẩn tái tục theo cõi ngũ uẩn là 2 tâm thẩm tấn thọ xả, 8 đại quả, 5 tâm quả sắc giới, 35 sở hữu hợp, luôn ý vật tái tục *(dịch theo văn).*

* Pháp địch duyên trong phần Câu sanh duyên: Không có pháp hữu vi vì pháp hữu vi không bao giờ sanh ra chỉ có 1, còn Níp-bàn và chế định khỏi kể.

8/ **Hỗ tương duyên**

* Pháp năng duyên và pháp sở duyên trong phần Hỗ tương duyên cũng như pháp năng duyên và pháp sở duyên trong phần Câu sanh duyên (là tứ danh uẩn, sắc tứ đại minh và sắc ý vật tái tục).

* Nhưng Hỗ tương duyên có pháp địch duyên là: sắc y sinh (trừ sắc ý vật tái tục là nhứt định. Còn sắc tứ đại tái tục và sắc ý vật tái tục đều bất định cả 3 cách, vì sắc ý vật tái tục hỗ tương với tâm tái tục, thời sắc tứ đại tái tục không hỗ tương. Nếu sắc ý vật tái tục không hỗ tương với tâm tái tục đặng, thì sắc tứ đại tái tục hỗ tương với nhau).
  Lý do:
  Sắc ý vật tái tục mạnh thì đặng hỗ tương với tâm tái tục, nếu yếu thì không đủ sức giúp nhau.
  Tỷ dụ cặp kèo rất lớn thời cột giữa không cần chịu mạnh. Vì nghiệp quả chúng sanh không đồng, nên sắc tim[2] có mạnh, yếu.

~~~~~~~~~~

Y duyên *(Nissayapaccayo)*

Chia thành 2:
- Câu sanh y duyên *(Sahajātanissayapaccayo).*
- Tiền sanh y duyên *(Purejātanissayapaccayo).*

Tiền sanh y duyên chia thành 2:
- Vật tiền sanh y duyên *(Vatthupurejātanissayapaccayo).*
- Vật cảnh tiền sanh y duyên *(Vatthārammanapurejātanissayapaccayo).*

9/ **Câu sanh y duyên**
- Câu sanh y duyên trùng Câu sanh duyên.

10/ **Vật tiền sanh y duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Vật tiền sanh y duyên có 4 cách:
  - Cách thứ nhứt: 6 vật, tức là Sát-na trụ của 6 sắc hữu vật.
  - Cách thứ hai: 5 vật tức là thần kinh nhãn[3], nhĩ, tỷ, thiệt, thân đồng sanh với tâm hộ kiếp vừa qua thứ nhứt và sắc ý vật đồng sanh với tâm sơ khởi và sắc ý vật sanh với cái tâm trước như là tâm tái tục v.v... .
  - Cách thứ ba: sắc ý vật sanh trong khi sơ xuất thiền diệt *(Nirodha).*

[2] sắc tim còn gọi là sắc ý vật.
[3] thần kinh nhãn hay còn gọi là nhãn thanh triệt.
~~~~~~~~~~

- Cách thứ tư: sắc hữu vật đồng sanh với tâm thứ 17, kể từ tâm tử trở lại.

* Pháp sở duyên trong phần Vật tiền sanh y duyên: Tức là những tâm nương vật, như nói:

Bốn mươi ba lẻ hàng hàng,
Nương nhờ hữu vật làm bằng chỗ mong.
Bốn mươi hai lẻ hoặc không,
Tứ quả vô sắc khỏi vòng dựa ai.

* Pháp địch duyên trong phần Vật tiền sanh y duyên: Tất cả sắc pháp và những tâm không nương vật nhứt định, bất định (vô lượng phần cũng bất định).

~~~~~~~~~~

11/ **Vật cảnh tiền sanh y duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Vật cảnh tiền sanh y duyên: sắc ý vật đồng sanh với tâm thứ 17, kể từ tâm tử đếm trở ngược lại.

* Pháp sở duyên trong phần Vật cảnh tiền sanh y duyên: Những tâm bắt sắc tìm làm cảnh, như là 16 sát-na tâm sanh trước tâm tử, 29 tâm đổng lực dục giới, 11 tâm na cảnh, khai ý môn, tâm thông khi hiện quyền lực thông và 44 sở hữu (trừ tật, lận, hối, giới phần, vô lượng phần).

* Pháp địch duyên trong phần Vật cảnh tiền sanh y duyên: Tất cả sắc pháp và tâm, sở hữu hợp (tùy khi)

~~~~~~~~~~

Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)*

Chia thành 3:
- Cảnh cận y duyên *(Ārammaṇūpanissayapaccayo).*
- Vô gián cận y duyên *(Anantarūpanissayapaccayo).*
- Thường cận y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo).*

12/ **Cảnh cận y duyên**

Cảnh cận y duyên trùng Cảnh trưởng duyên

13/ **Vô gián cân y duyên**

Vô gián cân y duyên trùng Vô gián duyên.

14/ **Thường cận y duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Thường cận y duyên: sắc pháp, tâm và sở hữu sanh trước trước có sức mạnh (trừ những chế định: Hư không, số tức quan, bất mỹ, hoàn tịnh, thể trược và danh).

* Pháp sở duyên trong phần Thường cận y duyên: Tâm và sở hữu sanh sau sau.

* Pháp địch duyên trong phần Thường cận y duyên: sắc pháp.

~~~~~~~~~~

Tiền sanh duyên *(Purejā)*

Chia thành 2:
- Vật tiền sanh *(Vaṭṭhupurejātapaccayo).*
- Cảnh tiền sanh (*Ārammaṇapurejātapaccayo).*

15/ **Vật tiền sanh**

Vật tiền sanh duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.

16/ **Cảnh tiền sanh duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Cảnh tiền sanh duyên: 18 sắc rõ hiện tại.
~~~~~~~~~~

* Pháp sở duyên trong phần Cảnh tiền sanh duyên: 54 tâm Dục giới, 2 tâm thông bắt cảnh sắc rõ hiện tại, 50 sở hữu (trừ vô lượng phần)
* Pháp địch duyên trong phần Cảnh tiền sanh duyên: Tất cả sắc pháp, 108 ý thức giới và 52 sở hữu hợp, sanh trong khi không bắt cảnh sắc rõ hiện tại.

~~~~~~~~~~

17/ **Hậu sanh duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Hậu sanh duyên: 117 tâm, 52 sở hữu hợp sanh sau (trừ tâm tái tục và 4 quả vô sắc). (có nhứt định và bất định).
* Pháp sở duyên trong phần Hậu sanh duyên: sắc 3 nhân, 4 nhân đang trụ. Do đồng sanh với tâm trước trước, như là tâm tái tục v.v... hay tất cả sắc pháp sanh theo thân ngũ uẩn (trừ tất cả sát-na sanh, diệt và sắc tiêu biểu).
* Pháp địch duyên trong phần Hậu sanh duyên: sát-na sanh của sắc ngoại, sắc nghiệp, sắc âm dương, sắc vật thực trong hữu tình và sắc tâm, tâm, sở hữu.

18/ **Trùng dụng duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Trùng dụng duyên: 47 tâm đổng lực hiệp thế, 52 sở hữu hợp (trừ đổng lực chót).
* Pháp sở duyên trong phần Trùng dụng duyên: 47 tâm đổng lực hiệp thế và đạo, 52 sở hữu hiệp sanh phía sau (trừ tâm đổng lực dục giới cái thứ nhứt).
* Pháp địch duyên trong phần Trùng dụng duyên: Tất cả sắc pháp, 2 tâm khai môn, 36 hoặc 52 tâm quả, tâm đổng lực dục giới thứ nhứt và 52 sở hữu.

~~~~~~~~~~

Nghiệp duyên *(Kammapaccayo)*

Chia thành 2:
- Câu sanh nghiệp duyên *(Sahajātakammapaccayo).*
- Dị thời nghiệp duyên *(Nānakkhanikakammapaccayo).*

19/ **Câu sanh nghiệp duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Câu sanh nghiệp duyên: Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tất cả tâm.
* Pháp sở duyên trong phần Câu sanh nghiệp duyên: sắc tâm, sắc nghiệp tái tục, tâm và 51 sở hữu (trừ sở hữu tư *(cetanā)*)
* Pháp địch duyên trong phần Câu sanh nghiệp duyên: sắc vật thực, sắc âm dương, sắc nghiệp bình nhựt, sắc nghiệp vô tưởng, sắc ngoại và sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tất cả tâm.

20/ **Dị thời nghiệp duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Dị thời nghiệp duyên: Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện và bất thiện quá khứ.
* Pháp sở duyên trong phần Dị thời nghiệp duyên: sắc nghiệp, tâm quả và 38 sở hữu hợp.
* Pháp địch duyên trong phần Dị thời nghiệp duyên: sắc tâm, sắc ngoại, sắc vật thực, sắc âm dương, tâm tố, tâm thiện, tâm bất thiện và 52 sở hữu hợp.

~~~~~~~~~~

21/ **Dị thục quả duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Dị thục quả duyên: Tâm quả và 38 sở hữu hợp.
~~~~~~~~~~

* Pháp sở duyên trong phần Dị thục quả duyên: sắc nghiệp tái tục, sắc tâm quả (không có sắc tiêu biểu) và tâm quả, 38 sở hữu hợp khi không làm duyên.
* Pháp địch duyên trong phần Dị thục quả duyên: sắc nghiệp bình nhựt, sắc nghiệp vô tưởng, sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, tâm tố, tâm thiện, tâm bất thiện, 52 sở hữu hợp và sắc tâm do những tâm vừa kể.

~~~~~~~~~~

Vật thực duyên *(Āhārapaccayo)*

Chia thành 2:
- Sắc vật thực duyên *(Rūpa āhārapaccayo).*
- Danh vật thực duyên *(Nāma āhārapaccayo).*

22/ **Sắc vật thực duyên**
* Pháp năng duyên trong phần sắc vật thực duyên: Tất cả Vật thực tức là chất bổ và chất dinh dưỡng.
* Pháp sở duyên trong phần sắc vật thực duyên: sắc do vật thực tạo và các sắc đồng bọn với sắc vật thực.
* Pháp địch duyên trong phần sắc vật thực duyên: Tâm, sở hữu và sắc tâm, sắc âm dương, sắc nghiệp, sắc ngoại.

23/ **Danh vật thực duyên**
* Pháp năng duyên trong phần Danh vật thực duyên: sở hữu xúc, sở hữu tư *(cetanā)* và tâm.
* Pháp sở duyên trong phần Danh vật thực duyên: tâm, sở hữu, sắc tâm và sắc nghiệp câu sanh với sở hữu xúc, sở hữu tư *(cetanā)* và tâm.
* Pháp địch duyên trong phần Danh vật thực duyên: sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhựt và sắc nghiệp vô tưởng.

~~~~~~~~~~

Quyền duyên *(Indrīyapaccayo)*

Chia thành 3:
- Câu sanh quyền duyên *(Sahajātindrīyapaccayo).*
- Tiền sanh quyền duyên *(Purejātindrīyapaccayo).*
- Sắc mạng quyền duyên *(Rūpajīvitindrīyapaccayo).*

24/ **Câu sanh quyền duyên**
* Pháp năng duyên trong phần Câu sanh quyền duyên: Trí, niệm, cần, tín, định, thọ, sở hữu mạng quyền và tâm.
* Pháp sở duyên trong phần Câu sanh quyền duyên: sắc nghiệp, sắc tâm và tâm, sở hữu đồng sanh với pháp quyền.
* Pháp địch duyên trong phần Câu sanh quyền duyên: sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhựt và sắc nghiệp vô tưởng.

25/ **Tiền sanh quyền duyên**
* Pháp năng duyên trong phần Tiền sanh quyền duyên: 5 sắc thanh triệt[4] đủ tuổi tức là sắc trụ vừa với lộ tâm 17 cái.
* Pháp sở duyên trong phần Tiền sanh quyền duyên: ngũ song thức và 7 sở hữu hợp.

[4] sắc thần kinh được đổi tên thành sắc thanh triệt.

* Pháp địch duyên trong phần Tiền sanh quyền duyên: Tất cả sắc pháp, 111 tâm, 52 sở hữu hợp (trừ ngũ song thức).

26/ **Sắc mạng quyền duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Sắc mạng quyền duyên: Tất cả sắc mạng quyền.
* Pháp sở duyên trong phần Sắc mạng quyền duyên: sắc nghiệp chung bọn với sắc mạng quyền.
* Pháp địch duyên trong phần Sắc mạng quyền duyên: Tâm, sở hữu, sắc tâm, sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực và sắc mạng quyền.

~~~~~~~~~~

27/ **Thiền na duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Thiền na duyên: Tầm, tứ, hỷ thọ, định, hiệp với 79 hoặc 111 tâm (trừ ngũ song thức).
* Pháp sở duyên trong phần Thiền na duyên: sắc tâm, sắc nghiệp tái tục hữu tâm, 79 hoặc 111 tâm, 52 sở hữu (trừ ngũ song thức).
* Pháp địch duyên trong phần Thiền na duyên: ngũ song thức, 7 sở hữu hợp, sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhựt và sắc nghiệp vô tưởng.

28/ **Đồ đạo duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Đồ đạo duyên: Sở hữu giới phần, niệm, trí, tà kiến và tầm, tứ, định hiệp với tâm hữu nhân.
* Pháp sở duyên trong phần Đồ đạo duyên: Tâm hữu nhân, 52 sở hữu hợp và sắc tâm hữu nhân, sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân.
* Pháp địch duyên trong phần Đồ đạo duyên: sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhựt, sắc nghiệp vô tưởng, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp tái tục với tâm vô nhân là 18 tâm vô nhân, 12 sở hữu hợp.

29/ **Tương ưng duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Tương ưng duyên: Tất cả tâm và sở hữu nói về phần giúp.
* Pháp sở duyên trong phần Tương ưng duyên: Cũng tất cả tâm và sở hữu nói về phần nhờ.
* Pháp địch duyên trong phần Tương ưng duyên: Tất cả sắc pháp.

~~~~~~~~~~

Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccayo)*

Chia thành 4:

- Câu sanh bất tương ưng duyên *(Sahajātavippayuttapaccayo).*
- Vật tiền sanh bất tương ưng duyên *(Vatthupurejātavippayuttapaccayo).*
- Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên *(Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayo).*
- Hậu sanh bất tương ưng duyên *(Pacchājātavippayuttapaccayo).*

30/ **Câu sanh bất tương ưng duyên**

* Pháp năng duyên trong phần Câu sanh bất tương ưng duyên: 78 hoặc 107 tâm, 52 sở hữu hợp giúp sắc tâm, sắc nghiệp tái tục hữu tâm (trừ ngũ song thức, quả vô sắc và tâm tử La-hán).
* Pháp sở duyên trong phần Câu sanh bất tương ưng duyên: sắc tâm, sắc nghiệp tái tục hữu tâm.

* Pháp địch duyên trong phần Câu sanh bất tương ưng duyên: sắc ngoại, sắc âm dương, sắc vật thực, sắc nghiệp bình nhựt, sắc nghiệp vô tưởng và tất cả tâm, 52 sở hữu hợp (trừ tâm tái tục cõi ngũ uẩn).

31/ **Vật tiền sanh bất tương ưng duyên**
Vật tiền sanh bất tương ưng duyên trùng Vật tiền sanh duyên.

32/ **Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên**
Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên trùng Vật cảnh tiền sanh y duyên.

33/ **Hậu sanh bất tương ưng duyên**
Hậu sanh bất tương ưng duyên trùng Hậu sanh duyên.

~~~~~~~~~~

Hiện hữu duyên *(Atthipaccayo)*

Chia thành 6 hoặc 5:
- Câu sanh hiện hữu duyên
- Tiền sanh hiện hữu:
  . Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên
  . Vật tiền sanh hiện hữu duyên
- Hậu sanh hiện hữu duyên
- Vật thực hiện hữu duyên
- Quyền hiện hữu duyên

34/ **Câu sanh hiện hữu duyên**
Câu sanh hiện hữu duyên trùng Câu sanh duyên.

35/ **Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên**
Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên trùng Cảnh tiền sanh duyên

36/ **Vật tiền sanh hiện hữu duyên**
Vật tiền sanh hiện hữu duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.

37/ **Hậu sanh hiện hữu duyên**
Hậu sanh hiện hữu duyên trùng Hậu sanh duyên.

38/ **Vật thực hiện hữu duyên**
Vật thực hiện hữu duyên trùng Sắc vật thực duyên.

39/ **Quyền hiện hữu duyên**
Quyền hiện hữu duyên trùng Sắc mạng quyền duyên

~~~~~~~~~~

40/ **Vô hữu duyên** *(Natthipaccayo)*
Vô hữu duyên trùng Bất đoạn duyên.

41/ **Ly khứ duyên** *(Vigatapaccayo)*
Ly khứ duyên trùng Bất đoạn duyên

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

Bất ly duyên *(Avigatapaccayo)*

Chia thành 6 hoặc 5:

- Câu sanh bất ly duyên.
- Tiền sanh bất ly:
  . Cảnh tiền sanh bất ly duyên.
  . Vật tiền sanh bất ly duyên.
- Hậu sanh bất ly duyên.
- Vật thực bất ly duyên.
- Quyền bất ly duyên.

42/ **Câu sanh bất ly duyên.**
Câu sanh bất ly duyên trùng Câu sanh duyên.

43/ **Cảnh tiền sanh bất ly duyên.**
Cảnh tiền sanh bất ly duyên trùng Cảnh tiền sanh duyên.

44/ **Vật tiền sanh bất ly duyên.**
Vật tiền sanh bất ly duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.

45/ **Hậu sanh bất ly duyên.**
Hậu sanh bất ly duyên trùng Hậu sanh duyên.

46/ **Vật thực bất ly duyên.**
Vật thực bất ly duyên trùng sắc vật thực duyên.

47/ **Quyền bất ly duyên.**
Quyền bất ly duyên trùng Sắc mạng quyền duyên.

~~~~~~~~~~

16 DUYÊN KHÔNG TRÙNG

1. Nhân duyên.
2. Cảnh duyên.
3. Câu sanh trưởng duyên.
4. Hỗ tương duyên.
5. Thường cận y duyên.
6. Trùng dụng duyên.
7. Câu sanh nghiệp duyên.
8. Dị thời nghiệp duyên.
9. Dị thục quả duyên.
10. Danh vật thực duyên.
11. Câu sanh quyền duyên.
12. Tiền sanh quyền duyên.
13. Thiền na duyên.
14. Đồ đạo duyên.
15. Tương ưng duyên.
16. Câu sanh bất tương ưng duyên.

~~~~~~~~~~

Duyên trùng 2 thứ có: 2 phần
Duyên trùng 3 thứ có: 3 phần
Duyên trùng 4 thứ có: 2 phần
Duyên trùng 5 thứ có: 2 phần

* Trùng 2 duyên phần thứ nhứt là
  - Vật cảnh tiền sanh y duyên,
  - Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.

* Trùng 2 duyên phần thứ nhì là
  - Cảnh trưởng duyên,
  - Cảnh cận y duyên.

* Trùng 3 duyên, phần thứ nhứt là
  - Cảnh tiền sanh duyên,
  - Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên,
  - Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

* Trùng 3 duyên, phần thứ nhì là
  - Sắc vật thực duyên,
  - Vật thực hiện hữu duyên,
  - Vật thực bất ly duyên.

* Trùng 3 duyên, phần thứ ba là
  - Sắc mạng quyền duyên,
  - Sắc mạng quyền hiện hữu duyên,
  - Sắc mạng quyền bất ly duyên.

* Trùng 4 duyên, phần thứ nhứt là
  - Câu sanh duyên,
  - Câu sanh y duyên,
  - Câu sanh hiện hữu duyên,
  - Câu sanh bất ly duyên.

* Trùng 4 duyên, phần thứ nhì là
  - Hậu sanh duyên,
  - Hậu sanh hiện hữu duyên,
  - Hậu sanh bất tương ưng duyên,
  - Hậu sanh bất ly duyên.

* Trùng 5 duyên, phần thứ nhứt là
  - Vật tiền sanh y duyên,
  - Vật tiền sanh duyên,
  - Vật tiền sanh bất tương ưng duyên,
  - Vật tiền sanh hiện hữu duyên,
  - Vật tiền sanh bất ly duyên.

* Trùng 5 duyên, phần thứ nhì là
  - Vô gián duyên,
  - Đẳng vô gián duyên,
  - Vô gián cận y duyên,
  - Vô hữu duyên,
  - Ly khứ duyên.

Chín phần trùng đủ 31 duyên. Cho nên cả lẻ và trùng gom lại có 25 phần, đã nêu chi pháp.



DUYÊN CHIA THEO ĐÔI

Trong 24 duyên, rút sắp đặng 5 đôi:

- 1 là *"Đôi nghĩa lý đồng nhau"*,
  Pāḷi gọi là *aṭṭhayuga* tức là Vô gián duyên và Đẳng vô gián duyên.
- 2 là *"Đôi âm thinh đồng nhau"*,
  Pāḷi gọi là *saddayuga* tức là Y chỉ duyên và Cận y duyên.
- 3 là *"Đôi nghịch thời với nhau",*
  Pāḷi gọi là *kalapati pakkhayuga* tức là Tiền sanh duyên và Hậu sanh duyên.
- 4 là *"Đôi nghịch tư cách với nhau"*,
  Pāḷi gọi *aññoñña patipakkhayuga* tức là Tương ưng duyên và Bất tương ưng duyên.
- 5 là *"Đôi nhân với quả"*,
  Pāḷi gọi là *hetuppaphalayuga,* tức là Dị thời nghiệp duyên và Dị thục quả duyên.



DUYÊN CHIA THEO GIỐNG

24 hoặc 47 duyên, phân theo 9 giống (Jāti):

- 1 là **giống câu sanh** có 15 duyên: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Dị thục quả duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.
- 2 là **giống cảnh** có 8 duyên: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên và Cảnh tiền sanh bất ly duyên.
- 3 là **giống vô gián** có 7 duyên: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Trùng dụng duyên, Dị thời nghiệp, Thường cận y duyên (chỉ sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm đạo), Vô hữu duyên và Ly khứ duyên.
- 4 là **giống vật tiền sanh** có 6 duyên: Vật tiền sanh duyên, Vật tiền sanh y duyên, Tiền sanh quyền duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên và Vật tiền sanh bất ly duyên.
- 5 là **giống hậu sanh** có 4 duyên: Hậu sanh duyên, Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên và Hậu sanh bất ly duyên.
- 6 là **giống vật thực** có 3 duyên: Sắc vật thực duyên, Vật thực hiện hữu duyên và Vật thực bất ly duyên.
- 7 là **giống sắc mạng quyền** có 3 duyên: Sắc mạng quyền duyên, Sắc mạng quyền hiện hữu duyên và Sắc mạng quyền bất ly duyên.
- 8 là **giống thường cận y** có 2 duyên:

  <u>Duyên thứ nhứt</u> thuần túy là Thường cận y duyên (tức là tâm, sở hữu sanh trước và sắc với chế định có sức mạnh có thể trợ giúp tâm và sở hữu sanh sau đặng).

Duyên thứ hai là Dị thời Thường cận y hỗn hợp duyên tức là sở hữu tư *(cetanā)* làm nghiệp có sức mạnh có thể trợ giúp cho danh uẩn quả đặng (trừ sở hữu tư *(cetanā)* hợp tâm đạo).

- 9 là **giống nghiệp dị thời** có 1 duyên: Dị thời nghiệp duyên, sở hữu tư *(cetanā)* quá khứ để mãnh lực lại tạo sắc nghiệp và mãnh lực yếu trợ tạo tâm quả Dục giới.

~~~~~~~~~~~

DUYÊN CHIA THEO CÕI

∗ Cõi ngũ uẩn có đủ 24 hoặc 47 duyên.

∗ Cõi tứ uẩn đặng 21 hoặc 25 duyên, là

1. Nhân duyên.
2. Cảnh duyên.
3. Trưởng duyên (Cảnh trưởng duyên, Câu sanh trưởng duyên).
4. Đẳng vô gián duyên.
5. Vô gián duyên.
6. Câu sanh duyên.
7. Hỗ tương duyên.
8. Câu sanh y duyên.
9. Cận y duyên (Cảnh cận y duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên).
10. Trùng dụng duyên.
11. Nghiệp duyên (Câu sanh nghiệp duyên, Dị thời nghiệp duyên).
12. Dị thục quả duyên.
13. Danh vật thực duyên.
14. Câu sanh quyền duyên.
15. Thiền na duyên.
16. Đồ đạo duyên.
17. Tương ưng duyên.
18. Câu sanh hiện hữu duyên.
19. Vô hữu duyên.
20. Ly khứ duyên.
21. Câu sanh bất ly duyên.

∗ Cõi nhứt uẩn đặng 7 duyên:

1. Câu sanh duyên.
2. Hỗ tương duyên.
3. Câu sanh y duyên.
4. Dị thời nghiệp duyên.
5. Sắc mạng quyền duyên.
6. Sắc mạng quyền hiện hữu duyên.
7. Sắc mạng quyền bất ly duyên.

∗ Duyên sanh cho vật vô mạng căn đặng 5:

1. Câu sanh duyên.
2. Hỗ tương duyên.
3. Câu sanh y duyên.
4. Câu sanh hiện hữu duyên.
5. Câu sanh bất ly duyên.

∗ Duyên sanh đủ cho mỗi cõi, có 4:

1. Câu sanh duyên.
2. Y chỉ duyên (Câu sinh y duyên).
~~~~~~~~~~~

3. Hiện hữu duyên.
4. Bất ly duyên.

Bốn duyên này là chỗ chịu của tất cả pháp hữu vi, nên không pháp hữu vi nào thiếu.

~~~~~~~~~~

DUYÊN CHIA THEO THỜI

* Thời hiện tại có 17 hoặc 36 duyên:
  1. Nhân duyên
  2. Câu sanh trưởng duyên
  3. Trưởng duyên
  4. Hỗ tương duyên
  5. Y chỉ duyên (Câu sanh y duyên, Vật tiền sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên).
  6. Tiền sanh duyên (Vật tiền sanh duyên, Cảnh tiền sanh duyên)
  7. Hậu sanh duyên
  8. Câu sanh nghiệp duyên
  9. Dị thục quả duyên
  10. Vật thực duyên (Sắc vật thực, Danh vật thực).
  11. Quyền duyên (Câu sanh quyền duyên, Tiền sanh quyền duyên và Sắc mạng quyền duyên).
  12. Thiền na duyên
  13. Đồ đạo duyên
  14. Tương ưng duyên
  15. Bất tương ưng duyên (Câu sanh duyên, Vật tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh duyên).
  16. Hiện hữu duyên (Câu sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên, Vật thực hiện hữu duyên, Sắc mạng quyền hiện hữu duyên).
  17. Bất ly duyên (Câu sanh bất ly duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên, Hậu sanh bất ly duyên, Vật thực bất ly duyên, Sắc mạng quyền bất ly duyên).

* Thời quá khứ và vị lai có 2 duyên:
  - 1 là Cảnh trưởng duyên,
  - 2 là Cảnh cận y duyên.

* Thời quá khứ, vị lai và ngoại thời có 2 duyên:
  - 1 là Cảnh duyên,
  - 2 là Thường cận y duyên.

~~~~~~~~~~

DUYÊN CHIA THEO DANH SẮC

* Danh trợ danh có 7 duyên:
  - 1 là Vô gián duyên 1
  - 2 là Đẳng vô gián duyên 2
  - 3 là Vô gián cận y duyên
  - 4 là Trùng dụng duyên 3
  - 5 là Tương ưng duyên 4
  - 6 là Vô hữu duyên 5

- 7 là Ly khứ duyên 6

* Danh trợ sắc có 4 duyên:
  - 1 là Hậu sanh duyên 1
  - 2 là Hậu sanh bất tương ưng duyên
  - 3 là Hậu sanh hiện hữu duyên
  - 4 là Hậu sanh bất ly duyên.

* Danh trợ danh sắc có 9 duyên:
  - 1 là Nhân duyên 1
  - 2 là Câu sanh trưởng duyên
  - 3 là Câu sanh nghiệp duyên... 2
  - 4 là Dị thời nghiệp duyên
  - 5 là Dị thục quả duyên 3
  - 6 là Danh vật thực duyên
  - 7 là Câu sanh quyền duyên
  - 8 là Thiền na duyên 4
  - 9 là Đồ đạo duyên 5

* Sắc trợ sắc có 6 duyên:
  - 1 là Sắc vật thực duyên
  - 2 là Sắc mạng quyền duyên
  - 3 là Vật thực hiện hữu duyên
  - 4 là Sắc mạng quyền hiện hữu duyên
  - 5 là Vật thực bất ly duyên
  - 6 là Sắc mạng quyền bất ly duyên.

* Sắc trợ danh có 11 duyên:
  - 1 là Vật tiền sanh y duyên.
  - 2 là Vật cảnh tiền sanh y duyên.
  - 3 là Vật tiền sanh duyên.
  - 4 là Cảnh tiền sanh duyên.
  - 5 là Tiền sanh quyền duyên.
  - 6 là Vật tiền sanh bất tương ưng duyên.
  - 7 là Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.
  - 8 là Vật tiền sanh hiện hữu duyên.
  - 9 là Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.
  - 10 là Vật tiền sanh bất ly duyên.
  - 11 là Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

* Sắc làm duyên cho danh sắc: Không có duyên nào.

* Danh sắc trợ cho danh được 2 duyên:
  - 1 là Cảnh trưởng duyên.
  - 2 là Cảnh cận y duyên.

* Danh sắc trợ cho sắc cũng không có duyên nào.

* Danh sắc trợ cho danh sắc có 6 duyên:
  - 1 là Câu sanh duyên. 1
  - 2 là Hỗ tương duyên. 2
  - 3 là Câu sanh y duyên.

- 4 là Câu sanh bất tương ưng duyên.
- 5 là Câu sanh hiện hữu duyên.
- 6 là Câu sanh bất ly duyên.

∗ Chế định và danh sắc trợ cho danh đặng 2 duyên :
- 1 là Cảnh duyên
- 2 là Thường cận y duyên.

∗ Chế định và danh sắc trợ cho sắc: Không có duyên nào cả.

~~~~~~~~~~

Danh phò danh đặng sáu thiên,
Danh phò danh sắc Phật truyền có năm,
Danh phò sắc một chớ lầm,
Sắc phò danh một nghĩa nhằm kệ trên.
Chế định cùng với sắc tên,
Trợ cho danh pháp đặng nên hai phần,
Danh sắc đồng trợ chín nhân,
Giúp nhau tính cả gồm phân sáu miền.

Kệ Pāḷi như vầy:

Chadhā nāmantu nāmassa *Pañcadhā māncrūpīnaṃ*
Ekadhā puna rūpassa *Rūpaṃ nāmassa cekadā*
Paññattināmarūpāni *Nāmassa duvidhā dvayaṃ*
Dvayassa navadhā ceti *Chabbidhā paccayā kathaṃ*

~~~~~~~~~~

Theo đây danh sắc trợ cho danh sắc có 9 duyên.

- 1 là Trưởng duyên.
- 2 là Câu sanh duyên.
- 3 là Hỗ tương duyên.
- 4 là Y duyên.
- 5 là Vật thực duyên.
- 6 là Quyền duyên.
- 7 là Bất tương ưng duyên.
- 8 là Hiện hữu duyên.
- 9 là Bất ly duyên.

Bản đồ chữ Thái Lan cũng để 9 duyên có phần phỏng định và sơ lược.

~~~~~~~~~~

DUYÊN CHIA THEO MÃNH LỰC

∗ Mãnh lực trợ sanh có 8 duyên: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Dị thời nghiệp duyên, Trùng dụng duyên, Vô hữu duyên và Ly khứ duyên.

∗ Mãnh lực ủng hộ có 4 duyên: Hậu sanh duyên, Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên và Hậu sanh bất ly duyên.

∗ Còn mãnh lực trợ sanh và ủng hộ có 35 duyên, ngoài ra 12 duyên đã kể.

(Người và lộ tâm trong sách không phân mà kể theo câu lọc).
~~~~~~~~~~

~~~~~~~~~~

PHÂN DUYÊN HỢP TRỢ

(Ghaṭanā)

* Nhân duyên có thêm 11 duyên hợp trợ:
  1. Câu sanh trưởng duyên.
  2. Câu sanh duyên.
  3. Hỗ tương duyên.
  4. Câu sanh y duyên.
  5. Dị thục quả duyên.
  6. Câu sanh quyền duyên.
  7. Đồ đạo duyên.
  8. Tương ưng duyên.
  9. Câu sanh bất tương ưng duyên.
  10. Câu sanh hiện hữu duyên.
  11. Câu sanh bất ly duyên.

* Cảnh duyên có thêm 7 duyên hợp trợ:
  1. Cảnh trưởng duyên
  2. Vật cảnh tiền sanh y duyên
  3. Cảnh cận y duyên
  4. Cảnh tiền sanh duyên
  5. Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.
  6. Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.
  7. Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

* Cảnh trưởng duyên có thêm 7 duyên hợp trợ:
  1. Cảnh duyên.
  2. Vật cảnh tiền sanh y duyên.
  3. Cảnh cận y duyên.
  4. Cảnh tiền sanh duyên.
  5. Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.
  6. Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.
  7. Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

* Câu sanh trưởng duyên có thêm 12 duyên hợp trợ:
  1. Nhân duyên
  2. Câu sanh duyên
  3. Hỗ tương duyên
  4. Câu sanh y duyên
  5. Dị thục quả duyên
  6. Danh vật thực duyên
  7. Câu sanh quyền duyên
  8. Đồ đạo duyên
  9. Tương ưng duyên
  10. Câu sanh bất tương ưng duyên
  11. Câu sanh hiện hữu duyên
  12. Câu sanh bất ly duyên.

* Vô gián duyên có 6 duyên hợp trợ:
  1: Đẳng vô gián duyên
  2. Vô gián cận y duyên
  3. Trùng dụng duyên
  4. Dị thời nghiệp duyên
  5. Vô hữu duyên
  6. Ly khứ duyên.

* Câu sanh duyên có 7 duyên hợp trợ:
  1. Hỗ tương duyên
  2. Câu sanh y duyên
  3. Dị thục quả duyên
  4. Tương ưng duyên
  5. Câu sanh bất tương ưng duyên
  6. Câu sanh hiện hữu duyên
  7. Câu sanh bất ly duyên.

* Hỗ tương duyên có 7 duyên hợp trợ:
  1. Câu sanh duyên
  2. Câu sanh y duyên
  3. Dị thục quả duyên.
  4. Tương ưng duyên.
  5. Câu sanh bất tương ưng duyên.
  6. Câu sanh hiện hữu duyên.
  7. Câu sanh bất ly duyên.

* Vật tiền sanh y duyên có 8 duyên hợp trợ:
  1. Cảnh tiền sanh y duyên.
  2. Cảnh duyên.
  3. Cảnh trưởng duyên.
  4. Cảnh cận y duyên.
  5. Vật tiền sanh duyên.
  6. Vật tiền sanh bất tương ưng duyên.
~~~~~~~~~~

7. Vật tiền sanh hiện hữu duyên.
8. Vật tiền sanh bất ly duyên.

∗ Vật cảnh tiền sanh y duyên có 7 duyên hợp trợ:
1. Cảnh duyên.
2. Cảnh trưởng duyên.
3. Cảnh cận y duyên.
4. Cảnh tiền sanh duyên.
5. Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.
6. Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên.
7. Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

∗ Thường cận y duyên có 1 duyên hợp trợ:
1. Dị thời nghiệp duyên.

∗ Cảnh tiền sanh duyên có 7 duyên hợp trợ:
1. Cảnh duyên
2. Cảnh trưởng duyên
3. Vật cảnh tiền sanh y duyên
4. Cảnh cận y duyên
5. Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên
6. Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên
7. Cảnh tiền sanh bất ly duyên

∗ Hậu sanh duyên có 3 duyên hợp trợ:
1. Hậu sanh bất tương ưng duyên.
2. Hậu sanh hiện hữu duyên.
3. Hậu sanh bất ly duyên.

∗ Trùng dụng duyên có 5 duyên hợp trợ:
1. Vô gián duyên.
2. Đẳng vô gián duyên.
3. Vô gián cận y duyên.
4. Vô hữu duyên.
5. Ly khứ duyên.

∗ Câu sanh nghiệp duyên có 9 duyên trợ hợp:
1. Câu sanh duyên.
2. Hỗ tương duyên.
3. Câu sanh y duyên.
4. Dị thục quả duyên.
5. Danh vật thực duyên.
6. Tương ưng duyên.
7. Câu sanh bất tương ưng duyên.
8. Câu sanh hiện hữu duyên.
9. Câu sanh bất ly duyên

∗ Dị thời nghiệp duyên có 6 duyên hợp trợ:
1. Vô gián duyên
2. Đẳng vô gián duyên
3. Vô gián cận y duyên
4. Thường cận y duyên
5. Vô hữu duyên
6. Ly khứ duyên

∗ Dị thục quả duyên có 7 duyên hợp trợ:
1. Câu sanh duyên
2. Hỗ tương duyên
3. Câu sanh y duyên
4. Tương ưng duyên
5. Câu sanh bất tương ưng duyên
6. Câu sanh hiện hữu duyên
7. Câu sanh bất ly duyên.

∗ Sắc vật thực duyên có 2 duyên hợp trợ:
1. Sắc vật thực hiện hữu duyên
2. Sắc vật thực bất ly duyên.

∗ Danh vật thực duyên có 11 duyên hợp trợ:
1: Câu sanh trưởng duyên
2. Câu sanh duyên
3. Hỗ tương duyên
4. Câu sanh y duyên
5. Câu sanh nghiệp duyên
6. Dị thục quả duyên
7. Câu sanh quyền duyên
8. Tương ưng duyên
9. Câu sanh bất tương ưng duyên
10. Câu sanh hiện hữu duyên
11. Câu sanh bất ly duyên.

* Câu sanh quyền duyên có 13 duyên hợp trợ:
  1. Nhân duyên
  2. Câu sanh trưởng duyên
  3. Câu sanh duyên
  4. Hỗ tương duyên
  5. Câu sanh y duyên
  6. Dị thục quả duyên
  7. Danh vật thực duyên
  8. Thiền na duyên
  9. Đồ đạo duyên
  10. Tương ưng duyên
  11. Câu sanh bất tương ưng duyên
  12. Câu sanh hiện hữu duyên
  13. Câu sanh bất ly duyên

* Tiền sanh quyền duyên có 5 duyên hợp trợ:
  1. Vật tiền sanh y duyên
  2. Vật tiền sanh duyên
  3. Vật tiền sanh bất tương ưng duyên
  4. Vật tiền sanh hiện hữu duyên
  5. Vật tiền sanh bất ly duyên

* Sắc mạng quyền duyên có 2 duyên hợp trợ:
  1. Sắc mạng quyền hiện hữu duyên
  2. Sắc mạng quyền bất ly duyên.

* Thiền na duyên có 10 duyên hợp trợ:
  1. Câu sanh duyên
  2. Hỗ tương duyên
  3. Câu sanh y duyên
  4. Dị thục quả duyên
  5. Câu sanh quyền duyên
  6. Đồ đạo duyên
  7. Tương ưng duyên
  8. Câu sanh bất tương ưng duyên
  9. Câu sanh hiện hữu duyên
  10. Câu sanh bất ly duyên.

* Đồ đạo duyên có 12 duyên hợp trợ:
  1. Nhân duyên
  2. Câu sanh trưởng duyên
  3. Câu sanh duyên
  4. Hỗ tương duyên
  5. Câu sanh y duyên
  6. Dị thục quả duyên
  7. Câu sanh quyền duyên
  8. Thiền na duyên
  9: Tương ưng duyên
  10. Câu sanh bất tương ưng duyên.
  11. Câu sanh hiện hữu duyên.
  12. Câu sanh bất ly duyên.

* Tương ưng duyên có thêm 6 duyên hợp trợ:
  1. Câu sanh duyên.
  2. Hỗ tương duyên.
  3. Câu sanh y duyên.
  4. Dị thục quả duyên.
  5. Câu sanh hiện hữu duyên.
  6. Câu sanh bất ly duyên.

* Câu sanh bất tương ưng duyên có thêm 6 duyên hợp trợ:
  1. Câu sanh duyên.
  2. Hỗ tương duyên.
  3. Câu sanh y duyên.
  4. Dị thục quả duyên.
  5. Câu sanh hiện hữu duyên.
  6. Câu sanh bất ly duyên.

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

PHẦN HIỆP TRỢ
(GHAṬANĀ)

NHÂN DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Nhân duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo* - pháp thiện trợ pháp thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp thiện năng duyên đây là: vô tham, vô sân và vô si hợp tâm thiện.
- Pháp thiện sở duyên đây là: tâm thiện và sở hữu hợp.

Trích yếu: Nhân thiện năng duyên, thì uẩn tương ưng sở duyên.

Duyên hợp trợ: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

Thời: bình nhựt (ngoài ra tái tục và tử).
Cõi: hữu tâm.
Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu lọc thứ hai trong Nhân duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo* - pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.
- Pháp thiện năng duyên đây là vô tham, vô sân và vô si hợp tâm thiện.
- Pháp vô ký sở duyên đây là: sắc tâm thiện.

Trích yếu: Nhân thiện năng duyên, thời sắc tâm thiện sở duyên.

Duyên hợp trợ: ít hơn câu trước 1 duyên là Hỗ tương duyên và Tương ưng duyên, thêm Câu sanh bất tương ưng duyên.

Cõi, thời, người và lộ tâm như trước.

3. Câu lọc thứ ba trong Nhân duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng Nhân duyên.
- Thiện năng duyên đây là vô tham, vô sân và vô si hợp tâm thiện (sanh cõi ngũ uẩn).
- Thiện và vô ký sở duyên đây là tâm thiện, sở hữu hợp và sắc tâm thiện.

Trích yếu: Nhân thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm thiện bằng Nhân duyên.

Duyên hợp trợ: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt
- Cõi: ngũ uẩn
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý v.v... tùy trường hợp.

4. Câu lọc thứ tư trong Nhân duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Nhân duyên.
- Pháp bất thiện năng duyên đây là tham, sân, si.
- Pháp bất thiện sở duyên đây là tâm bất thiện và sở hữu hợp (trừ si hợp tâm si)

Trích yếu: Nhân bất thiện trợ uẩn tương ưng bằng Nhân duyên.

Duyên hợp trợ với Nhân duyên như là Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý.

5. Câu lọc thứ năm trong Nhân duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Nhân duyên.

- Bất thiện năng duyên đây là 3 nhân bất thiện.
- Vô ký sở duyên đây là sắc tâm bất thiện.

Câu tiếp theo: nhân bất thiện năng duyên, sắc tâm bất thiện sở duyên (có trong Chánh Tạng)

Hợp trợ *(Ghaṭanā)* Nhân duyên theo câu lọc thứ 5: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: khi bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý.

6. Câu lọc thứ sáu trong Nhân duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayenapaccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Nhân duyên.

Câu tiếp theo: nhân bất thiện năng duyên, thời pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện sở duyên (có trong Chánh Tạng).

- Năng duyên đây là tham, sân, si.
- Sở duyên đây là sắc tâm bất thiện, 12 tâm bất thiện và 27 sở hữu hợp (trừ si hợp tâm si).

Hợp trợ Nhân duyên trong câu lọc thứ 6: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý.

7. Câu lọc thứ bảy trong Nhân duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Nhân duyên.

Câu tiếp theo: nhân vô ký năng duyên, thời pháp vô ký nương nhân sở duyên (có trong Chánh Tạng)

- Pháp vô ký năng duyên đây là vô tham, vô sân và vô si hợp với tâm vô ký.
- Pháp vô ký sở duyên đây là 38 hoặc 54 tâm vô ký hữu nhân, 38 sở hữu hợp và sắc tâm vô ký hữu nhân.

Hợp trợ Nhân duyên Câu lọc thứ 7 (câu này ẩn ý hoặc 3 câu): Câu sanh duyên, Câu sanh trưởng duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: Tái tục, bình nhựt và tử.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: phàm vui, 4 Thánh quả (tâm vô ký hữu nhân không sanh cho người khổ)
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và ngoại lộ.

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

CẢNH DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Cảnh duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa arammaṇapaccayena paccayo* - pháp thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

- Thiện năng tri đây là đại thiện và 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).
- Thiện sở tri đây là tất cả tâm thiện và 38 sở hữu hợp.

Câu phụ *(anuvāda)* - (có trong Chánh Tạng)

a) Người bố thí, thọ trì giới 5, giới 8, rồi nhớ lại tâm thiện tạo trước đây là 8 đại thiện, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Thiện nhớ đây là 8 đại thiện, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).

b) Tâm thiện nhớ tâm thiện đã từng hay làm trước kia. Năng, sở như câu a.

c) Khi xuất thiền nhớ lại.

- Thiện năng tri đây là 8 đại thiện, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).
- Thiện sở tri đây là 9 thiện đáo đại và 35 sở hữu hợp.

d) Bực quả hữu học nhớ cái tâm bỏ bực hay tiến bực.

- Thiện làm việc bỏ bực, tiến bực đây là: 4 đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).
- Tâm thiện nhớ lại cũng là đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).

e) Phản khán đạo hữu học.

- Phản khán đây là 4 đại thiện tương ưng và 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).
- Đạo hữu học đây là sơ, nhị, tam đạo.

f) Phàm, 3 quả hữu học. Quán thấy thiện bằng vô thường, khổ não, vô ngã.

Thiện bị thấy đây là 17 tâm thiện hợp thế, 38 sở hữu hợp của phàm và quả hữu học đã từng sanh và gần sẽ sanh.

Còn thiện quán thấy đây là đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).

g) Thiền nhân biết tâm thiện người khác bằng tha tâm thông thiện.

Tâm thiện người khác tức là 20 tâm thiện và 38 sở hữu hợp đã qua hoặc sẽ, đều 7 ngày (trừ La-hán đạo).

Tha tâm thông của quả hữu học là thần thông thiện, 30 sở hữu hợp.

h) Thiện không vô biên làm cảnh cho thiện thức vô biên bằng Cảnh duyên.

i) Thiện vô sở hữu làm cảnh cho thiện phi tưởng phi phi tưởng bằng Cảnh duyên.

j) Những uẩn thiện trợ cho tâm thần túc thông thiện bằng Cảnh duyên.

k) Những uẩn thiện trợ cho tha tâm thông thiện bằng Cảnh duyên.

l) Những uẩn thiện trợ tiền kiếp thông bằng Cảnh duyên.

m) Những uẩn thiện trợ tùy nghiệp thông bằng Cảnh duyên.

n) Những uẩn thiện trợ vị lai thông thiện bằng Cảnh duyên.

Hợp trợ với Cảnh duyên theo câu lọc thứ 1, 2, 3, 4 đều đồng là Cảnh trưởng duyên và Cảnh cận y duyên.

- Thời: bình nhựt

- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý.

2. Câu lọc thứ hai trong Cảnh duyên: *Kusalo dhammo akusalassa dhammasa ārammaṇapaccayena paccayo* – pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

- Thiện đây là thiện hợp thế, 38 sở hữu hợp.
- Bất thiện đây là tất cả pháp bất thiện.

Câu phụ *(Anuvāda)* - (có trong Chánh Tạng)

a) Người bố thí, trì ngũ giới, thanh tịnh giới, nhớ lại mừng, có thể tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử sanh lên.
   - Bố thí, trì ngũ giới, thanh tịnh giới là 8 đại thiện, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) thành Cảnh duyên.
   - Vui mừng hớn hở phát sanh tức là 4 tâm tham thọ hỷ, 22 sở hữu hợp.
   - Khi nhớ đến tâm thiện có thể tham ái sanh, tức là 8 tâm tham, 22 sở hữu hợp.
   - Khi tà kiến sanh, là 4 tâm tham tương ưng tà kiến và 21 sở hữu hợp.
   - Khi hoài nghi phát sanh thời tâm si tương ưng hoài nghi và 15 sở hữu hợp.
   - Khi điệu cử phát sanh là tâm si điệu cử, 15 sở hữu hợp.
   - Còn khi tức mình phát sanh thọ ưu, tức là 2 tâm sân, 22 sở hữu hợp, đều thành sở duyên.

b) Người vui thích thiện từng làm mà nhớ đến có khi tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử và ưu sanh.

   Thiện từng làm đây là sở tri năng duyên, còn sự vui mừng hớn hở do nhớ đến thiện ấy mà tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử, ưu sanh ra, là sở duyên năng tri.

c) Bực đắc thiền khi xuất thiền rồi vui mừng hớn hở do nhớ lại thiền mà tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử phát sanh và khi thiền hoại sanh ra buồn.

   Thiền thiện đây là tâm thiện đáo đại, 35 sở hữu hợp thành năng duyên.

   Sự vui mừng hớn hở do nhớ đến thiền mà tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử, hoặc tức mình do thiền hoại là 12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp thành pháp sở duyên.

   - Thời: khi bình nhựt.
   - Cõi: hữu tâm.
   - Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
   - Lộ tâm: lộ ý môn, đổng lực bất thiện.

3. Câu lọc thứ ba trong Cảnh duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

– Pháp thiện đây là tất cả tâm thiện và sở hữu hợp.
– Pháp vô ký là 11 tâm na cảnh, tâm quả, tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ; tâm quả, tâm tố thức vô biên xứ, tâm thông tố, 10 tâm tố dục giới và 33 sở hữu hợp (trừ khai ngũ môn và vô lượng phần).

Câu phụ *(anuvāda)* - (có trong Chánh Tạng)

a) A-la-hán vừa đắc đạo rồi nhớ lại tâm đạo.

   Đạo đây là tâm đạo La-hán, 36 sở hữu hợp.

   Tâm nhớ đạo là đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

b) Bực La-hán quan sát tâm thiện của mình đã từng sanh trước kia hay của người khác cả 3 thời.

   Tâm quan sát đây là đại tố tương ưng... .

Tâm bị quan sát đây là tâm thiện hiệp thế và sở hữu hợp.

c) La-hán quan sát tâm thiện bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã (của mình luôn cả người khác, đủ 3 thời).

d) La-hán quan sát tâm thiện người khác bằng tha tâm thông.

e) Người vui thích với thiện, khi nhớ lại tâm thiện bằng tham ái hoặc tà kiến hay hoài nghi, điệu cử, sân v.v...
Sau khi tâm đổng lực bất thiện chót thời tâm na cảnh phát sanh (cũng bắt theo cảnh thiện).

f) Thiện không vô biên trợ tố và quả không vô biên bằng Cảnh duyên.

g) Thiện vô sở hữu trợ tố và quả vô sở hữu bằng Cảnh duyên.

h) Những uẩn thiện trợ tha tâm thông tố bằng Cảnh duyên.

i) Những uẩn thiện trợ tiền kiếp thông tố bằng Cảnh duyên.

j) Những uẩn thiện trợ tùy nghiệp thông tố bằng Cảnh duyên.

k) Những uẩn thiện trợ vị lai thông tố bằng Cảnh duyên.

l) Những uẩn thiện trợ tâm khai ý môn bằng Cảnh duyên.

- Thời: khi bình nhựt, tái tục và tử.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 Thánh quả.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ ý chót na cảnh, lộ phản khán, lộ tu quán, lộ cận tử của thiên nhân, lộ nhập thiền, lộ hiện thông tố, tùy trường hợp.

4. <u>Câu lọc thứ tư trong Cảnh duyên</u>: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.

Pháp năng, pháp sở đồng nhau.

<u>Câu phụ</u> *(anuvāda)* - (có trong Chánh Tạng)

a) Người ưa tham ái, khi nhớ đến thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử và ưu phát sanh.
   - Theo đây: 8 tâm tham và 22 sở hữu hợp có tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử, buồn làm cảnh duyên.
   - Pháp bất thiện đều sở duyên.

b) Người ưa tà kiến khi nhớ đến tà kiến, thì có thể tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử và ưu phát sanh.
   - Theo đây tâm tham tương ưng và 21 sở hữu hợp có tà kiến làm hướng đạo thành năng duyên.
   - Tất cả pháp bất thiện làm sở duyên.

c) Khi nhớ đến hoài nghi thì cũng có thể hoài nghi, điệu cử sanh ra.
   - Theo đây tâm si hoài nghi và 15 sở hữu hợp có hoài nghi làm hướng đạo thành pháp năng duyên.
   - Còn 8 tâm bất thiện, 25 sở hữu hợp (trừ 4 tâm tham tương ưng và ngã mạn) thành sở duyên.

d) Khi nhớ đến buồn có thể ưu, tà kiến, hoài nghi, điệu cử sanh đặng.
   - Theo đây 2 tâm sân, 22 sở hữu hợp thành năng duyên.
   - Còn 8 tâm bất thiện, 26 sở hữu hợp (trừ 4 tâm tham bất tương ưng và ngã mạn) thành sở duyên.

- Thời: khi bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý môn.

5. Câu lọc thứ năm trong Cảnh duyên: *Akusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.

Theo đây tất cả pháp bất thiện làm năng duyên (bị biết).

Câu phụ *(anuvāda)*

a) Thánh quả hữu học nhớ lại phiền não đã sát trừ.
Theo đây, tà kiến và hoài nghi của bực Thất lai đã trừ tuyệt.
Còn tham ái, sân độc, si phần thô, thì bực Nhứt lai cũng làm cho đặng yếu ớt.
Tham ái Dục giới và sân thì bậc Bất lai đã trừ tuyệt dứt.
Những phiền não đã kể là cảnh duyên của bực quả hữu học.
Tâm phản khán đây là 4 đại thiện tương ưng và 33 sở hữu (trừ giới phần và vô lượng phần) của quả hữu học đang sanh, thành sở duyên.

b) Quả hữu học phản khán lại phiền não đã hạn chế.
Phiền não đã hạn chế là: tham, sân, si, ngã mạn, hôn trầm, điệu cử, vô tàm, vô úy của Thất lai và Nhứt lai chưa trừ đặng với 8 thứ phiền não vi tế của Nhứt lai chưa đặng làm cho yếu ớt và 7 phiền não thuộc về tham (Cõi Sắc giới và Vô sắc giới), si, ngã mạn, vô tàm, vô úy của Bất lai chưa trừ đặng là năng duyên.
Còn tâm phản khán là 4 đại thiện tương ưng, 33 sở hữu (trừ giới phần và vô lượng phần) của quả hữu học thành sở duyên.
So sánh hai câu này, câu trước suy xét phiền não đã trừ tuyệt. Còn câu này phản khán cái đã bị hạn chế của phiền não còn lại.

c) Chư quả hữu học suy xét những uẩn phiền não sanh trước kia.
Phiền não suy xét đây tức là phiền não đã từng sanh trước kia.
Còn tâm biết phiền não trước kia đó tức là 4 đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần) của 3 quả hữu học là thành tựu sanh ra do Cảnh duyên.

d) Quả hữu học hoặc phàm nhân tỏ ngộ vô thường, khổ não và vô ngã do bất thiện tức là 12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp đã sanh và sẽ sanh theo tự cơ tánh và sanh ba thời của cơ tánh người khác đó thành Cảnh duyên.
Còn tâm xét thấy bất thiện bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã đó tức là 4 đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của bực quả hữu học và phàm nhân là pháp thành tựu do Cảnh duyên.

e) Tha tâm thông biết tâm những người dẫy đầy tâm bất thiện.
Bất thiện năng duyên đây là những tâm bất thiện của người kia sanh 3 thời trong vòng trước 7 ngày, sau 7 ngày và đang sanh.
Còn sở duyên đây tức là tha tâm thông của quả hữu học hoặc phàm nhân trong khi biết tâm bất thiện của người khác.

f) Những uẩn bất thiện trợ cho: tha tâm thông, túc mạng thông, tiền nghiệp thông, vị lai thông bằng Cảnh duyên.
Bất thiện làm duyên đây tức là tâm bất thiện tự cơ tánh và sanh theo cơ tánh người khác.
Còn pháp sở duyên đây tức là thông thiện hiện bày thông như đã nói của 3 quả hữu học hoặc phàm tam nhân.

Duyên hợp trợ Câu lọc thứ 5: Không có.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán, lộ quan sát, lộ hiện thông, tùy trường hợp.

6. Câu lọc thứ sáu trong Cảnh duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

- Pháp bất thiện năng duyên đây tức là 12 tâm bất thiện và 27 sở hữu hợp làm Cảnh duyên.
- Còn pháp vô ký sở duyên đây tức là 11 tâm na cảnh, 10 tâm tố dục giới (trừ khai ngũ môn) và tâm thông tố, 33 sở hữu hợp.

Những Câu phụ nối sau:

a) La-hán phản khán phiền não đã trừ.

Phiền não đã trừ đây tức là tham (ái Sắc giới, Vô sắc giới) si, ngã mạn, hôn trầm, điệu cử, vô tàm và vô úy thành Cảnh duyên.

Còn tâm phản khán đây tức là 4 tâm đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) đang sanh cho bực La-hán, thành pháp Cảnh sở duyên.

b) La-hán biết những phiền não đã sanh trước kia.

Pháp năng duyên đây tức là 10 phiền não (theo Diệu Pháp) đã từng sanh trước kia.

Pháp sở duyên đây tức là 4 tâm đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) đang sanh cho bực La-hán để nhớ lại phiền não trước kia.

c) La-hán quán sát pháp bất thiện bằng cách vô thường, khổ não và vô ngã.

Pháp bất thiện năng duyên đây tức là 12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp, tự từng sanh và tha đang sanh.

Còn pháp sở duyên đây tức là 4 tâm đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) đang quán sát pháp bất thiện.

d) Tha tâm thông của La-hán biết tâm của người đầy dẫy bất thiện.

Pháp năng duyên đây là bất thiện của người khác sanh trong vòng trước 7 ngày, sau 7 ngày và hiện tại.

Còn pháp sở duyên đây tức là tha tâm thông tố biết tâm bất thiện của người khác.

e) Quả hữu học hoặc phàm nhân quán sát pháp bất thiện bằng vô thường, khổ não và vô ngã.

Tâm thiện đổng lực chót diệt rồi, kế đó tâm na cảnh hay phát sanh.

Pháp năng duyên đây tức là bất thiện đã sanh và sẽ sanh tự cơ tánh hay sanh cho người khác cả 3 thời.

Pháp sở duyên đây tức là tâm na cảnh sanh nối sau tâm thiện mà tỏ ngộ nơi bất thiện.

f) Người ưa thích bất thiện khi nhớ đến bất thiện cũng có thể: tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử và ưu sanh đủ đổng lực rồi, thời hay sanh tâm na cảnh.

Pháp năng duyên đây tức là: bất thiện của ta sanh trước, sau và của người khác sanh 3 thời.

Còn pháp sở duyên đây tức là tâm na cảnh sanh nối sau những tâm đổng lực tỏ ngộ.

g) Những cảnh bất thiện trợ tha tâm thông, túc mạng thông, tiền nghiệp duyên, vị lai thông và tâm khai ngũ môn bằng Cảnh duyên.

Pháp năng duyên đây tức là những uẩn bất thiện.

Còn pháp sở duyên đây tức là những tâm thông tố như đã kể và khai ý môn.

Duyên hợp trợ câu thứ 6 trong Cảnh duyên: không có.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 Thánh quả.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán, lộ quan sát, lộ chót na cảnh, lộ hiện thông, tùy trường hợp.

7. Câu lọc thứ bảy trong Cảnh duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh duyên.

- Vô ký năng duyên đây tức là tâm vô ký, sở hữu hợp, sắc pháp và Níp-bàn.
- Vô ký sở duyên đây tức là tâm vô ký dục giới, quả tố thức vô biên, quả tố phi tưởng phi phi tưởng và quả siêu thế, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Những Câu phụ tiếp theo.

a) La-hán phản khán tâm quả.

Tâm quả đây là La-hán, 36 sở hữu hợp.

Còn tâm phản khán đây tức là 4 tâm đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) đang sanh cho bực La-hán.

b) La-hán phản khán Níp-bàn.

(Tâm sở duyên cũng như vừa kể)

c) Níp-bàn trợ cho tâm quả siêu thế và khai ý môn bằng Cảnh duyên.

d) La-hán quán sát: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thinh, khí, vị, xúc và tâm vô ký bằng cách vô thường, khổ não và vô ngã.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đây là 6 sắc hữu vật, sắc, thinh, khí, vị, xúc là 7 sắc cảnh.

Tâm vô ký đây là 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tố, 38 sở hữu hợp, sanh tự cơ tánh hoặc người khác 3 thời, tùy trường hợp đặng thành năng duyên.

Còn tâm quán sát đây là 4 đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) thuộc về pháp sở duyên.

e) La-hán thấy sắc bằng thiên nhãn.

Năng duyên đây là tất cả sắc dù xa, gần, trống, kín, thô, tế chỉ cũng có thể bị thiên nhãn thông thấy đặng.

Còn sở duyên đây tức là tâm thông tố của bực tứ quả.

f) La-hán nghe tiếng bằng thiên nhĩ thông.

g) La-hán biết rõ rệt tâm vô ký bằng tha tâm thông.

h) Tâm tố không vô biên trợ tâm tố thức vô biên bằng Cảnh duyên.

i) Tâm tố vô sở hữu trợ tâm tố phi tưởng phi phi tưởng bằng Cảnh duyên.

j) Cảnh sắc trợ nhãn thức bằng Cảnh duyên.

k) Cảnh thinh trợ nhĩ thức bằng Cảnh duyên.

l) Cảnh khí trợ tỷ thức bằng Cảnh duyên.

m) Cảnh vị trợ thiệt thức bằng Cảnh duyên.

n) Cảnh xúc trợ thân thức bằng Cảnh duyên.

o) Những uẩn vô ký trợ thần thông tố bằng Cảnh duyên.

p) Những uẩn vô ký trợ tha tâm thông tố bằng Cảnh duyên.

q) Những uẩn vô ký trợ tiền kiếp thông tố bằng Cảnh duyên.

r) Những uẩn vô ký trợ vị lai thông tố bằng Cảnh duyên.

s) Những uẩn vô ký trợ tâm khai ý môn bằng Cảnh duyên.

Hợp trợ cảnh duyên trong câu chánh 7, 8 và 9 như vầy: Cảnh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

- Nói theo thời, pháp năng duyên chỉ sanh bình nhựt. Còn pháp sở duyên cũng gồm luôn tái tục và tử.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 Thánh quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ môn và lộ ý môn v.v...

8. Câu lọc thứ tám trong Cảnh duyên: *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh duyên.
- Vô ký đây tức là Níp-bàn, sắc pháp và 71 tâm vô ký, sở hữu hợp (trừ La-hán quả).
- Còn thiện đây tức là tâm đạo, thông thiện và đại thiện, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

11 câu tiếp theo:

1) Những bậc hữu học phản khán tâm quả siêu thế.
   Phản khán bằng đại thiện tương ưng và 33 sở hữu hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).

2) Chư Thánh quả hữu học phản khán Níp-bàn bằng đại thiện như trước.

3) Níp-bàn trợ tâm tiến bực, bỏ bực và tâm đạo bằng Cảnh duyên.

4) Chư Thánh quả và cả phàm phu quán sát nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thinh, khí, vị, xúc và danh uẩn vô ký bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã.

   Tâm quán sát là đại thiện.

5) Bực đắc thông thiện thấy sắc bằng thiên nhãn.

6) Bực đắc thông thiện nghe tiếng bằng thiên nhĩ.

7) Bực đắc tha tâm thông thiện biết rành tâm vô ký của ta và người khác.

8) Những uẩn vô ký trợ tâm thông thiện bằng Cảnh duyên.

9) Những uẩn vô ký trợ tha tâm thông thiện bằng Cảnh duyên.

10) Những uẩn vô ký trợ túc mạng thông thiện bằng Cảnh duyên.

11) Những uẩn vô ký trợ vị lai thông thiện bằng Cảnh duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán, lộ quán sát, lộ đắc đạo, lộ hiện thông, tùy trường hợp.

9. Câu lọc thứ chín trong Cảnh duyên: *Abyākato dhammo akusalasssa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh duyên.
- Vô ký đây là sắc pháp và tâm vô ký hợp thế.
- Bất thiện đây là 12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp.

Câu dài tiếp theo:

Người ưa thích nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vật, sắc, thinh, khí, vị, xúc và tâm vô ký hợp thế. Khi nhớ lại cũng có thể tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử và ưu phát sanh.

Tâm nhớ lại: tất cả bất thiện cũng đặng.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý.

~~~~~~~~~~

Duyên rộng chia từ duyên hẹp ra thì không có câu chánh (trong Tạng) như mỗi duyên hẹp. Nhưng đây theo cách rộng thì những duyên đã chia có câu lọc như trong Kinh dạy.

~~~~~~~~~~

Câu sanh trưởng duyên có chú giải như vầy:

Sahajātanca tam adhipati cati sahajātadhipati: Pháp đồng nhau sanh mà lớn trội hơn, nên gọi là Câu sanh trưởng (Trưởng đồng sanh).

~~~~~~~~~~

CẢNH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Cảnh trưởng duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇādhipati-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Cảnh trưởng duyên.
   - Pháp thiện năng duyên đây là 20 hoặc 32 tâm thiện và 38 sở hữu hợp (trừ La-hán đạo).
   - Thiện sở duyên đây tức là đại thiện, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ 1: Người bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới rồi nhớ lại bằng tâm tốt.
- Tâm bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới đây tức là đại thiện, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).
- Còn tâm nhớ lại cũng đại thiện mà chỉ có 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ 2: Tâm tốt nhớ thiện trước kia đã từng thường làm.
- Tâm thiện từng làm là đại thiện, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).
- Còn tâm thiện nhớ cũng đại thiện mà 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ 3: Khi xuất thiền nhớ lại thiền bằng tâm tốt.
- Thiền đây là 9 thiện đáo đại, 35 sở hữu hợp.
- Tâm nhớ lại thiền là đại thiện, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ 4: bậc hữu học phản khán tâm bỏ bực.
- Tâm bỏ bực là đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).
- Còn tâm phản khán: 8 đại thiện, cũng 33 sở hữu hợp của sơ quả.

Lời phụ 5: Các bậc hữu học phản khán tâm tiến bực bằng tâm tốt.
- Tâm tiến bực đây là 4 đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).
- Còn tâm phản khán là 8 đại thiện, cũng 33 sở hữu hợp của nhị, tam quả.

Lời phụ 6: Chư quả hữu học vừa đắc đạo rồi phản khán tâm đạo bằng tâm tốt.
- Tâm đạo đây là sơ, nhị, tam đạo và 36 sở hữu hợp đã sanh.
- Tâm phản khán đạo đây tức là 4 đại thiện tương ưng và 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của 3 quả hữu học, thành sở duyên.

Hợp trợ Cảnh trưởng duyên trong câu lọc 1: Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

- Thời: bình nhựt.
~~~~~~~~~~

- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ Dục giới phản khán, lộ phản khán thiền, lộ phản khán bỏ bực và tiến bực, lộ phản khán đạo.

2. Câu lọc thứ hai trong Cảnh trưởng duyên: *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo* – Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.
- Thiện năng duyên đây là thiện hợp thế, 38 sở hữu hợp.
- Còn bất thiện sở duyên đây: 8 tâm tham, 22 sở hữu hợp.

Lời phụ 1: Bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới rồi rất vui mừng, cũng có thể nhớ đến bằng tham ái, tà kiến.
- Tâm bố thí v.v... đây là 8 đại thiện...
- Tâm nhớ đến thiện này cũng có thể bằng tâm tham.

Lời phụ 2: Ưa thích bất thiện đã từng thường làm cũng có thể bằng tham ái và tà kiến.
- Thiện từng làm thường đây là 8 đại thiện, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).
- Tâm vui mừng đây có thể bằng tham ái và tà kiến.

Lời phụ 3: Khi xuất thiền, thỏa thích thiền cũng có thể bằng tham ái, tà kiến.
- Thiền đây tức là 9 thiện đáo đại.
- Tâm vui mừng đây là tham.

Hợp trợ Cảnh trưởng duyên trong câu lọc 2 có: Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý.

3. Câu lọc thứ ba trong Cảnh trưởng duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Cảnh trưởng duyên.
- Pháp thiện năng duyên đây là La-hán đạo.
- Vô ký sở duyên đây là đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Lời phụ 1: La-hán đắc đạo rồi phản khán rõ rệt.
- Đạo đây là La-hán đạo.
- Phản khán đây là 4 đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Hợp trợ Cảnh trưởng duyên trong câu lọc thứ 3 có: Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: La-hán.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán.

4. Câu lọc thứ tư trong Cảnh trưởng duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.
- Pháp bất thiện năng duyên đây là 8 tâm tham, 22 sở hữu hợp.
- Pháp bất thiện sở duyên cũng thế.

Lời phụ 1: Người thỏa thích với tham ái bằng tâm rất để ý.
- Nhớ tham ái thì tham ái, tà kiến phát sanh.

- Năng duyên, sở duyên cũng là tâm tham.

Lời phụ 2: Người ưa thích tà kiến, rất để ý nhớ tà kiến cũng bằng tham ái và tà kiến.
- Năng duyên: tham tương ưng.
- Sở duyên: cả 8 tâm tham.

Hợp trợ cảnh trưởng duyên trong câu lọc thứ 4, có: Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 2 quả thấp.
- Lộ tâm: lộ ý.

5. Câu lọc thứ năm trong Cảnh trưởng duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇādhipati-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh trưởng duyên.
- Vô ký năng duyên đây tức là quả La-hán, 36 sở hữu hợp và Níp-bàn.
- Vô ký sở duyên đây tức là 4 đại tố tương ưng, 4 tâm quả siêu thế, 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Lời phụ 1: La-hán phản khán quả và Níp-bàn bằng cách chăm chú đặc biệt.
- Tâm phản khán đây là đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Lời phụ 2: Níp-bàn trợ tâm quả bằng Cảnh trưởng duyên.
- Tâm quả tức là 4 bực quả siêu thế, 36 sở hữu hợp, thành sở duyên.

Hợp trợ Cảnh trưởng duyên trong câu lọc thứ 5: Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả.

6. Câu lọc thứ sáu trong Cảnh trưởng duyên: *abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇādhipati-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh trưởng duyên.
- Pháp năng duyên đây là 3 quả hữu học, 36 sở hữu hợp và Níp-bàn.
- Pháp sở duyên đây là đại thiện tương ưng, 4 bực đạo 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Lời phụ 1: quả hữu học phản khán quả và Níp-bàn bằng cách chăm chú đặc biệt.
- Pháp năng duyên đây là 3 bực tâm quả siêu thế hữu học, 36 sở hữu hợp và Níp-bàn.
- Pháp sở duyên đây là đại thiện tương ưng và sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của 3 bực Thánh quả.

Lời phụ 2: Níp-bàn trợ bỏ bực, tiến bực và đạo bằng Cảnh trưởng duyên.
- Níp-bàn là pháp năng duyên.
- Đạo tức là 4 đạo.
- Bỏ bực hay tiến bực là: 4 tâm đại thiện tương ưng, 33 sở hữu hợp, đều là sở duyên.

Hợp trợ Cảnh trưởng duyên trong câu lọc thứ 6: Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: tam nhân, 4 đạo, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý, lộ phản khán, lộ đắc đạo.

7. Câu lọc thứ bảy trong Cảnh trưởng duyên: *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇādhipati-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh trưởng duyên.

- Pháp năng duyên đây là 18 sắc rõ thành cảnh tốt và 51 tâm vô ký hợp thế, 35 sở hữu hợp (trừ thân thức thọ khổ, giới phần).
- Pháp sở duyên là: 8 tâm tham, 22 sở hữu hợp.

Lời phụ: Người ưa thích nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thinh, khí, vị, xúc và tâm vô ký hiệp thế (trừ thân thức thọ khổ), nếu khi để ý đến bằng cách chấp trước thời tham ái và tà kiến cũng phát sanh.

Hợp trợ Cảnh trưởng duyên trong câu lọc thứ 7: Cảnh duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý.

~~~~~~~~~~

CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Câu sanh trưởng duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātādhipati-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Câu sanh trưởng duyên.

- Pháp năng duyên đây là tứ trưởng trong phạm vi thiện tức là dục, cần, trí hợp trong vòng 21 hoặc 37 tâm thiện.
- Pháp sở duyên là tất cả pháp thiện (trừ pháp khi đang làm trưởng).

Câu phụ: Thiện trưởng trợ những uẩn tương ưng bằng Câu sanh trưởng duyên.

- Giải cũng như trước.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ nhứt: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu lọc thứ hai trong Câu sanh trưởng duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipati-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh trưởng duyên.

- Pháp năng duyên đây là tứ trưởng
- Pháp sở duyên đây là sắc tâm thiện.

Lời phụ: Thiện trưởng trợ những sắc tâm thiện bằng Câu sanh trưởng duyên.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ hai: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Danh vật thực duyên (bất định), Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
~~~~~~~~~~

- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu lọc thứ ba trong Câu sanh trưởng duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Câu sanh trưởng duyên.
- Pháp năng duyên đây là tứ trưởng trong phạm vi thiện tức là dục, cần, trí hợp trong vòng 21 hoặc 37 tâm thiện và tất cả tâm thiện.
- Pháp sở duyên là tất cả pháp thiện và sắc tâm thiện (trừ pháp đang khi làm trưởng).

Lời phụ: Thiện trưởng làm duyên cho những uẩn thiện tương ưng và sắc tâm thiện.

Khi pháp trưởng nào không đặng làm trưởng, thì cũng thành sở duyên. Còn pháp đang làm trưởng thành địch duyên.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ ba: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện v.v...

4. Câu lọc thứ tư trong Câu sanh trưởng duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātādhipati-paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Câu sanh trưởng duyên.
- Pháp năng duyên đây là 3 pháp trưởng (trừ trí) trong phần tâm bất thiện nhị nhân.
- Pháp sở duyên đây là 8 tâm tham, 2 tâm sân, 26 sở hữu hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

Lời phụ: Bất thiện trưởng trợ những uẩn tương ưng bằng Câu sanh trưởng duyên.
- Hai pháp như câu lọc.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ tư: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

5. Câu lọc thứ năm trong Câu sanh trưởng duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipat-ipaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh Trưởng duyên.
- Năng duyên đây là 3 pháp trưởng bất thiện (trừ trí).
- Sở duyên đây là sắc tâm bất thiện trưởng.

Lời phụ: Bất thiện trưởng trợ những sắc tâm bất thiện bằng Câu sanh trưởng duyên.
- Hai pháp cũng như câu lọc.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ 5: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

6. Câu lọc thứ sáu trong Câu sanh trưởng duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātādhipati-paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Câu sanh trưởng duyên.
- Năng duyên đây là 3 pháp trưởng trong bất thiện nhị nhân (trừ thẩm trưởng).
- Sở duyên đây là bất thiện và vô ký tức là tâm tham, tâm sân, 26 sở hữu hợp (trừ pháp đang làm trưởng và sắc tâm bất thiện trưởng cũng nhờ trưởng bất thiện).

Lời phụ: Trưởng bất thiện trợ những uẩn tương ưng bằng Câu sanh trưởng duyên.
- Hai pháp như câu lọc.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ 6: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý.

7. Câu lọc thứ bảy trong Câu sanh trưởng duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipati-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Câu sanh trưởng duyên.

(Câu này cũng gồm 3 câu tức là vô ký danh trợ vô ký danh, vô ký danh trợ vô ký sắc, vô ký danh trợ vô ký danh và sắc).

Năng duyên đây là 4 pháp trưởng vô ký tức là dục, cần, trí với tâm đổng lực vô ký hữu nhân và sắc do những tâm này tạo gọi là sắc tâm vô ký trưởng.

Lời phụ: Pháp trưởng quả, trưởng tố trợ những pháp tương ưng và sắc tâm vô ký trưởng bằng Câu sanh trưởng duyên.

Nói tóm lại: tâm tố hữu nhân, tâm quả siêu thế và dục, cần, trí hiệp để tuyển một làm Câu sanh trưởng duyên.

Còn sở duyên đây cũng là tố hữu nhân, quả siêu thế, 38 sở hữu hợp và những sắc tâm do những tâm vừa kể tạo những pháp đang làm trưởng không đặng nhờ.

Hợp trợ với Câu sanh trưởng duyên trong câu lọc thứ 7 kể chung: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh quyền duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm.
- Người: 4 quả
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý .

Câu lọc thứ bảy trong Câu sanh trưởng duyên nêu 3 phần:

1) Pháp trưởng vô ký trợ danh pháp vô ký bằng Câu sanh trưởng duyên.
    - Năng duyên như trước.

- Còn pháp sở duyên là 17 tâm tố hữu nhân, quả siêu thế và 38 sở hữu hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

2) Pháp trưởng vô ký trợ sắc tâm trưởng vô ký bằng Câu sanh trưởng duyên.
3) Pháp trưởng vô ký trợ tâm tố hữu nhân, quả siêu thế, 38 sở hữu hợp và sắc tâm trưởng vô ký (trừ pháp đang làm trưởng).

Duyên hợp trợ theo 3 câu này tùy bớt như 3 câu thiện và 3 câu bất thiện.



VÔ GIÁN DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Vô gián duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo* - pháp thiện trợ pháp thiện bằng Vô gián duyên.
- Thiện năng duyên đây là thiện hiệp thế và 38 sở hữu hợp (trừ đổng lực thiện chót).
- Thiện sở duyên đây là tất cả tâm thiện và 38 sở hữu hợp (trừ tâm đổng lực thứ nhứt).

Câu tiếp theo:
1) Uẩn thiện sanh cái trước trợ uẩn thiện sanh cái sau bằng Vô gián duyên.
- Đại thiện thứ nhứt trợ đại thiện thứ hai.
- Đại thiện thứ hai trợ đại thiện thứ ba.
- Đại thiện thứ ba trợ đại thiện thứ tư.
- Đại thiện thứ tư trợ đại thiện thứ năm.
- Đại thiện thứ năm trợ đại thiện thứ sáu.
- Đại thiện thứ sáu trợ đại thiện thứ bảy.

Xin nhớ thêm lộ đắc thiền và nhập thiền trong phần tâm thiện.

2) Tâm thuận tùng trợ tâm bỏ bực.
3) Tâm thuận tùng trợ tâm tiến bực.
4) Tâm bỏ bực trợ tâm sơ đạo.
5) Tâm tiến bực trợ 3 đạo cao bằng Vô gián duyên.

Hợp trợ với Vô gián duyên trong câu lọc thứ nhứt: Đẳng vô gián duyên, Vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Trùng dụng duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý tức là lộ thiện đổng lực dục giới, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền và lộ đắc đạo.

2. Câu lọc thứ hai trong Vô gián duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo* - pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.
- Thiện năng duyên đây là thiện sanh kế trước tâm vô ký.
- Tâm vô ký sở duyên đây là những cái tâm vô ký sanh kế sau tâm thiện.

Câu tiếp theo:

1) Tâm thiện đổng lực chót trợ tâm na cảnh hay tâm hộ kiếp sanh kế đó.
2) Tâm đạo trợ tâm quả.
3) Tâm thuận tùng của bực hữu học trợ tâm quả hữu học khi nhập thiền quả.
4) Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng trợ tâm tam quả khi nhập và xuất thiền diệt *(nirodha).*

Hợp trợ câu lọc thứ hai trong Vô gián duyên: Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Dị thời nghiệp duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ chót na cảnh, lộ ngũ chót đổng lực, lộ ý môn, lộ đổng lực ý môn, lộ ý đổng lực dục giới, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ hiện thông, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả, lộ nhập thiền diệt, tùy trường hợp.

3. Câu lọc thứ ba trong Vô gián duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Vô gián duyên.
- Thiện năng duyên: trừ đổng lực chót.
- Thiện sở duyên: trừ đổng lực đầu.

Duyên này trợ sanh.

Hợp trợ Vô gián duyên trong câu lọc thứ 3: Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Trùng dụng duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý đổng lực bất thiện.

4. Câu lọc thứ tư trong Vô gián duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.
- Pháp năng duyên đây là cái chót của bất thiện.
- Pháp sở duyên đây là 3 tâm thẩm tấn, 8 tâm đại quả, 9 quả đáo đại và 35 sở hữu hợp.

Câu tiếp theo: Bất thiện trợ tâm na cảnh và hộ kiếp bằng Vô gián duyên.

Phân thêm như vầy:
- Cái chót của tâm tham, tâm si, 23 sở hữu hợp làm Vô gián duyên, 11 tâm na cảnh làm pháp sở duyên.
- Hay là tâm chót của tham, si và 23 sở hữu hợp làm Vô gián duyên, 19 tâm hộ kiếp làm pháp sở duyên.
- Tâm sân đổng lực chót, 22 sở hữu hợp làm Vô gián duyên thời 6 tâm na cảnh thọ xả thành pháp sở duyên.
- Sáu tâm Dục giới hộ kiếp thọ xả làm pháp sở duyên trong lộ chót đổng lực.

Duyên này trợ sanh.

Hợp trợ với Vô gián duyên trong câu lọc thứ 4: Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý.

5. Câu lọc thứ năm trong Vô gián duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vô gián duyên.
- Năng duyên đây là tâm vô ký, 38 sở hữu hợp sanh trước, (trừ tâm tử La-hán).
- Sở duyên đây là: Tâm vô ký, 38 sở hữu hợp sanh sau.

Câu tiếp theo:

- Những uẩn vô ký quả, vô ký tố sanh trước trước trợ những uẩn vô ký quả và vô ký tố sanh sau sau bằng Vô gián duyên.
- Năng duyên đây là tâm vô ký, 38 sở hữu hợp sanh trước (trừ tâm tử La-hán).
- Sở duyên là tất cả tâm vô ký và sở hữu sanh sau.

Cách nữa là:

19 tâm tái tục, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) làm Vô gián duyên.

Mười chín tâm hộ kiếp, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) thành sở duyên.

Tâm hộ kiếp sanh trước năng duyên.

Tâm hộ kiếp sanh sau sở duyên.

- 15 tâm hộ kiếp dứt dòng cõi ngũ uẩn làm Vô gián duyên, còn 2 tâm khai môn thành tựu nhờ Vô gián duyên.
- 4 hộ kiếp dứt dòng cõi Vô sắc làm Vô gián duyên, thời tâm khai ý môn thành tựu do nhờ Vô gián duyên.
- Tâm khai ngũ môn làm Vô gián duyên, thời ngũ song thức thành tựu do nhờ Vô gián duyên.
- 2 tâm tiếp thâu làm Vô gián duyên, thời 3 tâm thẩm tấn thành tựu do nhờ Vô gián duyên.
- 3 tâm thẩm tấn làm Vô gián duyên, thời tâm phân đoán thành tựu nhờ Vô gián duyên.
- Tâm phân đoán thứ nhứt trong lộ ngũ cảnh nhỏ làm Vô gián duyên thời tâm phân đoán thứ hai thành tựu nhờ Vô gián duyên.
- Tâm phân đoán thứ hai trong lộ ngũ cảnh nhỏ làm Vô gián duyên cho tâm hộ kiếp kế đó tức là 15 thứ tâm và 35 sở hữu hợp cũng có thành tựu nhờ tâm phân đoán thứ hai bằng cách Vô gián duyên.
- Tâm phân đoán trong lộ ngũ cảnh rất lớn hay cảnh lớn và tâm khai ý môn trong lộ ý cảnh rất rõ và cảnh rõ làm Vô gián duyên, thời tâm đổng lực thứ nhứt tức là 9 tâm đổng lực tố dục giới thành tựu nhờ Vô gián duyên.
- Tâm đổng lực tố sanh trước từ thứ nhứt v.v... (trừ đổng lực chót) tức là 18 tâm đổng lực tố, 35 sở hữu hợp thành Vô gián duyên. Còn đổng lực tố sanh sau từ thứ nhì v.v... (trừ đổng lực đầu) tức là 18 tâm đổng lực tố, 35 sở hữu nhờ Vô gián duyên.
- Tâm tiếu sinh cái đổng lực chót thành Vô gián duyên, thời 5 tâm na cảnh thọ hỷ trong lộ chót na cảnh nhờ Vô gián duyên
- Tâm tiếu sinh đổng lực chót thành Vô gián duyên, thời 9 tâm hộ kiếp tam nhân cõi ngũ uẩn trong lộ chót đổng lực nhờ Vô gián duyên.
- Đại tố thọ hỷ tâm đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 5 tâm na cảnh thọ hỷ trong lộ chót na cảnh là nhờ Vô gián duyên.
- Đại tố thọ hỷ đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 13 tâm hộ kiếp tam nhân trong lộ đổng lực chót thành pháp sở duyên.
- Đại tố thọ xả tâm đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 6 tâm na cảnh thọ xả trong lộ chót na cảnh thành sở duyên.
- Đại tố thọ xả tâm đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 13 tâm hộ kiếp tam nhân trong lộ đổng lực chót thành pháp sở duyên.

- Tâm na cảnh thứ nhứt trong 11 tâm na cảnh làm Vô gián duyên, thời tâm na cảnh thứ nhì trong 11 tâm na cảnh thành pháp sở duyên.
- Tâm na cảnh thứ hai trong 11 tâm na cảnh làm Vô gián duyên, thời tâm hộ kiếp Dục giới tức là 2 tâm thẩm tấn thọ xả và 8 tâm đại quả thành sở duyên.
- Tâm đổng lực đại tố thọ hỷ đôi thứ nhứt làm việc thuận tùng và bỏ bực thành Vô gián duyên, thời 4 tâm đổng lực tố đáo đại thọ hỷ và 4 tâm đổng lực La-hán quả thọ hỷ thành pháp sở duyên.
- Tâm đổng lực đại tố thọ xả đôi thứ 3 làm thuận tùng hay bỏ bực thành Vô gián duyên thời 5 tâm tố đáo đại thọ xả và 1 tâm quả La-hán thọ xả thành sở duyên.
- Tâm tố đáo đại sanh trước trước trong lộ nhập thiền tức là 9 tâm tố đáo đại, 35 sở hữu hợp làm Vô gián duyên, thời tâm tố đáo đại sanh sau sau thành sở duyên.
- Tâm tố sắc giới đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 9 tâm hộ kiếp tam nhân ngũ uẩn thành sở duyên.
- Tâm tố không vô biên chót làm Vô gián duyên, thời cũng 9 tâm hộ kiếp tam nhân ngũ uẩn và tâm hộ kiếp cõi Không vô biên xứ thành sở duyên.
- Tâm tố thức vô biên đổng lực chót thành Vô gián duyên, thời 9 tâm hộ kiếp tam nhân ngũ uẩn, tâm hộ kiếp cõi Không vô biên và tâm hộ kiếp cõi Thức vô biên thành sở duyên.
- Tâm tố Vô sở hữu đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 9 tâm hộ kiếp tam nhân ngũ uẩn, tâm hộ kiếp cõi Không vô biên, tâm hộ kiếp cõi Thức vô biên và tâm hộ kiếp cõi Vô sở hữu thành sở duyên.
- Tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 13 tâm hộ kiếp tam nhân thành sở duyên.
- Tâm tố phi tưởng phi phi tưởng xứ đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời tâm quả La-hán thành sở duyên trong khi xuất thiền diệt.
- Tâm quả siêu thế sanh trước trước làm Vô gián duyên, thời tâm quả siêu thế sanh sau sau thành sở duyên.
- Tâm quả siêu thế đổng lực chót làm Vô gián duyên, thời 13 tâm hộ kiếp tam nhân thành sở duyên.
- Tâm na cảnh thứ nhì làm Vô gián duyên, thời 10 tâm tử cõi Dục giới thành sở duyên.

Còn cách nữa: Tâm đại tố đổng lực thứ 5 làm Vô gián duyên, thời 13 tâm tử tam nhân thành sở duyên.

Một cách nữa: 19 tâm hộ kiếp làm Vô gián duyên, thời 19 tâm tử thành sở duyên.

- 2 tâm tử vô nhân và 4 tâm tử nhị nhân thành Vô gián duyên, thời 10 tâm tái tục Dục giới thành sở duyên.
- 4 tâm tử tam nhân cõi Dục giới làm Vô gián duyên, thời 19 tâm tái tục thành sở duyên.
- 5 tâm tử sắc giới làm Vô gián duyên, thời 17 tâm tái tục hữu nhân thành sở duyên.
- Tâm tử Không vô biên làm Vô gián duyên, thời 4 tâm tam nhân tái tục Dục giới và 4 tâm tái tục Vô sắc giới thành sở duyên.
- Tâm tử Thức vô biên xứ làm Vô gián duyên, thời 4 tâm tái tục tam nhân Dục giới và 3 tâm tái tục Vô sắc (trừ Phi tưởng phi phi tưởng) thành sở duyên.
- Tâm tử Vô sở hữu xứ làm Vô gián duyên thời 4 tâm tái tục Dục giới tam nhân, tâm tái tục Vô sở hữu và tâm tái tục Phi tưởng phi phi tưởng thành sở duyên.

- Tâm tử Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm Vô gián duyên, thời 4 tâm tái tục tam nhân cõi Dục giới và tâm tái tục cõi Phi tưởng phi phi tưởng thành sở duyên.

Câu 2 Tiếp theo: Tâm hộ kiếp trợ tâm khai môn.

Tâm hộ kiếp đây tức là 19 tâm hộ kiếp làm việc hộ kiếp dứt dòng làm Vô gián duyên, thời 2 tâm khai môn thành sở duyên.

Câu 3 tiếp theo: Tâm tố trợ tâm na cảnh, tâm hộ kiếp và ngũ song thức.

- Tâm tố đây tức là tâm đổng lực chót của 18 tâm đổng lực tố làm Vô gián duyên, thời 11 tâm na cảnh và 19 tâm hộ kiếp sinh nối theo lộ chót đổng lực thành sở duyên.
- Tâm phán đoán thứ hai làm Vô gián duyên, thời 15 tâm hộ kiếp cõi ngũ uẩn thành sở duyên.
- Tâm khai ngũ môn làm Vô gián duyên cho ngũ song thức.

Câu 4 tiếp theo: Tâm thuận tùng của bực La-hán trợ cho tâm quả nhập thiền.

- Thuận tùng của La-hán đây là 4 tâm đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).
- Tâm quả nhập thiền quả tức là tâm quả của La-hán, 36 sở hữu hợp sanh trong khi nhập thiền quả thành sở duyên.

Câu 5 tiếp theo: Tâm tố phi tưởng phi phi tưởng của La-hán, khi xuất thiền diệt làm duyên cho thiền quả La-hán.

Vô gián duyên chỉ trợ sanh.

Hợp trợ Vô gián duyên trong câu lọc thứ năm: Đẳng vô gián duyên, Vô hữu duyên, Vô gián cận y duyên, Trùng dụng duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: Tái tục, bình nhựt và tử.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 12 hạng người.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v... và siêu lộ.

6. Câu lọc thứ sáu trong Vô gián duyên: *Abyākato dhammo kusalassa dhamassa anantarapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vô gián duyên.

- Vô ký đây tức là 2 tâm khai môn, 11 sở hữu hợp.
- Thiện đây tức là đại thiện, 38 sở hữu hợp sanh đổng lực thứ nhứt nhờ Vô gián duyên.

Câu 1 tiếp theo: Tâm khai môn trợ những uẩn thiện bằng Vô gián duyên.

Vô gián duyên chỉ trợ sanh.

Hợp trợ Vô gián duyên trong câu lọc thứ 6: Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý v.v...

7. Câu lọc thứ bảy trong Vô gián duyên: *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vô gián duyên.

Tức là 2 tâm khai môn trợ tâm bất thiện.

Vô gián duyên chỉ trợ sanh.

Hợp trợ Vô gián duyên trong câu lọc thứ 7: Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý.

~~~~~~~~~~~

Đẳng vô gián duyên trùng Vô gián duyên.

~~~~~~~~~~~

CÂU SANH DUYÊN HIỆP LỰC

Câu sanh duyên trợ sanh ra và ủng hộ.

1. Câu lọc thứ nhứt trong Câu sanh duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Câu sanh duyên.

Năng duyên và sở duyên cũng lấy hết thiện.

Câu 1 tiếp theo: 1 uẩn thiện trợ 3 uẩn bằng Câu sanh duyên.
Năng duyên, sở duyên thay đổi cũng lấy hết pháp thiện.

Câu 2 tiếp theo: 3 uẩn trợ 1 uẩn bằng Câu sanh duyên. Năng, sở thay đổi đều lấy hết thiện.

Câu 3 tiếp theo: 2 uẩn trợ 2 uẩn bằng Câu sanh duyên.
Năng, sở thay đổi cũng đều lấy hết thiện.

Đại ý 3 câu tiếp theo là tùy trường hợp.

Hợp trợ Câu sanh duyên trong câu lọc thứ nhứt: Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý.

2. Câu lọc thứ hai trong Câu sanh duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh duyên.

- Tức là tâm thiện cõi ngũ uẩn trợ sắc tâm thiện.

Câu tiếp theo: Những uẩn thiện trợ sắc tâm thiện bằng Câu sanh duyên.

Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ hai: Câu sanh y duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu lọc thứ ba trong Câu sanh duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajāta-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Câu sanh duyên.

- Năng duyên là tất cả pháp thiện.
- Sở duyên cũng là pháp thiện và sắc tâm thiện.

Câu tiếp theo:

1. Một uẩn thiện trợ 3 uẩn thiện và sắc tâm thiện bằng Câu sanh duyên.

2. Ba uẩn thiện trợ 1 uẩn thiện và sắc tâm thiện bằng Câu sanh duyên.
3. Hai uẩn thiện trợ cho 2 uẩn thiện và sắc tâm thiện bằng Câu sanh duyên.

Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ ba: Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý.

4. Câu lọc thứ tư trong Câu sanh duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Câu sanh duyên.

- Pháp năng, pháp sở đều bất thiện cả.

Câu tiếp theo:

1. Một uẩn bất thiện trợ 3 uẩn bất thiện bằng Câu sanh duyên.
2. Ba uẩn bất thiện trợ cho 1 uẩn bất thiện...
3. Hai uẩn bất thiện trợ cho 2 uẩn bất thiện...

Hợp trợ Câu sanh duyên trong câu lọc thứ tư: Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

5. Câu lọc thứ năm trong Câu sanh duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh duyên.
Là tâm bất thiện trợ sắc tâm bất thiện, tức là 1 uẩn, hoặc 2 uẩn, hoặc 3 uẩn, hoặc 4 uẩn bất thiện trợ sắc tâm bất thiện bằng Câu sanh duyên.

Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ năm: Câu sanh y duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

6. Câu lọc thứ sáu trong Câu sanh duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Câu sanh duyên.

Tức là những pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

Câu tiếp theo:

1. Một uẩn bất thiện trợ cho 3 uẩn bất thiện và sắc tâm bất thiện bằng Câu sanh duyên.
2. Ba uẩn bất thiện trợ cho 1 uẩn bất thiện và sắc tâm bất thiện...
3. Hai uẩn bất thiện trợ cho 2 uẩn bất thiện và sắc tâm bất thiện...

Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ 6: Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.

- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

7. <u>Câu lọc thứ bảy trong Câu sanh duyên</u>: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Câu sanh duyên.

- Pháp vô ký năng duyên đây là tâm vô ký và sở hữu hợp.
- Pháp vô ký sở duyên cũng là tâm vô ký và thêm sắc tâm vô ký.

<u>Câu tiếp theo</u>:

1) Một uẩn quả hay tố trợ cho 3 uẩn quả hay tố và sắc tâm quả hay tố.
2) Ba uẩn quả hay tố trợ cho 1 uẩn quả hay tố và sắc tâm quả hoặc tố.
3) Hai uẩn quả hay tố trợ cho 2 uẩn quả hay tố và sắc tâm quả hoặc tố.
4) Khi tái tục uẩn vô ký quả trợ cho 3 uẩn và sắc nghiệp bằng Câu sanh duyên.
5) Ba uẩn trợ cho 1 uẩn và sắc nghiệp bằng Câu sanh duyên (khi tái tục) .
6) Hai uẩn trợ cho 2 uẩn và sắc nghiệp bằng Câu sanh duyên.
7) Tất cả uẩn trợ cho sắc ý vật bằng Câu sanh duyên.
8) Sắc ý vật trợ cho tất cả uẩn bằng Câu sanh duyên.

   Giải thêm điều 7 và 8 là 4 danh uẩn tái tục trợ cho sắc ý vật tái tục, hay là sắc ý vật tái tục trợ cho 4 danh uẩn bằng cách câu sanh.

9) Một sắc tứ đại trợ 3 sắc tứ đại bằng Câu sanh duyên.
10) Ba sắc tứ đại trợ 1 sắc tứ đại bằng Câu sanh duyên.
11) Hai sắc tứ đại trợ 2 sắc tứ đại bằng Câu sanh duyên.
12) Bốn sắc tứ đại trợ cho sắc tâm, sắc nghiệp và sắc y sinh bằng Câu sanh duyên.

    Trong đây, điều 9, 10, 11 và 12 nói sắc tứ đại tức là sắc tâm tứ đại, sắc tái tục tứ đại và sắc nghiệp bình nhựt tứ đại.

13) Một sắc tứ đại ngoại trợ cho 3 sắc tứ đại ngoại.
14) Ba sắc tứ đại ngoại trợ cho 1 sắc tứ đại ngoại bằng...
15) Hai sắc tứ đại ngoại trợ cho 2 sắc tứ đại ngoại...
16) Bốn sắc tứ đại ngoại trợ cho sắc y sinh ngoại...

17) Một sắc tứ đại vật thực trợ cho 3 sắc tứ đại vật thực...
18) Ba sắc tứ đại vật thực trợ cho 1 sắc tứ đại vật thực...
19) Hai sắc tứ đại vật thực trợ cho 2 sắc tứ đại vật thực...
20) Bốn sắc tứ đại vật thực trợ cho sắc y sinh vật thực...

21) Một sắc đại minh quí tiết trợ 3 sắc tứ đại quí tiết...
22) Ba sắc đại minh quí tiết trợ 1 sắc tứ đại quí tiết...
23) Hai sắc đại minh quí tiết trợ 2 sắc đại minh âm dương...
24) Bốn sắc đại minh trợ cho sắc y sinh...
25) Một sắc đại minh cõi Vô tưởng trợ 3 sắc đại minh cõi Vô tưởng...
26) Ba sắc đại minh cõi Vô tưởng trợ 1 sắc đại minh cõi Vô tưởng...
27) Hai sắc đại minh cõi Vô tưởng trợ 2 sắc đại minh cõi Vô tưởng...
28) Bốn sắc đại minh cõi Vô tưởng trợ sắc nghiệp y sinh cõi Vô tưởng.

- Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ bảy (từ câu tiếp theo 1 đến 3): Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
  - Thời: bình nhựt.
  - Cõi: hữu tâm.
  - Người: 4 phàm 4 quả.
  - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

- Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ bảy (từ câu tiếp theo 4 đến 8): Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
  - Thời: Khi tái tục.
  - Cõi: hữu tâm (điều 7 và 8 không có với cõi tứ uẩn).
  - Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
  - Lộ tâm: nói theo lộ tâm thuộc về khi tái tục.

- Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ bảy (từ câu tiếp theo 9 đến 28): Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
  - Thời: Khi tái tục và bình nhựt (khi bình nhựt chỉ lấy sắc sanh theo vật không có mạng quyền).
  - Cõi: hữu tâm.
  - Người: 4 phàm, 8 Thánh (luôn cả vật vô mạng quyền).
  - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý, lộ sắc (và lộ sắc của thứ vô mạng quyền).

8. <u>Câu lọc thứ tám trong Câu sanh duyên</u>: *Kusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp thiện và vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Câu sanh duyên.

- Pháp thiện và vô ký năng duyên đây tức là pháp thiện và sắc tâm thiện đại minh.
- Pháp vô ký sở duyên đây tức là sắc tâm thiện.

<u>Câu tiếp theo</u>: Tất cả uẩn thiện và tất cả sắc tứ đại trợ cho sắc tâm bằng cách Câu sanh duyên, tức là 4 uẩn thiện và sắc tâm đại minh hoặc 1, hoặc 2, hoặc 3, hoặc 4 làm Câu sanh duyên cho sắc tâm đại minh ngoài ra và sắc tâm y sinh thành sở duyên.

Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ 8: Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh (trừ La-hán quả).
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bằng tâm thiện.

9. <u>Câu lọc thứ chín trong Câu sanh duyên</u>: *Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện và vô ký trợ cho pháp vô ký bằng Câu sanh duyên.

- Pháp năng duyên tức là pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện đại minh.
- Pháp vô ký sở duyên tức là sắc tâm bất thiện.

<u>Câu tiếp theo</u>:

- Tất cả uẩn bất thiện và tất cả sắc tứ đại trợ cho sắc tâm bất thiện.
- 4 uẩn bất thiện và sắc tâm bất thiện tứ đại minh, 1 đại hoặc 2, 3, 4 làm duyên câu sanh.
- Còn sắc tâm tứ đại bất thiện và sắc tâm y sinh bất thiện làm sở duyên.

Hợp trợ với Câu sanh duyên trong câu lọc thứ 9: Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

~~~~~~~~~~

HỖ TƯƠNG DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Hỗ tương duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa aññamaññapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Hỗ tương duyên.

- Pháp năng duyên và sở duyên đều lấy hết pháp thiện.

Câu tiếp theo:
1) Nhứt uẩn thiện trợ 3 uẩn thiện bằng Hỗ tương duyên.
2) Ba uẩn thiện trợ 1 uẩn thiện bằng Hỗ tương duyên.
3) Hai uẩn thiện trợ 2 uẩn thiện bằng Hỗ tương duyên.

Hợp trợ với Hỗ tương duyên trong câu lọc thứ nhứt: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh (trừ La-hán).
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu lọc thứ hai trong Hỗ tương duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa aññamaññapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Hỗ tương duyên.

- Năng duyên, sở duyên đều bất thiện cả.

Câu tiếp theo:
1) Một uẩn bất thiện trợ cho 3 uẩn bất thiện bằng Hỗ tương duyên.
2) Ba uẩn bất thiện trợ cho 1 uẩn bất thiện bằng Hỗ tương duyên.
3) Hai uẩn bất thiện trợ cho 2 uẩn bất thiện bằng Hỗ tương duyên.

Hợp trợ với Hỗ tương duyên trong câu lọc thứ hai: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu lọc thứ ba trong Hỗ tương duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa aññamaññapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Hỗ tương duyên.
- Pháp vô ký năng duyên đây tức là tâm vô ký, 38 sở hữu hợp, sắc tứ đại minh và sắc ý vật tái tục.
- Pháp vô ký sở duyên đây cũng là tâm vô ký, sắc tứ đại minh và sắc ý vật tái tục.

Câu tiếp theo:

1) Một uẩn vô ký quả hay uẩn vô ký tố trợ cho 3 uẩn vô ký quả hay tố bằng Hỗ tương duyên.
2) Ba uẩn vô ký quả hay tố trợ cho 1 uẩn vô ký quả hay tố bằng Hỗ tương duyên.
3) Hai uẩn vô ký quả, tố trợ cho 2 uẩn vô ký quả, tố...
4) Uẩn vô ký quả tái tục giúp cho 3 uẩn vô ký quả tái tục và sắc ý vật bằng Hỗ tương duyên.
5) Ba uẩn vô ký quả tái tục giúp cho 1 uẩn vô ký quả tái tục và sắc ý vật bằng Hỗ tương duyên.
6) Hai uẩn vô ký quả tái tục trợ cho 2 uẩn vô ký quả tái tục và sắc ý vật...
7) Hoặc 1, 2, 3, 4 uẩn vô ký quả trợ sắc ý vật khi tái tục.
~~~~~~~~~~

8) Sắc ý vật tái tục trợ cho tất cả uẩn vô ký quả khi tái tục...
9) Một sắc đại minh giúp cho sắc tâm và sắc nghiệp đại minh bằng Hỗ tương duyên.
10) Ba sắc đại minh giúp cho 1 sắc đại minh tâm hoặc sắc nghiệp bằng...
11) Hai sắc đại minh trợ 2 sắc đại minh tâm và nghiệp...
12) Một sắc đại minh ngoại giúp cho 3 sắc đại minh ngoại bằng...
13) Ba sắc đại minh ngoại giúp cho 1 sắc đại minh ngoại...
14) Hai sắc đại minh ngoại giúp cho 2 sắc đại minh ngoại...
15) Một sắc đại minh vật thực giúp cho 3 sắc đại minh vật thực bằng Hỗ tương duyên.
16) Ba sắc đại minh vật thực giúp cho 1 sắc đại minh vật thực bằng...
17) Hai sắc đại minh vật thực giúp cho 2 sắc đại minh vật thực bằng...
18) Một sắc đại minh quí tiết giúp cho 3 sắc đại minh quí tiết bằng...
19) Ba sắc đại minh quí tiết giúp cho 1 sắc đại minh quí tiết bằng...
20) Hai sắc đại minh quí tiết giúp cho 2 sắc đại minh quí tiết bằng...
21) Một sắc đại minh nghiệp vô tưởng giúp cho 3 sắc đại minh nghiệp vô tưởng...
22) Ba sắc đại minh nghiệp vô tưởng giúp cho 1 sắc đại minh nghiệp vô tưởng...
23) Hai sắc đại minh nghiệp vô tưởng giúp cho 2 sắc đại minh nghiệp vô tưởng...

- Hợp trợ với Hỗ tương duyên trong câu lọc thứ ba (từ điều 1 đến 3): Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
  - Thời: bình nhựt.
  - Cõi: hữu tâm.
  - Người: 4 phàm, 4 quả.
  - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

- Hợp trợ với Hỗ tương duyên trong câu lọc thứ ba (từ điều 4 đến 8): Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
  - Thời: Khi tái tục.
  - Cõi: hữu tâm.
  - Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
  - Lộ tâm: Siêu lộ khi tái tục.

- Hợp trợ với Hỗ tương duyên trong câu lọc thứ ba (từ điều 9 đến 23): Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
  - Thời: bình nhựt, tái tục.
  - Cõi: hữu sắc.
  - Người: 4 phàm, 7 Thánh (trừ La-hán, luôn cả vật vô mạng quyền).
  - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và lộ sắc (vật vô tri).

~~~~~~~~~~

Câu sanh y duyên <u>trùng</u> Câu sanh duyên

~~~~~~~~~~

VẬT TIỀN SINH Y DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Vật tiền sanh y duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthupurejāta nissayapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vật tiền sanh y duyên.

- Vô ký năng duyên đây là 6 sắc hữu vật sanh trước.
- Vô ký sở duyên đây là tâm vô ký và sở hữu hợp sanh sau 6 vật theo cõi ngũ uẩn.

Lời phụ.

1) là nhãn vật trợ cho 2 tâm nhãn thức bằng Vật tiền sanh y duyên, tức là sắc nhãn thanh triệt đang trụ làm Vật tiền sanh y duyên cho 2 tâm nhãn thức và 7 sở hữu hợp.
2) là nhĩ vật trợ cho 2 tâm nhĩ thức bằng Vật tiền sanh y duyên, tức là sắc nhĩ thanh triệt đang trụ trợ cho 2 tâm nhĩ thức và 7 sở hữu hợp bằng Vật tiền sanh y duyên.
3) là tỷ vật trợ cho 2 tâm tỷ thức và 7 sở hữu hợp bằng Vật tiền sanh y duyên.
4) là thiệt vật trợ cho 2 tâm thiệt thức và 7 sở hữu hợp bằng Vật tiền sanh y duyên.
5) là thân vật trợ cho 2 tâm thân thức và 7 sở hữu hợp bằng Vật tiền sanh y duyên.
6) là ý vật hay 6 vật trợ cho tất cả danh uẩn vô ký bằng Vật tiền sanh y duyên tức là sắc ý vật đồng sanh với tâm trước trước, như là tâm tái tục v.v... làm Vật tiền sanh y duyên. Còn tâm vô ký, ngũ song thức và quả vô sắc thành sở duyên.

Ý vật sanh trước làm năng duyên, tâm xuất thiền diệt sanh sau làm sở duyên.

6 vật đồng sanh với tâm 17 kể từ tâm tử trở lại, làm Vật tiền sanh y duyên.

Còn 16 cái tâm sau, kể luôn tâm tử, làm sở duyên.

Hợp trợ với Vật tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ nhứt: Cảnh duyên, Vật tiền sanh duyên, Tiền sanh quyền duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu lọc thứ hai trong Vật tiền sanh y duyên: *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthupurejātanis-sayapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vật tiền sanh y duyên.

- Vô ký đây tức là sắc ý vật đồng sanh với tâm trước trước.
- Pháp thiện đây là tất cả tâm thiện sanh sau sắc ý vật.

Lời phụ:

Sắc nương trái tim trợ pháp thiện bằng Vật tiền sanh y duyên.

- Sắc ý vật sanh trước tâm đổng lực thiện từ tâm phân đoán hay khai ý môn trở về trước.
- Tâm thiện đặng nhờ đây tức là nhờ 49 bọn sắc ý vật đang trụ. Còn bọn đang sanh và bọn đang diệt không nhờ đặng.
- Thiện mà sanh trong lộ cận tử cũng nhờ sắc ý vật đã sanh trước kia, đếm từ tâm tử trở ngược lại 17 cái tâm về trước mà những bọn còn đang trụ.

Hợp trợ với Vật tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ hai: Cảnh duyên, Vật tiền sanh duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh (trừ tứ quả).
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện v.v...

3. Câu lọc thứ ba trong Vật tiền sanh y duyên: *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthupure-jātanissayapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật tiền sanh y duyên,
- Pháp năng duyên đây tức là sắc ý vật.
- Pháp sở duyên: tất cả pháp bất thiện.

Lời phụ: sắc ý vật trợ cho những uẩn bất thiện bằng Vật tiền sanh y duyên.

Hợp trợ với Vật tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ ba: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Vật tiền sanh duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện v.v... .



CÂU SANH Y DUYÊN VÀ VẬT TIỀN SANH Y DUYÊN HIỆP LỰC

Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên nối lại thành 2 câu lọc đặc biệt như sau:

1. Câu lọc thứ nhứt của Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên (hợp chung lại): *Kusalo ca abyākato ca dhammā kusalassa dhammassa sahajāta nissayavatthupurejāta-nissayapaccayena paccayo* - Những pháp thiện và vô ký trợ cho pháp thiện bằng Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên.
- Năng duyên đây là pháp thiện và sắc ý vật sanh trước.
- Sở duyên đây là pháp thiện.

Lời phụ:

1) Một uẩn thiện và sắc ý vật sanh trước đồng với tâm phân đoán hoặc tâm khai ý môn v.v... là Câu sanh y và Vật tiền sanh y duyên. Ba uẩn thiện ngoài ra làm sở duyên bằng cách 2 duyên. K 5 T Q P Đ7 N2
2) Ba uẩn thiện và sắc ý vật đồng sanh với tâm trước trước như là tâm phân đoán hoặc khai ý môn v.v... làm Câu sanh y và Vật tiền sanh y duyên. Thì 1 uẩn thiện ngoài ra làm sở duyên cho 2 duyên. K 5 T Q P Đ7 N2
3) Hai uẩn thiện và sắc ý vật sanh đồng với tâm trước như là tâm phân đoán hoặc khai ý môn v.v.... làm Câu sanh y và Vật tiền sanh y duyên. Còn 2 uẩn thiện ngoài ra thành sở duyên bằng cách 2 duyên. V R D K 5 T Q P Đ7 N2

Hợp trợ với Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ nhứt: Y chỉ duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.

- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v... đều là đổng lực thiện.

2. Câu lọc thứ hai của Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên (hợp chung lại): *Akusalo ca abyākato ca dhammā akusalassa dhammasa sahajāta nissayavatthu-purejātanissayapaccayena paccayo* - Những pháp bất thiện và vô ký trợ cho pháp bất thiện bằng Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên.

- Năng duyên là pháp bất thiện và sắc ý vật đồng sanh với những tâm trước.
- Còn sở duyên đây là pháp bất thiện sanh sau sắc ý vật.

Lời phụ:

1) Một uẩn bất thiện và sắc ý vật đồng sanh với tâm trước như là tâm phân đoán hoặc khai môn làm Câu sanh y và Vật tiền sanh y duyên. Thời 3 uẩn bất thiện ngoài ra thành pháp sở duyên.
2) Ba uẩn bất thiện và sắc ý vật đồng sanh với tâm trước trước như là tâm phân đoán hoặc khai ý môn v.v... làm Câu sanh y và Vật tiền sanh y duyên. Thì 1 uẩn bất thiện ngoài ra làm sở duyên cho 2 duyên.
3) Hai uẩn bất thiện và sắc ý vật sanh đồng với tâm trước như là tâm phân đoán hoặc khai ý môn v.v... làm Câu sanh y và Vật tiền sanh y duyên. Còn 2 uẩn bất thiện ngoài ra thành sở duyên bằng cách 2 duyên.

Hợp trợ với Câu sanh y duyên và Vật tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ 2: Y chỉ duyên, Hiện hữu duyên, Bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đều là đổng lực bất thiện.



VẬT CẢNH TIỀN SANH Y DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Vật cảnh tiền sanh y duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vatthārammaṇapurejāta nissayapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Vật cảnh tiền sanh y duyên.

- Pháp năng duyên là sắc tâm sanh trước tâm tử 17 cái.
- Pháp sở duyên đây là tâm lộ quả và tố trong lộ cận tử như là khai ý môn, tâm na cảnh, tiếu sinh, đại tố, thông tố và 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ: sắc ý vật đồng sanh với tâm thứ 17 từ tâm tử đếm trở lại, làm duyên cho những tâm sanh theo lộ cận tử như nói trước, bắt sắc ý vật đã kể làm cảnh.

Hợp trợ với Vật cảnh tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ nhứt: Cảnh duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: Khi cận tử.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: La-hán.
- Lộ tâm: lộ nhập Níp-bàn và liên thông.

2. Câu lọc thứ hai trong Vật cảnh tiền sanh y duyên: *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Vật cảnh tiền sanh y duyên.

- Năng duyên: sắc tâm sanh trước tâm tử 17 cái.
- Sở duyên: là đại thiện sanh trong lộ cận tử 5 cái đổng lực thần thông thiện, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ:
- Theo đây là sắc ý vật đồng sanh với cái tâm thứ 17 từ tâm tử trở lại, làm năng duyên.
- Tâm đại thiện sanh theo lộ cận tử, tâm thông, 33 sở hữu hợp, thành sở duyên.

Hợp trợ với Vật cảnh tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ 2: Cảnh duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: Khi cận tử.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ cận tử và lộ hiện thông.

3. Câu lọc thứ ba trong Vật cảnh tiền sanh y duyên: *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa vatthārammaṇapurejātanissayapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Vật cảnh tiền sanh y duyên.
- Năng duyên là: sắc ý vật đồng sanh với tâm thứ 17 đếm từ tâm tử trở lại.
- Sở duyên: là bất thiện sanh theo lộ tử (trừ tật, lận, hối).

Lời phụ: Theo đây là sắc ý vật đồng sanh với tâm thứ 17 từ tâm tử trở lại làm cảnh cho bất thiện sanh theo lộ cận tử. Nhưng không phải cảnh của tật, lận, hối.

Hợp trợ với Vật cảnh tiền sanh y duyên trong câu lọc thứ ba: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: Khi cận tử.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ cận tử.

~~~~~~~~~~

Cảnh cận y duyên trùng Cảnh trưởng duyên.

Vô gián cận y duyên trùng Vô gián duyên.

~~~~~~~~~~

THƯỜNG CẬN Y DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Thường cận y duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

Năng duyên và sở duyên lấy hết tâm thiện, nhưng năng duyên trừ ra La-hán đạo. Vì La-hán đạo là đạo cao tột không còn giúp cho tâm đạo nào nữa.

Câu phụ:

1) Người do đức tin mạnh có thể bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới, đắc thiền, tu quán, đắc đạo, đắc thông cho đến nhập thiền đặng cũng do nhờ đức tin bền mạnh.
   - Nương đức tin mạnh đây tức là tâm đại thiện, 38 sở hữu hợp có sở hữu tín hướng đạo làm Thường cận y duyên.
   - Còn thọ trì thanh tịnh giới tức là 8 đại thiện, 38 sở hữu hợp có sở hữu tư *(cetanā)* làm hướng đạo, thành sở duyên.
   - Đắc thiền tức là 9 tâm thiện đáo đại cũng thành sở duyên.
   - Tu quán đây tức là do 8 tâm đại thiện có sở hữu tư *(cetanā)* hợp làm hướng đạo cũng thành sở duyên.
   - Đắc đạo tức là 4 bực đạo phát sanh cũng thành sở duyên.
   - Đắc thông là ngũ thông tức là tâm thiện ngũ thiền sắc giới cũng thành sở duyên.
   - Nhập thiền đặng tức là tâm thiện đáo đại sanh những lần sau khi đắc, cũng là sở duyên. (Những sở hữu hợp với tâm thành sở duyên, tùy trường hợp).
2) Có người do nhờ sức mạnh của sự trì giới mà có thể làm cho đặng những điều như đã kể trên thành tựu do nhờ Thường cận y duyên.
3) Đức tin trì giới nương trí trợ cho đức tin trì giới nương trí thành tựu nhờ Thường cận y duyên.
4) Tâm thiện tu chỉ trợ sơ thiền thiện bằng Thường cận y duyên.

Câu 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11. Các bực thiền thiện nối sau đại thiện tương ưng theo lộ kiên cố trong phần tu chỉ cũng trợ như thế.

12) Sơ thiền thiện trợ cho nhị thiền thiện bằng Thường cận y duyên (thiền thấp trợ thiền cao như thế cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như thế).
14) Luyện các thứ thông bằng đại thiện tương ưng là thiện trợ cho các thông bằng Thường cận y duyên (gồm đến câu 28).
29) Tâm đại thiện tương ưng tu tiến sơ đạo làm Thường cận y duyên cho sơ đạo (nhị, tam, tứ đạo cũng như thế) trùm đến câu 32.
33) Sơ đạo làm duyên cho nhị đạo, nhị đạo làm duyên cho tam đạo v.v... bằng Thường cận y duyên.
34) Bậc hữu học do đạo mạnh trợ cho thiền hiệp thế phát sanh đặng bằng Thường cận y duyên.
35) Quả hữu học do đạo mạnh trợ cách nhập thiền hiệp thế bằng Thường cận y duyên.
36) Quả hữu học do đạo mạnh để quán thấy vô thường, khổ não và vô ngã.

Đạo mạnh đây tức là; sơ, nhị, tam đạo trợ cho tâm quán thấy vô thường v.v... là 8 đại thiện, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

37) Ba đạo thấp trợ duyên cho bực quả hữu học đắc tứ đặc tài[5] *(Paṭisambhihāñāṇa).*
- Lý đặc tài *(Aṭṭhapaṭisambhidāñāna).*
- Pháp đặc tài *(Dhammapaṭisambhidāñāna).*
- Ngữ đặc tài *(Niruttipaṭisambhidāñāna).*
- Đáp đặc tài *(Paṭibhānapaṭisambhidāñāna).*

Tứ đặc tài đây là trí hiệp đại thiện và pháp tương ưng nhờ 3 đạo thấp trợ bằng cách Thường cận y duyên.

Hợp trợ với Thường cận y duyên trong câu lọc thứ nhứt: câu này không có duyên nào khác hợp trợ.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý, lộ kiên cố.

2. Câu lọc thứ hai trong Thường cận y duyên: *Kusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

Pháp thiện hiệp thế mạnh trợ cho pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên như sau:

Lời phụ:

1) Đức tin quá mạnh cũng có thể phát sanh ngã mạn, tà kiến.
2) Trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể phát sanh ngã mạn, tà kiến.
3) Đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí huệ nhiều cũng có thể sanh: ái dục, sân, si, ngã mạn, tà kiến.

Hợp trợ với Thường cận y duyên trong câu lọc thứ 2: Câu này cũng không có duyên hợp trợ.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý.

3. Câu lọc thứ ba trong Thường cận y duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissayapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

Tất cả pháp thiện có sức mạnh trợ Thường cận y duyên cho tâm tố phát sanh.

Lời phụ:

1) Cũng có người do đức tin quá mạnh có thể làm cho thân khổ.
   Đức tin trong tâm thiện, thân khổ là pháp vô ký thân thức thọ khổ.
2) Người trì giới, đa văn, bố thí, trí huệ nhiều cũng có thể làm cho thân khổ (như câu: "Xảo yếm đa lao").
3) Đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ nhiều cũng có thể giúp cho thân sướng và nhập thiền quả.
   - Pháp năng duyên đây là pháp thiện (trừ vô lượng phần).
   - Pháp sở duyên đây là thân thức thọ lạc và tâm quả hữu thiền.

[5] Tứ Đặc Tài tức là tứ vô ngại giải, tứ trí hay tứ đạo phân tích.

4) Nghiệp thiện trợ giúp cho tâm quả bằng cách Thường cận y duyên (xem Dị thời nghiệp duyên).
5) Bực La-hán nhờ đạo mạnh nên thiền tố không có cũng phát sanh và dễ quán vô thường, khổ não, vô ngã.
6) La-hán đạo mạnh trợ lục thông bằng Thường cận y duyên.
7) Đạo mạnh giúp nhập thiền quả bằng Thường cận y duyên.

Hợp trợ với Thường cận y duyên trong câu lọc thứ ba: không có duyên nào.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và khi cận tử.

4. Câu lọc thứ tư trong Thường cận y duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya-paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.

Lời phụ:
1) Ái dục mạnh có thể sát sanh, trộm cướp, nói dối, hai lời, thêu dệt, miệng dữ.
2) Người đa sân có thể sát sanh, v.v... cho đến phá hòa hợp Tăng cũng được.
3) Người đa si cũng thế...
4) Người đa ngã mạn cũng thế...
5) Người nhiều tà kiến cũng thế...
6) Người đa ham muốn cũng thế...
7) Nhồi lại sáu câu trước.
8) Hành động sát sanh trợ cho hành động sát sanh bằng cách Thường cận y duyên.
9) Sự sát sanh có thể trợ cho làm 9 điều ác kia bằng Thường cận y duyên.
10) Trộm cướp cũng có thể trợ duyên cho thập ác bằng cách Thường cận y duyên.

Giải thêm thay đổi 10 điều ác trợ cho 10 điều ác.

11) Tà dâm có thể trợ cho vọng ngữ, tham ác, sân ác, tà kiến ác bằng Thường cận y duyên.
12) Tà kiến cũng có thể trợ cho sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, tham ác, sân ác, bằng Thường cận y duyên.
13) Giết cha, mẹ đời quá khứ cũng có thể làm duyên giết cha, mẹ đời này bằng cách Thường cận y duyên.
14 và 15) Từng sát phụ, mẫu cũng có thể làm duyên cho sự tạo ngũ nghịch vô gián tội thêm bằng cách Thường cận y duyên.
16) Giết La-hán cũng có thể làm duyên cho tạo thêm ngũ nghịch bằng cách Thường cận y duyên.
17) Chích Phật thân huyết cũng có thể làm duyên cho tạo thêm ngũ nghịch bằng Thường cận y duyên.
18) Phá hòa hợp Tăng cũng có thể trợ duyên cho tạo ngũ nghịch bằng cách Thường cận y duyên.
19) Đã từng mang tà kiến nhứt định cũng trợ cho tà kiến nhứt định v.v... cho đến tạo ngũ nghịch bằng cách Thường cận y duyên.

Hợp trợ với Thường cận y duyên trong câu lọc thứ tư: không có duyên nào.
- Thời: bình nhựt.

- Cõi: 21 cõi phàm ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm.
- Lộ tâm: lộ ý đổng lực bất thiện.

5. Câu lọc thứ năm trong Thường cận y duyên: *Akusalo dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya-paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.

- Năng duyên: Tất cả pháp bất thiện.
- Sở duyên: Tất cả pháp thiện.

Lời phụ:

1) Có người thường quen ái tình nặng cũng trợ sự bố thí, trì ngũ giới, thanh tịnh giới, tu tịnh, cho đến đắc thiền, nhập thiền, hiện thông, tu quán cho đến đắc đạo.
   - Pháp năng duyên đây là tâm tham, 22 sở hữu hợp, có tham làm hướng đạo để mong mỏi đời sau v.v...
   - Sở duyên đây là tất cả pháp thiện.

2) Có người nặng tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến hoặc cũng giúp cho sự bố thí, trì giới, tu tiến v.v...

   Năng, sở đều lấy hết thiện và bất thiện.

3) Có người nặng ái tình, sân, si, ngã mạn, tà kiến, cũng làm Thường cận y duyên cho tín, giới, văn, xả, trí.

4) Có người đã sát sanh, vì muốn chặn đứng quả bất thiện sau này, cho nên phát tâm bố thí, trì giới, tu tiến cho đến đắc thiền, đắc thông, đắc đạo.

5) Có người từng trộm cướp hay vọng ngữ hoặc tà dâm, nhưng sau thức tỉnh cũng có khi bố thí, trì giới, tu tiến cho đến đắc thiền, thông hoặc đạo.

6 và 7) Có người giết cha hoặc mẹ, chích Phật thân huyết, phá hòa hợp Tăng cũng có sau khi phát tâm bố thí và trì giới do Thường cận y duyên.
   - Pháp năng duyên đây là tâm sân, tâm si và 22 sở hữu hợp (có lẽ tâm si chỉ phá hòa hợp Tăng).
   - Pháp sở duyên đây là 8 tâm đại thiện và 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Duyên hợp trợ: Không có.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ý môn.

6. Câu lọc thứ sáu trong Thường cận y duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya-paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.

- Năng duyên: Bất thiện.
- Sở duyên: Tâm vô ký, 38 sở hữu hợp.

Lời phụ:

1) Người đã từng nặng ái tình cũng có thể làm tự nóng nảy cho đến thân khổ bằng cách tìm tòi.
   - Ái tình tức là tâm tham, 22 sở hữu hợp làm Thường cận y duyên.
   - Còn thân thức thọ khổ và 7 sở hữu hợp thành pháp sở duyên.

2) Sân, si, ngã mạn, tà kiến thường quen mạnh, cũng có thể làm cho tự nóng nảy, chịu khổ do sự tìm tòi.
   - Pháp năng duyên là bất thiện.
   - Sở duyên: Cũng thân thức thọ khổ, 7 sở hữu hợp.

3) Ái tình, sân, si, ngã mạn, tà kiến và có sự mong mỏi đều có thể làm nhân cho thân thức thọ lạc hoặc thọ khổ, cũng có thể giúp cho nhập thiền quả bằng cách Thường cận y duyên.
   - Năng duyên đây là bất thiện.
   - Sở duyên: 2 tâm thân thức hoặc 4 quả siêu thế, 36 sở hữu hợp.

4) Nghiệp bất thiện trợ quả bằng Thường cận y duyên.
   - Năng duyên là sở hữu tư *(cetanā)* trong phần bất thiện.
   - Sở duyên: 7 tâm quả bất thiện và 10 sở hữu hợp.

Hợp trợ có thêm: Dị thời nghiệp duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ thân môn và ý môn hoặc nhập thiền quả.

7. <u>Câu lọc thứ bảy trong Thường cận y duyên</u>: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pakatūpanissaya-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Thường cận y duyên.
- Vô ký năng duyên là tâm vô ký, 38 sở hữu hợp và sắc pháp.
- Vô ký sở duyên là tâm vô ký và 38 sở hữu hợp.

<u>Lời phụ</u>:

1) Thân sướng trợ cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng Thường cận y duyên.
   - Năng duyên là thân thức thọ lạc, 7 sở hữu hợp sanh trước.
   - Sở duyên là thân thức thọ lạc, thân thức thọ khổ sanh sau và tâm quả siêu thế, 36 sở hữu hợp.

2) Sự khổ thân cũng trợ thân khổ, thân lạc và nhập thiền quả bằng Thường cận y duyên.
   - Năng duyên đây là thân thức thọ khổ, 7 sở hữu hợp sanh trước.
   - Sở duyên đây là thân thức thọ khổ, thân thức thọ lạc sanh sau và 4 quả siêu thế, 36 sở hữu hợp.

3) Âm dương trợ thân lạc, thân khổ và nhập thiền quả bằng cách Thường cận y duyên.
   - Năng duyên đây là sự nóng, sự lạnh thích hợp hoặc không thích hợp.
   - Sở duyên đây là thân thức thọ lạc, thân thức thọ khổ, quả siêu thế và 36 sở hữu hợp.

4) Vật thực trợ cho thân khổ, thân lạc và nhập thiền quả bằng cách Thường cận y duyên.
   - Vật thực đây tức là món ăn thích hợp hoặc không.
   - Sở duyên là thân thức thọ khổ, thọ lạc, quả siêu thế và 36 sở hữu hợp.

5) Chỗ ở trợ cho sự thân khổ, thân lạc và nhập thiền quả bằng cách Thường cận y duyên.
   - Chỗ ở đây thích hợp hoặc không thích hợp.
   - Sở duyên đây là thân thức thọ lạc, thọ khổ, quả siêu thế và 36 sở hữu hợp.

6) Sự sướng thân hoặc khổ thân, sự lạnh, sự nóng, chỗ ở và vật thực cũng có thể trợ cho thân sướng, thân khổ và nhập thiền quả bằng cách Thường cận y duyên.
   - Năng duyên đây là thân thức thọ lạc, thân thức thọ khổ, 7 sở hữu hợp và âm dương, vật thực, chỗ ở thích hợp hoặc không đều cũng có thể trợ bằng cách Thường cận y duyên.

- Sở duyên đây là thân thức thọ lạc, thọ khổ, quả siêu thế, 36 sở hữu hợp.

7) Nhập thiền quả cũng trợ cho thân thức thọ lạc bằng Thường cận y duyên.

8) La-hán nương sự rất sướng thân rồi sau những thiền chưa từng có cũng nhập được, rồi Quán pháp hành vi bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã.
   - Năng duyên đây là thân thức thọ lạc của La-hán.
   - Sở duyên đây là tâm tố đáo đại, 35 sở hữu hợp và 8 tâm đại tố, 33 sở hữu hợp trong khi tu quán.

9) La-hán nương thân khổ hoặc nóng, hoặc lạnh hay vật thực cùng chỗ ở đều cũng có thể nhập thiền nhập thế chưa từng đặng rồi quán sát vô thường, khổ não, vô ngã.

   Năng duyên đây là thân thức thọ lạc của La-hán, hoặc âm dương, vật thực, chỗ ở thích hợp cùng chăng cũng có thể làm Thường cận y duyên cho sự nhập thiền hiệp thế và quan sát vô thường, khổ não, vô ngã bằng tâm đại tố.

Không có duyên hợp trợ.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ thân môn, ý môn và nhập thiền.

8. Câu lọc thứ tám trong Thường cận y duyên: *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa pakatūpanissaya-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Thường cận y duyên.
- Vô ký đây là tâm vô ký, sở hữu hợp và sắc pháp (trừ La-hán quả).
- Sở duyên đây là tất cả pháp thiện.

Lời phụ:

1) Nhờ thân thức thọ lạc thường mạnh cũng có thể bố thí, thọ trì ngũ giới, thanh tịnh giới, đắc thiền, tu quán cho đến đắc đạo, đắc thông, nhập thiền đều là tâm thiện và 38 sở hữu hợp.

2) Nhờ sự khổ thân thường quen mạnh và âm dương, vật thực, chỗ ở yên vui cũng làm Thường cận y duyên cho sự: Bố thí, trì ngũ giới, thanh tịnh giới, đắc thiền, tu huệ, đắc đạo, đắc thông, nhập thiền đều bằng tâm thiện và 38 sở hữu hợp đặng nhờ.

3) Sự sướng thân, khổ thân và âm dương, vật thực thích hợp làm Thường cận y duyên cho đức tin, trì giới, đa văn, trí huệ, bố thí đều bằng tâm thiện.

   Không có duyên hợp trợ.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ thân môn, ý môn và kiên cố tùy trường hợp.

9. Câu lọc thứ chín trong Thường cận y duyên: *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa pakatūpanissaya-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Thường cận y duyên.
- Vô ký đây là tâm vô ký, sở hữu hợp, sắc pháp.
- Sở duyên là tất cả pháp bất thiện.

Lời phụ:

1) Do sự sướng thân quen mạnh làm Thường cận y duyên cho sự sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ v.v... cho đến tạo ngũ vô gián đều bằng pháp bất thiện.

2) Do thân khổ hoặc âm dương, vật thực, chỗ ở cũng có thể làm Thường cận y duyên những sự ác như đã nói.

Duyên hợp trợ: không có.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học (phàm nhân làm ác được; quả hữu học hoặc làm việc bất thiện được, chớ làm ác không được).
- Lộ tâm: lộ thân môn, ý môn đổng lực bất thiện.

~~~~~~~~~~

Vật tiền sanh duyên trùng Vật tiền sanh y duyên

~~~~~~~~~~

CẢNH TIỀN SANH DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Cảnh tiền sanh duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapurejātapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Cảnh tiền sanh duyên.
- Vô ký năng duyên đây là 18 sắc rõ khi thành cảnh.
- Pháp sở duyên đây là tâm vô ký và thông tố, 33 sở hữu hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Lời phụ:

1) La-hán quán sát: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và sắc ý vật bằng vô thường, khổ não, vô ngã.
   - Năng duyên là sắc rõ thành cảnh hiện tại.
   - Sở duyên là đại tố, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

2) Cảnh sắc hiện tại dù xa, gần, trống, kín, lớn, nhỏ, cũng có thể làm Cảnh tiền sanh duyên cho nhãn thông của bực La-hán.

3) La-hán nghe tiếng bằng nhĩ thông tức là cảnh thinh hiện tại dù xa, gần, lớn, nhỏ, trống, kín cũng có thể làm Cảnh tiền sanh duyên cho nhĩ thông của bực La-hán.

4) Cảnh sắc hiện tại làm Cảnh tiền sanh duyên cho nhãn thức.

5) Cảnh thinh hiện tại làm Cảnh tiền sanh duyên cho nhĩ thức.

6) Cảnh khí hiện tại làm Cảnh tiền sanh duyên cho tỷ thức.

7) Cảnh vị hiện tại làm Cảnh tiền sanh duyên cho thiệt thức.

8) Cảnh xúc hiện tại làm Cảnh tiền sanh duyên cho thân thức.

9) Cảnh ngũ hiện tại cũng làm Cảnh tiền sanh duyên cho ý giới và 10 sở hữu hợp.

Kết luận 18 sắc rõ hiện tại làm Cảnh tiền sanh duyên cho tâm khai ý môn, 9 tâm đổng lực tố dục giới, 11 tâm na cảnh, 33 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần).

Hợp trợ với Cảnh tiền sanh duyên trong câu lọc thứ nhứt: Cảnh duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý, lộ quán sát, lộ hiện thông, tùy trường hợp.

2. Câu lọc thứ hai trong Cảnh tiền sanh duyên: *Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammanapurejātapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng Cảnh tiền sanh duyên.

- Vô ký đây cũng là 18 sắc rõ thành cảnh.
- Thiện đây là 8 đại thiện, thần thông thiện và 36 sở hữu hợp (trừ vô lượng phần) thành sở duyên.

Lời phụ:

1) Bậc hữu học và phàm nhân quán sát: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và sắc ý vật bằng cách vô thường, khổ não, vô ngã.

2) Bậc hữu học và phàm nhân thấy sắc bằng nhãn thông thiện.

3) Bậc hữu học và phàm nhân nghe tiếng bằng nhĩ thông.

Hợp trợ với Cảnh tiền sanh duyên trong câu 2: Cảnh duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý, lộ tu quán, lộ hiện thông.

3. Câu lọc thứ ba trong Cảnh tiền sanh duyên: *Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇapurejāta-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng Cảnh tiền sanh duyên.

- Vô ký năng duyên đây là 18 sắc rõ thành cảnh.
- Sở duyên là pháp bất thiện bắt sắc rõ làm cảnh.

Lời phụ:

Những người ưa thích nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc và sắc ý vật, nên nhớ đến thì ái dục, tà kiến, hoài nghi, điệu cử và sân phát sanh.

Pháp sở duyên nói chung là bất thiện.

Hợp trợ với Cảnh tiền sanh duyên trong câu lọc thứ ba: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Cảnh cận y duyên, Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học. (Yếu điểm: bực Bất lai lấy 18 sắc rõ làm cảnh cũng không sanh ái dục, tà kiến, hoài nghi và sân. Chỉ phát sanh điệu cử mà thôi).
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v... .

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

HẬU SANH DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Hậu sanh duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên.
- Năng duyên là tất cả pháp thiện.
- Sở duyên là sắc pháp.

Câu tiếp theo:

Những uẩn thiện trợ thân sắc sanh trước bằng Hậu sanh duyên.
- Tứ danh uẩn thiện sanh sau theo cõi ngũ uẩn làm năng duyên.
- Sở duyên là tam thân sắc *(tijakāya).* Sở duyên đây tức là sắc nghiệp, sắc tâm và sắc quí tiết (âm dương) cõi ngũ uẩn.

Hoặc tứ thân sắc *(catujakāya)* tức là sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quí tiết và sắc vật thực cõi ngũ uẩn trong khi đang trụ do đồng sanh với tâm trước như là phân đoán, khai môn trở về trước 16 cái.

Hợp trợ với Hậu sanh duyên trong câu lọc thứ nhứt: Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên, Hậu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

2. Câu lọc thứ hai trong Hậu sanh duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên.

Vô ký đây tức là sắc pháp.

Câu tiếp theo:
- Những uẩn bất thiện trợ cho thân sắc sanh trước bằng Hậu sanh duyên (trong cõi ngũ uẩn).
- Sở duyên là tam thân sắc *(tijakāya)* là sắc nghiệp, sắc tâm và sắc âm dương.

Hoặc tứ thân sắc *(catujakāya)* là sắc nghiệp, sắc tâm, sắc âm dương và sắc vật thực, Sát-na trụ do sanh trước từ tâm phân đoán và khai môn trở lại trong vòng 16 cái.

Hợp trợ với Hậu sanh duyên trong câu lọc thứ hai: Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên, Hậu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

3. Câu lọc thứ ba trong Hậu sanh duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa pacchājātapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Hậu sanh duyên.
- Vô ký năng duyên đây là tâm và sở hữu vô ký nương cõi ngũ uẩn sanh sau.
- Vô ký sở duyên đây là sắc pháp.

Câu tiếp theo:

Những danh uẩn vô ký sanh sau trợ cho thân sắc sanh trước bằng Hậu sanh duyên.
- Danh uẩn vô ký đây tức là tâm quả, tâm tố, 38 sở hữu hợp nương cõi ngũ uẩn sanh sau để trợ.

- Còn sở duyên như là nhứt thân sắc *(ekajakāya)* tức là sắc nghiệp tái tục hay nhị thân sắc *(davajakāya)* tức là sắc nghiệp, sắc âm dương. Hoặc tam thân sắc *(tijakāya)* tức là sắc nghiệp, sắc tâm, sắc âm dương. Hoặc tứ thân sắc *(catujakāya)* tức là sắc nghiệp, sắc tâm, sắc âm dương và sắc vật thực đang còn do sanh trước những tâm đã kể trên trong vòng 16 cái.

Hợp trợ với Hậu sanh duyên trong câu lọc thứ ba: Hậu sanh bất tương ưng duyên, Hậu sanh hiện hữu duyên, Hậu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...



TRÙNG DỤNG DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu tiền thứ nhứt trong Trùng dụng duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Trùng dụng duyên.
- Năng duyên là 17 tâm thiện hợp thế, 38 sở hữu hợp những cái sanh trước (trừ cái đổng lực chót).
- Sở duyên là tâm thiện sanh sau, không lấy cái sanh ban đầu.

Câu hậu:

1) Những uẩn thiện sanh trước trước trợ những uẩn thiện sanh kế sau bằng cách Trùng dụng duyên.

Những uẩn thiện sanh trước đây tức là 17 tâm thiện hợp thế, 38 sở hữu hợp sanh trước trước (trừ cái chót).

Còn tứ uẩn thiện sở duyên đây tức là tâm thiện và sở hữu hợp sanh sau (trừ cái chót).

2) Tâm thuận tùng trợ tâm bỏ bực và tâm tiến bực.

Tâm bỏ bực và tâm tiến bực trợ tâm đạo bằng Trùng dụng duyên.

Hợp trợ với Trùng dụng duyên trong câu tiền thứ nhứt: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

2. Câu tiền thứ hai trong Trùng dụng duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Trùng dụng duyên.

Năng và sở đều bất thiện cả.

Câu hậu:

Những uẩn bất thiện sanh trước trợ cho những uẩn bất thiện sanh sau bằng Trùng dụng duyên.

Hợp trợ với câu tiền thứ hai trong Trùng dụng duyên: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.

- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

3. Câu tiền thứ 3 trong Trùng dụng duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa āsevanapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Trùng dụng duyên.

   Vô ký đây tức là tâm đổng lực tố.

   Năng duyên sanh trước, sở duyên sanh sau (trừ ra tâm quả siêu thế).

   Câu hậu.

   Những uẩn tố sanh trước trợ cho những uẩn tố sanh sau bằng Trùng dụng duyên.

   Hợp trợ với câu tiền thứ ba trong Trùng dụng duyên: Đẳng vô gián duyên, Vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.
   - Thời: bình nhựt.
   - Cõi: hữu tâm.
   - Người: La-hán quả.
   - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v... đều đổng lực bằng tâm tố.

~~~~~~~~~~

CÂU SANH NGHIỆP DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Câu sanh nghiệp duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Câu sanh nghiệp duyên.
   - Năng duyên: Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện.
   - Sở duyên: Tất cả pháp thiện (trừ sở hữu tư *(cetanā))*

   Lời phụ:
   Tư thiện trợ cho uẩn thiện tương ưng bằng Câu sanh nghiệp duyên.

   Hợp trợ với Câu sanh nghiệp duyên trong câu lọc thứ nhứt: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
   - Thời: bình nhựt.
   - Cõi: hữu tâm.
   - Người: 4 phàm, 4 đạo, 3 quả hữu học.
   - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

2. Câu lọc thứ hai trong Câu sanh nghiệp duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakamma-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh nghiệp duyên.
   - Năng duyên: Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm thiện.
   - Sở duyên: sắc tâm thiện.

   Lời phụ: Tư thiện trợ sắc tâm thiện bằng Câu sanh nghiệp duyên.

   Tư thiện tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm thiện.
   Sắc tâm thiện năng duyên là đồng sanh với tâm thiện.

   Hợp trợ với câu lọc thứ hai trong Câu sanh nghiệp duyên: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
   - Thời: bình nhựt.
   - Cõi: ngũ uẩn.
   - Người: 4 phàm, 4 đạo và 3 quả hữu học.
~~~~~~~~~~

- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

3. Câu lọc thứ ba trong Câu sanh nghiệp duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Câu sanh nghiệp duyên.
   - Thiện năng duyên là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện trong cõi ngũ uẩn.
   - Sở duyên đây là sắc tâm thiện và pháp thiện sanh cõi ngũ uẩn (trừ sở hữu tư *(cetanā)*).

   Lời phụ: Tư thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm thiện bằng Câu sanh nghiệp duyên.

   Hợp trợ với Câu sanh nghiệp duyên trong câu lọc thứ 3: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

   - Thời: bình nhựt.
   - Cõi: ngũ uẩn.
   - Người: 4 phàm, 4 đạo và 3 quả hữu học.
   - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

4. Câu lọc thứ tư trong Câu sanh nghiệp duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Câu sanh nghiệp duyên.
   - Năng duyên là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện.
   - Sở duyên là pháp bất thiện trừ sở hữu tư *(cetanā)*.

   Lời phụ: Tư bất thiện trợ những uẩn tương ưng bằng Câu sanh nghiệp duyên.

   Hợp trợ với Câu sanh nghiệp duyên trong câu lọc thứ 4: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
   - Thời: bình nhựt.
   - Cõi: hữu tâm.
   - Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
   - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

5. Câu lọc thứ năm trong Câu sanh nghiệp duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh nghiệp duyên.
   - Năng duyên: sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện.
   - Sở duyên: sắc tâm bất thiện.

   Lời phụ: tư bất thiện trợ cho sắc tâm bất thiện bằng Câu sanh nghiệp duyên.

   Hợp trợ với Câu sanh nghiệp duyên trong câu lọc thứ 5: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
   - Thời: bình nhựt.
   - Cõi: ngũ uẩn.
   - Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
   - Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

6. Câu lọc thứ sáu trong Câu sanh nghiệp duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Câu sanh nghiệp duyên.
   - Bất thiện năng duyên đây: sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện.
   - Sở duyên đây là pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện (trừ sở hữu tư *(cetanā)*).

Lời phụ: tư bất thiện trợ những uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Câu sanh nghiệp.

Hợp trợ với Câu sanh nghiệp duyên trong câu lọc thứ 6: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

7. Câu lọc thứ bảy trong Câu sanh nghiệp duyên*: Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātakammapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Câu sanh nghiệp duyên.

- Vô ký năng duyên: sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm vô ký.
- Vô ký sở duyên: sắc tâm vô ký, tâm vô ký và 37 sở hữu hợp (trừ sở hữu tư *(cetanā)*).

Lời phụ:

1) Tư vô ký trợ những uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký bằng Câu sanh nghiệp duyên.

2) Khi tái tục, quả tư trợ cho uẩn tương ưng và sắc tái tục bằng Câu sanh nghiệp.
   - Năng duyên: sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn.
   - Sở duyên: 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 34 sở hữu hợp và sắc nghiệp (trừ sở hữu tư *(cetanā)*).

3) Sở hữu tư trợ sắc ý vật bằng Câu sanh nghiệp.

Năng duyên là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn.

Hợp trợ với Câu sanh nghiệp duyên trong câu lọc thứ 7: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Danh vật thực duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: Tái tục và bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn và tứ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

~~~~~~~~~~

Yếu Giải "Dị thời nghiệp duyên"

Đã có định nghĩa ở trang 11.

Nay nói nghĩa thật hay là lý tức là những cách công năng, công dụng của sở hữu tư *(cetanā)* tức là nghiệp. Vì có 2 phận sự:

1) Là việc làm sửa sang hay sắp đặt cho thành tựu đối với pháp tương ưng đồng sanh với nó, dù thiện, bất thiện, quả, tố, đều có Câu sanh nghiệp là sự chỉnh lý an bài.

2) Là phận sự lưu tồn chủng tử *(bījanidhānakicca)* tức là để lại chủng tử hay ảnh hưởng, mãnh lực tạo tâm quả và sắc nghiệp.

Dị thời nghiệp duyên là mãnh lực trợ sanh.

~~~~~~~~~~

DỊ THỜI NGHIỆP DUYÊN HIỆP LỰC

1. Câu lọc thứ nhứt trong Dị thời Nghiệp duyên: *Kusalo dhammo adyajatassa dhammassa nānakkhanikakammapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Dị thời nghiệp duyên.

Vô ký sở duyên đây là tâm quả thiện và 38 sở hữu hợp.

Lời phụ:

Tư thiện trợ những uẩn quả và sắc nghiệp bằng Dị thời nghiệp duyên, tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện sanh trước trong đời này hay đời trước diệt rồi để lại chứng tử *(bīja)* tạo tâm quả thiện luôn sở hữu hợp và sắc nghiệp.

Một cách nữa:

- Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với 4 tâm đại thiện tương ưng đủ tam tư thuộc về bực thượng, đã sanh trước trong đời này hay đời quá khứ để lại chủng tử tạo 16 thứ tâm quả thiện, 33 sở hữu hợp và sắc nghiệp của người ở cõi Dục giới.
- Còn sở hữu tư *(cetanā)* cũng hiệp với 4 tâm đại thiện tương ưng thiếu tư tiền hoặc tư hậu tạo 4 đại quả bất tương ưng và 8 quả thiện vô nhân.
- 4 tâm đại thiện bất tương ưng đủ tam tư tạo 12 quả như vừa nói.
- Còn 4 tâm đại thiện bất tương ưng thiếu tư tiền hoặc tư hậu thì chỉ tạo 8 quả thiện vô nhân mà thôi.

- Nghiệp sơ thiền thiện tạo sơ thiền quả.
- Nghiệp nhị thiền thiện tạo nhị thiền quả.
- Nghiệp tam thiền thiện tạo tam thiền quả.
- Nghiệp tứ thiền thiện tạo tứ thiền quả.
- Nghiệp ngũ thiền thiện tạo ngũ thiền quả.
- Nghiệp không vô biên xứ thiện tạo không vô biên xứ quả.
- Nghiệp thức vô biên xứ thiện tạo thức vô biên xứ quả.
- Nghiệp vô sở hữu xứ thiện tạo vô sở hữu xứ quả.
- Nghiệp phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện tạo phi tưởng phi phi tưởng xứ quả.
- Nghiệp sơ đạo tạo sơ quả,
- Nghiệp nhị đạo tạo nhị quả,
- Nghiệp tam đạo tạo tam quả,
- Nghiệp tứ đạo tạo tứ quả.

Nếu đạo có thiền bực nào thời quả cũng đặng thiền bực nấy.

Hợp trợ với Dị thời nghiệp duyên trong câu lọc thứ 1: Vô gián duyên, Đẳng vô gián duyên, Vô gián cận y duyên, Thường cận y duyên, Vô hữu duyên, Ly khứ duyên.

- Thời: tái tục, bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn, tứ uẩn và nhứt uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý, lộ đắc đạo và siêu lộ.

2. Câu lọc thứ hai trong Dị thời nghiệp duyên: *Akusalo dhammo abyāhatassa dhammassa nānakkhaṇikakammapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Dị thời nghiệp duyên.

Vô ký sở duyên đây là tâm quả bất thiện và sắc nghiệp.

Lời phụ:

12 tâm bất thiện quá khứ đời này hoặc các đời trước để chủng tử *(bīja)* hay ảnh hưởng mãnh lực tạo 7 thứ tâm quả bất thiện và sắc nghiệp, nhưng nghiệp sanh chung với tâm điệu cử tạo quả tái tục không đặng.

Hợp trợ với Dị thời nghiệp duyên trong câu lọc thứ 2: Thường cận y duyên, Vô hữu duyên và Ly khứ duyên.
- Thời: tái tục và bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý chót na cảnh.



DỊ THỤC QUẢ DUYÊN HIỆP LỰC

∗ Câu tiền trong Dị thục quả duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa vipākapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Dị thục quả duyên.
- Vô ký năng duyên đây là tâm quả, sở hữu hợp giúp qua giúp lại và giúp cho sắc tâm quả, sắc nghiệp tái tục.
- Vô ký sở duyên đây là tâm quả, sở hữu hợp mà thuộc về phía nhờ, sắc nghiệp tái tục và sắc tâm quả (trừ sắc biểu tri).

Những câu phụ:

1) 1 uẩn vô ký giúp cho 3 uẩn vô ký và sắc tâm quả bằng Dị thục quả duyên.
   - 1 uẩn vô ký đây là uẩn quả tức là tâm quả và sở hữu hợp khi bình nhựt.
   - Còn 3 uẩn vô ký đây là tâm quả, sở hữu ngoài ra 1 uẩn nói trên và sắc tâm quả nhờ Dị thục quả duyên.

2) 3 uẩn trợ cho 1 uẩn và sắc tâm bằng Dị thục quả duyên.
3) 2 uẩn trợ cho 2 uẩn và sắc tâm bằng Dị thục quả duyên.
4) 1 uẩn danh quả tái tục trợ cho 3 uẩn danh quả tái tục và sắc tái tục bằng Dị thục quả duyên.
5) 3 danh uẩn tái tục trợ cho 1 danh uẩn tái tục và sắc tái tục bằng Dị thục quả duyên.
6) 2 uẩn trợ cho 2 uẩn và sắc tái tục hoặc 1, 2, 3, 4 uẩn quả trợ cho sắc ý vật khi tái tục bằng Dị thục quả duyên.

Hợp trợ với Dị thục quả duyên có 7: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên, Tương ưng duyên, Bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: tái tục và bình nhựt;
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm và 4 quả;
- Lộ: ngũ, ý, siêu lộ.



SẮC VẬT THỰC DUYÊN HIỆP LỰC

Sắc vật thực duyên là mãnh lực trợ sanh va ủng hộ.

* Câu lọc trong sắc vật thực duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpa āhārapaccayena paccayo* – Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng sắc vật thực duyên.
- Vô ký năng duyên đây là sắc vật thực tức là chất bổ cả bên trong, bên ngoài.
- Vô ký sở duyên đây là những pháp 4 nhân hiện còn chung trong 1 bọn và các bọn khác đang trụ cũng đều thành sở duyên.

Lời phụ:

Đoàn thực trợ cho thân sắc tức là những chất bổ bên trong và bên ngoài đều thành sắc vật thực duyên. Còn những sắc bốn nhân tạo đang trụ chung với 1 bọn và những bọn khác đang còn cũng thành pháp sở duyên.

Hợp trợ với sắc vật thực duyên có 2: Vật thực hiện hữu duyên, Vật thực bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 8 Thánh.
- Lộ tâm: lộ sắc.

~~~~~~~~~~

DANH VẬT THỰC DUYÊN HIỆP LỰC

Danh vật thực duyên là mãnh lực trợ sanh và ủng hộ.

1. Câu lọc thứ nhất trong Danh vật thực duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Danh vật thực duyên.
- Pháp thiện năng duyên đây là tâm thiện, sở hữu xúc, sở hữu tư hiệp với tâm thiện.
- Pháp thiện sở duyên đây tức là tất cả pháp thiện vì giúp qua giúp lại đồng nhau đặng, cho nên không trừ.

Lời phụ:
- Vật thực thiện trợ uẩn tương ưng bằng Danh vật thực duyên.
- Danh vật thực thiện đây tức là tâm thiện, sở hữu xúc, sở hữu tư hiệp với tâm thiện.
- Năng duyên: tất cả pháp thiện.

Hợp trợ với Danh vật thực duyên có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Câu sanh quyền duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

2. Câu lọc thứ hai trong Danh vật thực duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- Thiện năng duyên đây là 3 danh vật thực thiện.
- Vô ký sở duyên đây là sắc tâm thiện.

Lời phụ:

Vật thực thiện trợ sắc tâm thiện bằng Danh vật thực duyên.
~~~~~~~~~~

Hợp trợ với Danh vật thực duyên trong câu lọc thứ 2 có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Câu sanh quyền duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực thiện.

3. Câu lọc thứ ba trong Danh vật thực duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- Thiện năng duyên đây là: 3 danh vật thực thiện.
- Vô ký sở duyên đây là: cả pháp thiện.

Lời phụ:

Vật thực thiện giúp cho những danh uẩn tương ưng và sắc tâm thiện bằng Danh vật thực duyên.

Pháp năng, sở như câu trước.

Hợp trợ với Danh vật thực duyên trong câu lọc thứ 3 có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Câu sanh quyền duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý, lộ kiên cố.

4. Câu lọc thứ tư trong Danh vật thực duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Danh vật thực duyên.
- Bất thiện năng duyên là 3 danh vật thực bất thiện.
- Sở duyên đây là tất cả pháp bất thiện.

Lời phụ:

Vật thực bất thiện trợ uẩn tương ưng bằng Danh vật thực duyên.

Uẩn tương ưng là tất cả pháp bất thiện.

Hợp trợ với Danh vật thực duyên trong câu lọc thứ 4 có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Câu sanh quyền duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý….

5. Câu lọc thứ năm trong Danh vật thực duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- Năng duyên đây là 3 danh Vật thực bất thiện.
- Sở duyên đây là sắc tâm bất thiện.

Lời phụ:

Vật thực bất thiện trợ sắc tâm bất thiện.

Hợp trợ với Danh vật thực duyên trong câu lọc thứ 5 có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Câu sanh quyền duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v…

6. Câu lọc thứ sáu trong Danh vật thực duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- Năng duyên đây là danh vật thực bất thiện.
- Sở duyên đây là pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

Lời phụ:

Vật thực bất thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm bất thiện bằng Danh vật thực duyên.

Hợp trợ với Danh vật thực duyên trong câu lọc thứ 6 có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Câu sanh quyền duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý… .

7. Câu lọc thứ bảy trong Danh vật thực duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa nāma āhārapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- Vô ký năng duyên đây là 3 danh vật thực vô ký tức là tâm vô ký, sở hữu xúc, sở hữu tư hợp tâm vô ký .
- Vô ký sở duyên đây là tâm vô ký, sở hữu hợp và sắc tâm vô ký.

Lời phụ:
- Danh vật thực vô ký trợ cho uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký bằng Danh vật thực duyên.
- Khi tái tục, danh vật thực quả trợ uẩn tương ưng và sắc nghiệp tái tục.
  Danh vật thực quả đây tức là tâm quả tái tục và sở hữu xúc, sở hữu tư hiệp với tâm quả tái tục.
- Sở duyên đây tức là 19 thứ tâm quả tái tục, 35 thứ sở hữu hợp và sắc nghiệp tái tục.

(Câu này cũng gồm 3 câu: danh trợ danh, danh trợ sắc, danh trợ danh và sắc).

Hợp trợ với Danh vật thực duyên trong câu lọc thứ 7 có: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt, tái tục, tử.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

Quyền duyên chia 3:

1. là Câu sanh quyền duyên.
2. là Tiền sanh quyền duyên.
3. là Sắc mạng quyền duyên.

Ba duyên này trợ sanh và ủng hộ.



CÂU SANH QUYỀN DUYÊN HIỆP LỰC

Câu sanh quyền duyên là mãnh lực trợ sanh và ủng hộ.

1. Câu lọc thứ nhất trong Câu sanh quyền duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātindrīyapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Câu sanh quyền duyên.
- Năng duyên là bát quyền (tín, cần, niệm, tịnh, tuệ, ý, hỷ và mạng quyền hiệp với pháp thiện).
- Sở duyên là pháp thiện.

Lời phụ:

Thiện quyền trợ những uẩn tương ưng bằng Câu sanh quyền duyên.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ nhứt: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu lọc thứ hai trong Câu sanh quyền duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātindrīya-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh quyền duyên.
- Năng duyên: pháp thiện.
- Sở duyên: sắc tâm thiện.

Lời phụ:
- Quyền thiện trợ sắc tâm bằng Câu sanh quyền duyên, tức là 8 chi pháp danh quyền trong pháp thiện làm năng duyên.
- Sắc tâm thiện thành sở duyên.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ 2: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu lọc thứ ba trong Câu sanh quyền duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātindrīyapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Câu sanh quyền duyên.
- Pháp thiện đây là 8 pháp danh quyền thiện.
- Pháp thiện và pháp vô ký đây tức là pháp thiện và sắc tâm thiện.

Lời phụ: Quyền thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm thiện.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ ba: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ và lộ ý đổng lực thiện.

4. Câu lọc thứ tư trong Câu sanh quyền duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātindrīyapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Câu sanh quyền duyên.
- Pháp ngũ quyền bất thiện là thọ, cần, định, mạng quyền và tâm bất thiện.
- Tất cả pháp bất thiện thành năng duyên.

Lời phụ: Quyền bất thiện trợ uẩn tương ưng.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ 4: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

5. Câu lọc thứ năm trong Câu sanh quyền duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātindrīyapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh quyền duyên.
- Năng duyên: ngũ quyền bất thiện.
- Sở duyên: sắc tâm bất thiện.

Lời phụ: Quyền bất thiện trợ sắc tâm bất thiện.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ 5: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

6. Câu lọc thứ sáu trong Câu sanh quyền duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātindrīyapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Câu sanh quyền duyên.
- Bất thiện năng duyên đây là ngũ quyền bất thiện.
- Sở duyên đây là pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

Lời phụ: Quyền bất thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm bất thiện.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ 6: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý đổng lực bất thiện.

7. Câu lọc thứ bảy trong Câu sanh quyền duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajatindrīya-paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Câu sanh quyền duyên. (Câu này cũng chia 3 như câu vô ký trợ vô ký trước đây).
- Năng duyên: 8 chi pháp danh quyền vô ký.
- Sở duyên đây là tâm, sở hữu vô ký, sắc tâm vô ký và sắc nghiệp tái tục với tâm vô ký.

Lời phụ:
1) Quyền vô ký trợ những uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký.
2) Khi tái tục, quyền vô ký quả trợ uẩn tương ưng và sắc tái tục.

Hợp trợ với Câu sanh quyền duyên trong câu lọc thứ 7: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Danh vật thực duyên, Thiền na duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên. (khi quả hiệp thế sanh thì không có Trưởng duyên).
- Thời: bình nhựt và tái tục.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

~~~~~~~~~~

TIỀN SANH QUYỀN DUYÊN HIỆP LỰC

Tiền sanh quyền duyên là mãnh lực trợ sanh và ủng hộ

∗ Câu lọc trong Tiền sanh quyền duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa purejātindrīyapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Tiền sanh quyền duyên.
- Vô ký năng duyên là ngũ quyền sắc tức là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền và thân quyền đều trung thọ, tức là chặng giữa của phần Sát-na trụ của 5 sắc thanh triệt (tức là bỏ trước 24 sát-na trụ, bỏ sau 24 sát-na trụ, là sát-na trụ thứ 25).
- Vô ký sở duyên đây là ngũ song thức và 7 sở hữu hợp.

Những Lời phụ:
1) Nhãn quyền trợ cho nhãn thức bằng Tiền sanh quyền duyên.
2) Nhĩ quyền trợ cho nhĩ thức bằng Tiền sanh quyền duyên.
3) Tỷ quyền trợ cho tỷ thức bằng Tiền sanh quyền duyên.
4) Thiệt quyền trợ cho thiệt thức bằng Tiền sanh quyền duyên.
5) Thân quyền trợ cho thân thức bằng Tiền sanh quyền duyên.

Hợp trợ với Tiền sanh quyền duyên có: Vật tiền sanh y duyên, Vật tiền sanh duyên, Vật tiền sanh bất tương ưng duyên, Vật tiền sanh hiện hữu duyên, Vật tiền sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ.

~~~~~~~~~~

SẮC MẠNG QUYỀN DUYÊN HIỆP LỰC

Sắc mạng quyền duyên là duyên trợ sanh và ủng hộ.

* Câu lọc trong Sắc mạng quyền duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa rūpajīvitindrīyapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Sắc mạng quyền duyên.
- Năng duyên là sắc mạng quyền.
- Sở duyên là 9 sắc nghiệp ngoài ra hoặc 8 sắc trong một bọn.

Lời phụ:
Sắc mạng quyền trợ sắc đồng bọn bằng Sắc mạng quyền duyên.

Hợp trợ với Sắc mạng quyền duyên có: Sắc mạng quyền hiện hữu duyên, Sắc mạng quyền bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt và tái tục.
- Cõi: ngũ uẩn, nhứt uẩn.
- Người: 4 phàm, 8 Thánh.
- Lộ tâm: lộ sắc có mạng quyền.

~~~~~~~~~~

THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC

Thiền na duyên là duyên trợ sanh và ủng hộ.

1. Câu tiền thứ nhứt trong Thiền na duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Thiền na duyên.
- Năng duyên đây là chi thiền hợp tâm thiện tức là 5 chi thiền (tầm, tứ, hỷ, thọ (lạc), định hiệp với pháp thiện).
- Sở duyên là pháp thiện.

Câu hậu: Chi thiền thiện trợ uẩn tương ưng bằng Thiền na duyên.

Hợp trợ với câu tiền thứ nhứt trong Thiền na duyên: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên,
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu tiền thứ 2 trong Thiền na duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Thiền na duyên.
- Thiện đây như câu trước.
- Vô ký là sắc tâm thiện.

Câu hậu: Chi thiền thiện trợ sắc tâm bằng Thiền na duyên.

Hợp trợ với câu tiền thứ hai trong Thiền na duyên: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...
~~~~~~~~~~

3. Câu tiền thứ 3 trong Thiền na duyên: *Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa jhanapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Thiền na duyên.
- Chi thiền thiện như trước.
- Sở duyên đây là pháp thiện và sắc tâm thiện.

Câu hậu: Chi thiền thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm thiện bằng Thiền na duyên.

Hợp trợ với Thiền na duyên trong câu tiền thứ 3: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

4. Câu tiền thứ 4 trong Thiền na duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa jhānapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Thiền na duyên.
- Năng duyên là chi thiền bất thiện (tầm, tứ, hỷ, thọ (lạc), định hiệp tâm bất thiện).
- Sở duyên là pháp bất thiện.

Câu hậu: Chi thiền bất thiện trợ uẩn tương ưng bằng Thiền na duyên.

Uẩn tương ưng đây là pháp bất thiện.

Hợp trợ với Thiền na duyên trong câu tiền thứ 4: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

5. Câu tiền thứ 5 trong Thiền na duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Thiền na duyên.
- Chi thiền bất thiện như câu trước.
- Vô ký là sắc tâm bất thiện.

Câu hậu: Chi thiền bất thiện trợ sắc tâm.

Hợp trợ với Thiền na duyên trong câu tiền thứ 5: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

6. Câu tiền thứ 6 trong Thiền na duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca jhānapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Thiền na duyên.
- Năng duyên: Chi thiền bất thiện như câu trước.
- Sở duyên đây là pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

Câu hậu: Chi thiền bất thiện trợ uẩn tương ưng và sắc tâm bất thiện.

Hợp trợ với câu tiền thứ 6 trong Thiền na duyên: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.

- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

7. Câu tiền thứ 7 trong Thiền na duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa jhānapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Thiền na duyên.

- Năng duyên đây là Chi thiền hiệp tâm vô ký.
- Sở duyên đây là tất cả pháp vô ký.

Câu hậu:

1) Chi thiền vô ký trợ uẩn tương ưng vô ký và sắc tâm vô ký.

2) Khi tái tục, chi thiền vô ký trợ tâm tái tục và sắc nghiệp tái tục.

Hợp trợ với câu tiền thứ 7 trong Thiền na duyên: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt, tái tục.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

~~~~~~~~~~

ĐỒ ĐẠO DUYÊN HIỆP LỰC

Đồ đạo duyên là duyên trợ sanh và ủng hộ.

1. Câu tiền thứ nhứt trong Đồ đạo duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồ đạo duyên.

- Năng duyên đây là chi đạo thiện tức là trí, tầm, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, cần, niệm, định hiệp pháp thiện.
- Sở duyên là pháp thiện.

Câu hậu: Chi đạo thiện trợ uẩn tương ưng.

Hợp trợ với Đồ đạo duyên trong câu tiền thứ nhứt: Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu tiền thứ hai trong Đồ đạo duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Đồ đạo duyên.

- Chi đạo thiện như câu trước.
- Sở duyên là sắc tâm vô ký.

Câu hậu: Chi đạo thiện trợ sắc tâm bằng Đồ đạo duyên.

Hợp trợ với Đồ đạo duyên trong câu lọc thứ 2: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
~~~~~~~~~~

- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu tiền thứ 3 trong Đồ đạo duyên: *Kusalo dhammo kusalassa caabyākatassa ca dhammassa magga-paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện và vô ký bằng Đồ đạo duyên.

- Năng duyên: chi đạo thiện như câu trước.
- Sở duyên là tâm, sở hữu vô ký hữu nhân và sắc tâm vô ký hữu nhân.

Câu hậu: Chi thiền thiện trợ uẩn vô ký tương ưng và sắc tâm vô ký hữu nhân...

Hợp trợ với Đồ đạo duyên trong câu lọc thứ 3: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

4. Câu tiền thứ 4 trong Đồ đạo duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa maggapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Đồ đạo duyên.

- Pháp năng duyên là chi đạo bất thiện tức là tầm, cần, định, tà kiến, hợp tâm bất thiện.
- Pháp sở duyên là pháp bất thiện.

Câu hậu: Chi đạo bất thiện trợ uẩn tương ưng bằng Đồ đạo duyên.

Hợp trợ với Đồ đạo duyên trong câu tiền thứ 4: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

5. Câu tiền thứ 5 trong Đồ đạo duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Đồ đạo duyên.

- Pháp năng duyên: Pháp bất thiện như câu trước.
- Pháp sở duyên: Pháp vô ký là sắc tâm bất thiện.

Câu hậu: Chi đạo bất thiện trợ sắc tâm bất thiện...

Hợp trợ với câu tiền thứ 5 trong Đồ đạo duyên: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

6. Câu tiền thứ 6 trong Đồ đạo duyên: *Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa magga-paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Đồ đạo duyên.

- Pháp bất thiện năng duyên: như câu trước.
- Pháp sở duyên: pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

Câu hậu: Chi đạo bất thiện trợ pháp bất thiện và sắc tâm bất thiện.

Hợp trợ với Đồ đạo duyên trong câu tiền thứ 6: Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

7. Câu tiền thứ 7 trong Đồ đạo duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa maggapaccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Đồ đạo duyên.
- Vô ký đây là 8 chi đạo hiệp tâm vô ký.
- Sở duyên: tâm, sở hữu vô ký hữu nhân, sắc tâm vô ký hữu nhân, sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

Câu hậu

1) Chi đạo vô ký trợ những uẩn tương ưng và sắc tâm vô ký hữu nhân bằng Đồ đạo duyên.

2) Khi tái tục, chi đạo vô ký trợ những uẩn tương ưng và sắc tái tục hữu nhân.

Hợp trợ với Đồ đạo duyên trong câu lọc thứ 7: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Thiền na duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt và tái tục .
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

~~~~~~~~~~

TƯƠNG ƯNG DUYÊN HIỆP LỰC

Tương ưng duyên là mãnh lực trợ sanh và ủng hộ

1. Câu tiền thứ nhứt trong Tương ưng duyên: *Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sampayuttapaccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Tương ưng duyên.

Năng duyên, sở duyên đều là tất cả pháp thiện.

Câu hậu:
1) Một uẩn thiện trợ cho 3 uẩn thiện bằng Tương ưng duyên.
2) Ba uẩn thiện trợ cho 1 uẩn thiện bằng Tương ưng duyên.
3) Hai uẩn thiện trợ cho 2 uẩn thiện bằng Tương ưng duyên.

Hợp trợ với Tương ưng duyên trong câu tiền thứ nhứt: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và lộ kiên cố.

2. Câu tiền thứ hai trong tương ưng duyên: *Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sampayuttapaccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng Tương ưng duyên.

Năng duyên, sở duyên đều là tất cả pháp bất thiện.
~~~~~~~~~~

Câu hậu.
1) Một uẩn bất thiện trợ cho 3 uẩn bất thiện bằng Tương ưng duyên.
2) Ba uẩn bất thiện trợ cho 1 uẩn bất thiện bằng Tương ưng duyên.
3) Hai uẩn bất thiện trợ cho 2 uẩn bất thiện bằng Tương ưng duyên.

Hợp trợ với Tương ưng duyên trong câu tiền thứ 2: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu tiền thứ ba trong Tương ưng duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sampayuttapaccayena paccayo* – Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Tương ưng duyên.
Năng duyên, sở duyên đều là tất cả tâm vô ký, sở hữu hợp.

Câu hậu:
1) (Khi bình nhựt) một uẩn vô ký trợ cho 3 uẩn vô ký bằng Tương ưng duyên.
2) (Khi bình nhựt) ba uẩn vô ký trợ cho 1 uẩn vô ký bằng Tương ưng duyên.
3) (Khi bình nhựt) hai uẩn vô ký trợ cho 2 uẩn vô ký bằng Tương ưng duyên.
4) Khi tái tục, một uẩn trợ cho 3 uẩn bằng Tương ưng duyên.
5) Khi tái tục, ba uẩn trợ cho 1 uẩn bằng Tương ưng duyên.
6) Khi tái tục, hai uẩn trợ cho 2 uẩn bằng Tương ưng duyên.

Hợp trợ với Tương ưng duyên trong câu tiền thứ 3 có: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.
- Thời: bình nhựt, tái tục.
- Cõi: hữu tâm.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và siêu lộ.

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

Bất tương ưng duyên

Chia làm 3 và làm 4:

– Câu sanh bất tương ưng duyên,
– *Tiền sanh bất tương ưng duyên,*
– Hậu sanh bất tương ưng duyên.

Tiền sanh bất tương ưng duyên chia làm 2 là:

· Vật tiền sanh bất tương ưng duyên và
· Cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên.

~~~~~~~~~~

CÂU SANH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN HIỆP LỰC

Câu sanh bất tương ưng duyên là mãnh lực trợ sanh và ủng hộ

1. Câu lọc thứ nhứt trong Câu sanh bất tương ưng duyên: *Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātavippayutta paccayena paccayo* - Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh bất tương ưng duyên.

- Năng duyên là pháp thiện.
- Sở duyên là sắc tâm thiện.

Lời phụ: Những uẩn thiện đồng sanh trợ sắc tâm thiện bằng Câu sanh bất tương ưng duyên.

Hợp trợ với Câu sanh bất tương ưng duyên trong câu lọc thứ nhứt: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 7 Thánh hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

2. Câu lọc thứ hai trong Câu sanh bất tương ưng duyên: *Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātavippayutta paccayena paccayo* - Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng Câu sanh bất tương ưng duyên.

- Năng duyên là pháp bất thiện.
- Sở duyên là sắc tâm bất thiện.

Lời phụ: Những uẩn bất thiện đồng sanh trợ sắc tâm bất thiện bằng Câu sanh bất tương ưng duyên.

Hợp trợ với Câu sanh bất tương ưng duyên trong câu lọc thứ hai: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: bình nhựt.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 3 quả hữu học.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý v.v...

3. Câu lọc thứ ba trong Câu sanh bất tương ưng duyên: *Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātavippayutta paccayena paccayo* - Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng Câu sanh bất tương ưng duyên.

- Năng duyên là tâm vô ký, sở hữu hợp và sắc mạng quyền tái tục (trừ ngũ song thức, 4 quả vô sắc và tâm tử La-hán).
- Vô ký sở duyên là sắc tâm vô ký, sắc tái tục với tâm, 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn và 35 sở hữu hợp.
~~~~~~~~~~

Lời phụ:

1. Uẩn vô ký đồng sanh trợ cho sắc tâm bằng Câu sanh bất tương ưng duyên.
2. Khi tái tục, những uẩn vô ký trợ cho sắc nghiệp bằng...
3. Những uẩn quả tái tục trợ sắc ý quyền bằng...
4. Khi tái tục, sắc ý quyền trợ cho những uẩn quả...

Hợp trợ với Câu sanh bất tương ưng duyên trong câu lọc thứ ba, có 2 phần:

✓ Phần thứ nhứt hợp trợ trong khi bình nhựt: Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

✓ Phần thứ nhì hợp trợ trong khi tái tục: Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

- Thời: Tái tục, bình nhựt và tử.
- Cõi: ngũ uẩn.
- Người: 4 phàm, 4 quả.
- Lộ tâm: lộ ngũ, lộ ý và siêu Lộ.

~~~~~~~~~~

- Vật tiền sanh bất tương ưng duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.
- Vật cảnh tiền sanh bất tương ưng duyên trùng Vật cảnh tiền sanh y duyên.
- Hậu sanh bất tương ưng duyên trùng Hậu sanh duyên.
- Câu sanh hiện hữu duyên trùng Câu sanh duyên.
- Cảnh tiền sanh hiện hữu duyên trùng Cảnh tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh hiện hữu duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.
- Hậu sanh hiện hữu duyên trùng Hậu sanh duyên.
- Vật thực hiện hữu duyên trùng Sắc vật thực duyên.
- Sắc mạng quyền hiện hữu duyên trùng Sắc mạng quyền duyên.
- Vô hữu duyên trùng Vô gián duyên.
- Ly khứ duyên trùng Vô gián duyên.
- Câu sanh bất ly duyên trùng Câu sanh duyên.
- Cảnh tiền sanh bất ly duyên trùng Cảnh tiền sanh duyên.
- Vật tiền sanh bất ly duyên trùng Vật tiền sanh y duyên.
- Hậu sanh bất ly duyên trùng Hậu sanh duyên.
- Vật thực bất ly duyên trùng Sắc vật thực duyên.
- Sắc mạng quyền bất ly duyên trùng Sắc mạng quyền duyên.

~~~~~~~~~~

Bao nhiêu những pháp thường tầm,
Thời gian nội ngoại theo lầm hữu vi,
Với cùng tuyệt đối cả thì,
Hay là các pháp chẳng chi phân thời.
Chế định danh sắc nơi nơi
Và ba phần pháp bày lời trong Kinh,
Tức là Đại Xứ Luận minh,
Đều trong hăm bốn thoang thinh duyên này.

~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~

BẢN ĐỒ PHÂN TÁCH NHIỀU CÁCH DUYÊN HỢP TRỢ

PHẦN LỚN	PHẦN	PHẦN NHỎ
Hiệp trợ thông thường	Vô dị thục	1. Toàn phi trạch xứ
		2. Hữu hỗ tương
		3. Hữu hỗ tương tương ưng
		4. Hữu bất tương ưng
	Hữu dị thục	5. Toàn phi trạch xứ
		6. Hữu hỗ tương
		7. Hữu hỗ tương tương ưng
		8. Hữu bất tương ưng
		9. Hữu hỗ tương hữu bất tương ưng
Hiệp trợ hữu quyền hữu đạo	Vô dị thục	10. Toàn phi trạch xứ
		11. Hữu hỗ tương
		12. Hữu hỗ tương tương ưng
		13. Hữu bất tương ưng
	Hữu dị thục	14. Toàn phi trạch xứ
		15. Hữu hỗ tương
		16. Hữu hỗ tương tương ưng
		17. Hữu bất tương ưng
		18. Hữu hỗ tương hữu bất tương ưng
Hiệp trợ hữu trưởng quyền, đạo	Vô dị thục	19. Hữu trưởng quyền đạo Toàn phi trạch xứ
		20. Hữu hỗ tương tương ưng
		21. Hữu bất tương ưng
	Hữu dị thục	22. Hữu trưởng quyền đạo Toàn phi trạch xứ
		23. Hữu hỗ tương tương ưng
		24. Hữu bất tương ưng

Mỗi duyên đều nương theo bản đồ chia nhiều cách hợp trợ.

Giải theo Bảng đồ phân tách nhiều cách duyên hợp trợ tức là phân ra thông thường và hữu quyền, đạo v.v...

❖ Trước hết nói về 3 phần lớn.

∗ Phần lớn thứ nhứt: là hiệp trợ thông thường, Pāḷi gọi *Sāmaññaghataṇā,* tức là phổ thông hay thông dụng. Vì hễ duyên chánh có thì các duyên phụ ấy vẫn có luôn.

∗ Phần lớn thứ hai: là hiệp trợ hữu quyền, đạo, Pāḷi gọi *Sa indrīyamagaghaṭanā* là chỉ những duyên hợp tác phải có Quyền duyên và Đồ đạo duyên.

∗ Phần lớn thứ ba: là hiệp trợ hữu trưởng hữu quyền hữu đạo, Pāḷi gọi là *sādhipati indrīyamagga* tức là khi hợp trợ phải có Trưởng duyên, Quyền duyên và Đồ đạo duyên.

~~~~~~~~~~

Mỗi phần lớn đều có 2 phần trung là:

- Vô dị thục *(Avipāka)* tức là không có Dị thục quả duyên.
- Hữu dị thục *(Savipāka)* tức là có Dị thục quả duyên.

∗ Phần lớn thứ nhứt:

o Phần trung thứ nhứt trong phần lớn thứ nhứt, chia ra 4 phần nhỏ:

1) Toàn phi trạch xứ *(Sabbaṭṭhānikaghaṭanā)* tức là hiệp trợ theo mỗi câu chánh, không lựa bỏ câu nào.
2) Hiệp trợ hữu hỗ tương *(Sa aññamaññaghaṭanā)* tức là những khi hiệp trợ phải có Hỗ tương duyên.
3) Hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng *(Sa aññamaññasampayuttaghaṭanā)* tức là hiệp trợ mà phải có Hỗ tương duyên và Tương ưng duyên.
4) Hiệp trợ hữu bất tương ưng hay Bất tương ưng duyên *(Savippayuttaghaṭanā)* tức là khi hợp trợ phải có Bất tương ưng duyên.

o Phần trung thứ nhì của phần lớn thứ nhứt chia thành 5 phần nhỏ (nhằm 5, 6, 7, 8 và 9), 4 phần trước như 4 phần trung thứ nhứt, chỉ thêm phần nhỏ thứ 5 là hiệp trợ hữu hỗ tương hữu bất tương ưng *(Sa aññamaññavippayuttaghaṭanā)* tức là những khi hiệp trợ phải có Hỗ tương duyên và Bất tương ưng duyên phụ giúp.

∗ Phần lớn thứ nhì cũng chia 2 phần trung như trước và 9 phần nhỏ cũng trùng như 9 phần trên.

∗ Phần lớn thứ ba cũng chia 2 phần trung là vô dị thục và hữu dị thục như 2 phần lớn trên. Nhưng mỗi phần trung chỉ có 3 phần nhỏ đồng nhau.

- 1 là hiệp trợ hữu trưởng quyền, đạo toàn phi trạch xứ *(Sādhipati indrīyamaggasaṭṭhānikaghaṭanā)* tức là chỉ những khi hợp trợ phải có Trưởng duyên, Quyền duyên, Đồ đạo duyên tức là những duyên có đủ theo mỗi câu chánh.
- 2 là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng *(Sa aññamaññasampayuttaghaṭanā)* tức là chỉ những khi hợp trợ phải có Hỗ tương duyên và Tương ưng duyên.
- 3 là hiệp trợ hữu bất tương ưng *(Savippayuttaghaṭanā)* tức là khi hợp trợ phải có Bất tương ưng duyên.

~~~~~~~~~~

Ba phần nhỏ sau cũng như thế.

***Nên lưu ý** là phần trung và phần nhỏ mặc dù trùng văn, trùng nghĩa, nhưng kể duyên có khác nhau vì do phần lớn và phần trung khác, nên những phần nhỏ đều trùng tên mà duyên không đồng như sau.*

~~~~~~~~~~~

Xin xem dẫn chứng một duyên đầu là Nhân duyên.

∗ Phần nhỏ số 1: là hiệp trợ toàn phi trạch xứ, vô dị thục giúp bằng cách thông thường đây.

Pháp năng duyên là 6 nhân tương ưng tức là tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si trợ 4 danh uẩn tương ưng, tức là giúp cho tâm, sở hữu hữu nhân, sắc tâm hữu nhân và sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân.

Kể luôn có 5 duyên là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

Năm duyên vừa kể đều có đủ cả 7 câu chánh trong Nhân duyên.

∗ Phần nhỏ thứ hai: là hợp trợ hữu hỗ tương, vô dị thục thuộc cách thông thường.

- Pháp năng duyên như câu số 1.
- Pháp sở duyên là tâm hữu nhân, sở hữu hợp và sắc ý vật.

Kể luôn có 6 duyên là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ ba: là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng, vô dị thục thuộc cách thông thường.

Pháp năng duyên: 6 nhân tương ưng trợ 4 danh uẩn tương ưng.

Hợp trợ tính luôn có 7 duyên: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 4: là hiệp trợ hữu bất tương ưng hay Bất tương ưng duyên, vô dị thục thuộc về cách thông thường.

Pháp năng duyên là: 6 nhân trợ sắc tâm và sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân.

Hiệp trợ cách này tính luôn có 6 duyên: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 5: là hiệp trợ toàn phi trạch xứ, hữu dị thục trợ giúp bằng cách thông thường.

Pháp năng duyên là 3 nhân dị thục tức là vô tham, vô sân và vô si hiệp với tâm quả để trợ giúp cho tâm quả, sở hữu hợp, sắc tâm quả hữu nhân, sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân.

Hiệp trợ cách này tính luôn có 6 duyên là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 6: là hiệp trợ hữu hỗ tương, hữu dị thục thuộc cách thông thường.

Pháp năng duyên như phần nhỏ thứ 5.

Pháp sở duyên là tâm hữu nhân, sở hữu hợp và sắc ý vật.

Hiệp trợ cách này tính luôn có 7 duyên là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 7: là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng, hữu dị thục thuộc cách thông thường, tức là 3 nhân hiệp tâm quả giúp 4 uẩn tương ưng.

Hiệp trợ cách này tính cả có 8 duyên: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.
~~~~~~~~~~~

∗ Phần nhỏ thứ 8: là hiệp trợ hữu bất tương ưng hay bất tương ưng, hữu dị thục thuộc về cách thông thường.

Năng duyên là 3 nhân hiệp tâm quả.

Sở duyên là sắc tâm hữu nhân, sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân.

Hợp trợ với duyên này tính luôn có 7 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 9: là hiệp trợ hữu hỗ tương bất tương ưng, hữu dị thục thuộc cách thông thường.

Pháp năng duyên là 3 nhân thiện hiệp tâm tái tục cõi ngũ uẩn trợ sắc ý quyền khi tái tục.

Duyên hợp trợ tính luôn có 8 là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 10: là hợp trợ toàn phi trạch xứ, vô dị thục thuộc cách hữu quyền đạo.

Pháp năng duyên là nhân vô si trợ 4 danh uẩn tương ưng, sắc tâm hữu nhân, sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân.

Duyên hợp trợ tính luôn có 7 là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 11: là hữu hỗ tương, vô dị thục thuộc cách hữu quyền, hữu đạo tức là nhân vô si trợ cho 4 uẩn tương ưng và sắc ý quyền.

Duyên hợp trợ tính luôn có 8 là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên và Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 12: là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng, vô dị thục thuộc cách hữu quyền hữu đạo tức là nhân vô si trợ 4 uẩn tương ưng.

Duyên hợp trợ tính luôn có 9 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 13: là hiệp trợ hữu bất tương ưng, vô dị thục thuộc cách hữu quyền hữu đạo tức là nhân vô si trợ sắc tâm hữu nhân và sắc tái tục với tâm hữu nhân.

Duyên hợp trợ kể luôn có 8 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 14: là hiệp trợ toàn phi trạch xứ, hữu dị thục thuộc cách hữu quyền, hữu đạo tức là nhân vô si hiệp với tâm quả trợ 4 uẩn tương ưng, sắc tâm hữu nhân và sắc nghiệp tái tục sinh với tâm hữu nhân.

Duyên hợp trợ kể luôn có 8 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 15: là hiệp trợ hữu hỗ tương, hữu dị thục, thuộc cách hữu quyền hữu đạo tức là nhân vô si hợp tâm quả trợ 4 danh uẩn tương ưng và sắc ý vật.

Duyên hợp trợ kể luôn có 9 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 16</u>: là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng, hữu dị thục thuộc cách hữu quyền hữu đạo tức là nhân vô si hợp tâm quả trợ 4 uẩn tương ưng.

  Duyên hợp trợ kể luôn có 10 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 17</u>: là hiệp trợ hữu bất tương ưng, hữu dị thục thuộc cách hữu quyền hữu đạo, là nhân vô si hợp tâm quả trợ sắc tâm hữu nhân và sắc nghiệp tái tục hữu nhân.

  Duyên hợp trợ kể luôn có 9 là: Nhân duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 18:</u> là hiệp trợ hữu hỗ tương hữu bất tương ưng, hữu dị thục thuộc cách hữu quyền hữu đạo tức là nhân vô si hợp 13 tâm tái tục cõi ngũ uẩn trợ cho sắc ý vật tái tục.

  Hợp trợ cả thảy đặng 10 duyên là Nhân duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 19:</u> là hiệp trợ hữu trưởng hữu quyền hữu đạo toàn phi trạch xứ, vô dị thục, thuộc về hữu trưởng quyền đạo tức là thẩm trưởng (nhân vô si) trợ 4 danh uẩn hữu trưởng tương ưng và sắc tâm trưởng.

  Hiệp trợ tính luôn có 8 là Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 20:</u> là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng, vô dị thục thuộc về hữu trưởng quyền đạo tức là thẩm trưởng (nhơn vô si) trợ 4 uẩn hữu trưởng tương ưng.

  Duyên hợp trợ tính luôn có 10 là Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 21</u>: là hiệp trợ hữu bất tương ưng, vô dị thục, thuộc về hữu trưởng quyền đạo tức là thẩm trưởng (nhơn vô si) trợ 4 uẩn hữu trưởng tương ưng và sắc tâm trưởng.

  Duyên hợp trợ có 9 là: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

* <u>Phần nhỏ thứ 22</u>: là hiệp trợ hữu trưởng quyền, đạo toàn phi trạch xứ, hữu dị thục, thuộc về hữu trưởng quyền đạo tức là thẩm trưởng hiệp với quả siêu thế trợ cho 4 uẩn tương ưng trong tâm quả siêu thế và sắc tâm quả siêu thế.

  Duyên hợp trợ tất cả có 9 là: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 23: là hiệp trợ hữu hỗ tương tương ưng, hữu dị thục thuộc về hữu trưởng quyền đạo tức là thẩm trưởng hiệp với quả siêu thế trợ cho 4 uẩn tương ưng trong tâm quả siêu thế.

Duyên đồng trợ tất cả có 11 là: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Hỗ tương duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

∗ Phần nhỏ thứ 24: là hiệp trợ hữu bất tương ưng duyên, hữu dị thục thuộc về hữu trưởng quyền đạo tức là thẩm trưởng trong tâm quả siêu thế trợ cho sắc tâm quả siêu thế.

Duyên hợp trợ tất cả có 10 là: Nhân duyên, Câu sanh trưởng duyên, Câu sanh duyên, Câu sanh y duyên, Dị thục quả duyên, Câu sanh quyền duyên, Đồ đạo duyên, Câu sanh bất tương ưng duyên, Câu sanh hiện hữu duyên, Câu sanh bất ly duyên.

~~~~~~~~~~

Lời Dặn

Hai mươi bốn phần nhỏ vừa nói đây, chỉ phân trong Nhân duyên mà thôi. Còn mấy duyên sau về phần học giả nương kiểu mẫu này mà chia theo 24 phần hay 24 cách như đã kể.

~~~~~~~~~~

Tạm hoàn Siêu Lý Cao Học
Ngày 17 tháng 3 năm Quý Sửu - Phật Lịch 2517
(19-04-1973) lúc 20g55
Tại Giảng đường Siêu Lý - Chợ Lớn. Số 241-B/44/37
Đường Phú Định, Quận 6 - Đô Thành Sài Gòn.

~~~~~~~~~~

Xin quí vị tìm hiểu luôn đến *Paticcasamuppāda* – Y Tương Sinh sẽ tiếp theo sau này, để nhận rõ hơn thường.
~~~~~~~~~~

BẢN ĐỒ SIÊU LÝ CAO HỌC

DUYÊN HIỆP LỰC

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2518 - tức Năm Quý Sửu - 1974



Nhân duyên hiệp lực:

1. NHÂN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện trợ thiện**	
Năng duyên	6 nhân tương ưng: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si.		3 nhân thiện: vô tham, vô sân, vô si.	
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu hợp (shh) (- si hợp 2 tâm si), 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp (shh).	
Nhân duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên
1. Câu sinh duyên	6 nhân	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu (- si hợp 2 tâm si) 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục.	3 nhân thiện	37 tâm thiện 38 sở hữu hợp
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh trưởng	Vô si	66 tâm đổng lực tam nhân + 37 sở hữu (- trí), 17 sắc tâm trưởng.	Trí	33 tâm hữu trưởng tam nhân thiện, 37 sở hữu (trừ trí)
6. Câu sinh quyền	Vô si	79 tâm tam nhân, 37 sở hữu (- trí), 17 sắc tâm tam nhân, 20 sắc nghiệp tái tục.	Trí	33 tâm thiện làm nhân, 37 sở hữu hợp
7. Đồ đạo duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
8. Câu sinh bất tương ưng	6 nhân	17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục.		
9. Tương ưng	-nt-	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu hợp (- si hợp 2 tâm si).	3 nhân thiện.	37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp.
10. Hỗ tương	-nt-	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu hợp, ý vật tái tục.	-nt-	-nt-
11. Dị thục quả	3 nhân vô ký	37 tâm quả hữu nhân, 38 sở hữu hợp, 15 sắc tâm quả, 20 sắc nghiệp tái tục.		
Cộng duyên hiệp lực	11		9	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt, tử		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hữu học	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

1A. NHÂN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	2		3		4	
	Thiện trợ vô ký		**Thiện trợ thiện và vô ký**		**Bất thiện trợ bất thiện**	
Năng duyên	3 nhân thiện		3 nhân thiện		3 nhân bất thiện	
Sở duyên	17 sắc tâm thiện		37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện		12 tâm bất thiện, 27 shh (trừ si hợp si)	
Nhân duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên
1. Câu sinh duyên	3 nhân thiện	17 sắc tâm thiện	3 nhân thiện	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	3 nhân bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh (- si hợp si)
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh trưởng	Trí	-nt-	Trí	33 thiện tam nhân, 37 shh (- trí), 17 sắc tâm thiện		
6. Câu sinh quyền	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
7. Đồ đạo duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		
8. Câu sinh bất tương ưng	3 nhân thiện	-nt-				
9. Tương ưng					3 nhân bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh (- si hợp si)
10. Hỗ tương					-nt-	-nt-
11. Dị thục quả						
Cộng duyên hiệp lực	8		7		6	
Nói theo khi	bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt	
Nói theo cõi	ngũ uẩn		ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hữu học		4 phàm, 7 thánh hữu học		4 phàm, 3 quả hữu học	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

1B. NHÂN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	5		6		7	
	Bất thiện trợ vô ký		**Bất thiện trợ bất thiện và vô ký**		**Vô ký trợ vô ký**	
Năng duyên	3 nhân bất thiện: tham, sân, si.		3 nhân bất thiện		3 nhân vô ký: vô tham, vô sân, vô si.	
Sở duyên	17 sắc tâm bất thiện		12 tâm bất thiện, 27 shh (trừ si hợp 2 si), 17 sắc tâm bất thiện		54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm vô ký, 20 sắc nghiệp tái tục	
Nhân duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	3 nhân bất thiện	17 sắc tâm bất thiện	3 nhân bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh (- si hợp si), 17 sắc tâm bất thiện	3 nhân vô ký	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm vô ký, 20 sắc nghiệp tái tục
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh trưởng					Trí	20 tâm quả siêu thế, 13 tâm tố tam nhân, 17 sắc tâm vô ký tam nhân, 37 shh (- trí)
6. Câu sinh quyền					Trí	46 tâm vô ký tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm vô ký, 20 sắc nghiệp tái tục
7. Đồ đạo duyên					-nt-	-nt-
8. Câu sinh bất tương ưng	3 nhân bất thiện	17 sắc tâm bất thiện			3 nhân vô ký	17 sắc tâm vô ký, 20 sắc nghiệp tái tục
9. Tương ưng					-nt-	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh
10. Hỗ tương					-nt-	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục
11. Dị thục quả					-nt-	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm quả, 20 sắc nghiệp tái tục
Cộng duyên hiệp lực	5		4		11	
Nói theo khi	bình nhựt		bình nhựt		tái tục, bình nhựt, tử	
Nói theo cõi	ngũ uẩn		ngũ uẩn		26 cõi vui hữu tâm	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hữu học		4 phàm, 3 quả hữu học		3 phàm vui, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Nhân duyên tấu hợp:

1C. NHÂN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	THÔNG THƯỜNG TẤU HỢP – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương h. tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương Hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương Hữu b. t. ưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	6 nhân	6 nhân	6 nhân	6 nhân	3 nhân	3 nhân	3 nhân	3 nhân	3 nhân
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục (-si hợp 2 tâm si)	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu, ý vật tái tục (-si hợp 2 tâm si)	103 tâm hữu nhân, 52 sở hữu (-si hợp 2 tâm si)	17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 38 sở hữu, 15 sắc tâm quả, 20 sắc nghiệp tái tục.	13 tâm tái tục hữu nhân ngũ uẩn, 35 sở hữu, ý vật tái tục.	37 tâm quả hữu nhân, 38 sở hữu hợp	15 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục	Ý vật tái tục hữu nhân
1. Nhân duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu sinh	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s
3. Câu sinh y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y
4. C.s hiện hữu	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h
5. C.s bất ly	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l
6. Hỗ tương		H.t	H.t			H.t	H.t		H.t
7. Tương ưng			T.ư				T.ư		
8. C.s bất t.ưng				C.s.b.t.ư				C.s.b.t.ư	C.s.b.t.ư
9. Dị thục quả					D.t.q	D.t.q	D.t.q	D.t.q	D.t.q
	T- T; T-VK; T-T & VK; BT- BT; BT-VK ; BT-BT & VK; VK- VK	T-T ; BT-BT; VK-VK.	T - T; BT - BT; VK - VK.	T - VK; BT - VK; VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.
Cộng câu :	7	3	3	3	1	1	1	1	1

1D. NHÂN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	HỮU QUYỀN LỰC ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP – 9 CÁCH								
	VÔ DỊ THỤC				HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương Hữu tương ưng	Hữu bất t. ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương Hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	7	8	9	8	8	9	10	9	10
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	79 tâm tam nhân, 37 sở hữu, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	79 tâm tam nhân, 37 sở hữu, ý vật tái tục	79 tâm tam nhân, 37 sở hữu,	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	33 tâm quả tam nhân, 37 sở hữu, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục.	9 tâm tái tục tam nhân cõi ngũ uẩn, 34 sở hữu, ý vật tái tục.	33 tâm quả tam nhân, 37 sở hữu hợp	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục với tâm tam nhân
1. Nhân duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu sinh	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s
3. Câu sinh y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y
4. C.s hiện hữu	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h
5. C.s bất ly	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l
6. C.s quyền	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q
7. Đồ đạo	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ
8. Hỗ tương		H.t	H.t			H.t	H.t		H.t
9. Tương ưng			T.ư				T.ư		
10. C.s bất t.ưng				C.s.b.t.ư				C.s.b.t.ư	C.s.b.t.ư
11. Dị thục quả					D.t.q	D.t.q	D.t.q	D.t.q	D.t.q
	T- T; T-VK; T-T, VK; VK- VK	T-T ; VK-VK.	T-T ; VK-VK.	T - VK; VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.
Cộng câu :	4	2	2	2	1	1	1	1	1

1E. **NHÂN DUYÊN TẤU HỢP** (Sabhāga)	**HỮU TRƯỞNG QUYỀN ĐẠO TẤU HỢP – 6 CÁCH**					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương Hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương Hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	8	10	9	9	11	10
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	66 tâm đổng lực hữu trưởng tam nhân, 37 sở hữu (- trí), 17 sắc tâm.	66 tâm đổng lực hữu trưởng tam nhân, 37 sở hữu hợp	17 sắc tâm.	20 tâm quả siêu thế, 35 sở hữu hợp, 15 sắc tâm.	20 tâm quả siêu thế, 35 sở hữu hợp	15 sắc tâm
1. Nhân duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu sinh	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s	C.s
3. Câu sinh y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y	C.s.y
4. Câu sinh hiện hữu	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h	C.s.h.h
5. Câu sinh bất ly	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l	C.s.b.l
6. C.s trưởng	C.s.t	C.s.t	C.s.t	C.s.t	C.s.t	C.s.t
7. Câu sinh quyền	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q	C.s.q
8. Đồ đạo	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ	Đ.đ
9. Hỗ tương		H.t			H.t	
10. Tương ưng		T.ư			T.ư	
11. C.sinh bất tương .ưng			C.s.b.t.ư			C.s.b.t.ư
12. Dị thục quả				D.t.q	D.t.q	D.t.q
	T- T; T-VK; T-T, VK; VK- VK	T-T ; VK-VK.	T - VK; VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.	VK - VK.
Cộng câu :	4	2	2	1	1	1

Cảnh duyên hiệp lực :

2. CẢNH HIỆP LỰC (GHATANĀ)	PHẦN TỔNG QUÁT		1		2	
			Thiện – Thiện		**Thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	121 tâm 52 sở hữu, 28 sắc, Níp-bàn và chế định		32 tâm thiện, 38 shh (- tâm La-hán đạo)		17 thiện hiệp thế, 38 shh	
Sở duyên	121 tâm 52 sở hữu		8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, thiện thức vô biên, thiện phi tưởng phi phi tưởng và 33 shh (-ngăn trừ phần và vô lượng phần).		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp (shh)	
Cảnh duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên	Năng duyên	Sở duyên
1. Cảnh trưởng duyên	18 sắc rõ thành cảnh tốt, 116 tâm, 47 shh và Níp-bàn	8 tâm tham, 8 đại thiện, 4 đại tố tương ưng, tâm siêu thế, 45 shh	32 tâm thiện, 38 shh (-La-hán đạo)	8 tâm đại thiện, 33 shh	17 thiện hiệp thế, 38 shh	8 tham, 22 shh
2. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Vật cảnh tiền sinh y duyên	Ý vật cận tử	47 tâm nương vật nhất định, 44 shh				
4. Vật cảnh tiền sinh	-nt-	-nt-				
5. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng	-nt-	-nt-				
6. Vật cảnh tiền sinh hiện hữu	-nt-	-nt-				
7. Vật cảnh tiền sinh bất ly	-nt-	-nt-				
8. Cảnh tiền sinh	18 sắc rõ thành hiện tại	54 tâm dục giới, 2 thông, 50 shh				
9. Cảnh tiền sinh hiện hữu	-nt-	-nt-				
10 Cảnh tiền sinh bất ly	-nt-	-nt-				
Cộng duyên hiệp lực	10		2		2	
Nói theo khi	bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt	
Nói theo cõi	tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả hữu học		4 phàm, 3 quả hữu học	
Nói theo lộ	ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý môn	

2A. CẢNH HIỆP LỰC (GHATANĀ)	3		4		5		6	
	Thiện – Vô ký		**Bất thiện – Bất thiện**		**Bất thiện – Thiện**		**Bất thiện – Vô ký**	
Năng duyên	37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	
Sở duyên	10 tâm tố dục giới , 11 tâm na cảnh, thông tố, quả và tố thức vô biên, quả và tố phi tưởng phi phi tưởng, 33 shh (-khai ngũ môn)		12 tâm bất thiện 27 sở hữu hợp		8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 33 shh (-ngăn trừ phần và vô lượng phần)		10 tâm tố dục giới , 11 tâm na cảnh, thông tố (-khai ngũ môn) và 33 sở hữu hợp.	
Cảnh duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Cảnh trưởng duyên	Tâm La-hán đạo, 36 shh	4 tâm đại tố tương ưng và 33 shh	8 tham, 22 shh	8 tham, 22 shh				
2. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-				
3. Vật cảnh tiền sinh y duyên								
4. Vật cảnh tiền sinh								
5. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng								
6. Vật cảnh tiền sinh hiện hữu								
7. Vật cảnh tiền sinh bất ly								
8. Cảnh tiền sinh								
9. Cảnh tiền sinh hiện hữu								
10.Cảnh tiền sinh bất ly								
Cộng duyên hiệp lực	2		2		0		0	
Nói theo khi	bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt	
Nói theo cõi	tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả hữu học		4 phàm, 3 quả hữu học		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý		ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý, kiên cố	

2B. CẢNH HIỆP LỰC (GHATANĀ)	7		8		9	
	Vô ký – Vô ký		**Vô ký – Thiện**		**Vô ký – Bất thiện**	
Năng duyên	52 tâm quả, 20 tâm tố, 28 sắc, 38 shh, Níp-bàn		47 tâm quả, 20 tâm tố (-La-hán quả), 38 shh, 28 sắc, Níp-bàn		32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm tố, 35 shh và 28 sắc	
Sở duyên	23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục gới, tâm tố thức vô biên, tâm tố phi tưởng phi phi tưởng, 20 tâm quả siêu thế và 36 sở hữu hợp		8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 20 tâm đạo, 36 sở hữu hợp		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	
Cảnh duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Cảnh trưởng duyên	Tâm La-hán quả, 36 shh và Níp-bàn	4 tâm đại tố tương ưng, thông tố, 20 quả siêu thế, 36 shh	3 quả thấp, 36 shh, Níp-bàn	4 đại thiện tương ưng, 20 tâm đạo, 36 shh	31 quả hiệp thế (-thân thức khổ thọ) 20 tâm tố, 35 shh, 18 sắc thành tựu	8 tâm tham, 22 shh
2. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Vật cảnh tiền sinh y duyên	Ý vật cận tử	11 tâm tố dục giới, 11 tâm na cảnh, thông tố, 33 shh	Ý vật cận tử	8 đại thiện, thông thiện, 33 shh	Ý vật cận tử	12 bất thiện, 27 shh
4 Vật cảnh tiền sinh	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Vật cảnh tiền sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
7. Vật cảnh tiền sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
8 Cảnh tiền sinh	18 sắc thành tựu hiện tại	11 tâm tố dục giới, 11 tâm na cảnh, thông tố, 33 shh	18 sắc thành tựu hiện tại	8 tâm đại thiện, thông thiện, 33 shh	18 sắc thành tựu hiện tại	12 bất thiện, 27 shh
9. Cảnh tiền sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
10. Cảnh tiền sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	10		10		10	
Nói theo khi	bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt	
Nói theo cõi	tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		phàm tam nhân, 7 thánh hữu học		4 phàm, 3 quả hữu học	
Nói theo lộ	ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý	

Cảnh duyên tấu hợp:

2C. CẢNH TẤU HỢP (SABHĀGA)	1 Cảnh Trưởng	2 Cảnh Tiền Sinh	3 Vật Tiền Sinh	4 Cảnh Tiền Sinh Trưởng	5 Vật Tiền Sinh Trưởng
Mãnh lục duyên	3	4	6	6	6
Năng duyên	18 sắc thành tựu thành cảnh tốt, 116 tâm, 47 sở hữu và Níp-bàn	6 cảnh sắc là 18 sắc thành tựu	Ý vật cận tử	18 sắc thành tựu thành cảnh tốt	Sắc ý vật thành cảnh ưa thích
Sở duyên	8 tâm tham, 8 đại thiện, 4 đại tố tương ưng và 40 siêu thế, 45 shh	54 tâm dục giới , 2 tâm thông và 50 shh (- vô lượng phần)	43 hoặc 47 tâm nương vật, 44 sở hữu hợp	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp
1. Cảnh duyên	Cảnh	Cảnh	Cảnh	Cảnh	Cảnh
2. Cảnh trưởng	C. t			C. t	C. t
3. Cảnh cận y	C. c. y			C. c. y	C. c. y
4. Cảnh tiền sinh		C. t. s		C. t. s	
5. Cảnh tiền sinh hiện hữu		C. t. s. h. h		C. t. s. h. h	
6. Cảnh tiền sinh bất ly		C. t. s. b. l		C. t. s. b. l	
7. Vật cảnh tiền sinh			V. c. t. s		V. c. t. s
8. Vật cảnh tiền sinh y			V. c. t. s. y		V. c. t. s. y
9. Vật cảnh tiền sinh b. t. ư			V. c. t. s. b. t. ư		V. c. t. s. b. t. ư
10. Vật cảnh tiền sinh hiện hữu			V. c. t. s. h. h		V. c. t. s. h. h
11. Vật cảnh tiền sinh bất ly			V. c. t. s. b. l		V. c. t. s. b. l
	T- T; T-VK; T-T & VK; BT- BT; BT-VK ; BT-BT & VK, VK-VK	VK – T; VK – BT; VK – VK.	VK – T; VK – BT; VK – VK.	VK – BT;	VK – BT;
Cộng câu :	7	3	3	1	1

Cảnh trưởng duyên hiệp lực

3. CẢNH TRƯỞNG HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**		2 **Thiện – Bất thiện**		3 **Thiện – Vô ký**	
Năng duyên	116 tâm, 47 shh (- sân, si, thân thức khổ thọ), 18 sắc thành tựu thành cảnh ưa thích và Níp-bàn		32 tâm thiện, 38 shh (- La-hán đạo)		17 tâm thiện hiệp thế, 38 shh		La-hán đạo và 36 sỡ hữu hợp	
Sở duyên	8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố tương ưng, 40 tâm siêu thế, 45 shh		8 tâm đại thiện, 33 shh (- ngăn trừ và vô lượng phần)		8 tâm tham, 22 sỡ hữu hợp		4 tâm đại tố tương ưng, 33 sở hữu hợp.	
Cảnh trưởng duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Cảnh duyên	116 tâm 47 shh 18 sắc thành cảnh tốt, Níp-bàn	8 tâm tham, 8 đ. thiện, 4 tố t. ưng, 40 s. thế, 45 shh	32 thiện, 38 shh (- La-hán đạo)	8 đại thiện, 33 shh	17 thiện hiệp thế, 38 shh	8 tham, 22 shh	La-hán Đạo, 36 shh	4 đại tố tương ưng, 33 shh
2. Cảnh cận y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Cảnh tiền sinh hiện hữu	18 sắc thành tựu ưa thích	8 tâm tham, 22 shh						
4. C. t. s. bất ly	-nt-	-nt-						
5. Cảnh tiền sinh	-nt-	-nt-						
6. Vật cảnh tiền sinh	Ý vật cận tử	8 tâm tham, 22 shh						
7. V. c. t. s. y	-nt-	-nt-						
8 V. c. t. s. h. hữu	-nt-	-nt-						
9. V. c. t. s. bất ly	-nt-	-nt-						
10.V. c. t. s. b. t. ư	-nt-	-nt-						
11.V. c. t. s. trưởng	-nt-	-nt-						
Cộng duyên h. lực:	11		2		2		2	
Nói theo khi	bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt		bình nhựt	
Nói theo cõi	tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn		tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hữu học		4 phàm, 3 quả hữu học		La-hán	
Nói theo lộ	ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý, kiên cố		ngũ, ý		phản khán	

3A. CẢNH TRƯỞNG HIỆP LỰC (GHATANĀ)	4		5		6		7	
	B. thiện – B.thiện		**Vô ký – Vô ký**		**Vô ký – Thiện**		**Vô ký – Bất thiện**	
Năng duyên	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp		La-hán quả, 36 sở hữu hợp, Níp-bàn		3 quả thấp, 36 sở hữu hợp và Níp-bàn		31 tâm quả hiệp thế (- thân thức khổ thọ), 20 tố, 35 shh, 18 sắc thành tựu.	
Sở duyên	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp		4 đại tố tương ưng, 20 quả siêu thế, 36 sỡ hữu hợp		4 tâm đại thiện tương ưng, 20 tâm đạo, 36 shh (- vô lượng phần)		8 tâm tham, 22 sở hữu hợp	
Cảnh trưởng duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Cảnh duyên	8 tâm tham, 22 shh	8 tâm tham, 22 shh	La-hán quả, 36 shh, Níp-bàn	4 đại tố t. ưng, 20 quả siêu thế, 36 shh	3 quả thấp, 36 shh và Níp-bàn	4 tâm đại thiện t. ưng, 20 tâm đạo, 36 shh	31 tâm quả hiệp thế, 20 tố, 35 shh, 18 sắc thành cảnh tốt.	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp
2. Cảnh cận y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Cảnh tiền sinh hiện hữu							18 sắc thành ưa thích	8 tâm tham, 22 shh
4. C. t. s. bất ly							-nt-	-nt-
5. Cảnh tiền sinh							-nt-	-nt-
6. Vật cảnh tiền sinh							Ý vật cận tử	8 tâm tham, 22 shh
7. V. c. t. s. y							-nt-	-nt-
8. V. c. t. s. h. hữu							-nt-	-nt-
9. V. c. t. s. bất ly							-nt-	-nt-
10.V. c. t. s. b. t. ư							-nt-	-nt-
11.V. c. t. s. trưởng							-nt-	-nt-
Cộng duyên h. lực:	2		2		2		11	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả h.h		4 quả		4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả h.h	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

Cảnh trưởng duyên tấu hợp

3B. CẢNH TRƯỞNG TẤU HỢP (GHATANĀ)	**LINH TINH TẤU HỢP** – Có 3 cách (Pakiṇṇaka sabhāga)		
	1	2	3
Năng duyên	116 tâm , 47 shh (- sân, si, thân thức khổ thọ, 18 sắc thành tựu ưa thích và Níp-bàn	18 sắc thành tựu thành cảnh tốt	Ý vật cận tử
Sở duyên	8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố tương ưng, 8 tâm tham, 40 tâm siêu thế, 45 sở hữu hợp.	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp	8 tâm tham, 22 sở hữu hợp
Mãnh lực duyên	3	6	12
1. Cảnh trưởng duyên	C. t	C. t	C. t
2. Cảnh cận y	C. c. y	C. c. y	C. c. y
3. Cảnh duyên	C.	C.	C.
4. Cảnh tiền sinh		C. t. s	C. t. s
5. C. t. s. hiện hữu		C. t. s. h. h	C. t. s. h. h
6. Cảnh tiền sinh bất ly		C. t. s. b. l	C. t. s. b. l
7. Vật cảnh tiền sinh y			V. c. t. s. y
8. V. c. t. sinh			V. c. t. s
9. V. c. t. s. b. t. ưng			V. c. t. s. b. t. ư
10. V. c. t. s. h. hữu			V. c. t. s. h. h
11. V. c. t. s. b. ly			V. c. t. s. b. l
12. V. c. t. s. trưởng			V. c. t. s. t
	T-T; T-BT; T-VK BT-BT; VK-VK; VK-T; VK-BT	VK - BT	VK - BT
Cộng câu:	7	1	1

Câu sinh trưởng duyên hiệp lực

4. CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	Sở hữu dục và sở hữu cần hợp với 84 đổng lực nhị và tam nhân. 84 tâm đổng lực nhị, tam nhân, Sh trí hợp với 52 đổng lực tam nhân		Tứ trưởng (dục, cần, tâm, thẩm)	
Sở duyên	84 tâm đổng lực nhị, tam nhân (hữu trưởng) + 51 shh (- hoài nghi), 17 sắc tâm hữu trưởng.		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp	
C. s trưởng duyên	ND	SD	ND	SD
1. Nhân duyên	Trí	66 tâm đổng lực tam nhân + 37 shh, 17 sắc tâm	Trí	33 đổng lực thiện tam nhân + 37 shh
2. Câu sinh duyên	Tứ trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng + 51 shh, 17 sắc tâm	Tứ trưởng	37 thiện 38 sở hữu hợp
3. Câu sinh y duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Hỗ tương	Tứ trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng + 51 sở hữu hợp	-nt-	-nt-
7. Danh vật thực	84 tâm đổng lực hữu trưởng	51 shh, 17 sắc tâm	37 thiện tam nhân	38 sở hữu
8. Câu sinh quyền	Sở hữu cần, 84 đổng lực hữu trưởng và sở hữu trí	84 tâm đổng lực hữu trưởng + 51 shh, 17 sắc tâm	Cần, tâm, thẩm	37 thiện 38 sở hữu
9. Đồ đạo	Cần, trí	84 tâm đổng lực hữu trưởng + 50 shh, 17 sắc tâm	Cần, trí	-nt-
10.Tương ưng	Tứ trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng + 51 shh	Tứ trưởng	-nt-
11.C. s. b. t. ư	Tứ trưởng	17 sắc tâm		
12.Dị thục quả	Tứ trưởng	20 tâm quả siêu thế, 36 shh, 15 sắc tâm		
Cộng duyên h. lực	12		10	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh H. H	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

4A. CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	2		3		4	
	Thiện – Vô Ký		**Thiện – Thiện, Vô ký**		**Bất thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	Tứ trưởng		Tứ trưởng		3 trưởng (- trí)	
Sở duyên	17 sắc tâm		37 tâm thiện 38 shh, 17 sắc tâm		10 tâm bất thiện (- 2 tâm si), 26 shh, (- si hoài nghi)	
C. s. trưởng	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Nhân duyên	Trí	17 sắc tâm	Trí	33 đổng lực thiện tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm		
2. C. s. duyên	Tứ trưởng	17 sắc tâm	Tứ trưởng	37 tâm thiện 38 shh, 17 sắc tâm	3 trưởng (- trí)	10 tâm bất thiện, 26 shh, (- si hoài nghi)
3. C. s. y duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Hỗ tương					-nt-	-nt-
7. Danh vật thực	Thức thực thiện (37 thiện)	17 sắc tâm	Thức thực thiện (37 thiện)	38 shh, 17 sắc tâm	10 tâm bất thiện	26 sở hữu
8. C. s. quyền	Cần, tâm, thẩm	-nt-	Cần, tâm, thẩm	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	Cần, 10 tâm bất thiện (- si)	10 tâm bất thiện, 26 shh (- si)
9. Đồ đạo	Cần, trí	-nt-	Cần, trí	-nt-	Cần	10 tâm bất thiện, 25 shh (- cần, si)
10.Tương ưng					3 trưởng (- trí)	10 tâm bất thiện, 26 shh
11.C. s. b. t. ư	Tứ trưởng	17 sắc tâm				
12 Dị thục quả						
Cộng duyên	9		8		9	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh H. H		4 phàm, 7 thánh H. H		4 phàm, 3 quả H. H	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

4B. CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**Bất thiện – B. Thiện, V. ký**		**Vô ký – Vô Ký**	
Năng duyên	3 trưởng (- trí)		3 trưởng (- trí)		4 trưởng	
Sở duyên	17 sắc tâm.		10 tâm b. thiện, 26 shh (- si) 17 sắc tâm.		20 tâm quả siêu hế, 36 shh, 15 sắc tâm, 17 tâm tố hữu trưởng, 35 shh	
C. s. trưởng duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Nhân duyên					Trí	20 quả siêu thế, 35 shh, 17 sắc tâm
2. Câu sinh duyên	3 trưởng (- trí)	17sắc tâm	3 trưởng (- trí)	10 bất thiện, 26 shh, 17 sắc tâm	Tứ trưởng	17 tố hữu trưởng, 17 sắc tâm, 20 quả siêu thế, 36 shh
3. Câu sinh y duyên	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Hỗ tương					Tứ trưởng	17 tố hữu trưởng, 35 shh, 20 quả siêu thế, 36 shh
7. Danh vật thực	10 tâm b. thiện (- si)	17 sắc tâm	10 tâm b. thiện	26 shh, 17 sắc tâm	17 tố hữu trưởng, 20 quả siêu thế	36 shh, 17 sắc tâm
8. Câu sinh quyền	Sh cần, 10 tâm b. thiện	-nt-	Sh cần, 10 tâm b. thiện (- si)	10 b. thiện, 26 shh, 17 sắc tâm	Cần – 20 quả siêu thế, 17 tố hữu trưởng + trí	20 quả siêu thế, 36 shh, 17 tố hữu trưởng, 35 shh
9. Đồ đạo	Cần	-nt-	Cần	10 b. thiện, 26 shh, 17 sắc tâm	Cần, trí	-nt-
10.Tương ưng					Tứ trưởng	20 quả siêu thế, 36 shh, 17 tố hữu trưởng, 35 shh
11.C. s. b. t. ư	3 trưởng	17 sắc tâm			-nt-	17 sắc tâm
12.Dị thục quả					-nt-	20 quả siêu thế, 35 shh, 15 sắc tâm
Cộng duyên	8		7		12	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Câu sinh trưởng duyên tấu hợp

4C. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	DỤC TRƯỞNG TẤU HỢP – 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			HỮU DỊ THỤC		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	5	7	6	6	8	7
Năng duyên	Dục trưởng hợp với 84 tâm đổng lực nhị, tam nhân	Dục trưởng hợp với 84 tâm đổng lực nhị, tam nhân	Dục trưởng hợp với 84 tâm đổng lực nhị, tam nhân	Dục trưởng hợp 20 tâm quả siêu thế	Dục trưởng hợp 20 tâm quả siêu thế	Dục trưởng hợp 20 tâm quả siêu thế
Sở duyên	84 tâm đổng lực hữu trưởng, 50 shh, 17 sắc tâm	84 tâm đổng lực hữu trưởng, 50 shh (- dục, hoài nghi)	17 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế + 35 shh (- dục), 17 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế + 35 shh (- dục),	15 sắc tâm
1. Câu sinh trưởng	c. s. t	c. s. t	c. s. t	c. s. t	c. s. t	c. s. t
2. C. s. duyên	c. s.	c. s.	c. s.	c. s.	c. s.	c. s.
3. C. s. y duyên	c. s.. y	c. s.. y	c. s.. y	c. s.. y	c. s.. y	c. s.. y
4. C. s. hiện hữu	c. s.. h. h	c. s.. h. h	c. s.. h. h	c. s.. h. h	c. s.. h. h	c. s.. h. h
5. C. s. bất ly	c. s.. b. l	c. s.. b. l	c. s.. b. l	c. s.. b. l	c. s.. b. l	c. s.. b. l
6. Hỗ tươngduyên		h. t			h. t	
7. Tương ưng duyên		t. ư			t. ư	
8. C. s. b. t. ư			c. s. b. t. ư			c. s. b. t. ư
9. Dị thục quả				d. t. q	d. t. q	d. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK BT - BT; BT - VK; BT - BT, VK; VK - VK	T-T BT-BT VK-VK	T-VK BT-VK VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu:	7	3	3	1	1	1

4D. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**CẦN TRƯỞNG TẤU HỢP** – 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	7	9	8	8	10	9
Năng duyên	Cần hợp với 84 tâm đổng lực hữu trưởng	Cần hợp với 84 tâm đổng lực hữu trưởng	Cần hợp với 84 tâm đổng lực hữu trưởng	Cần hợp 20 tâm quả siêu thế	Cần hợp 20 tâm quả siêu thế	Cần hợp 20 tâm quả siêu thế
Sở duyên	84 tâm đổng lực hữu trưởng, 50 shh, 17 sắc tâm	84 tâm đổng lực hữu trưởng, 50 shh (- dục, hoài nghi)	17 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế + 35 shh (- cần), 15 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế + 35 shh	15 sắc tâm
1. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	c. s. t	c. s. t	c. s. t
2. C. s. duyên	C. s.	C. s.	C. s.	c. s.	c. s.	c. s.
3. C. s. y duyên	C. s. y	C. s.. y	C. s.. y	c. s.. y	c. s.. y	c. s.. y
4. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s.. h. h	C. s.. h. h	c. s.. h. h	c. s.. h. h	c. s.. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s.. b. l	C. s.. b. l	c. s.. b. l	c. s.. b. l	c. s.. b. l
6. C. s. quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	c. s. q	c. s. q	c. s. q
7. Đồ đạo	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	đ. đ	đ. đ	đ. đ
8. Hỗ tươngduyên		H. t			h. t	
9. Tương ưng duyên		T. ư			t. ư	
10. C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư			c. s. b. t. ư
11. Dị thục quả				d. t. q	d. t. q	d. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK BT - BT; BT - VK; BT - BT, VK; VK - VK	T-T BT-BT VK-VK	T-VK BT-VK VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu:	7	3	3	1	1	1

4E. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**TÂM TRƯỞNG TẤU HỢP – 6 cách**					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	7	9	8	8	10	9
Năng duyên	84 tâm hữu trưởng	84 tâm hữu trưởng	84 tâm hữu trưởng	20 tâm quả siêu thế	20 tâm quả siêu thế	20 tâm quả siêu thế
Sở duyên	51 shh, (- si hoài nghi) 17 sắc tâm	51 sở hữu hợp	17 sắc tâm	36 sở hữu hợp, 15 sắc tâm	36 sở hữu hợp	15 sắc tâm
1. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
2. C. s. duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. C. s. y duyên	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
7. C. s quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
8. Hỗ tươngduyên		H. t			H. t	
9. Tương ưng duyên		T. ư			T. ư	
10. C. s. bất t. ưng			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả duyên				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK BT - BT; BT - VK; BT - BT, VK; VK - VK	T-T BT-BT VK-VK	T-VK BT-VK VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu:	7	3	3	1	1	1

4F. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**THẨM TRƯỞNG TẤU HỢP – 6 cách**					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	8	10	9	9	11	10
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	66 tâm đổng lực tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm	66 tâm đổng lực tam nhân, 37 shh, (- trí)	17 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế + 35 shh, 15 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế + 35 shh	15 sắc tâm
1. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
2. C. s. duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. C. s. y duyên	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. C. s. quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
7. Đồ đạo	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
8. Nhân duyên	N	N	N	N	N	N
9. Hỗ tươngduyên		H. t			H. t	
10. Tương ưng		T. ư			T. ư	
11. C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
12. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK VK - VK	T-T VK-VK	T-VK VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu:	4	2	2	1	1	1

5. VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG HIỆP LỰC (Ghatanā)	1	
	Vô ký – Bất thiện	
Năng duyên	Ý vật thành cảnh tốt	
Sở duyên	8 tâm tham, 22 shh	
Vật cảnh tiền sanh trưởng duyên	ND	SD
1. Cảnh duyên	18 sắc thành ưa thích	8 tâm tham, 22 shh
2. Cảnh trưởng duyên	-nt-	-nt-
3. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-
4. Cảnh tiền sinh duyên	-nt-	-nt-
5. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên	-nt-	-nt-
6. Cảnh tiền sinh bất ly duyên	-nt-	-nt-
7. Vật cảnh tiền sinh y duyên	Ý vật cận tử	-nt-
8. Vật cảnh tiền sinh duyên	-nt-	-nt-
9. Vật cảnh tiền sinh hiện hữu	-nt-	-nt-
10. Vật cảnh tiền sinh bất ly	-nt-	-nt-
11. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	11	
Nói theo khi	Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hữu học	
Nói theo lộ	Ngũ, ý	

5A. Vật Cảnh Tiền Sinh Trưởng Tấu Hợp	**Linh Tinh Tấu Hợp**
Mãnh lực duyên	12
Năng duyên	Ý vật cận từ
Sở duyên	8 tâm tham, 22 shh
1. Vật cảnh tiền sanh trưởng	V. c. t. s. t
2. Cảnh duyên	Cảnh
3. Cảnh trưởng duyên	C. t
4. Cảnh cận y duyên	C. c. y
5. Cảnh tiền sinh duyên	C. t. s
6. Cảnh tiền sinh hiện hữu	C. t. s. h. h
7. Cảnh tiền sinh bất ly	C. t. s. b. l
8. Vật cảnh tiền sinh y duyên	V. c. t. s. y
9. Vật cảnh tiền sinh duyên	V. c. t. s
10. Vật cảnh tiền sinh b. t. ư	V. c. t. s. b. t. ư
11. V. cảnh t. sinh hiện hữu	V. c. t. s. h. h
12. Vật cảnh tiền sinh bất ly	V. c. t. s. b. l
	Vô ký – Bất thiện
Cộng câu	1

Vô gián duyên hiệp lực

6. VÔ GIÁN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**		2 **Thiện – Vô ký**		3 **Bất thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	121 tâm, 52 shh sanh trước trước (- tâm tử La-hán)		17 tâm thiện hiệp thế, 38 shh (- cái đổng lực chót)		17 tâm thiện hiệp thế, 38 shh, 20 tâm đạo, 36 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh sanh trước (- đổng lực chót)	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh sanh sau sau và tâm tử La-hán		37 tâm thiện, 38 shh (- đổng lực ban đầu)		3 tâm thẩm tấn, 8 đại quả, 9 tâm quả đáo đại, 20 quả siêu thế, 36 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh (- đổng lực ban đầu)	
Vô gián duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Đẳng vô gián	121 tâm, 52 shh sanh trước trước (- tâm tử La-hán)	121 tâm, 52 shh sanh sau sau và tâm tử La-hán	Như câu 1	Như câu 1	Như câu 2	Như câu 2	Như câu 3	Như câu 3
2. Vô gián cận y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Vô hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Ly khứ	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Trùng dụng	47 tâm đổng lực hiệp thế, 52 shh sanh trước trước	67 tâm đổng lực, 52 shh (- tâm quả siêu thế)	-nt-	-nt-			-nt-	-nt-
6.Vô gián nghiệp	Sh tư hợp 20 tâm đạo vừa diệt	20 tâm quả siêu thế, 36 shh			Sh tư hợp 20 tâm đạo	20 tâm quả siêu thế, 36 shh		
Cộng câu	6		5		5		5	
Nói theo khi	Tử, tái tục, bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả hh (4 đạo nhờ, không giúp)		4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

6A. VÔ GIÁN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	4		5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**Vô ký – Vô ký**		**Vô ký – Thiện**		**Vô ký – Bất thiện**	
Năng duyên	12 tâm bất thiện, 27 shh thành đổng lực chót		52 tâm quả, 38 shh, 20 tâm tố sanh trước (- tâm tử La-hán)		Tâm khai ngũ môn và tâm khai ý môn, 11 shh (- hỷ, dục)		Tâm khai ngũ môn và khai ý môn, 11 shh (- hỷ, dục)	
Sở duyên	3 tâm thẩm tấn, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại, 35 shh (- ngăn trừ phần)		52 tâm quả, 20 tâm tố, 38 shh sanh sau sau và tâm tử La-hán		Đổng lực thứ I của 8 tâm đại thiện, 38 shh		Đổng lực thứ I của 12 tâm bất thiện, 27 shh.	
Vô gián duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Đẳng vô gián	Như câu 4	Như câu 4	Như câu 5	Như câu 5	Như câu 6	Như câu 6	Như câu 7	Như câu 7
2. Vô gián cận y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Vô hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Ly khứ	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Trùng dụng			18 tâm tố đổng lực, 35 shh	18 tâm tố đổng lực, 35 shh				
6.Vô gián nghiệp								
Cộng câu	4		5		4		4	
Nói theo khi	Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt, tử		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý		Ngũ, ý	

Vô gián duyên tấu hợp

6B. VÔ GIÁN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	Tấu Hợp 1 Vô gián	Tấu Hợp 2 Trùng dụng	Tấu Hợp 3 Vô gián nghệp
Mãnh lực duyên	5	6	6
Năng duyên	121 tâm, 52 shh sanh trước trước (- tâm tử của La-hán)	47 tâm đổng lực hiệp thế, 52 shh sanh trước (- đổng lực cái chót)	Sh tư hợp 20 tâm đạo đã diệt.
Sở duyên	121 tâm, 52 shh sanh sau sau và tâm tử của La-hán	67 tâm đổng lực, 52 shh (- đổng lực dục giới thứ I của 29 tâm và 20 tâm quả siêu thế) sanh sau sau.	20 tâm quả siêu thế, 36 shh sanh nối tiếp theo tâm đạo.
1. Vô gián duyên	Vô gián	Vô gián	Vô gián
2. Đẳng vô gián duyên	Đ. v. g	Đ. v. g	Đ. v. g
3. Vô gián cận y	V. g. c. y	V. g. c. y	V. g. c. y
4. Trùng dụng			
5. Vô hữu	V. h	V. h	V. h
6. Ly khứ	L. k	L. k	L. k
7. Dị thời nghiệp			D. t. n
	T – T T – VK BT – BT BT – VK VK – VK VK – T VK – BT	T – T BT – BT VK – VK	T – VK
Cộng câu	7	3	1

Câu sinh duyên hiệp lực

7. CÂU SINH DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭana)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	121 tâm, 52 shh, 4 sắc đại hiển, ý vật tái tục		37 tâm thiện, 38 shh	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, 28 sắc pháp		37 tâm thiện, 38 shh	
Câu sinh duyên	ND	SD	ND	SD
1. Nhân duyên	6 nhân	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	3 nhân thiện	37 thiện, 38 shh
2. C. s. trưởng	Tứ trưởng	84 tâm đổng lực nhị tam nhân, 51 shh, 17 sắc tâm	Tứ trưởng	-nt-
3. Hỗ tương duyên	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại hiển, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	37 thiện, 38 shh	-nt-
4. C. s. y	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh, 28 sắc pháp	-nt-	-nt-
5. C. s. nghiệp	Sh tư hợp 121 tâm	121 tâm, 51 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Sh tư hợp 37 thiện	37 thiện, 37 shh (- tư)
6. Dị thục quả	52 tâm quả, 38 shh	52 quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục		
7. Danh vật thực	3 danh vật thực (xúc, tư, thức)	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	3 danh vật thực thiện	37 thiện, 38 shh
8. C. s. quyền	8 danh quyền	-nt-	8 danh quyền thiện	-nt-
9. Thiền na	7 chi thiền	111 tâm (- 5 song thức), 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	6 chi thiền thiện	-nt-
10. Đồ đạo	9 chi đạo	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	8 chi đạo thiện	-nt-
11. Tương ưng	121 tâm, 52 shh	121 tâm, 52 shh	37 thiện, 38 shh	-nt-
12. C. s. b. t. ư	107 tâm (- 5 song thức, 4 quả vô sắc), 52 shh, ý vật tái tục	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục		
13. C. s. hiện hữu	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại hiển, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh, 28 sắc pháp	37 thiện, 38 shh	37 thiện, 38 shh
14. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng câu	14		12	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Nhứt, tứ, ngũ uẩn		tứ, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, đổng lực thiện kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

7A. CÂU SINH DUYÊN HIỆP LỰC (Sahajāta paccayo ghaṭanā)						
	2		3		4	
	Thiện – Vô ký		**Thiện – Thiện, Vô ký**		**Bất thiện – Bất thiện**	
ND	37 tâm thiện, 38 shh		37 tâm thiện, 38 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh	
SD	17 sắc tâm		37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm		12 tâm bất thiện, 27 shh	
C.s	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1.	3 nhân thiện	17 sắc tâm	3 nhân thiện	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	3 nhân bất thiện	12 bất thiện, 26 shh (- si)
2.	Tứ trưởng	-nt-	Tứ trưởng	-nt-	3 trưởng bất thiện	10 bất thiện, 26 shh (- si)
3.					12 bất thiện, 27 shh	12 bất thiện, 27 shh
4.	37 tâm thiện, 38 shh	-nt-	37 tâm thiện, 38 shh	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	-nt-	-nt-
5.	Tư thiện	-nt-	Tư thiện	-nt-	Tư bất thiện	12 bất thiện, 26 shh (- tư)
6.						
7.	3 danh vật thực	-nt-	3 danh vật thực	-nt-	3 danh vật thực bất thiện	12 bất thiện, 27 shh
8.	8 danh quyền	-nt-	8 danh quyền	-nt-	5 danh quyền bất thiện	-nt-
9.	6 chi thiền	-nt-	6 chi thiền	-nt-	7 chi thiền bất thiện	-nt-
10.	8 chi đạo	-nt-	8 chi đạo	-nt-	4 chi đạo bất thiện	-nt-
11.					12 bất thiện, 27 shh	-nt-
12.	37 tâm thiện, 38 shh	-nt-				
13.	-nt-	-nt-	37 tâm thiện, 38 shh	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	12 bất thiện, 27 shh	12 bất thiện, 27 shh
14.	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
C.d	11		10		12	
Khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn	
Người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

7B. CÂU SINH DUYÊN HIỆP LỰC (Sahajāta paccayo ghaṭanā)						
	5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**Bất thiện – Bất thiện, Vô ký**		**Vô ký – Vô ký**	
ND	12 tâm bất thiện, 27 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh		52 tâm quả, 20 tâm tố, 38 shh sắc tứ đại hiển, ý vật tái tục	
SD	17 sắc tâm		12 tâm bất thiện, 27 shh 17 sắc tâm bất thiện		52 tâm quả, 20 tâm tố, 38 shh sắc tứ đại hiển, 24 sắc y sinh	
C.s.d	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1.	3 nhân bất thiện	17 sắc tâm	3 nhân bất thiện	12 bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	3 nhân vô ký	38 vô ký, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t
2.	3 trưởng bất thiện	-nt-	3 trưởng bất thiện	10 bất thiện (- si), 26 shh, 17 sắc tâm	Tứ trưởng	20 quả siêu thế, 36 shh, 15 sắc tâm
3.					72 tâm vô ký, 38 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	72 tâm vô ký, 38 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục
4.	12 bất thiện, 27 shh	17 sắc tâm	12 bất thiện, 27 shh	12 bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	-nt-	72 tâm vô ký, 38 shh, 28 sắc pháp
5.	Tư bất thiện	-nt-	Tư bất thiện	12 bất thiện, 26 shh (- tư), 17 sắc tâm	Tư vô ký	72 tâm vô ký, 37 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
6.					52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
7.	3 danh vật thực	17 sắc tâm	3 danh vật thực bất thiện	12 bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	3 danh vật thực vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t
8.	5 danh quyền bất thiện	-nt-	5 danh quyền bất thiện	-nt-	8 danh quyền vô ký	-nt-
9.	7 chi thiền bất thiện	-nt-	7 chi thiền	-nt-	6 chi thiền vô ký	62 tâm vô ký (- 5 song thức), 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t
10.	4 chi đạo bất thiện	-nt-	4 chi đạo	-nt-	8 chi đạo	38 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
11.					72 tâm vô ký, 38 shh	72 tâm vô ký, 38 shh
12.	12 bất thiện, 27 shh	17 sắc tâm			58 tâm vô ký (-5 song thức), 4 quả vô sắc, 38 shh, ý vật tái tục	15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
13.	-nt-	-nt-	12 bất thiện, 27 shh	12 tâm thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	72 vô ký, 38 shh, sắc tứ đại, ý vật t. tục	72 tâm vô ký, 38 shh, 28 sắc pháp
14.	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
C.d	11		10		14	
Khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt, tử	
Cõi	Tứ , ngũ uẩn		Tứ , ngũ uẩn		Nhứt, tứ, ngũ uẩn	
Người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

7C. CÂU SINH DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭana)	8		9	
	Thiện và vô ký – Vô ký		**Bất thiện và vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện, 4 sắc đại hiển		12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm bất thiện, 4 sắc đại hiển	
Sở duyên	17 sắc tâm, 13 sắc y sinh		17 sắc tâm, 13 sắc y sinh	
Câu sinh duyên	ND	SD	ND	SD
1. Nhân duyên				
2. Câu sinh trưởng				
3. Hỗ tươngduyên				
4. Câu sinh y	37 tâm thiện, 38 shh, sắc tâm, tứ đại	Sắc tâm thiện, 13 sắc y sinh	12 tâm bất thiện, 27 shh, sắc tâm, sắc tứ đại hiển	Sắc tâm bất thiện, 13 sắc y sinh
5. Câu sinh nghiệp				
6. Dị thục quả				
7. Danh vật thực				
8. Câu sinh quyền				
9. Thiền na				
10. Đồ đạo				
11. Tương ưng				
12. C. s. b. t. ư				
13. C. s. hiện hữu	37 tâm thiện, 38 shh, sắc tâm thiện, 4 sắc đại hiển	Sắc tâm thiện, 13 sắc y sinh	12 tâm bất thiện, 27 shh, sắc tâm bất thiện, 4 sắc đại hiển	Sắc tâm bất thiện, 13 sắc y sinh
14. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng câu:	3		3	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

Câu sinh duyên tấu hợp

7D. CÂU SINH DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**CÂU SINH THÔNG THƯỜNG** – Có 10 cách				
	VÔ DỊ THỤC – có 5 cách				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương Hữu tương ưng	Hữu bất t. ưng	Hũuu hỗ tương hữu bất t. ưng
	4	5	6	5	6
NĂNG DUYÊN	121 tâm, 52 shh 4 sắc đại hiển, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh, 4 sắc đại hiển, ý vật tái tục, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh	121 tâm, 52 shh	107 tâm, 52 shh (- 5 song thức và 4 quả vô sắc) và ý vật tái tục	Ý vật tái tục
SỞ DUYÊN	121 tâm, 52 shh, 28 sắc pháp	121 tâm, 52 shh, 4 sắc đại hiển, ý vật tái tục, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh	121 tâm, 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh	15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh
1. Câu sinh duyên	Câu sinh	Câu sinh	Câu sinh	Câu sinh	Câu sinh
2. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
3. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
4. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
5. Hỗ tương		H. t	H. t		H. t
6. Tương Ưng			T. ư		
7. C. s. b. t. ư				B. t. ư	B. t. ư
8. Dị thục quả					
	T-T; T-VK; T-T & VK; BT-BT; BT-VK; BT-BT & VK; VK-VK; T & VK-VK; BT & VK-VK	T –T BT –BT VK –VK	T –T BT –BT VK -VK	T – VK BT – VK VK - VK	VK - VK
Cộng câu:	9	3	3	3	1

7E. CÂU SINH DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**CÂU SINH THÔNG THƯỜNG** – Có 10 cách				
	HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương Hữu tương ưng	Hữu bất t. ưng	Hữuu hỗ tương hữu bất t. ưng
	5	6	7	6	7
NĂNG DUYÊN	52 tâm quả, 38 shh	15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh, ý vật tái tục, 52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh	38 tâm quả, 36 shh (- ngũ song thức và 4 quả vô sắc)	15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh
SỞ DUYÊN	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh, 52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục
1. Câu sinh duyên	Câu sinh	Câu sinh	Câu sinh	Câu sinh	Câu sinh
2. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
3. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
4. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
5. Hỗ tương		H. t	H. t		H. t
6. Tương Ưng			T. ư		
7. C. s. b. t. ư				B. t. ư	B. t. ư
8. Dị thục quả	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	VK	VK	VK	VK	VK - VK
Cộng câu:	1	1	1	1	1

Hỗ tương duyên hiệp lực

8. HỖ TƯƠNG DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại hiển, ý vật tái tục, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh		37 tâm thiện, 38 shh	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại hiển, ý vật tái tục, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh		37 tâm thiện, 38 shh	
Hỗ tương duyên	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	37 tâm thiện, 38 shh	37 tâm thiện, 38 shh
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Nhân duyên	6 nhân	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật tái tục	3 nhân thiện	37 tâm thiện, 38 shh
6. Câu sinh trưởng	4 trưởng	84 tâm hữu trưởng 51 shh (- pháp đang làm trưởng)	4 trưởng	-nt-
7. Câu sinh nghiệp	Sh tư (cetanā)	121 tâm, 51 shh (-tư), ý vật tái tục	Sh tư (cetanā)	37 tâm thiện, 37 shh (- tư)
8. Danh vật thực	3 danh vật thực	121 tâm, 52 shh, ý vật tái tục	3 danh vật thực	37 tâm thiện, 38 shh
9. Câu sinh quyền	8 danh quyền	-nt-	8 danh quyền thiện	-nt-
10. Thiền na	7 chi thiền	111 tâm, 52 shh, ý vật tái tục (- 5 song thức)	6 chi thiền thiện	-nt-
11. Đồ đạo	9 chi đạo	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật tái tục	8 chi đạo thiện	-nt-
12. Tương ưng	121 tâm, 52 shh	121 tâm, 52 shh	37 tâm thiện, 38 shh	-nt-
13. C. s b. t. ư	15 tâm tái tục ở cõi ngũ uẩn, 35 shh	ý vật tái tục		
14. Dị thục quả	52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục		
Cộng duyên hiệp lực	14		12	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

8A. HỖ TƯƠNG DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	2		3	
	Bất thiện – Bất thiện		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp		72 tâm vô ký, 38 shh, 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	
Sở duyên	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp		72 tâm vô ký, 38 shh, 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh, sắc tứ đại, ý vật tái tục	
Hỗ tươngduyên	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	12 tâm b. thiện 27 sở hữu hợp	12 tâm b. thiện 27 sở hữu hợp	Sắc tứ đại hiển, 72 tâm vô ký, ý vật tái tục	72 tâm vô ký, 38 shh, sắc tứ đại, 15 tâm t. t cõi 5 uẩn, 35 shh
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Câu sinh hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Nhân duyên	3 nhân b. thiện	12 tâm b. thiện, 27 sở hữu hợp	3 nhân vô ký	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục
6. Câu sinh trưởng	3 trưởng bất thiện	10 tâm bất thiện, 27 shh (- si)	Tứ trưởng vô ký	17 tố hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục
7. Câu sinh nghiệp	Tư bất thiện	12 tâm bất thiện, 26 shh (- tư)	Tư vô ký	72 tâm tố, 37 shh (- tư), ý vật t. tục
8. Danh vật thực	3 danh vật thực bất thiện	12 bất thiện, 27 sở hữu hợp	3 danh vật thực vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, ý vật tái tục
9. Câu sinh quyền	5 danh quyền bất thiện	12 tâm b. thiện, 27 sở hữu hợp	8 danh quyền vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, ý vật tái tục
10. thiền na	7 chi thiền bất thiện	12 tâm b. thiện, 27 sở hữu hợp	6 chi thiền vô ký	62 tâm vô ký (- nst), 38 shh, ý vật tái tục
11. Đồ đạo	4 chi đạo bất thiện	12 tâm b. thiện, 27 sở hữu hợp	8 chi đạo vô ký	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục
12. Tương ưng	12 tâm b. thiện, 27 sở hữu hợp	12 tâm b. thiện, 27 sở hữu hợp	72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp	72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp
13. C. s b. t. ư			15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh	Ý vật tái tục
14. Dị thục quả			52 tâm quả, 38 sở hữu hợp	52 tâm quả, 38 shh, ý vật t.t
Cộng duyên h.lực	12		14	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Hỗ tương duyên tấu hợp

8B. HỖ TƯƠNG DUYÊN TẤU HỢP (Shabhāga)	**CÂU SINH TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương Hữu t. ưng	Hữu hỗ tương Hữu b. t. ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương Hữu t. ưng	Hữu hỗ tương Hữu b. t. ưng
Mãnh lực duyên	5	6	6	6	7	7
Năng duyên	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại hiển, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh	Ý vật tái tục	52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, sắc tứ đại hiển, 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh	15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh	52 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục	52 tâm quả, 38 shh	Ý vật tái tục
1. Hỗ tương duyên	Hỗ tương	Hỗ tương	Hỗ tương	Hỗ tương	Hỗ tương	Hỗ tương
2. Câu sinh duyên	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
3. Câu sinh y duyên	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Tương ưng		T. ư			T. ư	
7. Câu sinh b. t. ư			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
8. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	Thiện – Thiện; Bất thiện – Bất thiện; Vô ký – Vô ký;	T - T; BT - BT; VK - VK;	VK - VK	VK - VK	VK - VK	VK - VK
Cộng câu	3	3	1	1	1	1

Vật thực duyên hiệp lực

9. VẬT TIỀN SINH Y HIỆP LỰC	PHẦN TỔNG QUÁT		1		2		3	
			Vô ký – Vô ký		**Vô ký – Thiện**		**Vô ký – Bất thiện**	
Năng duyên	6 sắc hữu vật sanh trước đang trụ		6 sắc hữu vật sanh trước		Ý vật sanh trước		Ý vật sanh trước	
Sở duyên	117 tâm nương vật nhứt định và bất định (- 4 quả vô sắc), 52 shh		48 tâm quả (- 4 quả vô sắc), 20 tâm tố, 38 shh		37 tâm thiện, 38 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh	
Vật tiền sinh y	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Tiền sinh quyền	5 sắc thanh triệt	Ngũ song thức, 7 sở hữu hợp	5 sắc thanh triệt	5 song thức, 7 sở h. hợp				
2. Cảnh duyên	Ý vật cận tử	47 tâm nương vật, 44 shh	Ý vật cận tử	10 tố dục giới (- khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, thông tố, 33 shh	Ý vật cận tử	8 đại thiện, thông thiện, 33 shh	Ý vật cận tử	12 b. thiện, 24 shh (- tật, lận, hối)
3. Cảnh trưởng	Ý vật cận tử	8 tâm tham, 22 shh					Ý vật cận tử	8 tâm tham, 22 shh
4. Cảnh cận y	-nt-	-nt-					-nt-	-nt-
5. Vật tiền sinh	6 sắc hữu vật	117 tâm, 52 shh (- 4 quả vô sắc)	6 sắc hữu vật	48 tâm quả (- 4 quả vô sắc), 20 tâm tố, 38 shh	Ý vật sanh trước	37 tâm thiện, 38 shh	Ý vật sanh trước	12 b.thiện, 27 shh
6. V. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
7. V. t. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
8. V. t. s. b. t. ư	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng duyên :	8		6		5		7	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, kiên cố		Ngũ đổng lực bất thiện	

Vật thực duyên tấu hợp

9A. VẬT TIỀN SINH Y HIỆP LỰC	4		5	
	Thiện & Vô ký – Thiện		**B. thiện & Vô ký – B. thiện**	
Năng duyên	37 tâm thiện, 38 shh, ý vật sanh trước		12 tâm bất thiện, 27 shh, ý vật sanh trước	
Sở duyên	37 tâm thiện, 38 shh,		12 tâm bất thiện, 27 shh	
Vật tiền sinh y	ND	SD	ND	SD
1. Tiền sinh quyền				
2. Cảnh duyên				
3. Cảnh trưởng				
4. Cảnh cận y				
5. Vật tiền sinh				
6. V. t. s. hiện hữu	Hiện hữu	Hiện hữu	Hiện hữu	Hiện hữu
7. V. t. s. bất ly	Bất ly	Bất ly	Bất ly	Bất ly
8. V. t. s. b. t. ư				
Cộng duyên :	2		2	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, đổng lực thiện, kiên cố		Ngũ, đổng lực thiện, kiên cố	

9B. VẬT TIỀN SINH Y TẤU HỢP	TẤU HỢP 1	TẤU HỢP 2
Mãnh lực duyên	5	6
Năng duyên	6 sắc hữu vật	5 sắc thanh triệt
Sở duyên	117 tâm, (- 4 quả vô sắc), 52 shh	Ngũ song thức, 7 shh
1. Vật tiền sinh y	V. t. s. y	V. t. s. y
2. Vật tiền sinh	V. t. s	V. t. s
3. V. t. s. b. t. ư	V. t. s. b. t. ư	V. t. s. b. t. ư
4. V. t. s. hiện hữu	V. t. s. h. h	V. t. s. h. h
5. V. t. s. bất ly	V. t. s. b. l	V. t. s. b. l
6. T. s. quyền		T. s. q
	VK– T VK – BT VK – VK	VK – VK
Cộng câu:	3	1

Vật cảnh tiền sinh y duyên hiệp lực

10. VẬT CẢNH TIỀN SINH Y HIỆP LỰC (Ghaṭana)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Vô ký – Vô ký**		2 **Vô ký – Thiện**	
Năng duyên	Ý vật cận tử		Ý vật cận tử		Ý vật cận tử	
Sở duyên	41 tâm nương vật nhứt định, 44 shh, (- tật, lận, hối, ngăn trừ phần và vô lượng phần)		10 tâm tố dục giới (- khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, tâm thông tố, 33 shh		8 tâm đại thiện, tâm thông thiện và 33 sở hữu hợp	
Vật cảnh tiền sinh y duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Cảnh duyên	Ý vật cận tử	47 tâm nương vật nhứt định và 44 shh	Ý vật cận tử	10 tâm tố dục giới, 11 na cảnh, thông tố, 33 shh	Ý vật cận tử	8 tâm đại thiện, thông thiện, 33 shh
2. Cảnh trưởng duyên	-nt-	8 tâm tham, 22 shh				
3. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-				
4. Cảnh tiền sinh duyên	18 sắc thành tựu hiện tại	54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 50 shh (- vô lượng phần)	18 sắc thành tựu hiện tại	23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, thông tố, 33 shh	18 sắc thành hiện tại	8 tâm đại thiện, thông thiện, 33 shh
5. C. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. C. t. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
7. Vật cảnh tiền sinh	Ý vật cận tử	47 tâm nương vật nhứt định, 44 shh	Ý vật cận tử	10 tâm tố dục giới, 11 na cảnh, thông tố, 33 shh	Ý vật cận tử	8 tâm đại thiện, thông thiện, 33 shh
8. V. c. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
9. V. c. t. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
10. V. c. t. s. b. t. ư	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	10		8		8	
Nói theo khi	Cận tử		Cận tử		Cận tử	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		La-hán quả		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý (cận tử)		Viên tịch, hiện thông		Cận tử, hiện thông	

Vật cảnh tiền sinh y duyên tấu hợp

10A. VẬT CẢNH TIỀN SINH Y HIỆP LỰC (Ghaṭana)	3	
	Vô ký – Bất thiện	
Năng duyên	Ý vật cận tử	
Sở duyên	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	
Vật cảnh tiền sinh y duyên	ND	SD
1. Cảnh duyên	Ý vật cận tử	12 tâm bất thiện, 24 shh (- tật, lận, hối)
2. Cảnh trưởng duyên	-nt-	8 tâm tham, 22 shh
3. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-
4. Cảnh tiền sinh duyên	18 sắc thành tựu hiện tại	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp
5. C. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-
6. C. t. s. bất ly	-nt-	-nt-
7. Vật cảnh tiền sinh	Ý vật cận tử	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp
8. V. c. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-
9. V. c. t. s. bất ly	-nt-	-nt-
10. V. c. t. s. b. t. ư	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	10	
Nói theo khi	Cận tử	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Cận tử	

10B. VẬT CẢNH TIỀN SINH Y TẤU HỢP (Sabhāga)	**LINH TINH TẤU HỢP** (Pakiṇṇakā)	
	Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng	Vật cảnh tiền sinh trưởng bất tương ưng
Mãnh lực duyên	6	8
Năng duyên	Ý vật cận tử	Ý vật cận tử
Sở duyên	47 tâm nương vật nhất định và 44 shh	8 tâm tham, 22 shh
1. Vật cảnh tiền sinh y	V. c. t. s. y	V. c. t. s. y
2. Vật cảnh tiền sinh	V. c. t. s	V. c. t. s
3. V. c. t. s. bất t. ưng	V. c. t. s. b. t. ư	V. c. t. s. b. t. ư
4. V. c. t. s. hiện hữu	V. c. t. s. h. h	V. c. t. s. h. h
5. V. c. t. s. bất ly	V. c. t. s. b. l	V. c. t. s. b. l
6. Cảnh duyên	Cảnh	Cảnh
7. Cảnh trưởng duyên		C. t
8. Cảnh cận y duyên		C. c. y
	Vô ký – Thiện Vô ký – Bất thiện Vô ký – Vô ký	Vô ký – Bất thiện
Cộng câu	3	1

Thường cận y duyên hiệp lực

11. THƯỜNG CẬN Y DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1		2		3		4		5		6	
			T– T		T– B. T		T - VK		B.T - B.T		B.T – T		B.T - VK	
Năng duyên	121 tâm, 52 shh sanh khít trước và chế định (người, vật thực, chỗ ở)		Pháp thiện có sức mạnh (- La-hán đạo)		Pháp thiện		Pháp thiện có sức mạnh		Pháp bất thiện		Pháp bất thiện		Pháp bất thiện	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh sanh sau sau		Pháp thiện		Pháp bất thiện		Tâm vô ký, 38 shh		Pháp bất thiện		Pháp thiện		Tâm vô ký, 38 shh	
Thường cận y	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
Dị thời nghiệp	Sh tư hợp thiện, bất thiện đã diệt	Tâm quả, 38 shh					Sh tư trong thiện hiệp thế	25 tâm quả hiệp thế, 35 shh					Sh tư trong bất thiện	7 tâm quả bất thiện, 10 shh
Cộng duyên h. lực	1		0		0		1		0		0		1	
Nói theo khí	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ, ngũ uẩn		Hữu tâm		Hữu tâm		Tứ, ngũ uẩn		21 cõi phàm ngũ uẩn		Hữu tâm		Hữu tâm	
Nói theo người	4 phàm, 3 Qhh		4 phàm, 3 Qhh		4 phàm, 3 Qhh		4 phàm, 3 Qhh		4 phàm		4 phàm, 3 Qhh		4 phàm, 3 Qhh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, cận tử		Ý, đ.l. b.t		Ý môn		Ngũ, ý	

Thường cận y duyên tấu hợp

11A. THƯỜNG CẬN Y DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	7		8		9	
	VK – VK		VK – T		VK - BT	
Năng duyên	Tâm vô ký, 38 shh, 28 sắc pháp		Tâm vô ký, 38 shh, 28 sắc pháp (- Tứ quả)		52 tâm vô ký hiệp thế, 35 shh, 28 sắc pháp.	
Sở duyên	Tâm vô ký, 38 shh		Pháp thiện		Pháp bất thiện	
Thường cận y	ND	SD	ND	SD	ND	SD
Dị thời nghiệp						
Cộng duyên h. lực	0		0		0	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý		Ngũ, ý	

11.B THƯỜNG CẬN Y DUYÊN TẤU HỢP	LINH TINH TẤU HỢP
Mãnh lực duyên	2
Năng duyên	Sở hữu tư hợp thiện, bất thiện đã diệt
Sở duyên	Tâm quả, 38 shh
1. Thường cận y	T. c. y
2. Dị thời nghiệp	D. t. n
	Thiện – Vô ký Bất thiện – Vô ký
Cộng câu	2

Cảnh tiền sinh duyên hiệp lực

12. CẢNH TIỀN SINH HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Vô ký trợ Vô ký**		2 **Vô ký – Thiện**	
Năng duyên	18 sắc thành tựu hiện tại		18 sắc thành tựu sanh trước trước đang trụ		18 sắc thành tựu hiện tại	
Sở duyên	54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 50 shh (- vô lượng phần)		23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, thông tố, 33 shh		8 tâm đại thiện, thông thiện, 33 shh	
Cảnh tiền sinh duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Cảnh duyên	18 sắc thành tựu thành hiện tại	54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 50 shh	18 sắc thành tựu hiện tại	23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, thông tố, 33 shh	18 sắc thành tựu hiện tại	8 tâm đại thiện, thông thiện, 33 shh
2. Cảnh trưởng duyên	18 sắc thành tựu thành cảnh tốt	8 tâm tham, 22 shh				
3. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-				
4. Vật cảnh tiền sinh y	Ý vật cận tử	47 tâm nương vật, 44 shh	Ý vật cận tử	10 tâm tố dục giới, (- khai ngũ môn), 11 tâm na cảnh, thông tố, 33 shh	Ý vật cận tử	8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 33 shh
5. Vật cảnh tiền sinh	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. V. c. t. s. b. t. ư	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
7. V. c. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
8. V. c. t. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
9. C. t. s. hiện hữu	18 sắc thành tựu hiện tại	54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 50 shh	18 sắc thành tựu hiện tại	23 tâm quả dục giới, 11 tâm tố dục giới, thông tố, 33 shh	18 sắc thành tựu hiện tại	8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 33 shh
10. C. t. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng duyên h. lực	10		8		8	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 4 quả		4 phàm, 3 quả HH	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

Cảnh tiền sinh duyên tấu hợp

12A. CẢNH TIỀN SINH DUYÊN HIỆP LỰC	3	
	Vô ký – Bất thiện	
Năng duyên	18 sắc thành tựu thành hiện tại	
Sở duyên	12 tâm bất thiện, 27 shh	
C.T.S	ND	SD
1. Cảnh duyên	18 sắc thành tựu thành hiện tại	12 tâm bất thiện, 27 shh
2. Cảnh trưởng duyên	18 sắc thành tựu thành cảnh tốt	8 tâm tham, 22 shh
3. Cảnh cận y duyên	-nt-	-nt-
4. Vật cảnh tiền s. y	Ý vật cận tử	12 tâm bất thiện, 24 shh (- tật, lận, hối)
5. Vật cảnh tiền sinh	-nt-	-nt-
6. V. c. t. s. b. t. ư	-nt-	-nt-
7. V. c. t. s. hiện hữu	-nt-	-nt-
8. V. c. t. s. bất ly	-nt-	-nt-
9. C. t. s. hiện hữu	18 sắc thành tựu thành hiện tại	12 tâm bất thiện, 27 shh
10. C. t. s. bất ly	-nt-	-nt-
Cộng Duyên H. L	10	
Nói theo khi	Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hữu học	
Nói theo lộ	Ngũ, ý	

12B. CẢNH TIỀN SINH TẤU HỢP	**LINH TINH TẤU HỢP** (Pahiṇṇaka sabhāga)	
	TẤU HỢP I	TẤU HỢP II
Mãnh lực duyên	4	6
Năng duyên	18 sắc thành tựu thành hiện tại	18 sắc thành tựu thành tốt
Sở duyên	54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 50 shh (- vô lượng phần)	8 tâm tham, 22 shh
1. Cảnh tiền sinh	C. T. S	C. T. S
2. C. T. S. H. H	C. T. S. H. H	C. T. S. H. H
3. C. T. S. B. L	C. T. S. B. L	C. T. S. B. L
4. Cảnh duyên	Cảnh	Cảnh
5. Cảnh trưởng		Cảnh trưởng
6. Cảnh cận y		Cảnh cận y
	Vô ký – Vô ký Vô ký – Thiện Vô ký – Bất thiện	Vô ký – Bất thiện
Cộng câu	3	1

Hậu sinh duyên hiệp lực & tấu hợp

13. HẬU SINH DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – V. Ký**		2 **B.Thiện – V. Ký**		3 **V. Ký - V. Ký**	
Năng duyên	117 tâm, 52 shh (- 4 quả vô sắc)		37 tâm thiện, 38 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh		69 tâm vô ký (-4 quả vô sắc), 38 shh	
Sở duyên	Sát-na trụ của 28 sắc pháp		Sát-na trụ của 28 sắc pháp		Sát-na trụ của 28 sắc pháp		Sát-na trụ của 28 sắc pháp	
Hậu sinh duyên	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1.Hậu sinh Bất tương ưng	117 tâm, 52 shh (- 4 quả vô sắc)	Sát-na trụ của 28 sắc pháp	Pháp thiện	Sát-na trụ của 28 sắc pháp	Pháp bất thiện	Sát-na trụ của 28 sắc pháp	68 tâm vô ký (-4 quả vô sắc), 38 shh	Sát-na trụ của 28 sắc pháp
2. H. s. h. h	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. H. s. b. l	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng duyên	3		3		3		3	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 T. hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

13A. HẬU SINH TẤU HỢP (Sabhāga)	**LINH TINH TẤU HỢP** (Pakiṇṇaka sabhāga)
Năng duyên	117 tâm (-4 quả vô sắc), 52 shh
Sở duyên	Sát-na trụ của 28 sắc pháp
1. Hậu sinh	H. s
2. Hậu. s. b. t. ư	H. s. b. t. ư
3. Hậu. s. h. hữu	H. s. h. h
4. Hậu. s. b. ly	H. s. b. l
Mãnh lực duyên	4
	T – VK BT – VK VK – VK
Cộng câu	3

Trùng dụng duyên hiệp lực & tấu hợp

14. TRÙNG DỤNG HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 T – T		2 BT – BT		3 VK - VK	
Năng duyên	47 tâm đổng lực hiệp thế, 52 shh (- đổng lực cái chót)		17 tâm thiện hiệp thế, 38 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh		18 tâm tố đổng lực, 35 shh	
Sở duyên	67 tâm đổng lực, 52 shh (-quả siêu thế và đổng lực dục giới ban đầu)		37 tâm thiện, 38 shh		12 tâm bất thiện, 27 shh		18 tâm tố đổng lực, 35 shh	
Trùng dụng d.	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1.Vô gián	47 tâm đổng lực hiệp thế, 52 shh	67 đổng lực, 52 shh (-20 quả siêu thế và đổng lực ban đầu	17 tâm thiện hiệp thế, 38 shh	37 tâm thiện, 38 shh	Pháp bất thiện	Pháp bất thiện	18 tâm tố đổng lực, 35 shh	18 tâm tố đổng lực, 35 shh
2. Đẳng vô gián	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Vô gián cận y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Vô hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Ly khứ	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
Cộng Duyên	5		5		5		5	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn		Tứ, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 T. hh		4 phàm, 3 quả hh		La-hán quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

14A. TRÙNG DỤNG TẤU HỢP (Sabhāga)	LINH TINH TẤU HỢP (Pakiṇṇaka sabhāga)
Năng duyên	47 tâm đổng lực hiệp thế (- cái chót), 52 shh
Sở duyên	67 tâm đổng lực, 52 shh (- quả siêu thế đổng lực đầu)
1. Trùng dụng	Trùng dụng
2. Vô gián	Vô gián
3. Đẳng vô gián	Đẳng vô gián
4. Vô gián cận y	Vô gián cận y
5. Vô hữu	Vô hữu
6. Ly khứ	Ly khứ
Mãnh lực D.	6
	T – T BT – BT VK – VK
Cộng câu	3

Câu sinh nghiệp duyên hiệp lực

15. CÂU SINH NGHIỆP HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	Sh tư hợp 121 tâm		Sh tư hợp 37 tâm thiện	
Sở duyên	121 tâm, 51 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		37 tâm thiện, 37 shh (- tư)	
Câu sinh nghiệp	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh	Sh tư hợp 121 tâm	121 tâm, 51 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	Sh tư hợp 37 tâm thiện	37 tâm thiện, 37 shh (- tư)
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Danh vật thực	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Tương ưng	-nt-	121 tâm, 51 shh (- tư)	-nt-	-nt-
7. Hỗ tương	-nt-	121 tâm, 51 shh (- tư), Ý vật tái tục	-nt-	-nt-
8. C. s b. t. ư	Sh tư hợp 107 tâm, (- ngũ song thức và 4 quả vô sắc)	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
9. Dị thục quả	Sh tư hợp 52 tâm quả	52 tâm quả, 37 shh (- tư), 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
Cộng duyên	9		7	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

15A. CÂU SINH NGHIỆP HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	2		3		4	
	Thiện – Vô ký		**Thiện – Thiện & Vô ký**		**Bất thiện - Bất thiện**	
Năng duyên	Sh tư hợp 37 tâm thiện		Sh tư hợp 37 tâm thiện		Sh tư hợp 12 tâm bất thiện	
Sở duyên	17 sắc tâm		37 tâm thiện, 37 shh (- tư), 17 sắc tâm		12 tâm bất thiện, 26 shh (- tư)	
Câu sinh nghiệp	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh	Sh tư hợp 37 tâm thiện	17 sắc tâm	Sh tư hợp 37 tâm thiện	37 tâm thiện, 38 shh (- tư), 17 sắc tâm	Sh tư hợp 12 tâm bất thiện	12 tâm bất thiện, 26 shh (- tư)
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Danh vật thực	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Tương ưng					-nt-	-nt-
7. Hỗ tương					-nt-	-nt-
8. C. s b. t. ư	SH tư hợp 37 tâm thiện	17 sắc tâm				
9. Dị thục quả						
Cộng duyên	6		5		7	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

15B. CÂU SINH NGHIỆP HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**B. Thiện – B. Thiện & Vô ký**		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	Sở hữu tư hợp 12 tâm bất thiện		Sở hữu tư hợp 12 tâm bất thiện		Sh tư hợp 72 tâm vô ký	
Sở duyên	17 sắc tâm		12 tâm bất thiện, 26 shh (- tư), 17 sắc tâm		52 tâm quả, 20 tâm tố 37 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	
Câu sinh nghiệp	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh	Sở hữu tư hợp 12 tâm bất thiện	17 sắc tâm	Sh tư hợp 12 bất tâm thiện	12 tâm bất thiện, 26 shh (- tư), 17 sắc tâm	Sh tư hợp 72 tâm vô ký	72 tâm bất thiện, 37 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Danh vật thực	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Tương ưng					-nt-	-nt-
7. Hỗ tương					-nt-	-nt-
8. C. s b. t. ư	Sở hữu tư hợp 12 tâm bất thiện	17 sắc tâm			Sh tư hợp 72 tâm vô ký	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
9. Dị thục quả					Sh tư hợp 52 tâm quả	52 tâm quả, 37 s. hữu hợp, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
Cộng Duyên	6		5		9	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Câu sinh nghiệp duyên tấu hợp

15C. CÂU SINH NGHIỆP TẤU HỢP (Sabhāgaa)	**CÂU SINH TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu b. t. ư	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu b. t. ư	Hữu hỗ tương, hữu b. t. ư
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	8
Năng duyên	Sở hữu tư hợp 121 tâm	Sở hữu tư hợp 121 tâm	Sở hữu tư hợp 121 tâm	Sở hữu tư hợp 107 tâm (- nst và 4 quả vô sắc)	Sở hữu tư hợp 52 tâm quả	Sở hữu tư hợp 52 tâm quả	Sở hữu tư hợp 52 tâm quả	Sh tư hợp 38 quả (- nst và 4 quả vô sắc)	Sh tư hợp 15 tâm tái tục ngũ uẩn
Sở duyên	121 tâm, 51 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t. t	121 tâm, 51 shh (- tư), ý vật tái tục	121 tâm, 51 shh (- tư),	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	52 tâm quả, 37 shh (- tư), 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t. t	52 tâm quả, 37 shh (- tư), ý vật tái tục	52 tâm quả, 37 shh (- tư)	15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t. t	Ý vật tái tục
1. Câu sinh nghiệp	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n
2. Câu sinh	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh h. hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh b. ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư					C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T, VK; BT-BT; BT-VK; BT-BT, VK; VK-VK	T-T; BT-BT ; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-VK ; BT-VK ; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

Dị thời nghiệp duyên hiệp lực & tấu hợp

16. DỊ THỜI NGHIỆP HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Vô ký**		2 **Bất thiện – Vô ký**	
Năng duyên	Sh tư hợp tâm thiện hiệp thế và bất thiện đã diệt		Sh tư hợp tâm thiện đã diệt		Sh tư hợp tâm bất thiện đã diệt	
Sở duyên	52 tâm quả, 38 shh, sắc nghiệp (bình nhựt, tái tục, vô tưởng)		45 tâm quả thiện, 38 shh, 20 sắc nghiệp		7 tâm bất thiện, 10 shh và sắc nghiệp	
Dị thời nghiệp	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Thường cận y	Sh tư hợp tâm thiện, bất thiện đã diệt	52 tâm quả, 38 shh	SH tư hợp tâm thiện đã diệt	45 tâm quả thiện, 38 shh	Sh tư hợp tâm bất thiện đã diệt	7 tâm quả bất thiện, 10 shh
Cộng duyên hiệp lực	1		1		1	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý	

16A. DỊ THỜI NGHIỆP TẤU HỢP (Sabhāga)	LINH TINH TẤU HỢP (Pakiṇṇaka Sabhāga)
Mãnh lực duyên	2
Năng duyên	Sh tư hợp tâm thiện, bất thiện đã diệt
Sở duyên	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp
1. Dị thời nghiệp	D. t. n
2. Thường cận y	T. c. y
	Thiện – Vô ký B. thiện – Vô ký
Cộng câu :	2

Vô gián nghiệp duyên hiệp lực & tấu hợp

17. VÔ GIÁN NGHIỆP HIỆP LỰC	1 **Thiện – Vô ký**	
Năng duyên	Sh tư hợp 20 tâm đạo đã diệt	
Sở duyên	20 tâm quả siêu thế, 36 sở hữu hợp	
Vô gián nghiệp	ND	SD
1. Vô gián duyên	Sh tư hợp 20 tâm đạo đã diệt	20 tâm quả siêu thế, 36 shh
2.Đẳng vô gián	-nt-	-nt-
3. Vô gián cận y	-nt-	-nt-
4. Vô hữu duyên	-nt-	-nt-
5. Ly khứ duyên	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	5	
Nói theo khi	Bình nhựt	
Nói theo cõi	26 cõi vui hữu tâm	
Nói theo người	4 đạo, 4 quả	
Nói theo lộ	Kiên cố	

17A. VÔ GIÁN NGHIỆP TẤU HỢP (Sabhāga)	LINH TINH TẤU HỢP (Pakiṇṇaka sabhāga)
Năng duyên	Sh tư hợp 20 tâm đạo đã diệt
Sở duyên	20 tâm quả siêu thế, 36 shh sanh kế tâm đạo
1. Vô gián nghiệp	V. g. n
2. Vô gián duyên	V. g
3.Đẳng vô gián	Đ. v. g
4. Vô gián cận y	V. g. c. y
5. Vô hữu duyên	V. h
6. Ly khứ duyên	L. k
	Thiện – Vô ký
Cộng câu	1

Dị thục quả duyên hiệp lực

18. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN HIỆP LỰC	VÔ KÝ – VÔ KÝ	
Năng duyên	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp	
Sở duyên	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	
Dị thục quả duyên	ND	SD
1. Nhân duyên	3 nhân vô ký hiệp tâm quả	37 tâm quả hữu nhân,38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
2. Câu sinh trưởng duyên	Tứ trưởng hợp 20 quả siêu thế	20 quả siêu thế, 36 shh, 15 sắc tâm
3. Câu sinh duyên	52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
4. Hỗ tương duyên	-nt-	52 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục
5. Câu sinh y duyên	-nt-	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
6. Câu sinh nghiệp duyên	Sh tư hợp 52 tâm quả	52 tâm quả, 37 shh (- tư), 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
7. Danh vật thực duyên	52 tâm quả, sh tư hiệp 52 tâm quả, sh xúc hiệp 52 tâm quả	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
8. Câu sinh quyền duyên	8 danh quyền	-nt-
9. Thiền na duyên	6 chi thiền	42 tâm quả (- ngũ song thức), 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
10. Đồ đạo duyên	8 chi đạo	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
11. Tương ưng duyên	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp
12. Câu sinh bất tương ưng	38 tâm quả (- ngũ song thức và 4 quả vô sắc), 38 sở hữu hợp	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
13. Câu sinh hiện hữu duyên	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
14. Câu sinh bất ly duyên	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	14	
Nói theo khi	Tái tục và bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý dục giới, kiên cố	

Dị thục quả duyên tấu hợp

18A. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga) Có 5 cách	**CÂU SINH TẤU HỢP** (Sahajāta sabhāga)				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	7
Năng duyên	**1.** 52 tâm quả, 38 shh. **2.** 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh.	**1.** 52 tâm quả, 38 shh. **2.** 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh.	52 tâm quả, 38 shh.	**1.** 38 tâm quả, 38 shh (- nst và 4 quả vô sắc). **2.** 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh.	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh.
Sở duyên	**1.** 52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục **2.** 15 tâm tái tục ngũ uẩn, 35 shh, ý vật tái tục	**1.** 52 tâm quả, 38 shh **2.** ý vật tái tục	52 tâm quả, 38 shh.	**1.** 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục **2.** ý vật tái tục	ý vật tái tục
1. Dị thục quả	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
2. Câu sinh	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4.C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Hỗ tương		H. t	H. t		H. t
7. Tương ưng			T. ư		
8. C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
	VK - VK	VK - VK	VK - VK	VK - VK	VK - VK
Cộng câu	1	1	1	1	1

Sắc vật thực duyên hiệp lực & tấu hợp

19. SẮC VẬT THỰC HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	1	
	Vô ký – Vô ký	
Năng duyên	Sắc vật thực	
Sở duyên	Sắc 4 nhân tạo (- chất bổ trong bọn của duyên)	
Sắc vật thực	ND	SD
1. Vật thực hiện hữu	Sắc vật thực (đoàn thực)	Sắc 4 nhân tạo
2. Vật thực bất ly	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	2	
Nói theo khi	Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Lộ sắc	

19A. SẮC VẬT THỰC TẤU HỢP (Sabhāga)	HỖN HỢP TẤU HỢP (Missaka)
Mãnh lực duyên	3
Năng duyên	Sắc vật thực (đoàn thực)
Sở duyên	Sắc 4 nhân tạo (chất bổ trong bọn với duyên)
1. sắc vật thực	S. v. t
2. Vật thực h. hữu	V. t. h. h
3. Vật thực bất ly	V. t. b. l
	Vô ký – Vô ký
Cộng câu	1

Danh vật thực duyên hiệp lực

20. DANH VẬT THỰC HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	3 danh vật thực: xúc, tư, thức (121 tâm)		3 danh vật thực: xúc, tư, thức (37 tâm thiện)	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp	
Danh vật thực	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh trưởng	84 tâm hữu trưởng	51 shh, 17 sắc tâm	37 tâm hữu trưởng	38 shh
2. Câu sinh	3 danh vật thực	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	3 danh vật thực thiện	37 tâm thiện, 38 shh
3. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. C. s nghiệp	Sh tư hợp 121 tâm	121 tâm, 51 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	Sh tư hợp 37 tâm thiện	37 tâm thiện, 37 shh (- tư)
7. C. s. quyền	121 tâm	52 sở hữu, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	37 tâm thiện	38 sở hữu
8. Hỗ tương	3 danh vật thực	121 tâm, 52 shh, ý vật tái tục	3 danh vật thực thiện	37 tâm thiện, 38 shh
9. Tương ưng	-nt-	121 tâm, 52 shh	-nt-	-nt-
10. C. s. b. t. ư	-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
11. Dị thục quả	-nt-	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm quả, 20 sắc nghiệp tái tục		
Cộng duyên	11		9	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, đổng lực thiện + kiên cố	

20A. DANH VẬT THỰC HIỆP LỰC	2		3		4	
	Thiện – Vô ký		**Thiện – Thiện & Vô ký**		**Bất thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	3 danh vật thực thiện		3 danh vật thực thiện		3 danh vật thực bất thiện (xúc, tư và thức (thức đây là 12 tâm bất thiện))	
Sở duyên	17 sắc tâm thiện		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp, 17 sắc tâm thiện		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	
Danh V. T	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1	37 tâm thiện hữu trưởng	17 sắc tâm thiện	37 tâm thiện hữu trưởng	38 shh, 17 sắc tâm	10 tâm bất thiện hữu trưởng	26 shh (- hoài nghi)
2	3 danh vật thực thiện	17 sắc tâm thiện	3 danh vật thực thiện	38 shh, 17 sắc tâm	3 danh vật thực b. thiện	12 b. thiện, 27 shh
3	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6	Sh tư hợp 37 tâm thiện	17 sắc tâm thiện	Sh tư hợp 37 tâm thiện	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện	Sh tư hợp 12 tâm bất thiện	12 tâm bất thiện, 26 shh (- tư)
7	37 tâm thiện	17 sắc tâm thiện	37 tâm thiện	38 shh, 17 sắc tâm	12 tâm bất thiện	27 shh
8					3 danh vật thực b. thiện	12 b. thiện, 27 shh
9	3 danh vật thực thiện	17 sắc tâm			3 danh vật thực b. thiện	12 b. thiện, 27 shh
10						
11						
Cộng duyên	8		7		9	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

20B. DANH VẬT THỰC HIỆP LỰC	5		6		7	
	Bất thiện – Vô Ký		**B. thiện – B. thiện & V.Ký**		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	Sh xúc, tư hợp 12 tâm bất thiện – và 12 tâm bất thiện		Sh xúc, tư hợp tâm bất thiện – và 12 tâm bất thiện		Sh xúc, tư hợp 72 tâm vô ký và 72 tâm vô ký	
Sở duyên	17 sắc tâm bất thiện		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp		72 tâm vô ký, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t. tục	
Danh V. T	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1	10 b. thiện hữu trưởng	17 sắc tâm bất thiện	10 tâm b. thiện hữu trưởng	26 shh, 17 sắc tâm	37 tâm vô ký hữu trưởng	38 shh, 17 sắc tâm
2	3 danh Vật thực	17 sắc tâm bất thiện	3 danh Vật thực	12 b. thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	3 danh vật thực vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tt
3	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6	Sh tư hợp 12 tâm b. thiện	17 sắc tâm bất thiện	Sh tư hợp 12 tâm b. thiện	12 b. thiện, 26 shh (- tư), 17 sắc tâm	Sh tư hợp 72 tâm vô ký	72 tâm vô ký, 37 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc t. tục
7	12 tâm bất thiện	-nt-	12 tâm bất thiện	27 shh, 17 sắc tâm	72 tâm vô ký	38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tt
8					3 danh vật thực vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, ý vật tái tục
9					-nt-	72 tâm vô ký, 38 shh
10	3 danh vật thực b. thiện	17 sắc tâm Bất thiện			-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc t. tục
11					3 danh vật thực quả	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t. tục
Cộng duyên	8		7		11	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hữu học		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, kiên cố		Ngũ, kiên cố		Ngũ, kiên cố	

Danh vật thực duyên tấu hợp

20C. DANH VẬT THỰC TẤU HỢP (Sabhāga)	**CÂU SINH THÔNG THƯỜNG** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, h. t. ưng	Hữu Bất t. ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, h. t. ưng	Hữu Bất t. ưng	Hữu hỗ tương, h. b.t.ưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	3 danh vật thực	3 danh vật thực hiệp 121 tâm	3 danh vật thực hiệp 121 tâm	3 danh vật thực hiệp 107 tâm (- nst & 4 quả v.sắc)	3 danh vật thực hiệp 52 tâm quả	3 danh vật thực hiệp 52 tâm quả	3 danh vật thực hiệp 52 tâm quả	3 danh vật thực hiệp 38 tâm quả (- nst & 4 quả v.sắc)	3 danh vật thực hiệp 15 tâm tái tục ngũ uẩn
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	121 tâm, 52 shh, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t. tục	52 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục	52 tâm quả, 38 shh	15 sắc tâm, 20 sắc t. tục	ý vật tái tục
1. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
2. Câu sinh	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
7. Tương ưng			T. ư				T. ư		
8. C. s. bất tương ưng				C. s. b.t.ư				C. s. b.t.ư	C. s. b.t.ư
9. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

20D. DANH VẬT THỰC TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU NGHIỆP TẤU HỢP** (Sa kamma sabhāga) – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỰC				**HỮU DỊ THỰC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, h. t. ưng	Hữu Bất t. ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, h. t. ưng	Hữu Bất t. ưng	Hữu hỗ tương, h.b. t.ưng
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	Sh tư hợp 121 tâm	Sh tư hợp 121 tâm	Sh tư hợp 121 tâm	Sh tư hợp 107 tâm (- nst & 4 quả vô sắc)	Sh tư hợp 52 tâm quả	Sh tư hợp 52 tâm quả	Sh tư hợp 52 tâm quả	Sh tư hợp 38 tâm quả (- nst & 4 quả vô sắc)	Sh tư hợp 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn
Sở duyên	121 tâm, 51 shh (- tư), 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	121 tâm, 51 shh (- tư), ý vật tái tục	121 tâm, 51 shh (- tư)	17 sắc tâm, 20 sắc t. tục	52 tâm quả, 37 shh(- tư), 15 sắc tâm, 20 sắc t. t	52 tâm quả, 37 shh(- tư), ý vật tái tục	52 tâm quả, 37 shh (- tư)	15 sắc tâm, 20 sắc t. tục	Ý vật tái tục
1. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
2. Câu sinh	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. C. s nghiệp	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n	C. s. n
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b.t.ư				C. s. b.t.ư	C. s. b.t.ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

20E. DANH VẬT THỰC TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU QUYỀN LỰC TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, h.t. ưng	Hữu Bất t. ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, h.t. ưng	Hữu Bất t. ưng	Hữu hỗ tương, h.b.t.ưng
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	121 tâm	121 tâm	121 tâm	107 tâm (- nst & 4 quả vô sắc)	52 tâm quả	52 tâm quả	52 tâm quả	38 tâm quả (- nst & 4 quả vô sắc)	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn
Sở duyên	52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	52 shh , ý vật tái tục	52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t. tục	38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t. t	38 shh, ý vật tái tục	38 sở hữu hợp	15 sắc tâm, 20 sắc t. tục	Ý vật tái tục
1. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
2. Câu sinh duyên	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất tương ưng				C. s. b.t.ư				C. s. b.t.ư	C. s. b.t.ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

20F. DANH VẬT THỰC TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU TRƯỞNG QUYỀN TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, h. tương ưng	Hữu Bất t. ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, h. tương ưng	Hữu Bất t. ưng
Mãnh lực duyên	7	9	8	7	9	8
Năng duyên	84 tâm đổng lực hữu trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng	20 tâm quả Siêu thế	20 tâm quả Siêu thế	20 tâm quả Siêu thế
Sở duyên	51 shh (- hoài nghi), 17 sắc tâm,	51 sở hữu hợp	17 sắc tâm	36 sở hữu hợp 15 sắc tâm	36 sở hữu hợp	15 sắc tâm
1. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
2. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
3. Câu sinh	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s	C. s
4. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
5. C. s. hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
6. C. s. bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
7. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
8. Hỗ tương		H. t			H. t	
9. Tương ưng		T. ư			T. ư	
10. C. s. bất t. ưng			C. s. b.t.ư			C. s. b.t.ư
10. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	1	1	1

Câu sinh quyền duyên hiệp lực

21. CÂU SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1	
			Thiện – Thiện	
Năng duyên	8 danh quyền: sh mạng quyền, tâm, thọ, tín, cần, niệm, nhất thống và trí quyền		8 danh quyền thiện	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp	
Câu sinh quyền	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh trưởng	3 trưởng (- dục)	84 tâm hữu trưởng, 51 sở hữu (- hoài nghi), 17 sắc tâm	3 trưởng thiện (- dục)	37 tâm thiện, 37 shh (- dục)
2. Câu sinh	8 danh quyền	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	8 danh quyền thiện	37 tâm thiện, 38 shh
3. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Danh vật thực	Thức thực (121 tâm)	52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	37 tâm thiện	38 sở hữu hợp
7. Thiền na duyên	thọ, nhứt thống	111 tâm (-nst), 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	37 thọ, 37 nhất thống	37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp
8. Đồ đạo duyên	trí, cần, niệm, nhứt thống	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	trí, cần, niệm, nhất thống	37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp
9. Nhân duyên	Trí	79 tâm tam nhân, 37 shh 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	Trí	33 tâm tam nhân thiện, 37 shh (- trí)
10. Hỗ tương	8 danh quyền	121 tâm, 52 shh, ý vật tái tục	8 danh quyền thiện	37 tâm thiện, 38 shh
11. Tương ưng	-nt-	121 tâm, 52 shh	-nt-	-nt-
12. C. s. b. t. ư	-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
13. Dị thục quả	8 danh quyền dị thục quả	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm quả, 20 sắc nghiệp tái tục		
Cộng duyên	13		11	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

21A. CÂU SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	2		3		4	
	Thiện – Vô ký		**Thiện – Thiện & Vô ký**		**Bất thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	8 danh quyền thiện		8 danh quyền thiện		5 danh quyền bất thiện (- tín, niệm, trí)	
Sở duyên	17 sắc tâm thiện		37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	
C. s. quyền	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. C. s. trưởng	3 trưởng thiện (- dục)	17 sắc tâm thiện	3 trưởng thiện	37 tâm thiện, 37 shh, 17 sắc tâm thiện	2 trưởng bất thiện	10 tâm bất thiện, 26 shh (- 2 si)
2. Câu sinh	8 danh quyền thiện	-nt-	8 danh quyền thiện	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	5 danh quyền bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh
3. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. h. h	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. b. l	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Danh vật thực	37 tâm thiện	-nt-	37 tâm thiện	38 shh, 17 sắc tâm	12 tâm bất thiện	27 shh
7. Thiền na	Thọ, nhất thống	-nt-	Thọ, nhất thống	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	Thọ, nhất thống	12 tâm bất thiện, 27 shh
8. Đồ đạo	Trí, cần, niệm, nhất thống	-nt-	Trí, cần, niệm, nhất thống	-nt-	Cần, Nhứt thống	-nt-
9. Nhân	Trí	-nt-	Trí	33 tâm thiện tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm		
10. Hỗ tương					5 danh quyền bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh
11. T. ưng					-nt-	-nt-
12. C. s. b. t. ư	8 danh quyền thiện	17 sắc tâm thiện				
13. D. t. q						
Cộng duyên	10		9		10	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

21B. CÂU SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**B. thiện – B. thiện & Vô ký**		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	5 danh quyền bất thiện		5 danh quyền bất thiện		8 danh quyền vô ký	
Sở duyên	17 sắc tâm bất thiện		12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm thiện		52 tâm quả, 20 tâm tố, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	
C. s. quyền	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. C. s. trưởng	10 tâm bất thiện, cần	17 sắc tâm	10 tâm bất thiện, cần	10 tâm bất thiện, 26 shh, 17 sắc tâm	3 trưởng vô ký	37 tâm trưởng vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm
2. Câu sinh	5 danh quyền bất thiện	-nt-	8 danh quyền thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	8 danh quyền vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
3. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. h. h	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. b. l	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Danh vật thực	12 tâm bất thiện	-nt-	12 tâm bất thiện	27 shh, 17 sắc tâm	72 tâm vô ký	38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
7. thiền na	Thọ, nhất thống	-nt-	Thọ, nhất thống	12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	Thọ, nhất thống	62 tâm vô ký (- nst), 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
8. Đồ đạo	cần, nhất thống	-nt-	cần, nhất thống	-nt-	Trí, cần, niệm, nhứt thống	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
9. Nhân					Trí	46 tâm vô ký tam nhân, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
10. Hỗ tương					8 danh quyền vô ký	72 tâm vô ký, 38 shh, ý vật tái tục
11. T. ưng					-nt-	72 tâm vô ký, 38 shh
12. C. s. b. t. ư	5 danh quyền bất thiện	17 sắc tâm			-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
13. D. t. q					-nt-	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc tái tục
Cộng duyên	9		8		13	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

<u>*Câu sinh quyền duyên tấu hợp*</u>

21C. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**CÂU SINH THÔNG THƯỜNG TẤU HỢP**								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	8 danh quyền	8 danh quyền	8 danh quyền	8 danh quyền	8 danh quyền dị thục quả	8 danh quyền dị thục quả	8 danh quyền dị thục quả	8 danh quyền dị thục quả	8 danh quyền dị thục quả
Sở duyên	121 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	121 tâm, 52 shh, ý vật tái tục	121 tâm, 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	52 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	52 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục	52 tâm quả, 38 shh	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục ngũ uẩn
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3.Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
7.Tương ưng			T. ư				T. ư		
8.C. s. bất tương ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
9. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21D. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	HỮU ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, h.ữu b. t. ư
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	Cần, niệm, nhất thống, trí	4 danh quyền	4 danh quyền	4 danh quyền	4 danh quyền quả hữu nhân	37 tâm quả h. nhân, 38 shh, ý vật t.t	4 danh quyền quả hữu nhân	4 danh quyền quả hữu nhân	4 danh quyền quả hữu nhân
Sở duyên	103 tâm h. nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật t. tục	103 tâm hữu nhân, 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả h. nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục hữu nhân
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Đồ đạo	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21E. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	HỮU THIỀN NA TẤU HỢP – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống	Thọ, nhất thống
Sở duyên	111 tâm (- nst), 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	111 tâm (- nst), 52 shh, Ý vật t. tục	111 tâm (- nst), 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	42 tâm quả (- nst), 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	42 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục	42 tâm quả, 38 shh	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. thiền na	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21F. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU THIỀN NA ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống
Sở duyên	102 tâm h. nhân (- hoài nghi), 50 shh (- định, hoài nghi), 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	102 tâm hữu nhân 50 shh, ý vật t. tục	102 tâm hữu nhân 50 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh (- định), 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả, 37 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh	15 sắc tâm quả hữu nhân, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục hữu nhân
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Thiền na	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
7. Đồ đạo	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
8. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
9. Tương ưng			T. ư				T. ư		
10. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21G. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU VẬT THỰC TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	121 Tâm	121 Tâm	121 Tâm	107 tâm (- nst & 4 quả vô sắc)	52 tâm quả	52 tâm quả	52 tâm quả	38 tâm quả (- nst & 4 quả vô sắc)	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn
Sở duyên	52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	52 shh, ý vật t. tục	52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	38 shh, ý vật tái tục	38 shh	15 sắc tâm, 20 sắc tái tục	Ý vật tái tục
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3.Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

21H. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU TRƯỞNG VẬT THỰC TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	7	9	8	8	10	9
Năng duyên	84 tâm đổng lực hữu trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng	84 tâm đổng lực hữu trưởng	20 tâm quả siêu thế	20 tâm quả siêu thế	20 tâm quả siêu thế
Sở duyên	51 shh (- hoài nghi), 17 sắc tâm	51 shh (- hoài nghi)	17 sắc tâm	36 shh, 15 sắc tâm	36 shh	15 sắc tâm
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh duyên	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3.Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
7. Danh vật thực	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t	D. v. t
7. Hỗ tương		H. t			H. t	
9. Tương ưng		T. ư			T. ư	
10. C. s. bất t. ưng			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	1	1	1

21K. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU TRƯỞNG ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	7	9	8	8	10	9
Năng duyên	Cần, trí	Cần, trí	Cần, trí	Cần, trí hợp tâm quả siêu thế	Cần, trí hợp tâm quả siêu thế	Cần, trí hợp tâm quả siêu thế
Sở duyên	84 tâm đồng lực hữu trưởng, 50 shh (- hoài nghi & pháp đang làm trưởng) 17 sắc tâm	84 tâm đồng lực hữu trưởng, 50 shh (- hoài nghi & pháp đang làm trưởng)	17 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế và 35 shh, 15 sắc tâm, pháp đang làm trưởng	20 tâm quả siêu thế và 35 shh	15 sắc tâm
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
7. Đồ đạo	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
7. Hỗ tương		H. t			H. t	
9. Tương ưng		T. ư			T. ư	
10. C. s. bất t. ưng			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
10.C. s. bất t. ưng	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
11. Dị thục quả	7	3	3	1	1	1

21L. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	HỮU NHÂN ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, hữu b.t. ưng
Mãnh lực duyên	7	8	9	8	8	9	10	9	10
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	79 tâm tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t. t	79 tâm tam nhân, 37 shh, Ý vật t. tục	79 tâm tam nhân, 37 shh (- trí)	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	33 quả tam nhân, 37 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	33 quả tam nhân, 37 shh, ý vật tái tục	33 quả tam nhân, 37 shh (- trí)	15 sắc tâm, 20 sắc t. t	Ý vật tái tục tam nhân
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Nhân duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
7. Đồ đạo	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
8. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
9. Tương ưng			T. ư				T. ư		
10. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; VK-VK	T-T; VK-VK	T-T; VK-VK	T- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	4	2	2	2	1	1	1	1	1

21M. CÂU SINH QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU TRƯỞNG NHÂN ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	6	8	7	7	9	8
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	66 tâm đổng lực hữu trưởng tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm	66 tâm đổng lực hữu trưởng tam nhân, 37 shh	17 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế, 35 shh (- trí), 15 sắc tâm	20 tâm quả siêu thế, 35 shh	15 sắc tâm
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh trưởng	C. s. trưởng	C. s. trưởng	C. s. trưởng	C. s. trưởng	C. s. trưởng	C. s. trưởng
7. Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
8. Đồ đạo	Đ. đạo	Đ. đạo	Đ. đạo	Đ. đạo	Đ. đạo	Đ. đạo
9. Hỗ tương		H. t			H. t	
10. Tương ưng		T. ư			T. ư	
11. C. s. bất t. ưng			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
12. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; VK-VK	T-T; VK-VK	T- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	4	2	2	1	1	1

Tiền sinh quyền duyên hiệp lực và tấu hợp

22. TIỀN SINH QUYỀN HIỆP LỰC (Ghatanā)	HIỆP LỰC I **Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	5 sắc thanh triệt trung thọ	
Sở duyên	Ngũ song thức và 7 sở hữu hợp	
Tiền sinh quyền	Năng duyên	Sở duyên
1. Vật tiền sinh y	5 sắc thanh triệt trung thọ	Ngũ song thức và 7 sở hữu hợp
2. Vật tiền sinh	-nt-	-nt-
3. Vật tiền sinh b. t. ưng	-nt-	-nt-
4. Vật tiền sinh hiện hữu	-nt-	-nt-
5. Vật tiền sinh bất ly	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	5	
Nói theo khi	Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý	

TIỀN SINH QUYỀN TẤU HỢP (Sabhāga)	TẤU HỢP I LINH TINH TẤU HỢP
Năng duyên	5 sắc thanh triệt trung thọ
Sở duyên	Ngũ song thức và 7 sở hữu hợp
Mãnh lực duyên	6
1. Tiền sinh quyền	T. s. q
2. Vật tiền sinh y	V. t. s. y
3. Vật tiền sinh	V. t. s
4. Vật tiền sinh b. t. ưng	V. t. s. b. t. ưng
5. Vật tiền sinh hiện hữu	V. t. s. h. h
6. Vật tiền sinh bất ly	V. t. s. b. l
	Vô ký – Vô ký
Cộng câu	1

<u>Sắc mạng quyền duyên hiệp lực và tấu hợp</u>

23. SẮC MẠNG QUYỀN DUYÊN HIỆP LỰC	HIỆP LỰC I	
	Vô ký – Vô ký	
Năng duyên	Sắc mạng quyền	
Sở duyên	Sắc nghiệp 9 hoặc 8 đồng bọn với duyên	
Sắc mạng quyền	ND	SD
1. Sắc mạng quyền hiện hữu	Sắc mạng quyền	Sắc nghiệp 9 hoặc 8 đồng bọn với duyên
2. Sắc mạng quyền bất ly	-nt-	-nt-
Cộng duyên hiệp lực	2	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Nhứt uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Lộ sắc	

SẮC MẠNG QUYỀN DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	TẤU HỢP I
	HỖN HỢP TẤU HỢP
Năng duyên	Sắc mạng quyền
Sở duyên	Sắc nghiệp 9 hoặc 8 đồng bọn với duyên
Mãnh lực duyên	3
1. Sắc mạng quyền	S. m. q
2. Sắc mạng quyền hiện hữu	S. m. q. h. h
3. Sắc mạng quyền bất ly	S. m. q. b. l
	Vô ký – Vô ký
Cộng câu	1

Thiền na duyên hiệp lực

24. THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	7 chi thiền: tầm, tứ, hỷ thọ, ưu thọ, hỷ, xả, nhứt thống hợp 111 tâm (- nst)		6 chi thiền thiện (- ưu thọ)	
Sở duyên	111 tâm (- nst), 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp	
Thiền na duyên	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	7 chi thiền	111 tâm, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	6 chi thiền	37 tâm thiện, 38 shh
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh quyền	4 chi thiền: hỷ thọ, ưu thọ, xả thọ và nhứt thống	-nt-	3 chi thiền: hỷ thọ, xả, nhứt thống	-nt-
6. Đồ đạo	2 chi thiền: tầm, nhứt thống	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	tầm, nhứt thống	-nt-
7. Hỗ tương	7 chi thiền	111 tâm, 52 shh, Ý vật tái tục	6 chi thiền	-nt-
8. Tương ưng	-nt-	111 tâm, 52 shh	-nt-	-nt-
9. C. s. b. t. ư	-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
10. Dị thục quả	6 chi thiền (- ưu thọ)	42 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
Cộng duyên h. l	10		8	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

24A. THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	2		3		4	
	Thiện – Vô ký		**Thiện – Thiện & Vô ký**		**Bất thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	6 chi thiền thiện (- ưu thọ)		6 chi thiền thiện (- ưu thọ)		7 chi thiền bất thiện	
Sở duyên	17 sắc tâm		37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện		12 tâm bất thiện, 27 shh	
Thiền na	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. C. s. duyên	6 chi thiền	17 sắc tâm thiện	6 chi thiền	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện	7 chi thiền bất thiện	12 tâm bất thiện, 27 shh
2. C. s. y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. h. hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C.s. quyền	3 chi thiền thiện	-nt-	3 chi thiền thiện	-nt-	4 chi thiền	-nt-
6. Đồ đạo	Tầm, nhứt thống	-nt-	Tầm, nhứt thống	-nt-	Tầm, nhứt thống	-nt-
7. Hỗ tương					7 chi thiền bất thiện	-nt-
8. Tương ưng					-nt-	-nt-
9. C. s. b. t. ư	6 chi thiền	17 sắc tâm thiện				
10. Dị t. quả						
Cộng duyên	7		6		8	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	ngũ uẩn		ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

24B. THIỀN NA DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**B. thiện – B. thiện & Vô ký**		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	7 chi thiền bất thiện		7 chi thiền bất thiện		6 chi thiền vô ký (- ưu thọ)	
Sở duyên	17 sắc tâm		12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm		62 tâm vô ký, 38 shh (- nst), 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	
Thiền na d.	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. C. s. duyên	7 chi thiền	17 sắc tâm	7 chi thiền	12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	6 chi thiền vô ký (- ưu thọ)	62 tâm vô ký, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
2. C. s. y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. h. hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C.s. quyền	4 chi thiền	-nt-	4 chi thiền	-nt-	3 chi thiền hỷ, xả, nhứt thống	-nt-
6. Đồ đạo	Tầm, nhứt thống	-nt-	Tầm, nhứt thống	-nt-	Tầm, nhứt thống	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
7. Hỗ tương					6 chi thiền	62 tâm vô ký, 38 shh, ý vật tái tục
8. Tương ưng					-nt-	62 tâm vô ký, 38 shh,
9. C. s. b. t. ư	7 chi thiền	17 sắc tâm			-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
10. Dị t. quả					-nt-	42 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tt
Cộng duyên	7		6		10	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Thiền na duyên tấu hợp

24C. THIỀN NA DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga) 36 cách	**CÂU SINH TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, hữu b.tưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống	5 chi thiền: tầm, tứ, hỷ, thọ và nhứt thống
Sở duyên	111 tâm , 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	111 tâm , 52 shh, ý vật tái tục	111 tâm, 52 shh,	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	42 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	42 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục	42 tâm quả, 38 shh,	15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục cõi ngũ uẩn
1. Thiền na duyên	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
7. Tương ưng			T. ư				T. ư		
8. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
9. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

24D. THIỀN NA DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga) 36 Cách	HỮU QUYỀN LỰC TẤU HỢP – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				HỮU DỊ THỤC				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	2 chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống	2chi thiền: thọ và nhứt thống
Sở duyên	111 tâm , 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	111 tâm , 52 shh, ý vật tái tục	111 tâm, 52 shh,	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	42 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	42 tâm quả, 38 shh, ý vật tái tục	42 tâm quả, 38 shh,	15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục
1. Thiền na duyên	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3.Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

24E. THIỀN NA DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga) 36 Cách	**HỮU ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định	2 chi thiền: tầm, định
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật tái tục	103 tâm hữu nhân, 52 shh,	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh,	15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục
1. Thiền na duyên	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

24F. THIỀN NA DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga) 36 Cách	**HỮU QUYỀN LỰC - ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, bất tương ưng
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định	Chi thiền: Sh định
Sở duyên	102 tâm, 50 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	102 tâm, 50 shh, ý vật tái tục	102 tâm, 50 shh	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh	15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục hữu nhân
1. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
7. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
8. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
9. Tương ưng			T. ư				T. ư		
10. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

Đồ đạo duyên hiệp lực

25. ĐỒ ĐẠO DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1 **Thiện – Thiện**	
Năng duyên	9 chi đạo: trí, cần, tầm, niệm, nhứt thống, ngăn trừ phần và tà kiến		8 chi đạo thiện (- tà kiến)	
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục		37 tâm thiện, 38 sở hữu hợp	
Đồ đạo duyên	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	9 chi đạo	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp tái tục	6 chi đạo thiện	37 tâm thiện, 38 shh
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Câu sinh quyền	trí, cần, niệm, nhứt thống	-nt-	trí, cần, niệm, nhứt thống	-nt-
6. Thiền na	Tầm, nhứt thống	-nt-	Tầm, nhứt thống	-nt-
7. Câu sinh trưởng	Cần, trí	84 đổng lực hữu trưởng, 50 shh (- cần, trí đang làm trưởng) 17 sắc tâm	Cần, trí	37 tâm thiện, 37 shh
8. Nhân duyên	Trí	79 tâm tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục	Trí	33 thiện tam nhân, 37 shh
9. Hỗ tương	9 chi đạo	103 tâm hữu nhân, 52 shh, Ý vật tái tục	8 chi đạo thiện	37 tâm thiện, 38 shh
10. Tương ưng	9 chi đạo	103 tâm hữu nhân, 52 shh	8 chi đạo thiện	37 tâm thiện, 38 shh
11. C. s. b. t. ư	9 chi đạo	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
12. Dị thục quả	5 chi đạo (- tà kiến, ngăn trừ) trong tâm quả siêu thế	37 tâm quả, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục		
Cộng duyên h. l	12		10	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

25A. ĐỒ ĐẠO DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	2		3		4	
	Thiện – Vô ký		**Thiện – Thiện & Vô ký**		**Bất thiện – Bất thiện**	
Năng duyên	8 chi đạo thiện		8 chi đạo thiện (- tà kiến)		4 chi đạo bất thiện: tầm, cần, nhất thống và tà kiến	
Sở duyên	17 sắc tâm		37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm thiện		12 tâm bất thiện, 27 shh	
Đồ đạo d.	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh	8 chi đạo thiện	17 sắc tâm	8 chi đạo thiện	37 tâm thiện, 38 shh, 17 sắc tâm	4 chi đạo bất thiện	27 bất thiện, 27 shh
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. h. hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. quyền	Trí, cần, niệm, nhứt thống	-nt-	Trí, cần, niệm, nhứt thống	-nt-	Cần, nhứt thống	-nt-
6. Thiền na	Tầm, nhất thống	-nt-	Tầm, nhất thống	-nt-	Tầm, nhất thống	-nt-
7. C. s. trưởng	Cần, trí	-nt-	Cần, trí	37 tâm thiện, 37 shh, 17 sắc tâm	Cần	10 bất thiện 2 nhân, 25 shh
8. Nhân duyên	Trí	-nt-	Trí	38 thiện tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm		
9. Hỗ tương					4 chi đạo bất thiện	12 bất thiện, 27 shh
10. T.ưng					-nt-	-nt-
11. C. s. b.t.ư	8 chi đạo	17 sắc tâm				
12. Dị th. quả						
Cộng duyên	9		8		9	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý	

25B. ĐỒ ĐẠO DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	5		6		7	
	Bất thiện – Vô ký		**B. thiện – B. thiện & Vô ký**		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	4 chi đạo bất thiện		4 chi đạo bất thiện		8 chi đạo vô ký (- tà kiến)	
Sở duyên	17 sắc tâm bất thiện		12 tâm bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm bất thiện		37 tâm quả hữu nhân, 17 tâm tố hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm vô ký, 20 sắc nghiệp tái tục với tâm hữu nhân	
Đồ đạo d.	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh	4 chi đạo bất thiện	17 sắc tâm bất thiện	4 chi đạo bất thiện	12 bất thiện, 27 shh, 17 sắc tâm	8 chi đạo vô ký (- tà kiến)	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. h. hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. C. s. quyền	Cần, nhất thống	-nt-	Cần, nhất thống	-nt-	Trí, cần, niệm, nhứt thống	-nt-
6. Thiền na	Tầm, nhất thống	-nt-	Tầm, nhất thống	-nt-	Tầm, nhất thống	-nt-
7. C. s. trưởng	Cần	-nt-	Cần	10 bất thiện nhị nhân, 25 shh, 17 sắc tâm	Cần, trí	20 quả siêu thế, 17 tố hữu nhân, 37 shh, 17 sắc tâm
8. Nhân duyên					Trí	46 tâm vô ký tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
9. Hỗ tương					8 chi đạo	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục
10. T. ưng					-nt-	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh
11. C. s. b.t.ư					-nt-	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
12. Dị th. quả					-nt-	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
Cộng duyên	8		7		12	
Nói theo khi	Bình nhựt		Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Đồ đạo duyên tấu hợp

25C. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**CÂU SINH TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, hữu b.t.ư
Mãnh lực duyên	5	6	7	6	6	7	8	7	8
Năng duyên	9 chi đạo	9 chi đạo	9 chi đạo	9 chi đạo	8 chi đạo (- tà kiến)	8 chi đạo	8 chi đạo	8 chi đạo	5 chi đạo (- tà kiến & ngăn trừ)
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc t.t	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật tái tục	103 tâm hữu nhân, 52 shh	17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh,	15 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục cõi ngũ uẩn với tâm tam nhân
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
7. Tương ưng			T. ư				T. ư		
8. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
9. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25D. **ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP** (Sabhāga)	**HỮU QUYỀN TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, tương ưng	Hữu bất hữu t. ưng	Hữu hỗ tương, hữu b. t. ư
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	Trí, cần, niệm, nhất thống	4 chi đạo	4chi đạo	4 chi đạo	4 chi đạo	4 chi đạo	4 chi đạo	4 chi đạo	4 chi đạo
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc t.t	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật tái tục	103 tâm hữu nhân, 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh,	15 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục với tâm hữu nhân
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25E. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU THIỀN NA TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, hữu b. t. ư
Mãnh lực duyên	6	7	8	7	7	8	9	8	9
Năng duyên	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống	Tầm và nhất thống
Sở duyên	103 tâm hữu nhân, 52 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	103 tâm hữu nhân, 52 shh, ý vật tái tục	103 tâm hữu nhân, 52 shh	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh, ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 38 shh,	15 sắc tâm quả hữu nhân, 20 sắc t.t	Ý vật tái tục cõi ngũ uẩn với tâm tam nhân
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Thiền na	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
7. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
8. Tương ưng			T. ư				T. ư		
9. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
10. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25F. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU QUYỀN - THIỀN NA TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, hữu b. t. ư
Mãnh lực duyên	7	8	9	8	8	9	10	9	10
Năng duyên	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống	Nhất thống
Sở duyên	102 tâm hữu nhân (- si hoài nghi), 50 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	102 tâm hữu nhân (- si hoài nghi), 50 shh, ý vật tái tục	102 tâm hữu nhân (- si hoài nghi), 50 shh (- hoài nghi & nhất thống)	17 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc t.t	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh (- nhất thống), ý vật tái tục	37 tâm quả hữu nhân, 37 shh (- nhất thống)	15 sắc tâm quả hữu nhân, 20 sắc t.t	Ý vật tái tục cõi ngũ uẩn với tâm quả hữu nhân
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
7. Thiền na	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n	T. n
8. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
9. Tương ưng			T. ư				T. ư		
10. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	3	1	1	1	1	1

25G. **ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP** (Sabhāga)	**HỮU TRƯỞNG – QUYỀN TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	7	9	8	8	10	9
Năng duyên	Cần, trí	Cần, trí	Cần, trí	Cần, trí	Cần, trí	Cần, trí
Sở duyên	84 tâm đổng lực hữu trưởng, 50 shh, 17 sắc tâm	84 tâm đổng lực hữu trưởng, 50 shh	17 sắc tâm	20 quả siêu thế, 35 shh, 15 sắc tâm	20 quả siêu thế, 35 shh	15 sắc tâm
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
7. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
8. Hỗ tương		H. t			H. t	
9. Tương ưng		T. ư			T. ư	
10. C. s. bất t. ưng			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; BT-BT; BT-VK ; BT-BT,VK; VK-VK	T-T; BT-BT; VK-VK	T- VK; BT- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	7	3	3	1	1	1

25H. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU NHÂN - QUYỀN TẤU HỢP** – Có 9 cách								
	VÔ DỊ THỤC				**HỮU DỊ THỤC**				
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương	Hữu hỗ tương, hữu t. ưng	Hữu bất tương ưng	Hữu hỗ tương, hữu b. t. ư
Mãnh lực duyên	7	8	9	8	8	9	10	9	10
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	79 tâm tam nhân, 37 shh (- trí), 17 sắc tâm, 20 sắc t.t	79 tâm tam nhân, 37 shh, ý vật tái tục	79 tâm tam nhân, 37 shh (- trí)	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	33 tâm quả tam nhân, 37 shh, 15 sắc tâm, 20 sắc nghiệp t.t	33 tâm quả tam nhân, 37 shh, Ý vật tái tục	33 tâm quả tam nhân, 37 shh	15 sắc tâm hữu nhân, 20 sắc nghiệp t.t	Ý vật tái tục với tâm tam nhân
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Nhân duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
7. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
8. Hỗ tương		H. t	H. t			H. t	H. t		H. t
9. Tương ưng			T. ư				T. ư		
10. C. s. bất t. ưng				C. s. b. t. ư				C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
11. Dị thục quả					D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T,VK; VK-VK	T-T; VK-VK	T-T; VK-VK	T- VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	4	2	2	2	1	1	1	1	1

25K. ĐỒ ĐẠO DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**HỮU NHÂN - TRƯỞNG – QUYỀN TẤU HỢP** – Có 6 cách					
	VÔ DỊ THỤC			**HỮU DỊ THỤC**		
	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng	Biến hành	Hữu hỗ tương, hữu tương ưng	Hữu bất tương ưng
Mãnh lực duyên	8	10	9	9	10	10
Năng duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở duyên	66 tâm đổng lực tam nhân, 37 shh, 17 sắc tâm	66 tâm đổng lực tam nhân, 37 sở hữu hợp	17 sắc tâm	20 quả siêu thế, 35 shh, 15 sắc tâm	20 quả siêu thế, 35 shh	15 sắc tâm
1. Đồ đạo duyên	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ	Đ. đ
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Nhân duyên	N	N	N	N	Nhân	Nhân
7. Câu sinh trưởng	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t	C. s. t
8. Câu sinh quyền	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q	C. s. q
9. Hỗ tương		H. t			H. t	
10.Tương ưng		T. ư			T. ư	
11. C. s. bất t. ưng			C. s. b. t. ư			C. s. b. t. ư
12. Dị thục quả				D. t. q	D. t. q	D. t. q
	T-T; T-VK; T-T & VK; VK-VK	T-T; VK-VK	T-T; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	4	2	2	1	1	1

<u>*Tương ưng duyên hiệp lực*</u>

26. TƯƠNG ƯNG DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		1	
			Thiện – Thiện	
Năng duyên	121 tâm, 52 shh		37 tâm thiện, 38 shh	
Sở duyên	121 tâm, 52 shh		37 tâm thiện, 38 shh	
Tương ưng duyên	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	121 tâm, 52 shh	121 tâm, 52 shh	37 tâm thiện, 38 shh	37 tâm thiện, 38 shh
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Hỗ tương	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Nhân duyên	6 nhân	103 tâm hữu nhân, 52 shh (- si hợp 2 tâm si)	3 nhân thiện	-nt-
7. Câu sinh trưởng	Tứ trưởng	84 tâm hữu trưởng, 51 shh (- hoài nghi)	Tứ trưởng thiện	-nt-
8. Câu sinh nghiệp	Sở hữu tư	121 tâm, 51 shh (- tư)	Sở hữu tư hợp tâm thiện	-nt-
9. Danh vật thực	Danh vật thực	121 tâm, 52 sở hữu hợp	3 danh vật thực thiện	-nt-
10. Câu sinh quyền	8 danh quyền	121 tâm, 52 sở hữu hợp	8 danh quyền thiện	-nt-
11. thiền na	7 chi thiền	111 tâm, 52 shh (- ngũ song thức)	6 chi thiền thiện	-nt-
12. Đồ đạo	9 chi đạo	103 tâm hữu nhân, 52 shh	8 chi đạo thiện	-nt-
13. Dị thục quả	52 tâm quả, 38 shh	52 tâm quả, 38 shh		
Cộng duyên h. l	13		12	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố	

26A. TƯƠNG ƯNG DUYÊN HIỆP LỰC (Ghaṭanā)	2		3	
	Bất thiện – Bất thiện		**Vô ký – Vô ký**	
Năng duyên	12 tâm bất thiện, 27 shh		72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp	
Sở duyên	12 tâm bất thiện, 27 shh		72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp	
Tương ưng duyên	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp	72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp
2. Câu sinh y	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. C. s. hiện hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. C. s. bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Hỗ tương	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
6. Nhân duyên	3 nhân bất thiện	-nt-	3 nhân vô ký	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh
7. Câu sinh trưởng	3 trưởng bất thiện (- trí)	-nt-	Tứ trưởng vô ký	37 tâm vô ký hữu trưởng, 38 shh
8. Câu sinh nghiệp	Sh tư hợp tâm bất thiện	-nt-	Sh tư hợp 72 tâm vô ký	72 tâm vô ký, 37 shh (- tư)
9. Danh vật thực	3 danh vật thực bất thiện	-nt-	3 danh vật thực vô ký	72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp
10. Câu sinh quyền	5 danh quyền bất thiện	-nt-	3 danh quyền vô ký	72 tâm vô ký, 38 sở hữu hợp
11. Thiền na	7 chi thiền bất thiện	-nt-	6 chi thiền vô ký	62 tâm vô ký, 38 sở hữu (-nst)
12. Đồ đạo	4 chi đạo bất thiện	-nt-	8 chi đạo vô ký	54 tâm vô ký hữu nhân, 38 shh
13. Dị thục quả			52 tâm quả, 38 shh	54 tâm quả, 38 shh
Cộng duyên	12		13	
Nói theo khi	Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Tứ uẩn, ngũ uẩn		Tứ uẩn, ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

Tương ưng duyên tấu hợp

26B. TƯƠNG ƯNG DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga) Có 2 cách	**CÂU SINH TẤU HỢP**	
	VÔ DỊ THỤC	**HỮU DỊ THỤC**
Mãnh lực duyên	6	7
Năng duyên	121 tâm, 52 shh	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp
Sở duyên	121 tâm, 52 shh	52 tâm quả, 38 sở hữu hợp
1. Tương ưng duyên	T. ư	T. ư
2. Câu sinh duyên	C. s	C. s
3. Câu sinh y duyên	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu duyên	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly duyên	C. s. b. l	C. s. b. l
6. Hỗ tương duyên	H. t	H. t
7. Dị thục quả duyên		D. t. q
	Thiện trợ Thiện Bất thiện – Bất thiện Vô ký – Vô ký	Vô ký – Vô ký
Cộng câu	3	1

Câu sinh bất tương ưng duyên hiệp lực

27. CÂU SINH BẤT TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC	PHẦN TỔNG QUÁT		HIỆP LỰC 1		HIỆP LỰC 2		HIỆP LỰC 3	
			Thiện – Vô ký		Bất thiện – Vô ký		Vô ký – Vô ký	
Năng duyên	117 tâm, (- 4 quả vô sắc), 52 shh, ý vật tái tục		37 tâm thiện, 38 shh		12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp		68 tâm vô ký (- 4 quả vô sắc), 38 sở hữu hợp	
Sở duyên	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh, 17 sắc tâm, 20 sắc tái tục		17 sắc tâm thiện		17 sắc tâm bất thiện		17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	
Câu sinh bất t. ưng	ND	SD	ND	SD	ND	SD	ND	SD
1. Câu sinh duyên	107 tâm, 52 shh (- nst & 4 quả vô sắc)	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục	37 tâm thiện, 38 shh	17 sắc tâm thiện	12 tâm bất thiện, 27 sở hữu hợp	17 sắc tâm bất thiện	68 tâm vô ký (- 4 quả vô sắc), 38 sở hữu hợp	17 sắc tâm, 20 sắc tái tục
2. Câu sinh y	107 tâm, 52 shh (- nst & 4 quả vô sắc)	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
3. Câu sinh h. hữu	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
4. Câu sinh bất ly	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-
5. Hỗ tương	Ý vật tái tục	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh					ý vật tái tục	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh
6. Dị thục quả	38 tâm quả, 38 shh	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục					38 tâm quả, 38 shh	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục
Cộng duyên	6		4		4		6	
Nói theo khi	Tái tục, bình nhựt		Bình nhựt		Bình nhựt		Tái tục, bình nhựt	
Nói theo cõi	Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn		Ngũ uẩn	
Nói theo người	4 phàm, 4 quả		4 phàm, 7 thánh hh		4 phàm, 3 quả hh		4 phàm, 4 quả	
Nói theo lộ	Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý, kiên cố		Ngũ, ý		Ngũ, ý, kiên cố	

<u>Câu sinh bất tương ưng duyên tấu hợp</u>

27A. CÂU SINH BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN TẤU HỢP (Sabhāga)	**CÂU SINH TẤU HỢP** – Có 4 cách			
	VÔ DỊ THỤC		**HỮU DỊ THỤC**	
	Biến hành	Hữu hỗ tương	Biến hành	Hữu hỗ tương
Mãnh lực duyên	5	6	6	7
Năng duyên	107 tâm, 52 shh, ý vật tái tục	Ý vật tái tục	38 tâm quả (- nst & 4 quả vô sắc), 38 shh, ý vật tái tục	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn
Sở duyên	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục, 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh	15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh	17 sắc tâm, 20 sắc nghiệp tái tục, 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn, 35 shh	Ý vật tái tục
1. Câu sinh bất tương ưng	C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư	C. s. b. t. ư
2. Câu sinh	C. s.	C. s.	C. s.	C. s.
3. Câu sinh y	C. s. y	C. s. y	C. s. y	C. s. y
4. Câu sinh hiện hữu	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h	C. s. h. h
5. Câu sinh bất ly	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l	C. s. b. l
9. Hỗ tương		H. t		H. t
12. Dị thục quả			D. t. q	D. t. q
	T-VK; BT-VK; VK-VK	VK-VK	VK-VK	VK-VK
Cộng câu	3	1	1	1

9 giống (Jāti)										25 DUYÊN TRÙNG 27 DUYÊN HỌC	Câu hiệp lực (Ghatanā)	Cách Tấu Hợp (Sabhāga)		
9. Thường cận y (Pakatūpanissaya)	8. Dị thời nghiệp (Nānakkhaṇikakamma)	7. Sắc mạng quyền (Rūpajīvitindriya)	6. Sắc vật thực (Āhārajāti)	5. Hậu sinh (Pacchājātajāti)	4. Vật tiền sinh (Vatthupurejātajāti)	3. Vô gián (Anantarajāti)	2. Cảnh (Ārammaṇajāti)	1. Câu sinh (Sahajātajāti)				Hỗn hợp (Missaka)	Linh tinh (Pakiṇṇaka)	Câu sinh (Sahajāta)
1	1	3	3	4	6	7	12	15						
								x	1	1. Nhân duyên	7			24
							x		1	2. Cảnh duyên	9		5	
							x		2	3. Cảnh trưởng duyên (Cảnh cận y duyên)	7		3	
								x	1	4. Câu sinh trưởng duyên	7			24
							x		1	5. Vật cảnh tiền sinh trưởng duyên	1		1	
						x			5	6. Vô gián duyên	7		2	
								x	4	7. Câu sinh duyên	9			10
								x	1	8. Hỗ tương duyên	3			6
					x				5	9. Vật tiền sinh y duyên	5		1	
							x		5	10. Vật cảnh tiền sinh y duyên	3		1	
x									1	11. Thường cận y duyên	9		1	
							x		3	12. Cảnh tiền sinh duyên	3		2	
				x					4	13. Hậu sinh duyên	3		1	
						x			1	14. Trùng dụng duyên	3		1	
								x	1	15. Câu sinh nghiệp duyên	7			9
	x								1	16. Dị thời nghiệp duyên	2		1	
						x			1	17. Vô gián nghiệp duyên	1		1	
								x	1	18. Dị thục quả duyên	1			5
			x						3	19. Sắc vật thực duyên	1	1		
								x	1	20. Danh vật thực duyên	7			33
								x	1	21. Câu sinh quyền duyên	7			72
					x				1	22. Tiền sinh quyền duyên	1		1	
		x							3	23. Sắc mạng quyền duyên	1	1		
								x	1	24. Thiền na duyên	7			36
								x	1	25. Đồ đạo duyên	7			57
								x	1	26. Tương ưng duyên	3			2
								x	1	27. Câu sinh bất tương ưng duyên	3			4

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
BUDDHASĀSANA THERAVĀDA

LIÊN QUAN TƯƠNG SINH
(PAṬICCASAMUPPĀDA)

Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco
Soạn, dịch từ bản tiếng Thái Lan sang tiếng Việt
Phật lịch 2518 - tức Năm Quý Sửu - 1974



Vô Minh duyên Hành; Hành duyên Thức; Thức duyên Danh sắc; Danh sắc duyên Lục nhập; Lục nhập duyên Xúc; Xúc duyên Thọ; Thọ duyên Ái; Ái duyên Thủ; Thủ duyên Hữu; Hữu duyên Sanh; Sanh duyên Lão Tử… Lão Tử duyên Vô Minh!!!

Taṭṭha avijjapaccaya sankhara; Sankharapaccaya Vinnanam; Vinnana paccaya Namarupam; Namarupa paccaya Salayatanam; Salayatana paccaya Phasso; Phassa paccaya Vedana; Vedana paccaya Tanna; Tanna paccaya Vpadanam; Upadana paccaya dhavo; Dhava paccaya Jati; Jati paccaya jara maranam; Soka Parideva Dokkha Domamassu payasa sambhavanti; Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samdayo hotiti.

Dịch đại ý theo sách Thái Lan có chú giải: Lão tử duyên Vô minh là chúng sanh già sắp chết, thường hay muốn trẻ lại hưởng thêm. Nếu xét ra nhiều rồi thì chẳng một ai khỏi như thế, đó là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu vẫn có vô minh lậu!!!

Mới có câu:

Chúng sanh già, chết, khổ sầu
Bởi do pháp lậu khởi đầu Vô minh

PHẦN CHÁNH YẾU
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

Trước mỗi phần đều nêu danh, định nghĩa, luôn tứ ý nghĩa *(aṭṭha),* kế trình bày chi pháp *(anga),* sau chỉ duyên *(Paccaya).*

Liên quan tương sinh, Trung Hoa gọi Thập nhị nhân duyên hay Thập nhị duyên khởi, Pāḷi gọi "*Paticcasamuppāda".*

Paticca dịch là liên quan nghĩa là nương nhờ (liên quan)

Samuppāda dịch là Tương sinh. Có Pāḷi chú giải: *Samuppajanam = Samuppadi:* Cách sanh đàng hoàng theo thứ lớp với nhau, gọi là Tương sinh.

Nói chung lại "*Paticcasamuppāda"* là Liên quan tương sinh. Có 5 câu chú giải như sau:

1. *Paccayasamaggim paticca samam sahaca paccayuppanna dhamme uppadetiti = paticcasamuppado:* Những phần nhân có Vô minh... trợ sanh thành quả có tử cuối cùng, những trợ nhờ ấy gọi là Liên Quan Tương Sinh.
2. *Paticca samasahaca uppajjati etasmati = paticca dhamme sumuppado:* Những pháp trợ Hành... như là vô minh cho đến Sanh, đều giúp cho pháp thành tựu nương nhờ sanh ra, nên gọi là Liên Quan Tương Sinh.
3. *Paticcasamuppade desito nayo = paticcasamuppado:* Lối trình bày sanh đặng do nhờ nhau, gọi là Liên Quan Tương Sinh.
4. *Paccayam paticcasamuppajjatiti = paticcasamuppado:* Sanh ra đặng do nhờ duyên nên gọi là Liên Quan Tương Sinh.
5. *Yathasakam paccayam paticca tena avinabhavi hutva samuppado = paticcasamuppado:* Cách sanh theo thứ lớp của pháp phải trợ, nương duyên và không ngoài ra với sự trợ của mình, gọi rằng Liên Quan Tương Sinh, tức là pháp thành tựu như là Hành v.v...

VÔ MINH DUYÊN HÀNH

(avijja paccaya saṅkhāra sabhavati)

❖ **Vô minh** *(avijja)* là không biết pháp đáng biết (tức là sở hữu si). Có những câu Pāḷi chú giải như sau:

1. *Vijja patikkhati = avijja:* Hành động trái ngược với trí nên gọi là vô minh.
2. *Avindiyam vindatiti = avijja:* Pháp mà tạo ác, xấu cách không nên tạo, pháp như thế gọi là vô minh.
3. *Vindiyam navindatiti = avijja:* Pháp mà không thể làm những sự tốt đáng làm, pháp ấy gọi là vô minh.
4. *Avijjamane javapetiti = avijja:* Pháp mà chuyên môn biết chế định, nam nữ... pháp ấy gọi là vô minh.
5. *Vijjamane najavapetiti = avijja:* Pháp mà không cho biết siêu lý như là uẩn, nhập... pháp ấy gọi là vô minh.
6. *Viditabbam aviditamkarotiti = avijja:* Pháp mà không cho biết pháp đáng biết như là tứ đế... pháp ấy gọi là vô minh.

Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* vô minh

1. Trạng thái trái ngược với trí *(añāṇalakkhaṇā)*.
2. Phận sự làm cho tự nó và pháp đồng sanh tối tăm mê mờ *(sammohanmarasā)*.
3. Thành tựu che khuất bản thể chơn tướng *(chādanapaccupaṭṭhānā)*.
4. Nhân cần thiết có lậu *(āsavapadaṭṭhānā)*.

Vô minh nói theo Tạng Kinh có 8

1. Bất tri khổ đế *(dukkhe añānaṃ)*.
2. Bất tri tập đế *(dukkhasamudayo añānaṃ)*.
3. Bất tri diệt đế *(dukkhanirodha añānaṃm)*.
4. Bất tri đạo đế *(dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya añānaṃm)*.
5. Bất tri nhân đã qua *(Pubbante añānaṃm)*.
6. Bất tri quả sau này *(aparante añānaṃm)*.
7. Bất tri nhân trước quả sau *(pubbantāparante añānaṃ)*.
8. Bất tri liên quan tương sinh *(Idappaccayatā paṭiccasamuppannesu dhamesu añānaṃ)*.

❖ **Hành** *(saṅkhāra)* là đào tạo. Có Pāḷi chú giải như vầy: *Saṅkhātaṃ saṅkharonti abhisankharontīti = Saṅkhārā:* Pháp nào chuyên môn tạo tác, pháp ấy gọi là hành.

- *Saṅkhātaṃ kāyavacīmanokammaṃ abhisaṅkharonti etehīti = Saṅkhārā:* Bị tạo mà điều khiển thân, khẩu, ý gọi là hành.

∗ Hành đây chia làm hai
  1. là hành tổng lược chẳng phải chỉ ngay quả vô minh có 7.
  2. là hành trọn quả của vô minh có 6.

• Thông qua thất hành
  1. Hữu vi hành *(saṅkhatasaṅkhāra)* là những pháp bị tạo tức là tâm, sở hữu và sắc (đây là tổng quát pháp hữu vi chớ chẳng phải chỉ ngay sở hữu tư *(cetanā)* nên không trọn là quả của vô minh). Cũng như câu *"Aniccā vata saṅkhārā"* - Chư hành vô thường.

2. Tối vi hành *(abhisaṅkhatasaṅkhāra)* tức là sắc nghiệp và tâm quả hiệp thế.
3. Chuyên tạo hành *(abhisaṅkhāranakasaṅkhāra)* là những chủng tử *(bīja)* hiệp thế tức là ảnh hưởng của sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện và thiện hiệp thế sau khi diệt rồi mà còn mãnh lực đào tạo sắc nghiệp và tâm quả hiệp thế.
4. Tối cần hành *(payogābhisaṅkhāra)* là sự ráng hành động của thân và ý, tức là sở hữu cần trợ cho thân và ý không lui sụt (về khẩu thì sự ráng là phụ thuộc, phần chánh như câu 6).
5. Thân hành *(kāyasaṅkhāra)* theo đây tức là hơi thở.
6. Khẩu hành *(vacisaṅkhāra)* theo đây lấy cách kiếm lời và kềm giọng nói, tức là sở hữu tầm và sở hữu tứ.
7. Tâm hành *(cittasaṅkhāra)* theo đây lấy về khía cạnh của tâm thọ lãnh cảnh và trạng cảnh lại hoặc tổng quát phần phụ trợ của tâm, ngoài ra cách kiếm lời và kềm giọng cho nên ám chỉ thọ, tưởng hoặc 50 sở hữu (trừ tầm, tứ).

Giải thêm: *Thất hành vừa kể chẳng phải chỉ do mãnh lực của sở hữu si, cho nên nói không trọn phần quả của Vô minh.*

- Lục hành chánh phần quả vô minh
  1. Phúc hành *(puññābhisaṅkhāra)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với đại thiện và thiện sắc giới để tạo tâm quả thiện Dục giới, sắc giới và sắc nghiệp thiện.
  2. Phi phúc hành *(apuññābhisaṅkhāra)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện để tạo tâm quả và sắc nghiệp bất thiện.
  3. Bất động hành *(aneñjābhisaṅkhāra)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện Vô sắc giới để tạo tâm quả vô sắc giới.
  4. Thân hành *(kāyesaṅkhāra)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện, đại thiện cố quyết điều khiển thân hành động.
  5. Khẩu hành *(vacīsaṅkhāra)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện, đại thiện điều khiển nói năng.
  6. Tâm hành *(cittasaṅkhāra)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện, 17 thiện hiệp thế điều khiển ý.

Hành *(saṅkhāra)* có những câu Pāḷi chú giải như sau:
- *Attano saṅtānaṃ punāti sodhetīti = puññaṃ:* Những chi rửa sạch cơ tánh ta, gọi là phước.
- *Na puññaṃ = apuññaṃ:* Trái ngược với phước, gọi là phi phước.
- *Na iñjatīti = aniñjaṃ:* Không có lay động, gọi là bất động.
- *Aniñajaṃeva = āneñjaṃ:* Bất động tức là không lay chuyển.
- *Puññam ca taṃ abhisaṅkharocāti = puññabhisaṅkhāro:* Chuyên sửa sang sắp đặt làm cho (tâm) trong sạch, gọi là phước hành
- *Apuññaṃ ca taṃ abhisaṅkharocāti = apuññābhisaṅkhāro:* Trau dồi sắp đặt và trái ngược với phước nên gọi là phi phước hành.
- *Aneñjañca taṃ abhisaṅkhārocāti = anenjābhisaṅkhāro:* Không lay động và trau dồi sắp đặt nên gọi là bất động hành.
- *Kāyaṃ saṅkharotīti = kāyasaṅkhāro:* Điều khiển thân gọi là thân hành.
- *Vācaṃ saṅkhārotīti = vacīsaṅkhāro:* Điều khiển nói gọi là khẩu hành.
- *Cittaṃ saṅkhārotīti = Cittasaṅkhāro:* Điều khiển nghĩ ngợi, gọi là tâm hành.

∗ Tứ ý nghĩa *(aṭtha)* của Hành thuộc quả vô minh

1. Trạng thái: Chuyên môn đào tạo *(abhisaṅkharaṇa-lakkhanā).*
2. Phận sự: Cố quyết tạo sắc nghiệp và tâm quả hiệp thế *(āyūhanarasā).*
3. Thành tựu: Đề đốc pháp câu sanh *(cetanāpaccu-paṭṭhānā).*
4. Nhân cận: Có Vô minh *(avijjāpadaṭṭhānā).*

∗ Vô minh duyên Phúc hành đặng 2 duyên.
1. Cảnh duyên *(Ārammaṇapaccayo).*
2. Thường cận (đại) y duyên *(Pakatūpanissaya-paccayo).*

∗ Phúc hành *(Puññābhisaṅkhāra)* chia làm 2
1. Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện sắc giới nên gọi là Phúc hành Sắc giới.
2. Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm đại thiện nên gọi là Phúc hành Dục giới.

Vô minh duyên phúc hành sắc giới chỉ đặng 1 duyên là Thường cận (đại) y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo)* như là có người tâm bất thiện thường sanh ra làm những điều chẳng tốt, rồi gặp nhiều trường hợp đâm ra quá chán nản, tìm tu pháp chỉ *(samatha)* cho đến đắc thiền là do nhờ mãnh lực bất thiện đã từng thường sanh hằng có sở hữu si, cho nên đặng gọi là vô minh duyên phúc hành sắc giới bằng Thường cận (đại) y duyên.

Hay là ham thần thông *(abhiññā),* ham sanh về cõi Sắc giới cho đến hằng ưa thích những ân đức thiền nhiều lần thành ra rất mạnh, thúc đẩy cho sự cố gắng tu theo những đề mục đắc thiền sắc giới thành tựu. Còn người đang ở cõi Sắc giới cũng vì ưa những cõi Sắc giới nên trau dồi thiền sắc giới.

Đây là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện sắc giới sanh đặng do mãnh lực Thường cận (đại) y duyên của sở hữu si.

28 ÂN ĐỨC THIỀN

1. Tự bảo trì ta *(attānaṃ rakkhati).*
2. Sẽ giúp trường thọ *(āyuṃ deti).*
3. Sẽ đặng mạnh mẽ *(balaṃ dati).*
4. Sẽ ngăn ngừa lỗi *(vajjaṃ pidahati).*
5. Sẽ hạn chế sự vật phi tước lộc *(ayasaṃ vinodeti).*
6. Sẽ đem lại tước lộc *(yasamupaneti).*
7. Sẽ làm cho tiêu trừ sự chẳng vui *(āratiṃ nāsayati).*
8. Sẽ làm cho phát sự vui mừng *(ratiṃ uppādeti).*
9. Sẽ hạn chế tai nạn *(bhayaṃ apaneti).*
10. Sẽ làm cho đặng lanh lợi *(vesārajjaṃ karoti).*
11. Sẽ hạn chế sự lười biếng *(kosajjamapaneti).*
12. Sẽ làm cho phát tinh tấn *(viriyamabhisajjaneti).*
13. Sẽ hạn chế ái tình *(rāgamapaneti).*
14. Sẽ hạn chế sân *(dosamapaneti).*
15. Sẽ hạn chế si *(mohaṃ haneti).*
16. Sẽ hạn chế ngã mạn *(mānaṃhaneti).*
17. Sẽ hạn chế chi tầm *(savitakkaṃ bajjeti).*
18. Làm cho tâm yên trụ một cảnh *(cittekajjamkaroti).*
19. Làm cho tâm thích yên tịnh *(cittaṃ senhayati).*
20. Sẽ làm cho đặng khoái lạc *(hāsaṃ jāyeti).*
21. Làm cho phát sanh pháp hỷ *(pitiṃ uppādayati).*
22. Làm cho thành bực quan trọng *(garukaṃ karoti).*
23. Làm cho đặng lợi lộc *(lābhaṃ nibbattayati).*

24. Làm cho đặng ưa thích *(maṇapiyaṃ karoti).*
25. Bảo trì sự kiên nhẫn *(khantiṃ pāleti).*
26. Hạn chế pháp lậu *(saṅkhāranaṃ āsavaṃ).*
27. Nhổ khỏi sanh trong 3 cõi*(bhavapaṭisandhiṃ ugghāteti).*
28. Làm cho kết quả sa-môn *(sannaṃ sāmaññaṃ deti).*

~~~~~~~~~~~

✓ Vô minh duyên phúc hành: Nói chung đặng 4 duyên. Hẹp hai duyên, rộng hai duyên.

Vô minh giúp hành đại thiện bằng Cảnh duyên *(Ārammaṇāpaccayo)* hay Cảnh trưởng duyên *(Ārammanādhipatipaccayo)* như là đại thiện tư tưởng đến tâm bất thiện cho là không tốt... hoặc nghĩ rằng biết tham như biết mặt đạo tặc vững lòng thành Cảnh trưởng (Cảnh cận y: *Ārammanūpanissayapaccayo).*

Còn sự mong mỏi ưa thích ỷ lại phước... bằng tâm bất thiện do mãnh lực ấy mà đại thiện và thiện sắc giới phát sanh đó là vô minh trợ Phúc hành bằng Cận y duyên *(Upanissayapaccayo)* hay Thường cận y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo).*

✓ Vô minh duyên phi phúc hành: Là sở hữu si trợ cho sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm bất thiện, tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện đều có sở hữu si đi chung luôn cả 12 tâm bất thiện và sở hữu tư *(cetanā)* cũng biết đặng sở hữu si hiệp tâm bất thiện đã diệt hoặc sẽ sanh không đồng một lộ. Cho nên cách trợ đặng 16 duyên kể sau:

1. là Nhân duyên (*Hetupaccayo)*
2. là Cảnh duyên (*Ārammaṇapaccayo)*
3. là Trưởng duyên (hẹp) (*Adhipatipaccayo)*
   Cảnh cận y duyên (*Ārammanupanisayapaccayo)*
   hoặc Cảnh trưởng duyên (rộng) (*Ārammanādhipati-paccayo)*
4. là Vô gián duyên (*Anaṅtara paccavo)*
5. là Đẳng vô gián duyên (*Sumunantarapaccayo)*
6. là Câu sanh duyên (*Suhajātapaccayo)*
7. là Hỗ tương duyên (*Aññamaññapaccayo)*
8. là Y chỉ duyên (*Nissayapaccayo)*
9. là Cận y duyên (hẹp) (*Upanissayapaccayo)*
   hoặc Thường cận y duyên (rộng) (*Pakatūpanissaya-paccayo)*
10. là Trùng dụng duyên (*Āsevanapaccayo)*
11. là Tương ưng duyên (*Sampayuttayaccayo)*
12. là Câu sanh hiện hữu duyên (*Sahajātatthipaccayo)*
13. là Vô hữu duyên (*Natthipaccayo)*
14. là Ly khứ duyên (*Vigatapaccayo)*
15. là Câu sanh bất ly duyên (*Sahajāta Avigatapaccayo)*
16. là Vô gián cận y duyên (*Anantarūpanissayapaccayo)*

- Vô minh duyên phi phúc hành trợ bằng cách Nhân duyên là sở hữu si thuộc về nhân tương ưng *(sampayuttahetu)* hiệp trợ với sở hữu tư *(cetanā)* trong 12 tâm bất thiện.

- Vô minh làm duyên cho phi phúc hành bằng Cảnh duyên là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm bất thiện của người khác quá khứ, hiện tại, vị lai, của ta quá khứ, vị lai mà bắt sở hữu si làm cảnh.

- Vô minh duyên phi phúc hành bằng cách Trưởng duyên là ám chỉ sau khi chia có Cảnh cận y, Cảnh trưởng duyên thì sở hữu si hiệp chung với tham cũng đặng thành cảnh trưởng của sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tham.
~~~~~~~~~~~

- Vô minh duyên phi phúc hành bằng cách Vô gián duyên là sở hữu si hiệp với tâm bất thiện cái trước; còn sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện sanh cái sau.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng cách Đẳng vô gián duyên cũng như Vô gián duyên.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng cách Câu sanh duyên tức là sở hữu si đồng sanh chung nhau với sở hữu tư *(cetanā)* trong 12 tâm bất thiện.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng cách Hỗ tương duyên: là sở hữu si hiệp chung nhau với sở hữu tư *(cetanā)* theo mỗi tâm bất thiện mà có sự giúp qua giúp lại.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng Câu sanh duyên tức là sở hữu si và sở hữu tư *(cetanā)* nương nhau sanh chung theo mỗi tâm bất thiện.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng Thường Cận y duyên sở hữu si với sở hữu tư *(cetanā)* hiệp chung theo tâm bất thiện rất nương nhau kế cạnh khắn khít.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng Trùng dụng duyên tức là sở hữu si hiệp với tâm bất thiện sanh trước giúp cho sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm bất thiện sanh sau kế đó, tâm đổng lực trước trợ cho tâm đổng lực *(javana)* sau.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng Tương ưng duyên là sở hữu si và sở hữu tư *(cetanā)* đồng thời hiệp trong 1 cái tâm bất thiện, nên có sự hòa trộn giúp bằng cách tương ưng.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng Câu sinh hiện hữu duyên là sở hữu si và sở hữu tư *(cetanā)* đồng sanh trong 1 cái tâm bất thiện đang còn.
- Vô minh duyên phi phúc hành bằng Vô hữu duyên là sở hữu si hiệp với tâm bất thiện sanh trước vừa diệt rồi; cho nên sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện sanh sau mới sanh đặng.
- Vô minh trợ Phi phúc hành bằng Ly khứ duyên là sở hữu si hiệp với cái tâm bất thiện trước vừa diệt rồi cho nên sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với cái tâm bất thiện sau đặng sanh.
- Vô minh trợ Phi phúc hành bằng Câu sinh bất ly duyên là sở hữu si và sở hữu tư *(cetanā)* chung nhau đồng hiệp 1 cái tâm bất thiện chẳng phải lìa nhau, cho nên gọi trợ bằng cách Bất ly duyên.

✓ <u>Vô minh duyên bất động hành</u> có 1 duyên, hẹp là Cận (đại) y duyên *(Upanissayapaccayo).* Rộng là Thường cận (đại) y duyên *(Pakatūpanissayaccayo)* nghĩa lý cũng như vô minh duyên phúc hành sắc giới.

✓ <u>Vô minh duyên thân hành</u> là sở hữu si trợ cho sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm đại thiện và bất thiện, sai khiến thân hành động như vô minh duyên phi phúc hành và phúc hành dục giới gom lại.

✓ <u>Vô minh duyên khẩu hành</u> như vô minh duyên thân hành.

✓ <u>Vô minh duyên tâm hành</u>, như vô minh duyên phúc hành, phi phúc hành và bất động hành gom lại.

∗ <u>Vô minh duyên hành (theo rộng đặng 17 duyên)</u>

1. Nhân duyên (*Hetupaccayo).*
2. Cảnh duyên *(Ārammanapaccayo).*
3. Cảnh trưởng duyên *(Ārammanādhipatipaccayo).*
4. Vô gián duyên *(Antarapaccayo).*

5. Đẳng vô gián duyên *(Samanantarapaccayo).*
6. Câu sanh duyên *(Sahajātapaccayo).*
7. Hỗ tương duyên *(Aññamaññapaccayo).*
8. Câu sanh y duyên *(Sahajātanissayapaccayo).*
9. Cảnh cận y duyên *(Āramanūpanissayapaccayo.*
10. Vô gián cận y duyên *(Anantarūpanissayapaccayo).*
11. Thường cận y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo).*
12. Trùng dụng duyên *(Āsevanapaccayo).*
13. Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo).*
14. Câu sanh hiện hữu duyên *(Sahajātatthipaccayo).*
15. Vô hữu duyên *(Natthipaccayo).*
16. Ly khứ duyên *(Vigatapaccayo).*
17. Câu sanh bất ly duyên *(Sahajāta Avigatapaccayo).*

Dứt phần: Vô minh duyên Hành

Duyên rộng chỉ khác với duyên hẹp chút ít nên khỏi giải. Nếu nhận chưa rõ, hoan hỷ coi lại Siêu lý Cao học phần trước và tập phụ.

HÀNH DUYÊN THỨC

(Saṅkhāra Paccayā Viññānaṃ Sabhavati)

Hành duyên thức cũng là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện. 17 thiện hiệp thế để chủng tử *(bīja)* hay mãnh lực tạo tâm quả hiệp thế. Có hai câu Pāḷi chú giải như vầy:

- *Vijānātīti = viññānaṃ:* Biết cảnh bằng cách đặc biệt, nên gọi là thức. Đây ám chỉ 32 tâm quả hiệp thế.
- *Vijānanti etanāti = viññānaṃ:* Nhân đặc biệt làm cho người biết cảnh đó là thức, tức là tâm. Đây chỉ lấy 32 tâm quả hiệp thế.

<u>Hành duyên thức đặng 2 duyên</u>

- 1 là Nghiệp dị thời duyên *(Nānakkhaṇikakammapaccayo).*
- 2 là Thường cận (đại) y duyên *(Pakatūpanissayapacca-yo).*

Hành làm nhân cho thức chỉ lấy phúc hành *(puññābhisaṅkhāra),* phi phúc hành *(apuññābhisaṅkhāra)* và bất động hành *(aneñjābhisaṅkhāra)* cho gọn cũng là trùm đủ lấy hết sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm bất thiện và thiện hiệp thế.

- Xin nhắc chỉ theo lối Dị thời nghiệp duyên *(nānakkhaṇikakammapaccayo)* là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm si điệu cử tạo 7 tâm quả bất thiện đều không tái tục. Còn sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với 11 tâm bất thiện kia cũng tạo 7 tâm quả bất thiện mà tái tục đặng như là thẩm tấn quả bất thiện nếu làm việc tái tục tạo ra người khổ tức là tứ ác thú: Địa ngục, ngạ quỉ, bàng sanh vā a-tu-la khổ.
- *Sở hữu tư hiệp với 4 tâm đại thiện bất tương ưng thiếu tư tiền (pubbacetanā) hoặc tư hậu (apparacetanā) chỉ tạo đặng 8 tâm quả thiện vô nhân. Nếu không thiếu thì tạo đặng 12 tâm quả thiện là 8 tâm quả thiện vô nhân và 4 tâm đại quả bất tương ưng.*
- *Sở hữu tư hiệp với 4 tâm đại thiện tương ưng thiếu tư tiền (pubbacetanā) hoặc tư hậu (apparacetanā) chỉ tạo 12 tâm quả thiện như vừa kể. Nếu đủ tam tư thì tạo 16 tâm quả thiện Dục giới tức là 8 tâm quả thiện vô nhân và 8 tâm đại quả.*
- *Sở hữu tư hiệp với tâm thiện sắc giới bực thiền nào thời cho quả bực thiền nấy.*
- *Sở hữu tư hiệp với tâm thiện vô sắc giới cũng như thế.*

Cho nên nói: "Nhân nào quả nấy, chẳng chinh khác từng".

Vừa nói đã chỉ rõ hành duyên thức bằng Dị thời nghiệp duyên *(Nānakkhaṇikakammapaccayo).*

- Còn hành làm duyên cho thức về lối Thường cận (đại) y duyên *(pakatūpanissayapaccayo)* cũng như vô minh giúp hành bằng Thường cận (đại) y duyên. Nhưng sắc sảo hơn là ưa thích thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng... và ta sẽ như thế như như thế. Nghĩ ngợi như vậy rất nhiều thành mạnh cũng có thể trợ giúp đặng thành tựu.

  (xin coi lại Thường cận y duyên về Pháp thiện *và bất thiện trợ vô ký, trong quyển Siêu lý Cao học).*

<u>Lý do</u>: Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm đạo cũng là Nghiệp dị thời và Vô gián nghiệp duyên chủng tử tạo tâm quả siêu thế, nhưng đây không nên kể vô là vì chẳng phải liên quan trong đời và ngoài cách luân hồi *(vatta)* trong 3 cõi.

Cho nên hành duyên thức dù lục hành hay tam hành cũng bao nhiêu sở hữu tư *(cetanā)* không ngoài 2 duyên đã kể và lấy nhân hành, quả thành trong phần hiệp thế.

* Tứ ý nghĩa *(atta)* của thức
  1. Trạng thái biết cảnh (cách đặc biệt) *(vijjānanalakhaṇaṃ).*
  2. Phận sự hướng đạo cho sở hữu và sắc nghiệp *(pubbaṃgamarasaṃ).*
  3. Thành tựu nối chặng giữa của đời trước và đời sau *(paṭisandhipaccupaṭṭhāṇaṃ).*
  4. Nhân cần có tam hành hoặc 6 vật hay 6 cảnh *(saṇkhārapadaṭṭhānaṃ)* và *(vaṭṭhārammaṇapadaṭṭhānaṃ).*

* Phần 19 tâm tái tục theo tam hành
  1. Phi phúc hành (trừ sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm si điệu cử) làm nhân, còn tâm thẩm tấn thọ xả của quả bất thiện thành quả cho tái tục tứ ác thú (địa ngục, ngạ quỉ, bàng sanh và a tu la khổ).
  2. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 4 tâm đại thiện bất tương ưng bực hạ làm nhân trợ, còn tâm thẩm tấn quả thiện vô nhân thọ xả là quả tái tục thành người lạc vô nhân, tức là nhân loại và chư Thiên Tứ Thiên Vương bực thấp mà có tật từ trong bụng Mẹ.
  3. Phúc hành thuộc về đại thiện bất tương ưng bực cao *(ukkhaṭṭha)* và sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 4 tâm đại thiện tương ưng bực thấp *(omaka)* làm nhân cho tái tục, thời đặng 4 tâm đại quả bất tương ưng là quả cho tái tục thành người nhị nhân *(duthetukapuggala)* tức là nhân loại và chư Thiên cõi trời lục dục nhị nhân.
  4. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm đại thiện tương ưng bực cao làm nhân cho quả tái tục, thời đặng 4 tâm đại quả tương ưng cho quả tái tục thành nhân loại và chư Thiên lục dục tam nhân *(tihetuka).*
  5. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 5 tâm thiện sắc giới trợ tạo tâm tái tục sắc giới, thì 5 tâm quả sắc giới cho quả tái tục thành chư Phạm Thiên trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm.
  6. Bất động hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 4 tâm thiện vô sắc làm nhân, thời 4 tâm quả vô sắc cho quả tái tục thành người Vô sắc giới.

* Phân 32 thức bình nhựt do hành
  1. Phi phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 12 tâm bất thiện làm nhân, 7 tâm quả bất thiện làm quả hưởng cảnh không tốt trong 11 cõi Dục giới.
  2. Phi phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 12 tâm bất thiện làm nhân. 4 tâm quả bất thiện (nhãn thức, nhĩ thức, tiếp thâu, thẩm tấn) làm quả để hưởng cảnh xấu trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm.
  3. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 8 tâm đại thiện làm nhân, còn 8 tâm quả thiện vô nhân thành quả hưởng cảnh tốt trong 11 cõi Dục giới.
  4. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 8 tâm đại thiện làm nhân, còn 8 tâm đại quả làm việc na cảnh tốt trong 7 cõi vui Dục giới.
  5. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 8 tâm đại thiện làm nhân, thời 5 tâm quả thiện vô nhân (nhãn thức, nhĩ thức, tiếp thâu và 2 tâm thẩm tấn) làm quả hưởng cảnh tốt trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm.
  6. Phúc hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 5 tâm thiện sắc giới làm nhân, còn 5 tâm quả sắc giới thành quả làm việc hữu phần trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm.
  7. Bất động hành là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp 4 tâm thiện Vô sắc giới làm nhân, thời 4 tâm quả vô sắc giới thành quả làm việc hữu phần của người Vô sắc giới.

19 TÂM TÁI TỤC PHÂN THEO CÁC CÁCH

∗ Phân hỗn hợp bất hỗn hợp sắc có 2:

1. Thức tái tục sanh chung nhau với sắc có 15 là 2 tâm thẩm tấn thọ xả, 8 tâm đại quả và 5 tâm quả sắc giới.
2. Thức tái tục không sanh chung với sắc có 4 là 4 tâm quả vô sắc.

∗ Phân 19 tâm tái tục theo tam giới:

1. Thức tái tục cõi Dục giới có 10 là 2 tâm thẩm tấn thọ xả và 8 tâm đại quả.
2. Thức tái tục cõi Sắc giới có 5 là 5 tâm quả sắc giới.
3. Thức tái tục cõi Vô sắc giới có 4 là 4 tâm quả vô sắc.

∗ Phân tâm tái tục theo tứ sanh:

1. Noãn sanh *(añdaja)* có 10 thứ tâm tái tục là: 2 tâm thẩm tấn thọ xả và 8 tâm đại quả.
2. Thai sanh *(jalābuja)* có 10 thứ tâm tái tục là: 2 tâm thẩm tấn thọ xả và 8 tâm đại quả.
3. Thấp sanh *(sansedaja)* có 1 thứ tâm tái tục là tâm thẩm tấn quả bất thiện.
4. Hóa sanh *(opapātika)* có 19 thứ tâm tái tục là: 2 tâm thẩm tấn thọ xả, 8 tâm đại quả và 9 tâm quả đáo đại.

∗ Phân tâm tái tục theo ngũ đạo:

1. Thức tái tục thiên đường có 18 là: 1 tâm thẩm tấn quả thiện vô nhân, 8 tâm đại quả và 9 tâm quả đáo đại.
2. Thức tái tục nhân loại có 9 là: 8 tâm đại quả và 1 tâm thẩm tấn quả thiện vô nhân thọ xả.
3. Thức tái tục địa ngục có 1 là tâm thẩm tấn quả bất thiện.
4. Thức tái tục bàng sanh có 1 cũng là tâm thẩm tấn quả bất thiện.
5. Thức tái tục ngạ quỉ có 1 cũng là tâm thẩm tấn quả bất thiện.

∗ Phân thức nương theo cõi có 7 hoặc 8:

1. Thân dị tưởng dị *(nānattakāya nānattasaññī)* là chúng sanh ở cõi vui Dục giới vì tái tục tới 9 thứ tâm là 8 tâm đại quả và tâm thẩm tấn thọ xả quả thiện. Thân hình khác nhau, nam nữ, lớn nhỏ, tốt, xấu...

2. Thân dị tưởng đồng *(nānattakāya ekattasaññī)* là chúng sanh có thân hình khác nhau mà tâm tái tục đồng nhau như là tứ khổ thú và 3 cõi sơ thiền. Vì địa ngục, ngạ quỉ, bàng sanh và a-tu-la khổ, thân hình khác nhau nhưng tái tục đồng một thứ tâm thẩm tấn quả bất thiện. Còn cõi sơ thiền phải 3 hạng người là Đại phạm thiên, Phạm phụ thiên và Phạm chúng thiên, nhưng chỉ tái tục đồng một thứ tâm quả sơ thiền sắc giới

3. Thân đồng tưởng dị *(ekattakāya ñanattasaññi)* là những chúng sanh thân hình đồng nhau mà tâm tái tục có khác nhau như là 3 cõi nhị thiền sắc giới hào quang có nhiều ít nhưng thân thể như nhau, mà hoặc tái tục bằng tâm quả nhị thiền hay tam thiền, cho nên gọi là tưởng dị.

4. Thân đồng tưởng đồng *(ekattakāya ekattasaññī)* là chúng sanh thân hình và tâm tái tục giống nhau như 3 cõi tam thiền và 6 cõi tứ thiền hữu tưởng. Vì cõi tam thiền chỉ tái tục bằng tâm quả tứ thiền dù thân khác và sự trong ngần nhiều ít, nhưng hình thức thân thể chẳng khác. Còn cõi quảng quả và Tịnh cư chỉ tái tục bằng tâm quả ngũ thiền sắc giới, dù ngôi thứ là phàm phu hay đạo quả có khác nhau nhưng thân hình đều không khác.

5. Không vô biên thức *(ākāsānañcāyatanaviññāṇa)* là ám chỉ tâm quả không vô biên.

6. Thức vô biên thức *(Viññāṇañcāyatanaviññññāṇa)* ám chỉ tâm quả thức vô biên.
7. Vô sở hữu thức *(Ākiñcaññāyatanaviññāṇa)* ám chỉ tâm quả vô sở hữu.
8. Phi tưởng phi phi tưởng thức *(Nevasaññāṇāsaññā-yatanaviññāra)* là ám chỉ tâm quả phi tưởng phi phi tưởng.

Hành duyên thức (theo rộng đặng 2 duyên)

- 1 là Thường cận (đại) y duyên (*Pakatūpanissayapaccayo)*
- 2 là Nghiệp dị thời duyên (*Nānakkhanikakammapaccayo)*

Dứt phần Hành duyên Thức

Trước khi giải về Thức duyên Danh Sắc xin nhắc phần chánh và phụ.

Phần chánh thì chỉ lấy nhân là 32 tâm thức hiệp thế, còn quả là 35 sở hữu hợp và sắc tái tục với nó.

Quả thuộc về phần phụ là tất cả sắc nghiệp bình nhựt sắc tâm quả hiệp thế và sắc tái tục Vô tưởng do lấy theo nhơn là nghiệp thức và quả thức bình nhựt mới lấy đặng những sắc pháp thành quả như thế

THỨC DUYÊN DANH SẮC

(Viññāna paccayā nāmarupaṃ sambhavati)

Thức trợ cho danh sắc sanh ra đặng là sở hữu hợp với 32 tâm quả hiệp thế; và sắc nghiệp sanh ra đặng do nhờ quả thức *(vipākaviññāna)* và nghiệp thức *(kammaviññāna)* làm nhân.

Thức làm nhân cho danh sắc sanh ra có hai:

1. là quả thức *(vipākaviññāna).*
2. là nghiệp thức *(kammaviññāna).*

- Quả thức *(vipākaviññāna)* tức là 32 tâm quả hiệp thế *(lokīyavipākacitta).*
- Nghiệp thức *(kammaviññāna)* tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện, đại thiện và thiện sắc giới đời quá khứ.
- Danh pháp *(nāma)* thành quả đây tức là 35 sở hữu hợp với 32 tâm quả hiệp thế.
- Sắc pháp *(rūpa)* thành quả đây tức là sắc nghiệp tái tục *(patisandhikammajarūpa),* sắc nghiệp bình nhựt *(pavattikammajarūpa)* và sắc tâm quả.

Phụ chú:

Sắc nghiệp bình nhựt *(pavattikammajarūpa)* và sắc tâm *(citajarūpa)* kể vào tâm quả đây là do nghiệp thức và quả thức bình nhựt trợ, đều thuộc về phần phụ.

∗ Chia quả thức và danh sắc theo thời tái tục và bình nhựt như sau:

- Quả thức tái tục *(patisandhivipākaviññāna)* tức là 19 tâm tái tục.
- Quả thức bình nhựt *(pavattipākaviññāna)* tức là 32 tâm quả hiệp thế (trừ tâm tái tục).

- Danh tái tục *(paṭisandhināma)* tức là 35 sở hữu hợp với 19 tâm tái tục.
- Danh bình nhựt *(pavattināma)* tức là 35 sở hữu hợp với 32 tâm quả hiệp thế (trừ tâm tái tục).

- Sắc tái tục *(patisandhirūpa)* tức là sắc nghiệp câu sanh với tâm tái tục.
- Sắc bình nhựt *(pavattirūpa)* tức là sắc tâm do 18 tâm quả cõi hữu sắc tạo khi bình nhựt; và sắc nghiệp do 25 thức nghiệp tạo (sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện, đại thiện và thiện sắc giới).

- **Danh** *(nāma)* có câu Pāḷi chú giải như vầy: *Ārammane mamatīti = nāmaṃ:* Những pháp chong vào cảnh gọi là danh hay danh pháp hữu vi, tức là tâm và sở hữu. Đây chỉ lấy sở hữu hợp với tâm quả hiệp thế.
- **Sắc** *(rūpa)* có câu Pāḷi chú giải như vầy: *Sītuṇhādīvirodhipaccavehi ruppatīti = Rūpaṃ:* Những pháp tiêu hoại đổi thay do duyên đối lập có nóng lạnh... gọi là sắc, tức là sắc nghiệp và sắc tâm quả.
- **Danh sắc** có câu Pāḷi chú giải như vầy: *Nāmañca rūpañca nāmarūpañaca = nāmarūpaṃ:* Danh và sắc chung lại gọi là danh sắc.

Nói danh sắc *(nāmarūpaṃ)* nếu trình bày theo cách danh và sắc sanh ra do thức thì phải dùng câu Pāḷi như vầy: *Viññaṇa paccayā nāmarūpa nāmarūpaṃ.* Nhưng đây nên bớt một chữ *nāmarūpa* chỉ để chữ *nāmarūpaṃ* là trình bày theo cách đơn độc.

∗ Thức trợ cho danh sắc có 3 cách:

1. Thức trợ cho danh cõi Vô sắc và một phần cõi ngũ uẩn tức là:

- 4 tâm quả vô sắc giới trợ cho 30 sở hữu hợp tái tục luôn bình nhựt;
- Và ngũ song thức trợ cho 7 sở hữu biến hành khi bình nhựt trong 26 cõi ngũ uẩn.

2. Thức trợ cho sắc cõi Vô tưởng và một phần cõi ngũ uẩn ám chỉ nghiệp thức *(kammaviññāṇa)* tức là:
   - Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm thiện ngũ thiền sắc giới đời trước trợ sắc nghiệp tái tục, bình nhựt của bực Vô tưởng;
   - Và sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với tâm bất thiện, đại thiện đời quá khứ trợ cho sắc nghiệp bình nhựt cõi Dục giới;
   - Và nữa, sở hữu tư *(cetanā)* hiệp đại thiện và thiện sắc giới đời quá khứ trợ cho sắc nghiệp bình nhựt trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm.
3. Thức duyên danh sắc một phần trong cõi ngũ uẩn, thức đây là 15 tâm tái tục cõi ngũ uẩn giúp cho 35 sở hữu hợp, sắc nghiệp tái tục cõi ngũ uẩn và 18 thức bình nhựt cõi ngũ uẩn (trừ 10 tâm ngũ song thức) có tạo sắc giúp cả 35 sở hữu hợp và sắc tâm quả cõi ngũ uẩn.

∗ <u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của danh</u>:
1. Trạng thái: Chong vào cảnh *(nāmanalakkhanaṃ)*
2. Phận sự: Phối hợp với tâm *(sampayogarasaṃ)*
3. Thành tựu: Không xa lìa tâm *(avinibbhogapac-cupaṭṭhānaṃ)*
4. Nhân cận: Có thức *(viññānapadaṭṭhānaṃ)*

∗ <u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của sắc</u>
1. Trạng thái: Tiêu hoại đổi thay *(ruppanalakkhaṇaṃ).*
2. Phận sự: Chia rẽ *(vikiranarasaṃ).*
3. Thành tựu: Vô ký hoặc bất tri *(abyākatapaccu-paṭṭhānaṃ).*
4. Nhân cận: Có thức *(viññānapadaṭṭhānaṃ).*

Danh sắc là quả của thức đây tức là sở hữu hợp với tâm tái tục và sắc nghiệp, cho nên thức làm duyên cho danh sắc đặng 10 duyên.

∗ <u>Quả thức *(vipākaviññāṇa)* trợ cho danh đặng 9 duyên</u>:
1. là Câu sanh duyên *(Sahajātapaccayo).*
2. là Hỗ tương duyên *(Aññamaññapaccayo).*
3. là Câu sinh y duyên *(Sahajātanissayapaccayo).*
4. là Dị thục quả duyên *(Vipākapaccayo).*
5. là Danh vật thực duyên *(Āhārapaccayo).*
6. là Câu sinh quyền duyên *(Sahajātindrīya paccayo).*
7. là Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccayo).*
8. là Câu sinh hiện hữu duyên *(Sahajātatthipaccayo).*
9. là Câu sinh bất ly duyên *(Sahajāta avigatapaccayo).*

- Câu sanh duyên là tâm quả hiệp thế đồng sanh chung với sở hữu hợp,
- Hỗ tương duyên là tâm quả hiệp thế giúp qua giúp lại với sở hữu hợp.
- Câu sinh y duyên là sở hữu hiệp với tâm quả hiệp thế nương tâm quả hiệp thế.
- Dị thục quả duyên là tâm quả hiệp thế trợ cho sở hữu hợp.
- Danh vật thực duyên là tâm quả hiệp thế thuộc về thức thực mà giúp cho sở hữu đồng hợp.
- Câu sinh quyền duyên là tâm quả hiệp thế thuộc về ý quyền mà giúp cho sở hữu đồng hợp.

- Tương ưng duyên là tâm quả hiệp thế với sở hữu hòa trộn với nhau, nên giúp bằng cách tương ưng.
- Câu sinh hiện hữu duyên là tâm quả hiệp thế giúp cho sở hữu bằng cách đang còn.
- Câu sinh bất ly duyên là tâm quả hiệp thế giúp cho sở hữu bằng cách không rời nhau.

∗ Thức tái tục trợ cho sắc ý vật tái tục đặng 9 duyên:

1. là Câu sinh duyên
2. là Hỗ tương duyên
3. là Câu sinh y duyên
4. là Dị thục quả duyên
5. là Danh vật thực duyên
6. là Câu sinh quyền duyên
7. là Câu sinh bất tương ưng duyên
8. là Câu sinh hiện hữu duyên
9. là Câu sinh bất ly duyên

Chỉ khác trên là thêm Câu sanh bất tương ưng duyên, bớt Tương ưng duyên vì danh với sắc.

∗ Thức giúp cho sắc tái tục ngoài ra sắc ý vật đặng 8 duyên:

1. là Câu sanh duyên
2. là Câu sinh y duyên
3. là Dị thục quả duyên
4. là Danh vật thực duyên
5. là Câu sinh quyền duyên
6. là Câu sinh bất tương ưng duyên
7. là Câu sinh hiện hữu duyên
8. là Câu sinh bất ly duyên

Như kể trước đây, chỉ bớt Hỗ tương duyên

∗ Nghiệp thức làm duyên cho sắc nghiệp bình nhựt và sắc tái tục Vô tưởng đặng 7 duyên:

1 là Thường cận y duyên
2 là Bất tương ưng duyên
3 là Vô hữu duyên
4 là Ly khứ duyên
5 là Vô gián duyên
6 là Đẳng vô gián duyên
7 là Vô gián cận y duyên

Tâm bất thiện, đại thiện và thiện sắc giới đời quá khứ mà gọi là nghiệp thức *(kammaviññāna)* vì có sở hữu tư *(cetanā)* thuộc phần đào tạo, cho nên phải kể nghiệp. Sự mong mỏi hay chấp trước dĩ nhiên có sở hữu dục... nhưng tâm làm hướng đạo cho sở hữu rất đáng kể cần phải nêu ra mà những sắc nghiệp, bình nhựt, tái tục. Cõi Vô tưởng thành quả của những tâm này, theo đoạn thức duyên danh sắc, mới đổi chữ tâm kêu chữ thức cho thích hợp nên gọi là nghiệp thức *(kammaviññāna)*.

Những tâm nói trên chủ trương trợ tạo sắc nghiệp bình nhựt và sắc tái tục cõi Vô tưởng đặng 7 duyên như đã kể.

- Sự thường ước mong của đời trước là Thường cận (đại) y duyên.
- Thức giúp cho sắc là Bất tương ưng duyên.
- Do đời quá khứ giúp cho đời này là Vô hữu duyên và Ly khứ duyên, Vô gián, Đẳng vô gián, Vô gián cận y.

* <u>Thức duyên danh sắc kể theo rộng đặng 12 hoặc 16 duyên</u>
1. Cảnh trưởng duyên
2. Câu sinh duyên
3. Câu sinh y duyên
4. Cảnh cận (đại) y duyên
5. Thường cận y duyên
   (kể theo nghiệp thức)
6. Dị thục quả duyên
7. Danh vật thực duyên
8. Câu sinh quyền duyên
9. Tương ưng duyên
10. Câu sinh bất tương ưng duyên
11. Bất tương ưng duyên
    (kể theo nghiệp thức)
12. Câu sanh hiện hữu duyên
13. Sắc mạng quyền hiện hữu duyên
14. Vô hữu duyên
    (kể theo nghiệp thức)
15. Ly khứ duyên
    (kể theo nghiệp thức)
16. Câu sinh bất ly duyên
17. Sắc mạng quyền bất ly duyên
18. Sắc mạng quyền duyên
19. Vô gián duyên
20. Đẳng vô Gián duyên
21. Vô gián cận y duyên

Dứt phần Thức duyên Danh Sắc

DANH SẮC DUYÊN LỤC NHẬP

(Nāmarūpa paccayā salāyatanaṃ sambhavati)

Danh *(nāma)* tức là 35 sở hữu hiệp với 32 tâm quả hiệp thế.
Sắc *(rūpa)* tức là sắc nghiệp *(kammajarūpa).*

* <u>Lục nhập nội *(salāyatana)*</u>
  1. là nhãn nhập *(cakkhāyatana)* tức là nhãn thanh triệt
  2. là nhĩ nhập *(sotāyatana)* tức là nhĩ thanh triệt
  3. là tỷ nhập *(ghānāyatana)* tức là tỷ thanh triệt
  4. là thiệt nhập *(jīvhāyatana)* tức là thiệt thanh triệt
  5. là thân nhập *(kāyāyatana)* tức là thân thanh triệt
  6. là ý nhập *(manāyatana)* tức là 32 tâm quả hiệp thế.

  Lục nhập *(saḷāyatana)* có những câu chú giải như sau:
  - *Āyatanaṃ saṅkhāravattaṃ nayatīti = āyatanaṃ:* Pháp nào duy trì luân hồi trường cửu, pháp ấy gọi là nhập tức là thập nhị nhập.
  - *Cha āyatanāni = Saḷāyatanaṃ:* Cả 6 nhập trong phần ta, gọi là lục nhập nội
  - *Salāyatanañ ca chaṭṭ hāyatanañ ca = Saḷāyatanaṃ:* Lục nhập nội và lục nhập ngoại nói chung lại gọi là thập nhị nhập.

  (Lục nhập thành quả của danh sắc chỉ lấy lục nhập nội)

* <u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của nhập</u>
  1. Trạng thái: Đối chiếu (hay là làm cho luân hồi trường cửu) *(āyatanalakkhaṇaṃ)*
  2. Phận sự: Thấy cảnh, nghe tiếng *(dassanarasaṃ)* và *(dassanādirasaṃ).*
  3. Thành tựu: Có vật và môn *(vatthuttarabhāvapaccupaṭṭhānaṃ)*
  4. Nhân cần thiết: Có danh và sắc *(nāmarūpapadaṭṭhānaṃ).*

* <u>Nhập *(āyatana)* có 5 nghĩa :</u>
  1. là sở cần sanh *(sañjātidesaṭṭha)* là 5 sắc thanh triệt cần phải nương của ngũ song thức.
  2. là nhân sở sanh *(nivāsaṭṭha)* là 5 sắc thanh triệt làm nhân sanh cho ngũ song thức.
  3. là cần yếu hữu *(ākaraṭṭha)* là 5 sắc thanh triệt, người ở cõi ngũ uẩn đa số rất cần dùng.
  4. là hội tương nhập *(samosaraṇaṭṭha)* là 6 nhập nội và 6 nhập ngoại có sự ráp hiệp nhau.
  5. là nhập hiệp hội *(kāranaṭṭha)* là lục nhập nội và lục nhập ngoại nếu không có thì lộ tâm chẳng sanh được.

     Nhưng nhập thành quả của danh sắc chỉ lấy lục nhập nội *(ajjhattīkāyatana).*

* **<u>Danh sắc làm duyên lục nhập chia ra 16 phần và phần tổng quát</u>:**

  1) Danh là 3 uẩn sở hữu *(Cetasikakhandha)* hợp với tâm quả hiệp thế làm duyên trợ cho ý nhập là tâm quả hiệp thế, vì sanh chung nhau nên giúp đặng 7 duyên:
     1. Câu sinh duyên
     2. Hỗ tương duyên
     3. Câu sinh y duyên
     4. Dị thục quả duyên
     5. Tương ưng duyên
     6. Câu sinh hiện hữu duyên.
     7. Câu sinh bất ly duyên

     - Trợ bằng Câu sinh duyên là sở hữu và tâm quả hiệp thế sanh chung nhau một lượt.
     - Trợ bằng Hỗ tương duyên là sở hữu với tâm quả giúp qua giúp lại.

- Trợ bằng Câu sanh y duyên là tâm và sở hữu sanh chung nhau vẫn có sự nương.
- Trợ bằng Dị thục quả duyên là sở hữu hiệp với tâm quả hiệp thế cũng thuộc về pháp quả.
- Trợ bằng Tương ưng duyên là sở hữu hòa trộn với tâm quả.
- Trợ bằng Câu sinh hiện hữu duyên là sở hữu vẫn đang còn đối với tâm quả hiệp thế.
- Trợ bằng Câu sinh bất ly duyên là sở hữu và tâm quả hiệp thế đang khi ấy không lìa nhau.

2) Danh là 3 nhân thiện hợp tâm quả hiệp thế trợ ý quyền quả hữu nhân hiệp thế đặng 8 duyên.

   Thêm Nhân duyên vì nó là nhân, cho nên trợ bằng cách Nhân duyên.

3) Danh làm duyên thời sở hữu xúc và sở hữu tư *(cetanā)* trợ cho tâm hiệp thế đặng 8 duyên.

   Thêm Danh vật thực duyên mà bớt Nhân duyên, vì sở hữu xúc và sở hữu tư *(cetanā)* thuộc về thực (Danh vật thực).

4) Danh lấy riêng sở hữu tư *(cetanā)* mà trợ cho tâm quả hiệp thế đặng 9 duyên:

   Thêm Câu sinh nghiệp duyên.

5) Danh làm duyên lấy về sở hữu tứ, sở hữu hỷ giúp cho tâm quả hiệp thế (trừ ngũ song thức) đặng 8 duyên:
   1. là Câu sanh duyên
   2. là Hỗ tương duyên
   3. là Câu sinh y duyên
   4. là Dị thục quả duyên
   5. là Thiền na duyên
   6. là Tương ưng duyên
   7. là Câu sinh hiện hữu duyên
   8. là Câu sinh bất ly duyên

   Thêm Thiền na duyên mà bớt Danh vật thực duyên và Câu sinh nghiệp duyên, vì 2 sở hữu này là chi thiền.

6) Danh là sở hữu thọ, sở hữu mạng quyền và sở hữu tín hợp tâm quả hiệp thế trợ ý quyền quả đặng 8 duyên.

   Thêm Câu sinh quyền duyên *(Sahajātindrīyapaccayo),* bớt Thiền na duyên. Vì 3 sở hữu này là danh quyền.

7) Danh là sở hữu niệm, sở hữu cần, sở hữu trí hợp tâm quả hiệp thế trợ ý quyền quả hiệp thế đặng 9 duyên.

   Thêm Đồ đạo duyên *(Maggapaccayo)* vì 3 sở hữu này là chi đạo.

8) Danh là sở hữu nhứt thống hợp tâm quả hiệp thế trợ ý quyền quả hiệp thế đặng 10 duyên.

   Thêm Thiền na duyên *(Jhānapaccayo),* vì sở hữu nhứt thống là chi thiền.

9) Danh là 3 uẩn sở hữu hợp tâm tái tục cõi ngũ uẩn trợ ngũ nhập nội thô đặng 6 duyên.
   1. là Câu sinh duyên
   2. là Câu sinh y duyên
   3. là Dị thục quả duyên
   4. là Câu sinh bất tương ưng duyên
   5. là Câu sinh hiện hữu duyên
   6. là Câu sinh bất ly duyên

   Lý do như đã giải

- Thấp sanh *(sansedaja)* và hóa sanh *(opapatika)* khi tái tục có đủ 5 sắc quyền.
- Noãn sanh *(andaja)* và thai sanh *(jalabuja)* khi tái tục chỉ có thân quyền.

10) Danh là 3 uẩn sở hữu hợp tâm quả cõi ngũ uẩn trợ ngũ nhập thô nội khi bình nhựt đặng 4 duyên
    1. là Hậu sanh duyên
    2. là Hậu sanh bất tương ưng duyên
    3. là Hậu sinh hiện hữu duyên
    4. là Hậu sinh bất ly duyên

    Giải lý do:

    Hậu sanh duyên là 5 vật sanh trước và còn cũng do nhờ tâm sẽ sanh sau.
    Thí Dụ: Như nhờ người có quyền sẽ đi, cho nên cầu đường phải làm sẵn trước.
    - Hậu Sanh bất tương ưng duyên vì danh giúp cho sắc.
    - Hậu sinh hiện hữu duyên là sở hữu hợp với tâm quả hiệp thế bình nhựt, mặc dầu sinh sau mà trong khi giúp vẫn còn.
    - Hậu sinh bất ly duyên là sở hữu hợp tâm quả hiệp thế cũng chưa lìa nhau như đã nói.

11) Sắc ý vật trợ cho ý vật tái tục cõi ngũ uẩn đặng 6 duyên
    1. là Câu sanh duyên
    2. là Hỗ tương duyên (bất định).
    3. là Câu sanh y duyên
    4. là Câu sanh bất tương ưng duyên
    5. là Câu sinh hiện hữu duyên
    6. là Câu sinh bất ly duyên

    - Câu sinh duyên là sắc nghiệp tái tục nương sắc ý vật sanh một lượt với tâm tái tục.
    - Hỗ tương duyên là khi sắc ý vật tái tục có sức mạnh giúp qua giúp lại với tâm tái tục.
    - Câu sinh y duyên là sắc ý vật đồng sanh với tâm tái tục và có nương nhau.
    - Câu sinh bất tương ưng duyên là vì sắc giúp cho danh.
    - Câu sinh hiện hữu duyên là sắc ý vật khi giúp tâm tái tục mà sắc ấy đang còn.
    - Câu sinh bất ly duyên là sắc ý vật đối với tâm tái tục chưa xa lìa nhau.

12) Sắc ý vật trợ 18 tâm quả cõi ngũ uẩn (trừ ngũ song thức) khi bình nhựt đặng 5 duyên:
    1. là Vật tiền sanh y duyên
    2. là Vật tiền sanh duyên
    3. là Vật tiền sanh bất tương ưng duyên
    4. là Vật tiền sinh hiện hữu duyên
    5. là Vật tiền sinh bất ly duyên

    - Vật tiền sanh y duyên là sắc nương ý vật bình nhựt sẵn có sanh trước luôn luôn, thì 18 tâm quả cõi ngũ uẩn nương theo ý vật phải sanh sau sắc ý vật.
    - Vật tiền sanh duyên là sắc ý vật thuộc về sắc vật, luôn luôn sanh trước với 18 tâm quả cõi ngũ uẩn khi bình nhựt.
    - Vật tiền sanh bất tương ưng duyên là sắc ý vật thuộc về vật và sanh trước giúp cho 18 tâm quả cõi ngũ uẩn sanh sau.
    - Vật tiền sanh hiện hữu duyên là sắc ý vật giúp bằng cách đang còn chưa mất.
    - Vật tiền sanh bất ly duyên là sắc ý vật chưa lìa mất mới giúp đặng 18 tâm quả khi bình nhựt cõi ngũ uẩn.

13) Năm sắc thanh triệt trợ cho ngũ song thức đặng 6 duyên:
    1. là Vật tiền sanh y duyên
    2. là Vật tiền sanh duyên

3. là Tiền sinh quyền duyên
4. là Vật tiền sanh bất tương ưng duyên
5. là Vật tiền sinh hiện hữu duyên
6. là Vật tiền sinh bất ly duyên

Sắc thanh triệt thuộc về sắc vật, sắc quyền sanh trước đang còn, chưa lìa khỏi để cho ngũ song thức nương và sắc giúp cho danh là bất tương ưng.

14) Sắc tứ đại làm duyên cho ngũ nhập nội thô trong khi đồng sanh một bọn đều đặng 4 duyên:
1. là Câu sinh duyên
2. là Câu sinh y duyên
3. là Câu sinh hiện hữu duyên
4. là Câu sinh bất ly duyên

Sắc tứ đại trợ cho ngũ nhập nội thô tức là sắc tứ đại sanh chung với 5 sắc thanh triệt thì dĩ nhiên phải có sự đồng sanh, đang còn, chưa lìa nhau và cũng để cho thanh triệt nương.

15) Sắc mạng quyền trợ cho 5 sắc thanh triệt sanh chung nhau một bọn trợ đặng 3 duyên:
1. là Sắc mạng quyền duyên *Rūpajīvitindrīyapacccayo.*
2. là Sắc mạng quyền hiện hữu duyên - *Indriyatthipaccayo.*
3. là sắc mạng quyền bất ly duyên - *Indriya avigatapaccayo.*

16) Sắc nghiệp vật thực nội trợ cho 5 sắc thanh triệt sanh chung bọn giúp đặng 3 duyên:
1. là sắc vật thực duyên - *Rūpa āhārapaccayo.*
2. là Vật thực hiện hữu duyên - *Āhāratthipaccayo.*
3. là Vật thực bất ly duyên - *Āhāra avigaatapaccayo.*

∗ **Tổng kết:**

Danh sắc làm duyên cho lục nhập kể hẹp đặng 22 duyên, kể rộng đặng 30 duyên.

1. là Nhân duyên - *Hetupaccayo.*
2. là Câu sanh duyên - *Sahajātapaccayo.*
3. là Hỗ tương duyên - *Aññamaññapaccayo.*
4. là Câu sinh y duyên - *Sahajātanissayapaccayo.*
5. là Vật tiền sanh y duyên - *Vatthupurejātanissayapaccayo.*
6. là Vật tiền sanh duyên - *Vatthupurejātapaccayo.*
7. là Hậu sanh duyên - *Pacchājātapaccayo.*
8. là Nghiệp duyên - *Kammapaccayo.*
9. là Dị thục quả duyên - *Vipākapaccayo.*
10. là Sắc vật thực duyên - *Rūpa Aharapaccayo.*
11. là Danh vật thực duyên - *Nāma āhārapaccayo.*
12. là Câu sinh quyền duyên - *Sahajātindrīyapaccayo.*
13. là Tiền sinh quyền duyên - *Purejātindrīyapaccayo.*
14. là Sắc mạng quyền duyên - *Rūpajivitindrīyapaccayo.*
15. là Thiền na duyên - *Jhānapaccayo.*
16. là Đồ đạo duyên - *Maggapaccayo.*
17. là Tương ưng duyên - *Sampayuttapaccayo.*
18. là Câu sinh bất tương ưng -*Sahajātavippayuttapaccayo.*
19. là Vật tiền sinh bất tương ưng duyên - *Vatthupurejātavippayuttapaccayo.*
20. là Hậu sanh bất tương ưng duyên - *Pacchājātavippayuttapaccayo.*
21. là Hậu sanh hiện hữu duyên - *Pacchājātatthipaccayo.*
22. là Hậu sanh bất ly duyên - *Pacchājāta avigatapaccayo.*

23. là Câu sinh hiện hữu duyên - *Sahajātatthpaccayo.*
24. là Câu sinh bất ly duyên - *Sahajāta avigatapacccayo.*
25. là Vật tiền sinh hiện hữu duyên - *Vatthupurejātatthipaccayo.*
26. là Vật tiền sinh Bất ly duyên - *Vatthupurejāta avigatapaccayo.*
27. là Vật thực hiện hữu duyên - Ā*hāratthipaccayo.*
28. là Vật thực bất ly duyên - *Āhāra avigatapaccayo.*
29. là Quyền hiện hữu duyên - *Indrīyatthipaccayo.*
30. là Quyền bất ly duyên - *Indrīya avigatapaccayo.*

Dứt phần Danh sắc duyên Lục nhập.

LỤC NHẬP (NỘI) DUYÊN XÚC

(Salāyatana paccayā phassa sambhavati)

❖ **Lục nhập** (nội) thành quả của danh sắc, phần này trở lại làm duyên cho lục xúc:

1. Nhãn xúc *(cakkhusamphassa)* là sở hữu xúc hiệp với đôi nhãn thức
2. Nhĩ xúc *(sotasamphassa)* là sở hữu xúc hiệp với đôi nhĩ thức.
3. Tỷ xúc *(ghānasamphassa)* là sở hữu xúc hiệp với đôi tỷ thức.
4. Thiệt xúc *(jivhāsamphassa)* là sở hữu xúc hiệp với đôi thiệt thức.
5. Thân xúc *(kāyasamphassa)* là sở hữu xúc hiệp với đôi thân thức.
6. Ý xúc *(mano samphassa)* chỉ lấy sở hữu xúc hiệp với 32 tâm quả hiệp thế (trừ ngũ song thức). Xúc đây là sở hữu xúc hiệp 32 tâm quả hiệp thế.

❖ **Xúc** *(phassa)* có những câu Pāḷi chú giải như sau:

- *Ārambhaṃ phusatīti = phasso:* Đụng chạm với cảnh gọi là xúc.
- *Phusanti sampayuttadhammā etenāti = phasso*: Pháp tương ưng đồng nhau đụng chạm với cảnh gọi là xúc (tức là sở hữu xúc)
- *Phusanaṃ = phasso:* Đụng chạm cảnh gọi là xúc.
  hay là *Saṃphusate = Samphasso:* Đụng chạm, chạm nhau cũng gọi là xúc.
- *Cakkhuviññāṇena sampayutto samphassoti = Cakkhusamphasso:* Cách nhãn thức xúc chạm với cảnh sắc, nên gọi là nhãn xúc.
- *Manoviññāṇena sampayutto samphassoti = Manosamphasso:* Cách ý thức đụng chạm với 6 cảnh nên gọi là ý xúc.

  Xúc đây là sở hữu xúc trong 22 tâm quả hiệp thế (trừ ngũ song thức)

Lời giải:

Người chết dù còn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nhưng thần kinh và tâm thức đều không có. Dù cho người còn sống mà đui hay điếc thì nhãn xúc hoặc nhĩ xúc chẳng sanh, cho nên nói xúc đều phải có 3 phương diện hiệp lại chạm nhau như trong kinh Tạp A Hàm - Phẩm Sự Tích *(Nidāna vagga samyutta)* có trình bày như vầy:

- *Cakkhuñ ca paṭicca rūpaṃ ca uppajjati cakkhuviññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso:* Nhờ nhãn thanh triệt và cảnh sắc nên nhãn thức mới sanh đặng, là cách hợp cả 3 vừa nói, mới gọi là nhãn xúc.
- *Sotañ ca paṭicca sadde ca uppajjati sotaviññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso:* Nhờ nhĩ thanh triệt và cảnh thinh nên nhĩ thức mới sanh đặng, là cách hợp cả 3 vừa nói, mới gọi là nhĩ xúc.
- *Ghānañ ca paṭicca gandhe ca uppajjati ghānaviññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso:* Nhờ tỷ thanh triệt và cảnh khí nên tỷ thức mới sanh đặng, là cách hợp cả 3 vừa nói, mới gọi là tỷ xúc.
- *Jivhañ ca paṭicca rase ca uppajjati jivhāviññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso:* Nhờ thiệt thanh triệt và cảnh vị nên thiệt thức mới sanh đặng, là cách cả 3 vừa nói, mới gọi là thiệt xúc.
- *Kāyañ ca paṭicca phoṭṭhabbe ca uppajjati kāyaviññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso:* Nhờ thân thanh triệt và cảnh xúc nên thân thức mới sanh đặng là cách hợp cả 3 vừa nói, mới gọi là thân xúc.

- *Manañ ca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso:* Nhờ ý môn và 6 cảnh nên ý thức mới sanh ra, cho nên 3 phương diện hợp nhau đó là ý xúc, theo đây chỉ lấy sở hữu xúc hiệp với tâm quả hiệp thế.

<u>Giải thêm</u>

Cách 3 phương diện hiệp chạm lại gọi là xúc, chẳng phải sắc pháp đụng với sắc pháp hay là 2 vật chạm nhau như là vỗ tay .v.v... trái lại không khua tiếng mà cũng có pháp hiện bày ra ngoài. Cũng có thể trắc nghiệm khi tâm gặp cảnh thì có sự rúng động như là khi gặp người ăn đồ chua hay nghe nói đến me thì tươm nước miếng.

Hoặc như gặp cách hình phạt treo cây nứa đập giập khía cho bén, rồi bắt tội nhân ôm chặt tuột từ trên cao xuống cắt thịt tét thấu xương, hay là gặp cách cảnh đáng ghê, sợ sệt... thì tâm cảm xúc rất rõ rệt.

∗ <u>Lục xúc phân theo 3 cõi</u>
1. Cõi Dục giới đủ cả 6 xúc.
2. Cõi Sắc giới hữu tưởng chỉ có nhãn xúc, nhĩ xúc và ý xúc.
3. Cõi Vô sắc giới chỉ có ý xúc.

∗ <u>Tứ ý nghĩa *(attha)* của xúc</u>
1. Trạng thái: Đụng chạm cảnh *(Phusanalakkhaṇo).*
2. Phận sự: Làm cho tâm gặp cảnh *(Saṅghattanaraso).*
3. Thành tựu: Là gồm thâu vật, cảnh và thức hiệp lại *(Saṅgatipaccupaṭṭhāno*).
4. Nhân cận: Có lục nhập *(Salāyatanapadaṭṭhāno).*

I. <u>Năm nhập nội thô trợ cho 5 xúc trước đặng 6 duyên</u>:
1) Vật tiền sanh y duyên - *Vatthupurejātanissayapaccayo.*
2) Vật tiền sanh duyên - *Vatthupurejātapaccayo.*
3) Tiền sinh quyền duyên - *Purejātindrīyapaccayo.*
4) Vật tiền sanh bất tương ưng duyên -*Vatthupurejātavippayuttapaccayo.*
5) Vật tiền sanh hiện hữu duyên -*Vatthupurejātatthipaccayo.*
6) Vật tiền sanh bất ly duyên - *Vatthupurejāta avigatapacccayo.*

Năm sắc thanh triệt mượn tiếng vật *(vatthu)* để kêu, là mượn cụ thể như là con mắt, lỗ tai, lỗ mũi... để kêu thế cho sắc thanh triệt.

Ngũ nhập nội thô, nếu sự giúp tức là quyền *(indrīya)* vì 5 sắc thanh triệt luôn luôn hạn chế ngũ song thức chỉ thấy, nghe... chớ không được biết lối khác. Nhưng nói về ngũ nhập nội thô giúp cho 5 xúc trước lấy chặt chẽ về phần chánh thức là bọn thanh triệt sanh trước ngũ song thức 25 sát-na tiểu.

- Nhãn thanh triệt	trợ cho	nhãn xúc.
- Nhĩ thanh triệt	trợ cho	nhĩ xúc.
- Tỷ thanh triệt	trợ cho	tỷ xúc.
- Thiệt thanh triệt	trợ cho	thiệt xúc.
- Thân thanh triệt	trợ cho	thân xúc.

Xin xem lại bản đồ Tiền sinh quyền duyên *(Purejātindrīyapaccayo)* trong quyển Siêu lý Cao học *(Paccayo),* trang 176.

II. <u>22 tâm quả hiệp thế (trừ ngũ song thức) trợ cho 22 sở hữu xúc hiệp với nó, đặng 9 duyên:</u>

1: Câu sanh duyên
2: Hỗ tương duyên
3: Câu sinh y duyên
4: Dị thục quả duyên
5: Danh vật thực duyên
6: Câu sinh quyền duyên
7: Tương ưng duyên
8: Câu sinh hiện hữu duyên
9: Câu sinh bất ly duyên

Số duyên và nghĩa lý như thức trợ cho danh *(viññāṇa paccayā nāma).*

<u>Phụ chú</u>:

Ý nhập không nêu ngũ song thức là vì 10 xúc trong ngũ song thức đều có sắc thanh triệt trợ phần chánh hơn rồi).

<u>Tổng kết</u>:

* <u>Lục nhập duyên xúc kể hẹp đặng 13 duyên</u>
    1. Câu sanh duyên
    2. Hỗ tương duyên
    3. Câu sinh y duyên
    4. Vật tiền sinh y duyên
    5. Dị thục quả duyên
    6. Vật thực duyên
    7. Tương ưng duyên
    8. Bất tương ưng duyên
    9. Vật tiền sinh hiện hữu duyên
    10. Vật tiền sinh bất ly duyên
    11. Câu sinh hiện hữu duyên
    12. Câu sinh bất ly duyên
    13. Câu sinh quyền duyên

* <u>Lục nhập duyên xúc kể rộng đặng 15 duyên</u>
    1. Câu sanh duyên
    2. Hỗ tương duyên
    3. Câu sinh y duyên
    4. Vật tiền sinh y duyên
    5. Vật tiền sinh duyên
    6. Dị thục quả duyên
    7. Danh vật thực duyên
    8. Câu sinh quyền duyên
    9. Tiền sinh quyền duyên
    10. Tương ưng duyên
    11. Vật tiền sinh bất tương ưng duyên
    12. Câu sinh hiện hữu duyên
    13. Vật tiền sinh hiện hữu duyên
    14. Câu sinh bất ly duyên
    15. Vật tiền sinh bất ly duyên

Dứt phần Lục nhập duyên Xúc

XÚC DUYÊN THỌ

(Phassa paccaya vedanā sambhavati)

❖ **Xúc** *(phassa)* lấy sở hữu xúc hiệp với 32 tâm quả hiệp thế.

❖ **Thọ** *(vedanā)* lấy sở hữu thọ hiệp với 32 tâm quả hiệp thế. Pāḷi chú giải như vầy: *Vedayatiti = vedanā:* Hưởng cảnh gọi là thọ.

Thọ phân làm sáu

- Sở hữu thọ hiệp với đôi nhãn thức, gọi là nhãn thọ.
- Sở hữu thọ hiệp với đôi nhĩ thức, gọi là nhĩ thọ.
- Sở hữu thọ hiệp với đôi tỷ thức, gọi là tỷ thọ.
- Sở hữu thọ hiệp với đôi thiệt thức, gọi là thiệt thọ.
- Sở hữu thọ hiệp với đôi thân thức, gọi là thân thọ.
- Sở hữu thọ hiệp với 22 tâm quả hiệp thế (trừ ngũ song thức) gọi là ý thọ quả của xúc.

Thọ *(vedanā)* theo trong bộ Kho tàng Pháp học của Xiêm quyển chót trang 657 phân đến 108 như sau:

1. Hỷ thọ *(somanassavedanā)* của người thường - có 6.
2. Hỷ thọ *(somanassavedanā)* của người đắc tuệ quán - có 6.
3. Ưu thọ *(domanassavedanā)* của người thường - có 6.
4. Ưu thọ *(domanassavedanā)* của người đắc tuệ quán - có 6.
5. Xả thọ *(upekkhāvedanā)* của người thường - có 6.
6. Xả thọ *(upekkhāvedanā)* của người đắc tuệ quán - có 6.

Cộng thành 36. Lấy 36 nhân theo tam thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) mới đến 108.

Thọ phân theo môn có sáu

- *Cakkhusamphassato jātā vedanāti = Cakkhusamphassajā vedanā:* Thọ sanh do nhờ nhãn xúc, nhân ấy gọi là thọ nhãn xúc.
- *Sotasamphassato jātā vedanāti = Sotasamphassajā vedanā:* Thọ sanh do nhờ nhĩ xúc, nhân ấy gọi là thọ nhĩ xúc.
- *Ghanasamphassato jātā vedanāti = Ghānasamphassajā vedanā:* Thọ sanh do nhờ tỷ xúc, nhân ấy gọi là thọ tỷ xúc.
- *Jīvhāsamphassato jātā vedanāti = Jīvhāsamphassajāvedanā:* Thọ sanh do nhờ thiệt xúc, nhân ấy gọi là thọ thiệt xúc.
- *Kāyasamphassato jātā vedanāti = kāyasamphassajāvedanā:* Thọ sanh do nhờ thân xúc, nhân ấy gọi là thọ thân xúc.
- *Manosamphassato jātā vedanāti = Mano samphassajavedanā:* Thọ phát sanh do nhờ ý xúc, nhân ấy gọi là thọ ý xúc tức là 111 tâm (trừ ngũ song thức). Nhưng thọ do xúc làm duyên đây thì ý xúc thọ chỉ lấy sở hữu thọ hiệp với 22 tâm quả hiệp thế (trừ ngũ song thức).

Khi nói theo pháp thông thường trong đời này, thì cách hưởng cảnh có 3:

- 1 là sướng thân vui tâm khi đặng gặp cảnh, gọi là lạc thọ *(sunkhavedanā).*
- 2 là hưởng khổ thân khổ tâm khi gặp cảnh không thích thân tâm gọi là khổ thọ *(dukkhavedanā).*
- 3 là hứng chịu bình thường như khi gặp cảnh trung bình gọi là xả thọ *(upekkhāvedanā).*

Nếu nói theo nhân đề *(puggalādhitthāna)* thì cách hưởng cảnh có hai: 1 là vui *(sukha),* 2 là khổ *(dukkha).*

- Lạc *(sukha)* là hưởng thân thức thọ lạc và hưởng vui bằng tâm thọ hỷ, thọ xả liên quan với tâm thiện, tâm tố và tâm quả thiện.
- Khổ *(dukkha)* tức là thân thức thọ khổ, thọ xả liên quan với tâm bất thiện và tâm quả bất thiện.

Sự lạc và sự khổ vừa nói đây sẽ sanh đặng do nương nhờ xúc, tức là cách chạm nhau giữa tâm và cảnh làm nhân, cho nên sự lạc, sự khổ nhiều hay ít đều do mãnh lực của xúc như là cảnh và tâm chạm nhau nhiều thì sự hứng chịu sướng, khổ cũng nhiều. Nếu tâm và cảnh chạm nhau ít thì sự khổ, lạc cũng ít.

Tỷ như khi ăn vật thực thì răng có bổn phận nhai, lưỡi có bổn phận biết vị. Nếu răng không nhai đàng hoàng, lưỡi nếm vị không đặng đầy đủ. Đây là thí dụ răng như xúc, lưỡi như thọ, vật thực như cảnh.

Cảnh và tâm xúc chạm nhau như sự nhai vật thực, tâm và cảnh chạm nhau nhiều hay ít chẳng khác chi răng nhai vật thực. Cho nên nói xúc đây tức là tâm và cảnh gặp chạm nhau, cách thí dụ đây cho rõ sự phát sanh của xúc và thọ đối với tất cả người.

Khi coi cải lương hoặc hát bóng, nếu thấy nghe không rõ do ngồi xa hay thiếu ánh sáng .v.v... bởi vậy cho nên người coi cần đến gần hoặc tìm cách nào cho đặng thấy, nghe rõ.

Như người muốn hưởng nhiều thì phải ráng sắp xúc đặng mạnh, khi xúc đặng mạnh rồi thời sự thọ hưởng rất nhiều rõ rệt.

Khi gặp những cảnh vị ngon, vị dở cũng hiện rõ ra ngoài như là nhãn thức thấy sắc... Bởi vì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức chỉ có bổn phận bắt cảnh chớ không phải làm cho cảnh thành tốt, xấu. Pháp mà làm cho biết vị ngon, vị dở hiện bày ra đặng là xúc. Cho nên khi nào gặp cảnh tốt thời tâm và cảnh xúc chạm bằng cách thích hợp; trái lại nếu gặp cảnh không tốt thời tâm và cảnh xúc chạm nhau bằng cách không thích hợp thì thọ phải do theo đó mà hưởng vui khổ.

Nếu thọ hưởng thích hợp thời người ấy mặt mày tươi tốt, ai cũng nhận cho là người đang hưởng vui. Trái lại khi thọ khổ thì mặt mày ủ dột, ai thấy cũng biết là người ấy đang chịu cảnh khổ. Cho nên cách vui khổ đều do có xúc. Nếu không có xúc thì thọ cũng không có nên mới nói xúc làm duyên cho thọ.

<u>Tứ ý nghĩa *(aṭtha)* của thọ:</u>

1. Trạng thái: Thường hưởng cảnh *(anubhavanalakkha-ṇā).*
2. Phận sự: Hứng chịu cảnh *(visayarasasambhogarasā).*
3. Thành tựu: Có lạc, khổ, xả *(sukkhadukkhapaccu-paṭṭhānā).*
4. Nhân cận: Có xúc *(phassapadaṭṭhānā).*

<u>Lục xúc trợ cho thọ theo rộng đặng 8 duyên</u>

1. Câu sinh duyên
2. Hỗ tương duyên
3. Câu sinh y duyên
4. Dị thục quả duyên
5. Danh vật thực duyên
6. Tương ưng duyên
7. Câu sinh hiện hữu duyên
8. Câu sinh bất ly duyên

Giải:

- Câu sinh duyên là sở hữu xúc và sở hữu thọ chung nhau đồng sanh một lượt.
- Hỗ tương duyên là sở hữu xúc và sở hữu thọ giúp qua giúp lại.
- Câu sinh y duyên là sở hữu xúc và sở hữu thọ đồng sanh vẫn có sự nương với nhau.
- Dị thục quả duyên vì chỉ lấy sở hữu xúc và sở hữu thọ hiệp với tâm quả hiệp thế.
- Danh vật thực duyên là xúc thực trợ cho thọ.
- Tương ưng duyên là sở hữu xúc và sở hữu thọ hòa trộn nhau.
- Câu sinh hiện hữu duyên là sở hữu xúc và sở hữu thọ đồng sanh đang còn.
- Câu sinh bất ly duyên là sở hữu xúc và sở hữu thọ sanh đồng nhau và chưa xa lìa.

Xúc duyên thọ theo hẹp cũng đặng 8 duyên, chỉ đổi tên duyên như sau:

1. Câu sinh duyên
2. Hỗ tương duyên
3. Câu sinh y duyên
4. Dị thục quả duyên
5. Danh vật thực duyên
6. Tương ưng duyên
7. Câu sinh hiện hữu duyên
8. Câu sinh bất ly duyên

Dứt phần Xúc duyên Thọ

THỌ DUYÊN ÁI

(Vedanā paccaya taṅhā sambhavati)

Thọ *(vedanā)* mà giúp cho ái đây cũng lấy thọ y như thọ nhờ xúc.

Nói về **ái** *(taṅhā)* tức là ham muốn, yêu thương... có những câu Pāḷi chú giải như vầy:

- *Vutthukāmam paritassatīti = Taññhā:* Pháp mà nhiễm vật dục, pháp ấy gọi là ái.
- *Vutthukāmma tassanti paritassanti saṭṭā etāyāti = Taññhā:* Làm nhân cho chúng sanh ưa thích nhiễm đắm vật dục, pháp ấy gọi là ái, tức là sở hữu tham.

Bài giải:

Khi sắc, thinh, khí, vị, xúc... hiện đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm thì ái là sự ưa thích nhiễm cảnh vẫn thường phát sanh cho rất đa số người, trừ bực tứ quả. Dù tam quả vẫn còn ái cõi Sắc giới và Vô sắc giới.

Sự vui sướng đã qua hay đang hưởng ít bớt đặng mà hay tăng, đối với vui sướng càng phát sanh ưa thích, đó là thọ lạc, thọ hỷ làm duyên cho ái.

Nói về xả thọ mà làm duyên cho ái là hay hưởng 6 cảnh trung bình nhưng cũng vừa lòng, như thế là đủ. Theo câu: "Nhứt nhựt thanh nhàn, nhứt nhựt tiên" ngày nào rảnh rang là ngày ấy cũng cho là tiên, tức là ái sự hưởng cảnh trung bình.

Còn khổ thọ và ưu thọ mà cũng phát sanh ra ái đặng là như người ăn đồ không ngon hay thèm đồ ngon hoặc khi buồn tính chơi cho giải trí, như kẻ buồn uống rượu làm khuây, nên xưa hát Bộ có câu: "Dụng tửu chung giải phá buồn rầu" (Dùng chén rượu bớt cơn phiền muộn).

Ái *(taṅhā)* nếu chia theo cảnh thì có 6:

1. Ái cảnh sắc *(rupataṅhā)* là sự ưa thích nhiễm đắm sắc.
   Chú giải: *Rūpe taṇhā = Rūpataṇhā:* Ưa hay nhiễm cảnh sắc gọi là ái sắc.
2. Ái cảnh thinh *(saddataṅhā)* là sự ưa thích nhiễm các thứ tiếng.
   Chú giải: *Sadde taṅhā = Saddataṅhā:* Ưa hay nhiễm cảnh thinh gọi là ái cảnh thinh.
3. Ái cảnh khí *(gandhataṅhā)* là sự ưa thích nhiễm đắm các thứ mùi.
   Chú giải: *Gandhe taṅhā = Gandhataṅhā:* Ưa hay nhiễm các thứ mùi, gọi là ái cảnh khí.
4. Ái cảnh vị *(rasataṅhā)* là sự ưa thích nhiễm đắm vị.
   Chú giải: *Rase taṅhā = Rasataṅhā:* Ưa hay nhiễm vị, gọi là ái cảnh vị.
5. Ái cảnh xúc *(phoṭṭhabbataṅhā)* là ưa thích nhiễm đắm cảnh xúc.
   Chú giải: *Phoṭṭhabbe taṅhā = phoṭṭhabbataṅhā:* Ưa hay nhiễm cảnh xúc, gọi là ái cảnh xúc.
6. Ái cảnh pháp *(dhammataṅhā)* là ưa thích nhiễm đắm cảnh pháp như là người, vật, công việc...
   Chú giải: *Dhamme taṅhā = Dhammataṅhā:* Ưa hay nhiễm cảnh xúc, gọi là ái cảnh xúc.

Ái *(tanhā)* phân theo cách có 3

1. Dục ái *(kamataṅhā)* tức là lục dục hưởng bằng tâm tham. Có Pāḷi chú giải như vầy: *Kamo ca so taṅhācati = kamataṅhā:* Ưa mến ham muốn 6 cảnh lục dục gọi là dục ái tức là sở hữu tham.
2. Hữu ái *(bhavataṅhā)* Ưa mến chấp hữu tức là tâm tham tương ưng biết theo thường kiến.
   Pāḷi chú giải: *Bhavo ca so taṅhā cāti = Bhavataṅhā:* Pháp ưa chấp hữu bằng 6 cảnh gọi là hữu ái tức là sở hữu tham hiệp với tâm tham tương ưng chuyên theo thường kiến.

3. Ly hữu ái (*vibhavataṅhā)* là ưa mến chấp không, tức là sở hữu tham.
   Chú giải: *Vibhavo ca so taṅhā cati = vibhavataṅhā:* Ưa chấp ngoài ra đó, nên gọi là ly hữu ái.

Dục ái *(kāmataṅhā)* đối với 6 cảnh quá khứ, hiện tại, vị lai là 18, bên trong bên ngoài thành 36.

Hữu ái *(bhavataṅhā)* và ly hữu ái *(vibhavacaṅhā)* cũng như thế, cộng lại thành 108.

<u>Giải thêm</u>:

Cũng có người hiểu lầm rằng Hữu ái *(bhavataṅhā)* là ám chỉ cõi Sắc giới. Ly hữu ái *(vibhavataṅhā)* là ám chỉ cõi Vô sắc giới.

Chớ kỳ thật đây là chấp hữu và chấp vô đều có sự ưa thích, dù cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp quá khứ, hiện tại, vị lai phần ta hay ngoài ra đều 6 cảnh đặng cả. Cho nên mới nhân mỗi thứ đặng 36 như đã trình bày.

∗ Dục ái *(kamataṅhā)* và ly hữu ái *(vibhavataṅhā)* chỉ lấy theo cảnh.

∗ Còn hữu ái *(bhavataṅhā)* chia làm 5
  1. Ái cõi Dục giới *(kāmabhava)* là ưa thích muốn sanh làm nhân loại hay chư Thiên Dục giới...
  2. Ái cõi Sắc giới *(rūpabhava)* là ưa thích làm người cõi Sắc giới.
  3. Ái cõi Vô sắc giới *(arūpabhava)* là ưa thành người Vô sắc giới.
  4. Ái nhập thiền *(jhānasamāpatti)* là ưa thích sự nhập thiền định.
  5. Ái thân kiến *(sassatadiṭṭhi)* là ưa thích sự chấp thân theo ngũ uẩn là thấy rằng tất cả chúng sanh đều có thân hữu hình và vô hình (linh hồn). Thân chết linh hồn không chết, nên thay đổi sanh nơi khác khác.

Có Pāḷi chú giải như vầy: *Bhavetaṅhā = Bhavataṅhā: Bhavapaṭṭhanāvasena uppannassa sassatadiṭṭhi sahagatassa rūpārāpabhavarāgassa ca jhānanikantiyā cetaṃ adhivacanaṃ:* Chấp sanh về các cõi gọi là sanh hữu, tức là ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Dục giới, ái hiệp với sự ưa thích sanh về các cõi Sắc giới và Vô sắc giới, ái hiệp với sự ưa thích nhập thiền và ái hiệp với sự ưa thích chấp thân.

<u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của ái</u>

1. Trạng thái: Nhân khổ *(hetulakkhaṇā).*
2. Phận sự: Ưa thích *(abhinandanarasā)* là ham muốn lục dục và ưa chấp hữu hay chấp vô.
3. Thành tựu: No nê các cảnh *(atittabhāvapacupaṭṭhānā).*
4. Nhân cận: Có thọ *(vedanāpadaṭṭhānā).*

Thọ duyên ái kể hẹp đặng 1 duyên là Cận (đại) y duyên *(Upanissayapacayo),* theo rộng cũng đặng 1 duyên là Thường cận (đại) y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo).*

<u>Lý do</u>:

Sự thọ hưởng của mỗi chúng sanh còn đang chuyên mạnh trong vòng luân hồi *(vatta)* thì sự thọ hưởng chẳng phải ít. Cho nên rất mạnh có thể trợ giúp cho ái phát sanh đặng rất nhiều.

Còn ngoài ra các duyên khác không lấy, bởi vì không thể giúp cho ái sanh ra bằng cách thọ *(vedanā)* cho nên không lấy.

(Quý vị học giả nên xét biết thêm).

Dứt phần Thọ duyên Ái

ÁI DUYÊN THỦ

Taṅhā paccayā upādānaṃ sambhavati

Thủ sanh ra do nhờ ái, tức là sở hữu tham trợ cho tham và tà kiến, nhưng tham chấp nặng nề, tham thuộc về thủ, tà kiến cũng chấp nặng nề kêu là thủ. Có Pāḷi chú giải như vầy:

- *Bhusaṃ ādiyanti amuñcagāhaṃ gayhantīti = upādānāni:* Chấp cứng rất mạnh không buông bỏ gọi là thủ.
- *Upadiyantīti = upādānāni:* Chấp cứng gọi là thủ, tức là 2 chi pháp sở hữu tham và tà kiến.

<u>Thủ nói theo điều pháp có 4 gọi là tứ thủ</u>

1. Dục thủ *(kāmupādāna)* là chấp cứng theo lục dục,
2. Tà kiến thủ *(diṭṭhupādāna)* là chấp cứng theo tà kiến.
3. Giới cấm thủ *(sīlabbattupādāna)* là chấp cứng theo tà giới ngoại giáo.
4. Ngã chấp thủ *(attavādupādana)* là chấp ngã, thủ là kềm giữ, chấp cứng, tức là chấp cứng theo sự nhận thấy hữu ngã.

❖ **<u>DỤC THỦ</u>** *(Kāmupādāna)* có 6

1. Sắc dục thủ *(rūpakāmupādāna)* là nhiễm đắm chấp cứng theo các màu.
2. Thinh dục thủ *(saddakāmupādāna)* là nhiễm đắm chấp cứng theo các thứ tiếng.
3. Khí dục thủ *(gandhakāmupādāna)* là nhiễm đắm chấp cứng theo các thứ hơi.
4. Vị dục thủ *(rasakāmupādāna)* là nhiễm đắm chấp cứng theo các thứ vị
5. Xúc dục thủ *(phoṭṭhabbakāmupādāna)* là nhiễm đắm chấp cứng theo các phần đụng chạm.
6. Pháp dục thủ *(dhammakāmupādāna)* là nhiễm đắm chấp cứng theo cảnh pháp như là sự, vật...

❖ **<u>TÀ KIẾN THỦ</u>** *(Diṭṭhupādana)*

62 tà kiến *(michā diṭṭhi)*

Tà kiến thủ là không buông bỏ tà kiến.

Tà kiến chia theo phần nhỏ có 62, gom lại phần rất lớn thành 2 là quá khứ và vị lai đều có 5 phần trung. Nhưng quá khứ có 18 phần nhỏ và vị lai có 44 phần nhỏ:

I. Tà kiến chấp theo quá khứ có 5 phần trung:

A. Là thường kiến.
B. Là thường vô thường kiến.
C. Là biên vô biên kiến.
D. Là vô ký kiến (ngụy biện).
E. Là vô nhân sinh kiến.

A. <u>Phần trung của quá khứ thứ nhứt là "thường kiến"</u> có 4 nguyên do:
1) Là chấp trường tồn do nhớ nhiều đời, dưới một đại kiếp (thành, trụ, hoại, không)
2) Là chấp trường tồn do nhớ nhiều đời, từ 1 đến 10 đại kiếp.
3) Là chấp trường tồn do nhớ nhiều đời, từ 1 đến 40 đại kiếp.
4) Là chấp trường tồn do sự kinh nghiệm.

B. <u>Phần trung của quá khứ thứ hai là "thường vô thường kiến"</u> có 4 nguyên do:
1) Là nhận thấy đại Phạm thiên sống hoài, còn những kẻ ngài tạo ra phải chết.
2) Là nhận thấy chư Thiên không say sống hoài, còn vị nào say mới chết.
3) Là nhận thấy chư Thiên không sân sống hoài, vị nào sân mới chết.

4) Là nhận thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân không bền vững, chỉ có tâm là trường tồn (không sanh, không diệt).

C. Phần trung của quá khứ thứ ba là "biên vô biên kiến" có 4 nguyên do:
1) Là nhận thấy thế giới, vũ trụ có chỗ tột.
2) Là nhận thấy vũ trụ có một, thế giới không cùng.
3) Là nhận thấy vũ trụ trên dưới có tột, ngang qua không cùng.
4) Là nhận thấy thế giới, vũ trụ không cùng tột.

D. Phần trung của quá khứ thứ tư là "vô ký kiến (ngụy biện)" có 4 nguyên do:
1) Là do nhận thấy không xác thật, vì e vọng ngữ nên nói không xác thật.
2) Là do nhận thấy không xác thật, vì e bị chấp trước, nên nói không quyết định.
3) Là do nhận thấy không xác thật, vì e bị hỏi gạn, nên nói không quyết định.
4) Là do nhận thấy không xác thật, vì e bị vô minh, nên nói không quyết định.

(4 tà kiến này cũng gọi là bất định kiến)

E. Phần trung thứ năm của quá khứ là "vô nhân sinh kiến" có 2 nguyên do:
1) Là tâm ta tự nhiên mà có do nhớ đời trước làm người Vô tưởng.
2) Là sự suy xét nhận thấy tất cả có ra đều không do nhân tạo.

II. Tà kiến chấp theo vị lai có 5 phần trung :

A. Là hữu tưởng kiến.
B. Là vô tưởng kiến.
C. Là phi tưởng phi phi tưởng kiến.
D. Là đoạn kiến.
E. Là níp-bàn hiện tại kiến.

A. Phần trung thứ nhứt của vị lai là hữu tưởng kiến có 16 nguyên do:
1) Là bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng.
2) Là bản ngã không có sắc, vô bệnh, sau khi chết có tưởng.
3) Là bản ngã có sắc và không có sắc, vô bệnh, sau khi chết có tưởng.
4) Là bản ngã là phi hữu sắc, phi vô sắc, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
5) Là bản ngã là hữu biên, vô bệnh, sau khi chết có tưởng.
6) Là bản ngã là vô biên, vô bệnh, sau khi chết có tưởng.
7) Là bản ngã là hữu biên, vô biên, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
8) Là bản ngã là phi hữu biên, phi vô biên, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
9) Là bản ngã là nhất tưởng, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
10) Là bản ngã là dị tưởng, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
11) Là bản ngã là đa tưởng, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
12) Là bản ngã là vô lượng tưởng, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
13) Là bản ngã là thuần lạc, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
14) Là bản ngã là thuần khổ, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
15) Là bản ngã là khổ lạc, không bệnh, sau khi chết có tưởng.
16) Là bản ngã là không khổ lạc, không bệnh, sau khi chết có tưởng.

B. Phần trung thứ hai của vị lai là vô tưởng kiến có 8 nguyên do:
1) Bản ngã có sắc vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.
2) Bản ngã không có sắc vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.
3) Bản ngã có sắc và cũng không có sắc, vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.
4) Bản ngã là phi hữu sắc, phi vô sắc, vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.
5) Bản ngã là hữu biên, vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.
6) Bản ngã là vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng.

7) Bản ngã là hữu biên và vô biên, vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.
8) Bản ngã là phi hữu biên, phi vô biên, vô bệnh, sau khi chết không có tưởng.

C. Phần trung thứ ba của vị lai là phi tưởng phi phi tưởng kiến có 8 nguyên do :
1) Bản ngã có sắc, vô bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng, phi vô tưởng.
2) Bản ngã vô sắc, vô bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.
3) Bản ngã có sắc và cũng không có sắc, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.
4) Bản ngã là phi hữu sắc phi vô sắc, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.
5) Bản ngã là hữu biên, vô bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.
6) Bản ngã là vô biên, vô bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.
7) Bản ngã là hữu biên vô biên, không bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.
8) Bản ngã là phi hữu biên phi vô biên không bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.

D. Phần trung thứ tư của vị lai là đoạn kiến có 7 nguyên do.
1) Nhận thấy tất cả loài thai sanh chết rồi tiêu mất.
2) Nhận thấy chư Thiên cõi lục dục chết rồi tiêu mất.
3) Nhận thấy tất cả Phạm Thiên cõi Sắc giới chết rồi tiêu mất.
4) Nhận thấy bực Không vô biên xứ thiên chết rồi tiêu mất
5) Nhận thấy tất cả bực Thức vô biên xứ thiên chết rồi tiêu mất.
6) Nhận thấy bực Vô sở hữu xứ thiên, chết rồi tiêu mất.
7) Nhận thấy bực Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên chết rồi tiêu mất.

E. Phần trung thứ năm của vị lai là níp-bàn hiện tại kiến có 5 nguyên do:
1) Nhận thấy ngũ dục lạc là níp-bàn hiện tại.
2) Nhận thấy sơ thiền là níp-bàn hiện tại.
3) Nhận thấy nhị thiền là níp-bàn hiện tại.
4) Nhận thấy tam thiền là níp-bàn hiện tại.
5) Nhận thấy tứ thiền là níp-bàn hiện tại.

Tà kiến có 2 chi
- 1 là nhận thấy chấp cứng trái ngược với cách thật (Pháp siêu lý hoặc chế định).
- 2 là cách thật không có với người đang chấp tà kiến (vì không quan tâm).

Cho nên trong chánh tạng, Đức Thế Tôn Ngài có thuyết: *"Còn những pháp khác tức là tà kiến, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ điệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới nhận hiểu"*.

III. Thập tướng vô kiến *(Natthi lakkhaṇa diṭṭhi)* :
1. Vì nhận sai, mới cho rằng sự bố thí rồi sau này không có chi là phước *(natthi dinnaṃ)*.
2. Vì nhận sai, mới cho rằng cúng dường rồi sau này cũng chẳng có chi là hưởng quả, phước *(natthi yiṭṭhaṃ)*.
3. Vì nhận sai mới cho rằng đáp ơn báo hiếu đều không có quả phước chi cả *(natthi hutaṃ)*.
4. Vì nhận sai mới cho rằng không có Dị thời nghiệp duyên và Dị thục quả (nhân và quả thời gian khác nhau) tốt, xấu chi cả *(natthi sakata dukkaṭānaṃ kammānaṃ phalavipāko)*.
5. Vì nhận sai mới cho rằng đời này đều là không *(natthi ayamloke)*.
6. Vì nhận sai mới cho rằng đời khác và đời sau không có sanh nữa *(natthi paraloke)*.
7. Vì nhận sai mới cho rằng mẹ không phải là mẹ *(natthi mātā)*
8. Vì nhận sai mới cho rằng cha không phải là cha *(natthi pitā)*.
9. Vì nhận sai mới cho rằng không có hạng hóa sanh *(natthi pattā orapātika)*.

10. Vì nhận sai mới cho rằng sa-môn hay bà-la-môn đều không có ai tu hành đắc chứng chi cả và chẳng có ai biết đời này, đời khác *(natthi samaṇa brahmaṇa).*

Mười điều tà kiến này ngăn chặn chúng sanh không được sanh về Thiên đàng, Chư Thiên, Phạm Thiên v.v... luôn cả đạo quả và Níp-bàn không thể nào tiến triển.

❖ **<u>GIỚI CẤM THỦ</u>** *(Silabbattupadana)*

Giới cấm thủ là chấp cứng theo giới ngoại giáo như đại ý kinh Xiêm nói như vầy: "Cũng có hạng người nghĩ rằng pháp bất thiện đã từng sanh cho ta chẳng ít, thì quả khổ đòi hỏi không sai. Vậy ta nên sớm ráng chịu khổ cho mau qua sẽ đặng siêu thăng giải thoát cao quí".

Nghĩ như thế hoặc hành 53 điều khổ hạnh đáng gớm như sau:

1. Có phái khổ hạnh lõa thể *(acelake)*
2. Có phái khổ hạnh khi đứng tiểu giờ một chân *(muttācāro).*
3. Có phái khổ hạnh khi đại rồi chùi ngón tay kê vô liếm *(hatthāvalejano).*
4. Có phái khổ hạnh không ưa thích của tôi tớ tặng cho.
5. Có phái khổ hạnh không ưa thân tộc thỉnh mời tặng của.
6. Có phái khổ hạnh chỉ ăn cơm trên miệng nồi.
7. Có phái khổ hạnh chỉ dùng vật thực trong 1 nhà *(ekāgāriko).*
8. Có phái khổ hạnh chỉ độ vật thực trong 2 nhà *(devagāriko).*
9. Có phái khổ hạnh chỉ ăn một vắt cơm *(ekālopīko)*
10. Có phái khổ hạnh chỉ ăn hai vắt cơm *(deva ālopīko)*
11. Có phái khổ hạnh nương ở đám cỏ bụi cây.
12. Có phái khổ hạnh đổ cơm xuống đất liếm ăn.
13. Có phái khổ hạnh ngày ăn, ngày nhịn.
14. Có phái khổ hạnh ăn 1 ngày nhịn 10 ngày
15. Có phái khổ hạnh ăn 1 ngày nhịn 15 ngày
16. Có phái khổ hạnh dùng vật thực bằng rau làm dứa.
17. Có phái khổ hạnh chỉ ăn đậu.
18. Có phái khổ hạnh chỉ ăn lúa.
19. Có phái khổ hạnh chỉ ăn lá cây
20. Có phái khổ hạnh chỉ ăn bông cây
21. Có phái khổ hạnh chỉ ăn trái cây
22. Có phái khổ hạnh chỉ ăn gạo
23. Có phái khổ hạnh chỉ uống nước
24. Có phái khổ hạnh chỉ ăn vỏ cây
25. Có phái khổ hạnh chỉ ăn mủ cây
26. Có phái khổ hạnh chỉ ăn cỏ
27. Có phái khổ hạnh chỉ ăn phân bò
28. Có phái khổ hạnh chỉ ăn cắn xác cây
29. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vải bỏ theo nghĩa địa
30. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vải dơ bỏ nơi chợ
31. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vải bó thây ma.
32. Có phái khổ hạnh chỉ mặc da cọp.
33. Có phái khổ hạnh chỉ mặc cỏ nhung
34. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vỏ cây
35. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lá cây
36. Có phái khổ hạnh chỉ mặc ván cây
37. Có phái khổ hạnh chỉ mặc bằng tóc người

38. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lông thú.
39. Có phái khổ hạnh chỉ mặc cánh chim mèo.
40. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lông trừu.
41. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lông dê.
42. Có phái khổ hạnh ngồi gục mặt.
43. Có phái khổ hạnh ngồi ngước mặt.
44. Có phái khổ hạnh ngồi xếp chân.
45. Có phái khổ hạnh chỉ ngồi tréo chân
46. Có phái khổ hạnh chỉ ngồi chồm hổm.
47. Có phái khổ hạnh chỉ nằm tu.
48. Có phái khổ hạnh chỉ nằm trên gai.
49. Có phái khổ hạnh chỉ nằm trên tấm ván.
50. Có phái khổ hạnh chỉ nằm lăn cứt đái.
51. Có phái khổ hạnh mùa lạnh thì lõa thể.
52. Có phái khổ hạnh mùa nóng nằm ngoài nắng.
53. Có phái khổ hạnh nằm theo biển gọi rằng thả tội trôi ra.

« Năm mươi ba phái khổ hạnh đáng gớm này trích trong quyển Gồm Trái Tim Pháp Sư trang 704 và Kho Tàng Pháp Học trang 620 của Xiêm. »

Ngoài ra còn nhiều khổ hạnh như là tu theo bò, tu theo chó v.v...

❖ **NGÃ CHẤP THỦ** *(attavādupādāna)*

Ngã chấp thủ tức là chấp theo 20 thân kiến *(sakkāyadiṭṭhi)* cũng gọi là ngã kiến *(attadiṭṭhi)*.

Thân kiến *(sakkayadiṭṭhi)* là nhận sai ngũ uẩn có 20 cách chia làm 5 phần:

* Chấp theo sắc uẩn *(rūpakhandha)* có 4:
1. Nhận thấy sắc uẩn là ta *(rūpaṃ attato samanupassati)*.
2. Nhận thấy ta có sắc uẩn *(rūpaṃ vantaṃ vā attānaṃ)*.
3. Nhận thấy sắc uẩn trong ta *(attani vā… rūpaṃ)*.
4: Nhận thấy ta trong sắc uẩn *(rūpasmiṃ vā aṭṭānaṃ)*.

Bốn điều này nhân cho 28 sắc pháp thành 112

* Chấp theo thọ uẩn *(vedanākhandha)* có 4:
1. Nhận thấy thọ uẩn là ta *(vedanaṃ attato samanupassati)*.
2. Nhận thấy ta có thọ uẩn *(vedanā vantaṃ vā aṭṭānaṃ)*.
3. Nhận thấy thọ uẩn trong ta *(attani vā vedanaṃ)*.
4. Nhận thấy ta trong thọ uẩn *(vedanāya vā aṭṭānaṃ)*.

Bốn điều này nhân tam thọ thành 12, lấy 12 nhân cho 6 cảnh thành 72.

* Chấp theo tưởng uẩn *(saññākhandha)* có 4:
1. Nhận thấy tưởng uẩn là ta *(saññaṃ attato samanupassati)*.
2. Nhận thấy ta có tưởng uẩn *(Saññā vantaṃ vā aṭṭānaṃ)*.
3. Nhận thấy tưởng uẩn trong ta *(attani vā saññaṃ)*.
4. Nhận thấy ta trong tưởng uẩn *(sannaya vā aṭṭānaṃ)*.

Bốn điều này nhân 6 cảnh thành 24.

* Chấp theo hành uẩn *(saṅkhārakhaṅdha)* có 4:
 1. Nhận thấy hành uẩn là ta *(saṅkhāra attato samanupassati).*
 2. Nhận thấy ta có hành uẩn *(saṅkhāra vantaṃ vā attānaṃ).*
 3. Nhận thấy hành uẩn trong ta (*attāni vā saṅkhārā).*
 4. Nhận thấy ta trong hành uẩn (*saṅkhārasu vā attānaṃ).*

 Bốn điều này nhân theo 6 cảnh thành 24.

* Chấp theo thức uẩn *(viññakhandha)* có 4:
 1. Nhận thấy thức uẩn là ta *(viññānaṃ attato samanupassati).*
 2. Nhận thấy ta có thức uẩn *(viññāṇa vantaṃ vā attānaṃ).*
 3. Nhận thấy thức uẩn trong ta *(attāni vā viññāṇaṃ).*
 4. Nhận thấy ta trong thức uẩn *(viññāṇasmiṃ vā attānaṃ).*

 Bốn điều này nhân theo 6 cảnh thành 24.

Sắc uẩn	nhơn ra đặng	112
Thọ uẩn	nhơn ra đặng	072
Tưởng uẩn	nhơn ra đặng	024
Hành uẩn	nhơn ra đặng	024
Thức uẩn	nhơn ra đặng	024
Cộng thành:		256

Ngã chấp thủ *(attavādupādāna)* gồm có 2:
1: là cực ngã *(purama atta).*
2: là mạn ngã *(jiva atta).*
- Chấp rằng: Có một ngôi trọn chủ trọn quyền, đủ sức tạo ra tất cả trường tồn mãi mãi vẫn làu làu đó thuộc phần cực ngã.
- Còn riêng mỗi người chấp: Ai cũng có cái tự chủ là cái bản ngã của ta làm chủ cho ta. Đó thuộc về phần mạn ngã, hay tự ngã.

▪ Mạn ngã chia có 5
 1) Tự hành mạn ngã *(kāraka jīva atta)* chấp cách hành động của thân là ta, như chấp tôi làm, tao làm v.v...
 2) Tự thọ mạn ngã *(vedaka jīva atta)* chấp cách chịu khổ, lạc và bình thường là ta như chấp tôi đau, tôi sướng, mình được như thường v.v...
 3) Chủ quyền mạn ngã *(sāmi jīva atta)* chấp có cái cai quản cả thân thể tứ chi còn vững đó là cái ta, như chấp nói rằng: tôi lìa xác rồi thân này phải hư hoại.
 4) Trường tồn mạn ngã *(ni vāsī jīva atta)* chấp cái hằng còn và tạo đặng thân mới đó là cái ta, như chấp thân này chết rồi thì linh hồn tạo ra thân khác v.v... Hoặc phản bổn huờn nguyên trở về cực ngã chớ không tiêu mất.
 5) Tự chế mạn ngã *(sayaṃvasi)* chấp mãnh lực hạn chế thân phải hành động y theo ý muốn đó là ta, như chấp rằng tâm nói muốn tôi làm y theo, hay là tôi kềm làm theo ý như tâm muốn.

Trường tồn mạn ngã và tự chế mạn ngã chung lại gọi là đặc quyền mạn ngã *(vasavattana)*. Vì không chi làm tiêu mất và có quyền hạn chế thân làm theo ý muốn v.v...

Những mạn ngã vừa kể có kẻ chấp nhầm uẩn này uẩn khác.

Ngoài ra còn chấp cỏ, cây, đất, đá cũng có linh hồn và gặp khi người đang chết trắc nghiệm linh hồn xuất nơi đảnh, nơi tim v.v... Hoặc thấy trẻ em té đặt gọi nó đã hết hồn.

Kệ Pāḷi kết luận mạn ngã.

Sattiyā yassa jīvassaloko vattati mannito
Karako vedako Sami nivasi so sayamvasi

Tất cả phàm phu có sự nhận thấy như vầy: Mỗi chúng sanh trong đời, thân hành động, thọ hưởng cảnh, sự cai quản thân thể và sự hạn chế thân đặng làm y theo như ý muốn, đó là mạn ngã.

Lại cũng chấp mạn ngã còn hoài và đủ sức tạo đời sau thân mới, nếu tự cố gắng trau dồi, thì mạn ngã ấy sẽ trở về cực ngã.

Bài thơ gồm lý mạn ngã

Mạn ngã người đời há khỏi qua.
Chấp rằng làm hưởng chủ đều ta.
Chế quyền chẳng mất qui về bổn.
Định đặt nhiều tên tợ lý xa.

<u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của thủ</u>

1. Trang thái: Chấp cứng *(gahaṇalakkhaṇaṃ).*
2. Phận sự: Không buông ra *(amuñcanarasaṃ).*
3. Thành tựu: Ái nặng và nhận thấy sai *(taṅhādalhattadiṭṭhipaccupaṭṭhānaṃ).*
4. Nhơn cận: Có ái *(taṅhāpadaṭṭhānaṃ).*

Ái sanh trước làm duyên cho tứ thủ hẹp rộng cũng đặng một duyên. Hẹp là Cận y duyên *(Upanissayapaccayo).* Rộng là Thường cận y duyên *(Pakatūpanissayapaccayo).*

Có những câu chú giải như sau:

- *Bhuso nissayo = upanissayo:* Nơi chịu nương có sức rất mạnh, gọi là Cận y.
- *Upanissayabhāvena upakārako dhammo = upanissayapaccayo:* Pháp hộ trợ để cho nương chịu bằng cách mạnh mẽ, gọi là Cận y duyên (hay là):
- *Balātarabhāvena upakarako dhammo = upanissaya paccayo:* Pháp thành chỗ nương nhờ và ủng hộ rất có nhiều sức mạnh, gọi là Cận y duyên.

Duyên rộng thêm chữ "Thường" đứng trước có nghĩa là làm luôn rất nhiều cho đến quen rành rẽ, như 2 câu Pāḷi chú giải:

- *Suṭṭhu karīyitthāti = pakato:* Đã từng làm rành (cho đến như thường) nên gọi là "Thường", tức là không sai chạy.
- *Pakato upanissayoti = pakatūpanissayo:* Từng làm chỗ nương đàng hoàng có sức mạnh, gọi là Thường đại y duyên, hay Thường cận y duyên.

Xét theo lý những câu giải hẹp và rộng vừa kể thì sự ái của chúng sanh chẳng phải ít oi hay mới tập.

Còn ái sanh trước thủ dĩ nhiên sự vật chưa từng ưa thích thì làm sao có phát ra cách khắn khít chấp cứng với sự vật ấy.

Ái đối với 3 thủ sau có khi sanh chung đặng vì chi pháp của 3 thủ sau chỉ là sở hữu tà kiến.

Ái sanh chung giúp cho 3 thủ sau đặng 7 duyên:

- 1: Nhân duyên - *Hetupaccayo*
- 2: Câu sinh duyên - *Sahajātapaccayo*
- 3: Hỗ tương duyên - *Aññamaññapacccayo*
- 4: Câu sinh y duyên - *Sahajātanissayapaccayo*
- 5: Tương ưng duyên - *Sampayuttapaccayo*
- 6: Câu sinh hiện hữu duyên - *Sahajātatthipaccayo*
- 7: Câu sinh bất ly duyên - *Sahajāta avigatapaccayo*

Lý do:

Tham và tà kiến hiệp 4 tâm tham tương ưng, nên sanh một lượt, đang còn, không lìa nhau, phải nương với nhau, hòa trộn hợp nhau, vẫn giúp qua giúp lại và tham thuộc về nhân tương ưng dĩ nhiên phải giúp phương tiện Nhân duyên.

Dứt phần Ái duyên Thủ.

THỦ DUYÊN HỮU

(Upādāna paccayā Bhavo sambhavati)

Thủ trợ hữu đây lấy hết thủ nhờ ái như đã nói trước.

Hữu *(bhava)* dịch là có.
– *Bhavatīti = Bhavo:* Còn hay có, gọi là hữu.
– *Bhavati etasmāti = Bhavo:* Nương nhờ mới có, gọi là Hữu.

Hữu *(bhava)* chia có:
- 1 là nghiệp hữu *(kammabhava)*
- 2 là sanh hữu *(upapattibhava)*

❖ **Nghiệp hữu** nghĩa là hành động và còn có... Pāḷi chú giải: *Kammameva bhavo = kammabhavo:* Nghiệp để tạo quả có, gọi là nghiệp hữu. Tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với bất thiện và thiện hiệp thế.

Nghiệp hữu chia theo tam môn:
1. Nghiệp hữu nương thân môn sanh ra đặng 20, tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với đại thiện và bất thiện.
2. Nghiệp hữu nương khẩu môn cũng 20 như trên.
3. Nghiệp hữu nương ý môn tới 29 tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp bất thiện và thiện hiệp thế.

❖ **Sanh hữu** *(upapattibhava)* là có sanh ra. *Upapati* dịch là sanh hay sinh. Pāḷi chú giải:
- *Upapajjatīti = upapatti:* Có ra đời mới gọi là sanh.
- *Upapatti ca so bhavocāti = upapattibhavo:* Sanh ra đời mới và do nương nghiệp, nên gọi là sanh hữu, tức là 32 tâm quả hiệp thế, 35 sở hữu hợp và sắc nghiệp.

Cửu sanh hữu *(upapattibhava)*
1. Dục hữu *(kāmabhava)* tức là 23 tâm quả dục giới, 33 sở hữu hợp và 20 sắc nghiệp.
2. Sắc hữu *(rūpabhava)* tức là 5 tâm quả sắc giới, 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tiếp thâu, 3 tâm thẩm tấn, 35 sở hữu hợp và 15 sắc nghiệp.
3. Vô sắc hữu *(arūpabhava)* là 4 tâm quả vô sắc và 30 sở hữu hợp.
4. Tưởng hữu *(saññībhava)* tức là 20 sắc nghiệp, 31 tâm quả hiệp thế và 35 sở hữu hợp (trừ tâm quả phi tưởng phi phi tưởng).
5. Vô tưởng hữu *(asaññibhava)* tức là bọn mạng quyền.
6. Phi tưởng phi phi tưởng hữu *(nevasaññīnāsaññibhava)* tức là tâm quả phi tưởng phi phi tưởng và 30 sở hữu.
7. Nhứt uẩn hữu *(akavokārabhava)* tức là bốn tâm quả vô sắc, bọn mạng quyền.
8. Tứ uẩn hữu *(catuvokārabhava)* tức là 4 tâm quả vô sắc và 30 sở hữu hợp.
9. Ngũ uẩn hữu *(pañcavokārabhaya)* tức là 28 tâm quả ngũ uẩn, 35 sở hữu hợp và 20 sắc nghiệp.

Cửu sanh hữu phân theo cõi
1. Thân dị tưởng dị hữu *(nānattakāyanānattasaññībhava)* là chúng sanh ở cõi vui Dục giới.
2. Thân dị tưởng đồng hữu *(nānattakāya ekattasaññībhava)* là chúng sanh ở 4 cõi khổ và 3 cõi sơ thiền.
3. Thân đồng tưởng dị hữu *(ekattakāya nānattasaññībhava)* là chúng sanh ở 3 cõi nhị thiền.
4. Thân đồng tưởng đồng hữu *(ekattakāya ekattasaññiibhava)* là chúng sanh ở 3 cõi tam thiền và 6 cõi tứ thiền hữu tưởng.

5. Vô tưởng hữu *(asaññībhava)* là chúng sanh ở cõi trời Vô tưởng.
6. Không vô biên xứ hữu *(ākāsānañcāyatanabhava)* là chúng sanh ở cõi Không vô biên.
7. Thức vô biên xứ hữu *(viññānañcāyatanabhava)* là chúng sanh ở cõi Thức vô biên.
8. Vô sở hữu xứ hữu *(ākiñcaññāyatanabhava)* là chúng sanh ở cõi Vô sở hữu.
9. Phi tưởng phi phi tưởng xứ hữu *(nevasaññānāsaññā yatanabhava)* là chúng sanh ở cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng.

Cửu sanh hữu phân theo nhân đề

1. Dục hữu *(kāmabhava)* là tứ ác thú, nhân loại và chư Thiên lục dục.
2. Sắc hữu *(rūpabhava)* là chư Phạm Thiên ở cõi trời sắc giới.
3. Vô sắc hữu *(arūpabhava)* là chư Phạm Thiên ở cõi Vô sắc.
4. Tưởng hữu *(saññībhava)* là những bực hữu tâm (trừ bực trời Vô tưởng và Phi tưởng phi phi tưởng).
5. Vô tưởng hữu *(asaññībhava)* là bực trời Vô tưởng.
6. Phi tưởng phi phi tưởng hữu *(nevasaññīnasaññībhava)* là chư Phạm Thiên ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng.
7. Nhứt uẩn hữu *(ekavokārabhava)* là Phạm Thiên ở cõi Vô tưởng.
8. Tứ uẩn hữu *(catuvokārabhava)* là Phạm Thiên ở cõi Vô sắc.
9. Ngũ uẩn hữu *(pancavokārabhava)* là chúng sanh ở cõi ngũ uẩn.

Cửu sanh hữu gồm lại còn 3

- 1 là Dục hữu - *kāmabhava.*
- 2 là sắc hữu - *rūpabhava.*
- 3 là Vô sắc hữu - *arūpabhava.*

Nói theo vị lai: Thì nghiệp hữu làm nhân, sanh hữu làm quả.
Còn nói theo hiện tại: Sanh hữu làm nhân, nghiệp hữu làm quả.

Tứ ý nghĩa của nghiệp hữu:

1. Trạng thái: Có sự thành nghiệp – *Kammalakkhaṇo.*
2. Phận sự: Làm cho sanh ra - *Bhavanaraso.*
3. Thành tựu: Thiện và bất thiện - *Kusalakusalapaccu-paṭṭhano.*
4. Nhân cận: Phải có thủ - *Upādānapadaṭṭhāno.*

Nếu chỉ tham và sở hữu tư *(cetanā)* hợp với 4 tâm tham bất tương ưng đồng sanh 1 cái thì dục thủ làm duyên cho nghiệp hữu đặng 7 duyên.

1. Câu sinh duyên
2. Câu sinh hiện hữu duyên
3. Câu sinh bất ly duyên
4. Câu sinh y duyên
5. Tương ưng duyên
6. Hỗ tương duyên
7. Nhân duyên

Lý do

- Sở hữu tham Câu sanh với sở hữu tư *(cetanā)* là giúp bằng cách câu sinh,
- Hai thứ chưa mất là giúp bằng cách Câu sinh hiện hữu,
- Chưa lìa nhau là giúp bằng cách Câu sinh bất ly;
- Vẫn còn nương nhau là giúp bằng cách Câu sinh y,
- Sở hữu với sở hữu vẫn hòa trộn nhau nên giúp bằng Tương ưng,
- Sở hữu với sở hữu phải giúp qua giúp lại là Hỗ tương duyên.
- Tham là chi pháp nhân tương ưng nên giúp bằng cách Nhân duyên.

Còn 3 thủ sau trợ cho nghiệp hữu cũng đặng 7 duyên. Nhưng chỉ khác là bớt Nhân duyên mà thêm Đồ đạo duyên. Vì 3 thủ là tà kiến giúp sở hữu tư *(cetanā)*. Bởi tà kiến chi đạo chẳng phải nhân!

Nếu tứ thủ hợp với cái tâm sanh kế trước, nghiệp hữu hợp với cái tâm sanh kế sau, thì giúp đặng 6 duyên như sau:

1: Đẳng vô gián duyên
2: Vô hữu duyên
3: Ly khứ duyên
4: Trùng dụng duyên
5: Vô gián duyên
6: Vô gián cận y duyên

Lý do

- Cái tâm trước cho cái tâm sau sanh nối liên tiếp, bất đoạn v.v...
- Cái trước diệt rồi cái sau mới được sanh, nên trợ giúp bằng cách Vô hữu và Ly khứ.
- Tâm tham làm việc đổng lực thì đổng lực trước giúp đổng lực kế sau, Trùng dụng duyên.
- Đại thiện và bất thiện bắt pháp thủ làm cảnh không khắn khít thì thủ giúp cho nghiệp hữu một duyên là Cảnh duyên.
- Còn đại thiện và bất thiện bắt pháp thủ làm cảnh mà khắn khít thì pháp thủ giúp cho nghiệp hữu đặng 3 duyên: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên và Cảnh cận y duyên.

Tứ ý nghĩa của sinh hữu :

Trạng thái, phận sự và nhân cận trùng như nghiệp hữu. Chỉ khác thành tựu là chẳng phải thiện bất thiện, tức là pháp vô ký ám chỉ tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp.

Tứ thủ mỗi thứ làm duyên giúp cho nghiệp hữu và sinh hữu mà chẳng đặng sanh chung đồng nhau.

Bởi vì lẽ thường những bậc không còn thủ thì cách hành vi của bực ấy chẳng thành thiện hay bất thiện nghiệp hữu. nên sau khi chết sinh hữu là cách sanh ra làm chúng sanh lớn, nhỏ v.v... đều không có.

Trái lại, những chúng sanh hành động bằng thiện và bất thiện nghiệp hữu, sau khi chết rồi có sinh hữu phát sanh ra làm người, thú v.v... Do mãnh lực của thủ mới được như thế. Đó là thủ giúp cho nghiệp hữu và sanh hữu bằng cách Thường cận y duyên đó thôi.

Dứt phần Thủ duyên Hữu

HỮU DUYÊN SANH

(Bhava paccayājāti sambhavati)

Hữu đây lấy nghiệp hữu phần chánh nên nhắc lại nghiệp cho rõ thêm.

Nghiệp có nghĩa là hành vi, tạo tác và sắp đặt v.v... nhưng đối với pháp đồng sanh là đề đốc.

Có những Phật ngôn chú giải như sau:

- Ngài nói: *Kammunā vattati loko:* Nghĩa là tất cả chúng sanh trong đời vẫn theo chiều hướng nghiệp.
- Ngài cũng nói: *Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīṇap paṇītatāya:* Nghĩa là nghiệp phân cho chúng sanh cao sang hay thấp hèn.

Pāḷi chú giải:

- *Karaṇaṃ = kammaṃ*: Nghiệp là hành vi, hành động.
- *Karoti patisankharotīti = kammaṃ*: Sắp đặt hay đào tạo gọi là nghiệp.

Phật Ngài chỉ ngay như vầy: *Cetanāhaṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi*: này chư tỳ-khưu, nói nghiệp chính là sở hữu tư *(cetanā)*.

<u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của sở hữu tư *(cetanā)*</u>

1. Trạng thái: đề đốc (pháp đồng sanh) *(cetayitalakkhaṇā)*
2. Phận sự: lo lắng cách bắt cảnh của pháp đồng sanh *(āyuhanarasā)*
3. Thành tựu: Sắp đặt cho pháp đồng sanh *(saṃvidhānapaccupaṭṭhānā).*
4. Nhân cận: Có 3 uẩn ngoài ra *(sesakhandhattayapadaṭṭhānā)*

Sở hữu tư *(cetanācetasika)* hiệp với tất cả tâm, nhưng trong sự liên quan đây chỉ lấy sở hữu tư *(cetanā)* hợp với tâm bất thiện và thiện hiệp thế, gọi là nghiệp hữu *(kammabhava)* tức là hữu làm duyên cho sanh.

Sanh mà nhờ nghiệp hữu trợ đây, Pāḷi gọi là *"jāti"*. Pāḷi chú giải như vầy: *Jananaṃ = Jāti:* Cách sanh của uẩn gọi sanh.

Và nữa, *jāyanti patubhavanti dhammā etāyāti = Jāti:* Tất cả pháp hữu vi có đặng do nương pháp chi, pháp ấy gọi là sanh.

∗ <u>Sanh *(Jāti)* nói theo danh sắc có 2</u>:
  - 1 là danh sanh *(nāmajāti)* tức là tâm và sở hữu phát sanh ra.
  - 2 là sắc sanh *(rūpajāti)* tức là sự sanh ra của sắc nghiệp *(kammajarūpa).*

∗ <u>Sanh nói theo thời *(kala)* có 3</u>:
  - 1 là tái tục sanh - *paṭisandhijāti.*
  - 2 là đẳng vô gián sanh - *santatijāti.*
  - 3 là sát-na sanh - *khaṇikajāti.*
  - o Tái tục sanh là khi tái tục, tức là ban sơ của mỗi đời, tức là tâm, sở hữu và sắc nghiệp sanh ban đầu của mỗi kiếp sống.
  - o Đẳng vô gián sanh nghĩa là sau khi tái tục, danh và sắc sanh nối nhau liên tiếp cả ngày cả tháng cả năm cho đến tột đời, sanh không gián đoạn, gọi là đẳng vô gián sanh, tức là sự sanh nối nhau của tâm, sở hữu và sắc.
  - o Sự sanh của sát-na ám chỉ sát-na sanh của mỗi cái tâm và mỗi bọn sắc.

    Nhưng đây chỉ lấy tái tục sanh *(paṭisandhijāti).*

Tái tục sanh chia làm 4 cách:
- 1. Thai sanh *(jalābujajāti)* tức là đẻ ra con,
- 2. Noãn sanh *(andajajāti)* tức là đẻ ra trứng,
- 3. Thấp sanh *(sansedajajāti)* là sanh từ chất thấp,
- 4. Hóa sanh *(opapātikajāti)* là tự nhiên mà hóa có ra.

∗ Sanh nói theo uẩn có 3:
- 1 là ngũ uẩn sanh *(pañcakhandhajāti)*
- 2 là tứ uẩn sanh *(catukhandhajāti)*
- 3 là nhứt uẩn sanh *(ekakhandhajāti)*

Tất cả chúng sanh trong 31 cõi khác nhau như là ngạ quỉ, bàng sanh, nhân loại, a-tu-la, chư Thiên, Phạm thiên... đều do thân, khẩu, ý hành động tốt, xấu, chớ chẳng phải do ai tạo.

Theo Phật ngôn:

Chúng sanh cao thấp những chi,
Đều do nghiệp sắp sẵn khi trước rồi.

Nghĩa là sự sang, hèn, tốt, xấu... của chúng sanh đều do nghiệp sắp sẵn.

∗ Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của sanh:
1. Trạng thái: Là sơ khởi của mỗi kiếp sống *(tatthatatthabhava pathamābhinibbattilakkhaṇā).*
2. Phận sự: Là tợ giao dẫn cho mỗi kiếp sống *(niyyātanarasā).*
3. Thành tựu: Sanh ra đời mới bỏ đời cũ (hay là) dẫy đầy khổ *(atītabhavato iḍha ummujjannpaccupaṭṭhānā)* và *(dukkhavicittatāpaccupaṭṭhānā).*
4. Nhân cận: Có danh và sắc sanh sơ khởi đời sống *(upacitanāmarūpapadaṭṭhānā).*

∗ Hữu duyên sanh đặng 2 duyên là
1. Dị thời nghiệp duyên
2. Thường cận (đại) y duyên

- Dị thời nghiệp duyên tức là sở hữu tư *(cetanā)* hiệp với bất thiện và thiện hiệp thế để chủng tử *(bīja)* sau tạo ra tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp.
- Thường cận (đại) y duyên là do sự ưa thích hay mong mỏi vừa lòng trước kia đã quá nhiều, đó cũng là một sức rất mạnh đưa đẩy sắp đặt cho chủng tử tạo.

Dứt phần Hữu duyên Sanh

SANH DUYÊN LÃO, TỬ, SẦU, KHÓC, KHỔ, ƯU, AI

(Jati paccaya jaramaranam
soka parideva dukkha domanassupayasa sambhavat)

❖ **Lão,** tử, sầu, khóc, khổ, ưu, ai có đặng do nhờ nhân sanh *(jāti).*

Sát-na trụ của tâm quả hiệp thế và phần dị của sắc nghiệp tức là đang còn 49 sát-na tiểu.

Vẫn có sát-na đang còn gọi trụ *(thīti).* Sát-na trụ của tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp gọi là lão *(jarā).* Pāḷi chú giải: *Jiranaṃ = Jarā:* Sự cũ kỹ của tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp gọi là già.

Tử thành quả của sanh tức là tư cách đang diệt của tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp *(kammajarūpa)* gọi là sát-na diệt *(bhaṅgakhaṇa). Pāḷi* chú giải như vầy: *Mariyate = Maranaṃ:* Sự chết là cách đang diệt của tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp, gọi là tử *(maraṇa).*

Lão tử cũng đồng chi pháp của sanh, chỉ khác sát-na sanh trụ diệt.

Cả ba sanh, lão và tử đều sắp vào quả luân hồi *(vipākavaṭṭa).*

Ban đầu như vầy: *Uppatibhava sankhāto bhavekadeso avasesa ca vipākavaṭṭa:* Sanh hữu, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh và lão tử (ngoài ra vô minh, ái, thủ và nghiệp hữu) đều thuộc quả luân hồi *(vipākavaṭṭa);*

Nói về Liên quan tương sinh riêng về bộ *Vibhaṅga* giải theo kinh Phân Phối *(Suttantabhājaniyanaya)* giải rằng:

- *Tattha katamājarā? yā tesaṃ saṭṭānaṃ taṃhi taṃhi sattanikāye jarā jīraṇatā khaṇdiccaṃ Pālīccaṃ valittacatā āyuno saṃhāni indrīyānaṃ paripāko ayaṃ vuccati jarā:* Nói lão, tử mà lão ra sao? Tức là già, da nhăn, tóc bạc, răng rụng, gối dùn... cho đến mắt lờ, tai điếc... những chúng sanh nào mà có hiện tượng như thế gọi là già.

- *Tattha katanaṃ maranaṃ? yā tesaṃ tesaṃ saṭṭānaṃ taṃhā taṃhā sattanikāyā cuti vacanatā bhedo antaradhānaṃ muccu maraṇaṃ kelaṃkiriyā khandhānaṃ bhedo kaḷevarassa nikkhepo jīvitindrīyassa upacchedo idaṃ vuccati maraṇaṃ ?* Nói về lão, tử mà tử ra sao? Tử là chết, tức là từ trần, qua đời, mãn phần, du tiên, thệ thế, tịch diệt, băng hà, quá vãng, đổi đời, tắt hơi, tuyệt mạng, tạ thế, về quê, theo ông theo bà cho đến viên tịch đều cũng có nghĩa là chết.

Cho nên lão, tử trong Liên quan tương sinh đây cũng lấy sự già, sự chết chế định của tất cả chúng sanh đều đặng, tức là nối sau sự sanh ra của tất cả chúng sanh, cho nên Đức Phật ngài nói tất cả chúng sanh có sanh ra ắt phải có chết, tức là cách cũ của tâm quả hiệp thế, sắc nghiệp, sắc tâm, sắc qui tiết và sắc vật thực.

Trong khi tất cả chúng sanh chết gọi là tử, tức là cách diệt của tâm quả hiệp thế, sắc nghiệp, sắc tâm và sắc vật thực. Pāḷi chú giải như vầy:

- *Jīranti jiṇṇabhāyaṃ gacchanti etāyāti = Jarā:* Tất cả pháp hành vi vẫn đi đến sự già do nương sự sanh, cho nên pháp làm nhân của cách đưa đến sự già của pháp hành vi gọi là già.
- *Maranti sattā etenāti = Maraṇaṃ:* Tất cả chúng sanh mất do pháp nào, pháp ấy gọi là tử.

- <u>Nhị sanh *(Jāti)*</u>
  - 1 là sắc thân sanh *(rūpakāyajāti)* tức là sự sanh ra của sắc pháp.
  - 2 là danh thân sanh *(nāmakāyajāti)* tức là sự sanh ra của danh pháp.
- <u>Nhị lão *(Jarā)*</u>
  - 1 là sắc thân lão *(rūpakāyajarā)* tức là 49 sát-na trụ của sắc pháp hay là khi trụ của sắc pháp.
  - 2 là danh thân lão *(nāmakāyajarā)* tức là sát-na trụ của tâm và sở hữu.

- <u>Sát-na lão chia làm 2</u>
    - 1 là siêu lý lão *(paramatthajarā)* tức là sát-na trụ của danh và sắc, cũng gọi là sát-na lão.
    - 2 là chế định lão *(paññattijarā)* tức là ngoài sát na.
- <u>Cửu lão</u>
    - 1 là thân thể lão *(vayovuddhijarā)* tức là tóc bạc, răng rụng...
    - 2 là liên tiếp lão *(santatijarā)* tức là sự bớt số của danh và sắc.
    - 3 là sát-na lão *(khanikajarā)* tức là sát-na trụ của danh và sắc.
    - 4 là hiện tượng lão *(pākaṭajarā)* tức là thân thể già.
    - 5 là ẩn tàng lão *(paṭicchannajarā)* tức là cách già của danh pháp.
    - 6 là bất kiến lão *(avīcijarā)* là sự cũ của đá, ngọc...
    - 7 là hữu kiến lão *(savīcijarā)* là sự cũ hư nhà cửa, đồ đạc...
    - 8 là siêu lý lão *(paramaṭṭhajarā)* là sát-na trụ của tâm sở hữu và sắc pháp.
    - 9 là chế định lão *(paññattijarā)* là ngoài ra sát na.

- Nhân loại Nam Thiện Bộ Châu hiện nay thọ non 75 tuổi phân làm 3 chặng *(vaya) :*
    1. Chặng thanh niên *(pathamavaya)* là từ khi sanh đến 25 tuổi.
    2. Chặng trung niên *(dutiyavaya)* là từ 26 đến 50 tuổi.
    3. Chặng lão thành *(tatiyavaya)* là từ 51 đến 75 tuổi.

- <u>Hoặc phân làm 10 chặng</u>:
    1. Thời kỳ ấu trĩ *(mandadasakavaya)* là từ khi sanh đến 10 tuổi, tục gọi là con nít.
    2. Thời kỳ háo ngoạn *(khiḍadāsakavaya)* là từ 11 đến 20 tuổi, còn ham chơi giỡn.
    3. Thời kỳ nhan sắc *(vaṇṇadasakavaya)* là từ 21 đến 30 tuổi, lúc đang có nhan sắc.
    4. Thời kỳ sức lực *(baladasakavaya)* là từ 31 đến 40 tuổi là chặng đủ sức mạnh.
    5. Thời kỳ trí tuệ *(paññādasakavaya)* là từ 41 đến 50 tuổi trong lúc đang phát sanh trí tuệ.
    6. Thời kỳ suy lạc *(rānidasakavaya)* là từ 51 đến 60 tuổi chặng đang suy kém.
    7. Thời kỳ khởi nhược *(pabbhāradasakavaya)* là từ 61 đến 70 tuổi là chặng sắp yếu.
    8. Thời kỳ khúc bối *(vankadasakavaya)* là từ 71 đến 80 tuổi, là chặng lưng thẳng gối dùn.
    9. Thời kỳ si mê *(momūhadasakavaya)* là từ 81 đến 90 tuổi là chặng lẫn lộn.
    10. Thời kỳ thường ngọa *(sayanadasakavaya)* là từ 91 đến 100 tuổi, là chặng liệt nhược nằm hoài.

<u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của lão</u>

1. Trạng thái của lão là hiện bày cách già của uẩn *(khandhaparipākalakkhanā)* tức là hư hao, tiêu rụt, biến đổi...
2. Phận sự: Là đưa đến cái chết *(maraṇūpanayanarasā).*
3. Thành tựu: Là phá chặng tươi tốt *(yobbannavināsapaccupaṭṭhāna).*
4. Nhân cận: Có sắc đang cũ *(paripaccamāna rūpapaadaṭṭhānā).*

❖ **Tử** *(māraṇa)* hay là chết tức là trong khi cuối cùng của mỗi đời sống của tất cả chúng sanh.

- <u>Tử có hai</u>
    1. Phi thời tử *(okālamaraṇa):* Tức là chết chưa già, chưa hết nghiệp và chưa đủ tuổi.
    2. Thời tử *(kālamaraṇa):* Tức là chết khi hợp thời.
- <u>Tam chủng tử *(maraṇa)*</u>
    1. Sát-na tử *(khaṇikamaraṇa):* Sát-na diệt của danh và sắc.
    2. Tỷ dụ tử *(sammutimaraṇa):* Đổi đời khác, tục gọi là chết.
    3. Diệt tuyệt tử *(samucachedamaraṇa):* bậc quả tột viên tịch.

- Tứ nhân tử *(hetu maraṇa)*
  1. Thọ tận tử *(ayukkhayamaraṇa):* Chết do hết số thọ.
  2. Nghiệp tận tử *(kammakkhayamaraṇa):* Chết do hết nghiệp.
  3. Lưỡng tận tử *(ubhayamaraṇa):* Chết khi nghiệp, thọ đều hết.
  4. Hoạnh tử *(upacchedakakammunā):* Chết do nạn, cũng gọi phi thời tử.

- Cửu tử *(marana)*
  1. Tỷ dụ tử *(samutimaraṇa)* như là người chết, thú chết .v.v...
  2. Biến dị tử *(santatimaraṇa)* thân tâm thay đổi từ chặng...
  3. Sát-na tử *(khaṇkamaraṇa)* sát-na diệt của danh và sắc.
  4. Đoạn tuyệt tử *(samucachedamaraṇa)* như diệt tuyệt tử.
  5. Mãn kiếp tử *(jātikakhayamaraṇa)* khi bỏ đời cũ của mỗi chúng sanh.
  6. Cương tử *(upakkamamaraṇa)* tự tử hay bị áp bức chết.
  7. Lưỡng tận tử *(sarasamaraṇa)* chết khi hết nghiệp và tột tuổi thọ.
  8. Thọ tận tử *(āyukakkayamaraṇa)* chết do hết tuổi thọ
  9. Phước tận tử *(puññakkhayamaraṇa)* chết bởi do hết phước.

Sanh, lão, tử, có thí dụ như kẻ thù gặp 3 đứa nghịch một đứa khéo dẫn vào rừng, một đứa hành hạ và một đứa giết.

Hoặc thí dụ 3 trường hợp như người luyện ma mét đối với phụ nữ thường lầm.

Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của tử

1. Trạng thái: Hiện bày dời khỏi đời cũ, lướt đến đời mới *(cutilakkhanaṃ).*
2. Phận sự: Lìa mạng sống *(viyogarasaṃ).*
3. Thành tựu: Dời khỏi thế giới cũ *(gativippavāsapaccupaṭṭhānaṃ).*
4. Nhân cận: Có danh và sắc đang diệt *(paribhijjamānanāmarupapadaṭṭhānaṃ).*

Sanh duyên, lão, tử đặng 1 duyên là Thường cận (đại) y duyên.

❖ **Sầu** *(soka)* là sầu muộn, buồn rầu, sầu bi... có Pāḷi chú giải như vầy:

- *Sokacanaṃ = Soko:* Sự buồn rầu gọi là sầu, tức là thọ ưu hợp với tâm sân.
- *Socanti cittaparilāhaṃ gacchanti etanati = Soko:* Sự bực bội đưa đến tâm xào héo, cách như thế đó gọi là sầu.

- Ngũ điêu tàn *(bayasana)*
  1. Thân tộc điêu tàn *(nātibayasana)* là tai nạn của bà con, thân quyến...
  2. Tài sản điêu tàn *(bhogabayasana)* là quyền tước, của cải tiêu hao...
  3. Tật bệnh điêu tàn *(rogabayasana)* là bệnh tật tổn hại.
  4. Giới điêu tàn *(sīlabayasana)* là sự phá giới.
  5. Tri kiến điêu tàn *(diṭṭhibayasana)* làm giảm mất kiến thức.

Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của sầu *(soka)*

1. Trạng thái: Thường đốt bên trong hay làm tim gan khô héo *(antonijjhānalakkhaṇo).*
2. Phận sự: Làm cho tâm thường bực bội *(cetoparinijjhāyanaraso).*
3. Thành tựu: Hay buồn bực theo điêu tàn *(anusocanapaccupaṭṭhāno).*
4. Nhân cận: Có tâm sân sanh ra *(dosacittuppādapadaṭṭhāno).*

❖ **Khóc** *(parideva)* có 2 câu chú giải như vầy: *Paridevanaṃ = paridevo*: Than thở kêu oan gọi là khóc.

Taṃ taṃ pavattiṃ parikittetvā devanti kandanti etenāti = paridevo: Cách nào làm cho chúng sanh rơi lụy, than thở kêu la cách đó gọi là khóc.

Nhân phát sanh khóc *(parideva)* cũng do ngũ điêu tàn *(bayasana).*

<u>Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của khóc *(parideva)*</u>
1: Trạng thái: khóc lóc, kêu la *(lālappanalakkhaṇo).*
2: Phận sự: thở than lỗi phải *(guṇadosaparikittanaraso).*
3: Thành tựu: tâm bấn loạn *(sambhamapaccupaṭṭhāno).*
4: Nhân cận: có sắc tứ đại sanh từ nơi tâm sân *(dosacittajamahābhūtapadaṭṭhāno).*

❖ **Khổ** *(dukkha)* có Pāḷi chú giải như vầy: *Dukucchitaṃ hutvā kāyikasukhaṃ khanatīti = Dukkhaṃ dukkhananti = Dukkhaṃ:* Pháp nào đáng ố và phá mất sự sướng thân, pháp ấy gọi là khổ. (Hay là) Tất cả chúng sanh khó chịu bằng sự lãnh lấy cách nào, thời cách ấy gọi là khổ.

Một cách nữa, *Khamituṃ dukkarantaṃ = Dukkhaṃ:* Khó chịu gọi là khổ, tức là thân thức thọ khổ.

<u>Cửu khổ</u>
1. Khổ khổ *(dukkhadukkha)* là trạng thái thật khổ tức là thân chịu khổ và sở hữu thọ khổ.
2. Biến khổ *(vipariṇāmadukkha)* là sự sướng thân làm nhân phát sanh ra sự khổ thân và sở hữu thọ khổ phát sanh, tức là vui sướng làm nhân cho khổ.
3. Hành khổ *(saṅkhāradukkha)* tức là ngoài ra khổ khổ và biến khổ, tức là tâm thọ xả sở hữu hợp và sắc vẫn bị ép chế phải sanh diệt luôn.
4. Ẩn khổ *(Paṭicchannadukkha)* hay là bất hiện khổ *(apākaṭadukkha)* tức là đau răng, đau đầu, đau lỗ tai... do mãnh lực thương, giận... cách khổ này biết đặng do nhờ hỏi thăm vì cách đau đó không hiện bày.
5. Bất ẩn khổ *(appaṭicchanadukkha)* hay là hiện khổ *(pākaṭadukkha)* tức là những ghẻ đứt... và 32 chứng bệnh khỏi hỏi cũng biết, vì những bệnh này hiện rõ.
6. Ảnh hưởng khổ *(pariyāyadukkha)* tức là biến khổ và hành khổ, bởi vì hai thứ khổ này chẳng phải chánh điều kiện khổ, chỉ là nơi sanh của các thứ khổ, nên chung lại gọi là ảnh hưởng khổ.
7. Chánh khổ *(nippariyāyadukkha)* là chịu khổ phần chánh thức nơi thân tâm cũng như khổ khổ.
8. Thân khổ *(kāyikadukkha)* tức là khổ phát sanh theo thân như là thương tích, đau đớn...
9. Tâm khổ *(cetasikadukkha)* tức là sự khổ phát sanh theo tâm như là buồn rầu, tức mình...

Theo Liên quan tương sinh *(Paṭiccasamuppāda)* thì chỉ lấy điều thứ 8 là thân khổ *(kāvikadukkha)*

<u>**32 cách làm cho thân khổ:**</u>
1. Đánh bằng mây gai,
2. Đánh bằng mây tròn,
3. Đánh bằng búa,
4. Chặt tay,
5. Chặt chơn,
6. Chặt cả chơn tay,
7. Lắt lỗ tai,
8. Thẻo mũi
9. Lắt lỗ tai và mũi,
10. Lột da đầu rồi để cục sắt cháy đỏ đè sát vào đầu,
11. Giựt sút tóc
12. Lấy sắt nhọn đâm ngang miệng rồi lấy lửa đốt vào miệng,
13. Dùng vải nhúng dầu vấn thân đốt,
14. Dùng vải nhúng dầu vấn tay đốt làm đèn,
15. Lột da từ cổ đến mình

16. Lột da từ cổ đến tay
17. Lấy dây xích buộc cùi chỏ và đầu gối rồi lấy chĩa nhọn đâm xuống, rồi đốt lửa.
18. Dùng lưỡi câu móc, kéo rớt thịt ra.
19. Dùng cái chét chặt thịt rơi từ cục.
20. Dần khắp châu thân dùng a-xít muối đổ vào làm cho thịt rớt ra.
21. Bắt nằm nghiêng lấy sắt nhọn đâm thấu ván rồi nắm chân chạy vòng tròn.
22. Dùng đá to, dần cho nát xương, cuống thân tròn vấn từ nặng rồi xắt từ khoanh.
23. Lấy dầu sôi xối cùng mình.
24. Bỏ đói hai ba ngày, rồi cho ăn vật thực của chó.
25. Lấy sắt nhọn đâm từ đầu tuốt hậu môn.
26. Dùng gươm chặt đầu.
27. Dùng đinh nướng đỏ đóng bàn tay bên mặt.
28. Dùng đinh nướng đỏ đóng bàn tay bên trái.
29. Dùng đinh nướng đỏ đóng bàn chân bên mặt.
30. Dùng đinh nướng đỏ, thọt xuống chân trái.
31. Dùng đinh nướng đỏ đóng ngay ngực.
32. Dùng dao búa vạt đẻo chân.

Tứ ý nghĩa *(attha)* của khổ *(dukkha)*

1. Trạng thái: Ép uổng thân *(kāyapīlanalakkhaṇaṃ)*
2. Phận sự: Làm nhân cho cách buồn giận, tức mình sanh ra đến người thiếu trí *(duppaññānaṃdomanassakarana-rasaṃ)*.
3. Thành tựu: Là đau thân *(kāvikālādhapaccupaṭṭhānaṃ)*
4. Nhân cận: Có thần kinh thân *(kāyapasādapa-padaṭṭhānaṃ)*

Khổ thân: Là khổ đặc biệt, vì ép uổng thân luôn cả tâm khi tâm không yên ổn. Khi thân không an lạc, thời người ấy sanh buồn bực, cho nên ngài Giác Âm *(Buddhaghosa)* chú giải trong bộ Saccavibhaṅga và bộ Visuddhimagga như vầy:

Peleti kāyikamidaṃ Dukkhañca mānasaṃ bhiyyo
Janayati yasmā tasmā Dukkhanti visesato vuttaṃ

Khổ thân vẫn ép uổng người đang chịu khổ, có thể làm cho đến khổ tâm, bởi như thế cho nên Đức Phật ngài phán rằng: "Là khổ đặc biệt".

❖ **Ưu** *(domanassa)* là buồn, rầu. Có Pāḷi chú giải như vầy: *Dumanassabhāvo = Domanassaṃ:* Pháp nhân làm cho tâm người không yên ổn, suôn sẻ gọi là ưu, tức là sở hữu thọ-ưu, khổ tâm.

Ưu *(domanassa)* phát sanh cho người nào làm cho tâm người ấy bực bội hiện bày hành động bằng thân, khẩu, ý làm cho ta và người khác khổ thân như là ưu sanh rồi, có người phát ra hành động đấm ngực, thoi bụng, bứt tóc, hoặc chùi xuống giẫy giụa. Cũng có người đến đỗi tự sát nhiều cách và cũng có người làm hại người khác phải bị khổ thân hoặc đến đỗi chết cũng có.

Nhân phát sanh ưu rất nhiều cách, nhưng chỉ nói riêng phần từ nơi ái. Từ nơi cách biến chuyển của sự thương, ghét phần nhiều phát sanh ra ưu. Một điều là ta gặp sự vật không vừa lòng. Hai phần này làm cho phát sanh ưu rất nhiều. Bởi thế Đức Phật ngài nhắc thức tất cả Phật tử có liên quan với khổ tâm trong bộ Tạp A Hàm *(Samyutta-nikaya)* như vầy:

Mā pīyehi samāgañchi Appīyehi kudācanaṃ
Pīyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ Appīyanañca dassanaṃ

Trong phần ta thương và ta ghét, bởi do không nhận rõ cách ta thương và ta ghét đều là khổ cả.

Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của ưu *(domanassa)*
1. Trạng thái: Ép uổng tâm *(cittapīḷanalakkhaṇaṃ)*
2. Phận sự: Khảo cảm tâm *(manovigātarasaṃ)*
3. Thành tựu: Tâm không an ổn *(mānasabayādhi-paccupaṭṭhānam)*
4. Nhân cận: Có sắc ý vật *(hadayavatthupadaṭṭhānaṃ).*

~~~~~~~~~~

❖ **Ai** *(upāyāsa)* có Pāḷi chú giải như vầy: *Bhuso āyāsanaṃ = upāyāso:* Sự rất khổ tâm gọi là ai, do 1 trong 5 điêu tàn *(bayasana)* hoặc thân tộc chết …

Gọi rằng ai *(upāyāsa)* đây, khi chiết tự thời *upa* với *āyāsa: Upa* là cận hay rất nặng. *āyāsa* là sự khổ tâm, *upāyāsa* dịch là rất buồn (ai).

Trạng thái buồn rầu quá lớn lao tiếp nối với sầu *(soka)* cũng có thể đến lối khóc *(parideva).* Nối theo khóc đến lối ai *(upāyāsa)* là tột bực của sự buồn làm cho tâm người phải khô héo liền, không chống cự với cách ấy đặng. Cách nín sượng, nói không ra, khóc không đặng, có khi đến bất tỉnh hoặc điên luôn, hoặc đến đỗi tự vận được.

Phần nhiều phát sanh cho người gặp một trong ngũ điêu tàn *(bayasana)* do không suy xét kịp như là cha mẹ, chồng vợ, con cái vừa chết hay là của cải tiêu hao bằng cách sập hư, tan rã do nạn thủy, hỏa, đạo tặc... Hoặc bệnh nặng hết lối trị, phải chịu tật, rất dằn vặt tâm người ấy, cách đó gọi là ai *(upāyāsa)* như trong Mahānidesa có giải như vầy:

Tassa de kāmayānassa *Chanda jātassa jantano*
Te kumā parihāyanti *Sallaviddhova juppati*

Người lên xe tàu, ám chỉ hưởng cảnh ngũ dục mừng vui phơi phới và tâm nhiễm đắm với cảnh dục lạc ấy, nếu đồ dục lạc ấy mất đi, gặp khi như thế thời người đang nhiễm đắm, tâm phải bị náo động.

Tâm náo động rung rinh với cách sầu, ai, khóc cũng như con nai bị bắn, té xuống đất run rẩy giãy giụa sắp chết.

~~~~~~~~~~

Sầu, ai, khóc, có thí dụ của ngài Giác Âm *(Buddhaghosa)* trong bộ Visuddhimagga aṭṭhakkāthā, có kệ Pāḷi đại ý.

Như dầu nóng, dầu sôi và lên khói cho đến cạn khô.
- Sầu *(soka)* như nước cốt dừa khi mới thắng.
- Ai *(upayasa)* như nước cốt dừa bồng con.
- Khóc *(panideva)* như xác dầu dừa hiện bày xác hay khô cháy.

Tứ ý nghĩa *(aṭṭha)* của ai *(upāyāsa)*
1. Trạng thái: rất đốt tâm *(cittaparidahanalakkhaṇo).*
2. Phận sự: làm tâm sụt lùi *(nitthunanaraso).*
3. Thành tựu: đuối sức thân tâm *(visādapaccupaṭṭhāno).*
4. Nhân cận: có sắc ý vật *(hadayavatthupadaṭṭhāno).*

Sanh làm duyên cho ưu, sầu, ai, khóc *(jāti paccayā soke parideva dukkha domanassapāyāsa sambhavati)* chỉ đặng 1 duyên là Thường cận y duyên *(Pakatūpanissaya-paccayo).*

Bởi vì những điều nói trên, chúng sanh không có tái tục thì lấy đâu mà có (trừ ra bực tam, tứ quả đã sát trừ sân).

Dứt phần Sanh duyên Lão, tử, sầu, khóc, khổ, ưu, ai.

LÃO, TỬ DUYÊN VÔ MINH

Lão theo đây ám chỉ sau khi tái tục cho đến sắp chết, còn tử là lúc đang chết. Thế nên những chúng sanh còn phiền não thì tâm tham sanh ra rất nhiều, mỗi cái tâm tham đều có sở hữu hợp 17 hay 19 hoặc 20 sở hữu luôn luôn có tham, si, hoặc tà kiến đồng sanh với nhau. Pāḷi có câu: *Āsavānaṃ samuppāda avijjā pavaḍḍhati:* Vô minh tiến triển do nhờ đồng sanh với pháp lậu.

Tham và tà kiến trợ cho si, hay lậu trợ cho vô minh tức là lão, tử duyên vô minh được 18 duyên như sau:

<u>Lão tử duyên Vô minh đặng 18 duyên</u> :

1. Câu sinh duyên
2. Câu sinh hiện hữu duyên
3. Câu sinh bất ly duyên
4. Tương ưng duyên
5. Hỗ tương duyên
6. Câu sinh y duyên
7. Nhân duyên
8. Đồ đạo duyên
9. Trùng dụng duyên
10. Vô gián duyên
11. Đẳng vô gián duyên
12. Vô hữu duyên
13. Ly khứ duyên
14. Cảnh duyên
15. Trưởng duyên (hẹp)
    Cảnh trưởng duyên (rộng)
16. Cảnh cận y duyên
17. Cận y duyên (hẹp)
    Thường cận y duyên (rộng)
18. Vô gián Cận y duyên

~~~~~~~~~~

Sở hữu tham, sở hữu tà kiến đồng sanh với sở hữu si chưa lìa nhau, đang còn, hòa trộn để giúp nhau và có sự nương nhờ. tham thuộc nhân, tà kiến là chi đạo.

Cái tâm đổng lực trước giúp cái tâm đổng lực sau là Trùng dụng duyên, sanh kế sau là Đẳng vô gián, Vô gián. Cái trước diệt rồi, cái sau mới sanh là Vô hữu và Ly khứ.

Sở hữu si hiệp với tâm tham mà bắt tham hay tà kiến làm cảnh thì nhờ Cảnh duyên, nếu khắn khít là nhờ Cảnh trưởng và Cảnh cận y duyên. Duyên (lấy theo hẹp gọi là Trưởng duyên).

Nếu tham và tà kiến thường sanh rất mạnh, giúp sở hữu si có dịp sanh ra gọi trợ bằng Cận y duyên hay Thường cận y duyên.

Dứt phần Lão tử duyên Vô minh và phần chánh yếu

∗ <u>Bốn cách thuyết Liên quan tương sinh</u>

1. Thuyết xuôi từ gốc đến ngọn *(ādipariyosāna anulomadesanā):* Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

2. Thuyết xuôi từ giữa đến ngọn *(majjhapariyosāna anulomadesanā):* Thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.
~~~~~~~~~~

3. Thuyết ngược từ ngọn đến gốc *(pariyosāna ādipatilomadesanā):* Lão tử sầu khóc khổ ưu ai do sanh trợ, sanh do hữu trợ, hữu do thủ trợ, thủ do ái trợ, ái do thọ trợ, thọ do xúc trợ, xúc do lục nhập trợ, lục nhập do danh sắc trợ, danh sắc do thức trợ, thức do hành trợ, hành do vô minh trợ.
4. Thuyết ngược từ giữa đến gốc *(majjha ādipatilomadesanā):* Ái do thọ trợ, thọ do xúc trợ, xúc do lục nhập trợ, lục nhập do danh sắc trợ, danh sắc do thức trợ, thức do hành trợ, hành do vô minh trợ.

∗ Lợi ích 4 cách thuyết Liên Quan Tương Sinh:

1. Thuyết xuôi từ gốc đến ngọn, lợi ích cho những người không biết chúng sanh có từ nhân chi? Cho nên rất bàn soạn nhau theo lầm chẳng thể giải quyết.

   Sau khi đặng nghe hiểu rồi mới biết là chúng sanh tự nương nhân mà sanh ra và nhân ấy phải theo thứ lớp trợ nhau mới đặng sanh.
2. Thuyết xuôi từ giữa đến ngọn, lợi ích cho những người không tin chúng sanh chết rồi còn sanh nữa, mới chỉ cho rõ 5 nhân hiện tại là ái, thủ, hữu, vô minh và hành đang sanh cho mỗi người, thì 5 quả vị lai là thức, danh, sắc, lục nhập, xúc và thọ thành tựu ra chúng sanh đó vậy.
3. Thuyết ngược từ ngọn tới gốc, lợi ích cho những người đặng nhận thấy nhân khổ từ sanh trở lại đến vô minh mới rõ rằng lão tử, sầu, khóc, khổ, ưu, ai mà tất cả chúng sanh có thân tứ đại phải chịu khổ như vừa kể trên, nhiều hay ít tại có thân này tức là do sanh dù cho thấp sanh hay hóa sanh.

   Như sanh do hữu, hữu do thủ, thủ do ái, ái do thọ, thọ do xúc, xúc do lục nhập, lục nhập do danh sắc, danh sắc do thức, thức do hành, hành do vô minh, vô minh do lậu.

   Nếu biết nhân, thời không phàn nàn quả và tìm lối dứt tuyệt nhân.
4. Thuyết ngược từ giữa trở lại gốc, lợi ích làm cho kẻ nghe hiểu nhân quả theo thứ lớp, nguyên do của tứ thực dìu dắt chúng sanh từ quá khứ đến hiện tại như là:
   - Đoàn thực bổ dưỡng thân thể chúng sanh lớn và đặng còn.
   - Xúc thực giúp cho lục nhập nội, lục nhập ngoại nương.
   - Tư thực đề đốc chúng sanh thân, khẩu, ý hành động tốt hoặc xấu.
   - Thức thực giúp cho chúng sanh thâu hút cảnh: thấy, nghe v.v... cho đến đủ thứ tâm đổng lực phát sanh.

Tứ thực sanh đặng do ái làm nhân và ái do thọ... cho đến hành phải nhờ vô minh mới biết thứ lớp thấy tứ thực là căn bản.

Cho nên người nghe cách nào cũng đặng nhận rõ khổ đế để trừ tập đế, tỏ ngộ níp-bàn nhờ tiến hóa đạo đế luôn cho tới hoàn toàn giải thoát.

Một nửa, Như Lai thuyết thật là người đủ sức chỉnh lý thích hợp tốt đẹp.

Kết luận câu 4 là chỉ cho người tìm hiểu 3 thời *(kāla)* 12 chi *(anga),* 20 điều *(bheda),* 3 chặn nối *(sandhi),* 4 phần *(saṅkhepa),* tam luân hồi *(vatta)* và 2 gốc *(mūla).*

Bốn vòng tròn nơi bìa trước cũng tạm nêu 4 cách thuyết.

(Khoảng này xin bớt trình bày giải theo ngũ uẩn (pucchā) vì không cần thiết nên để giải nơi khác).

∗ Thẩm xét 4 cách Liên quan tương sinh trừ đặng 7 điều tà kiến:
1. Cách đồng *(ekattanaya)*
2. Cách dị *(nānattanaya)*
3. Vô cần *(bhayāpāranaya)*
4. Biệt phần *(evandhammadānaya)*

- Thẩm xét cách đồng là suy xét ngũ uẩn và danh sắc nối đời liên tiếp nhau không gián đoạn để trừ vô kiến *(natthikadiṭṭhi)* và đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi).*
- Thẩm xét cách dị là nhận thấy nhân quả mỗi pháp khác nhau để trừ thường kiến *(sassatadiṭṭhi).*
- Thẩm xét vô cần là nhận thấy nhân quả giúp nhau khỏi tăng bồi ráng sức là để trừ ngã kiến *(attadiṭṭhi)* và tha chủ kiến *(issara nimmānavādadiṭṭhi).*
- Thẩm xét biệt phần là nhận thấy nhân nào quả nấy không phải chung nhau như hành do vô minh, chớ nhân khác thế không đặng, đây là để trừ vô nhân kiến *(ahetukadiṭṭhi)* và vô hành kiến *(akiriyadiṭṭhi).*

∗ Sáu cách trừ lậu
1. Kiến trừ lậu *(dassanena āsavāpahātabbā)* quán thấy sự tiêu mất của pháp hữu vi dầu quá khứ, hiện tại, vị lai đều tiêu mất luôn luôn.
2. Chiến trừ lậu *(sevanāya āsavāpahātabhā)* do quán sát soi thấy tức là tu tịnh hay tu tuệ. Rốt cuộc soi rõ đến vô thường, khổ não, vô ngã mới chán nản không chấp cứng với uẩn nào cả.
3. Nhẫn nại trừ lậu *(adhivāsanena āsavāpahātabbā)* do sự ráng chịu tức là tu đến tâm đình trụ thành "tịnh kiên cố" để làm nền tảng tu tuệ tỏ ngộ, thấy đúng sự thật đành nhịn chịu bỏ những phiền não lậu là do sự nhẫn nại tâm mới chán nản giải phóng lậu bằng cách buông bỏ.
4. Ty miễn trừ lậu *(parivajjanena āsavāpahātabbā)* cách trừ lậu với sự trốn lánh, tức là khi quán thấy cách pháp hữu vi đáng chán nản rồi mới trừ bỏ tuyệt bằng trí tuệ như kẻ mạnh tìm đường trốn oan trái, xuất gia tâm lý = nhàm chán.
5. Bài di trừ lậu *(vinodhanena āsavāpahātabbā)* là trau dồi tâm bằng "chỉ" luôn "quán", tỏ ngộ kiến chơn, thấy pháp hữu vi như đồ mượn, giải phóng sự khắn khít bằng cách buông bỏ cho nhẹ luôn.
6. Tu tiến trừ lậu *(bhāvanā āsavāpahātabbā)* nhờ trau dồi "chỉ" và "quán" đặng minh tâm kiến sắc, nhận rõ tam tướng phổ thông, nhờ tỏ ngộ tâm trong sạch, hết chấp theo pháp hữu vi, thời lậu phải đành tiêu mất.

∗ Giải Thất đề Liên quan tương sinh:

Bản đồ Liên quan tương sinh có 12 chi: Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức...

1. Đề thứ nhứt: "Thời" do chữ Pāḷi là *addhā* hay *kāla* chia làm 3:
   a. Vô minh và hành thuộc về thời quá khứ
   b. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu thuộc về thời hiện tại.
   c. Sanh, lão tử thuộc về thời vị lai.
2. Đề thứ hai: Chi *(anga)*

   12 chi: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.
3. Đề thứ ba: Cách *(akāra)* có 20

   a) Vô minh, hành, ái, thủ, hữu thuộc về 5 nhân quá khứ tạo ra quả hiện tại.

b) Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ thuộc về 5 quả hiện tại.
c) Ái, thủ, hữu, vô minh, hành thuộc về 5 nhân hiện tại tạo ra quả vị lai.
d) Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, có trong chi sanh và lão tử thuộc về 5 quả vị lai.

Văn lục bát dịch kệ như vầy:

Năm nhân quá khứ lớn thay.
Năm quả hiện tại đời này có ra.
Bây giờ nhân đặng năm mà.
Vị lai quả cũng thời là có năm.

4. Đề thứ tư: Tam tục *(sandhi)*
Tục hay là cách nối. Tục có 3:
a. Quả hiện tại nối với nhân quá khứ giữa hành và thức.
b. Nhân hiện tại nối với quả hiện tại giữa thọ và ái.
c. Quả vị lai nối với nhân hiện tại giữa hữu và sanh.

Tục *(sandhi)* có câu Pāḷi chú giải như vầy: *Sandhiyate = Sandhi:* Cách nối giữa nhân và quả hay là nối quả với nhân gọi là Nối, Hán gọi là Tục.

5. Đề thứ năm: Hẹp *(saṅkhepa)*
Hẹp tức là giản yếu, dón gọn. Có 20 cách, nói gọn còn 4 phần:
a) Phần nhân quá khứ .
b) Phần quả hiện tại.
c) Phần nhân hiện tại.
d) Phần quả vị lai.

Hẹp có Pāḷi chú giải như vầy: *Saṅdhipīyanti sangayhanti padhānadhamma etthāni = Saṅkhepo:* Gồm những pháp tổng danh nói chung lại từ phần cho gọn gọi là Giản yếu (dón gọn)

6. Đề thứ sáu: Tam luân hồi *(vaṭṭha)*

Có 3 sự luân hồi
a. Phiền não luân hồi *(kilesavaṭṭa)* tức là vô minh, ái, thủ.
b. Nghiệp luân hồi *(kammavaṭṭa)* tức là hữu và hành.
c. Quả luân hồi *(vipākavaṭṭa)* tức là sanh, lão tử, thức, danh sắc, lục nhập, xúc và thọ.

Luân hồi có Pāḷi chú giải như vầy: *Vaṭṭanti punappunaṃ āvaṭṭantīti = vaṭṭaṃ:* Pháp nào xoay tròn hoài hoài, pháp ấy gọi là luân (xoay chuyển ám chỉ luân hồi).

7: Đề thứ 7: Căn *(mūla)* hay gốc có 2
a) Gốc quá khứ tức là vô minh (nhân đời quá khứ).
b) Gốc hiện tại tức là ái (nhân đời hiện tại).

Khi 2 gốc này chưa diệt thì 3 sự luân chuyển cứ xoay tròn mãi.
Vô minh gốc có 6 ngọn là hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ.
Ái gốc có 4 ngọn: Thủ, hữu, sanh, lão tử.

Căn hay gốc *(mūla)* có những câu Pāḷi chú giải như sau:
- *Mūlayanti sabbe pī vaṭta dhammā tiṭṭhanti etthāti = mūlani:* Những pháp luân hồi phải nương theo đó, nên pháp đó gọi là căn (gốc).
- *Mūlayanti patitthahanti vaṭṭadhammā etehīti = Mūlāni:* Những pháp luân hồi phải nương đỗ theo nó, nên pháp đó là căn, ám chỉ vô minh và ái.

<u>Bánh xe trước xoay tròn từ Vô minh đến thọ</u>

-	Vô minh	là nhân	Hành	làm quả.
-	Hành	là nhân	Thức	làm quả.
-	Thức	là nhân	Danh Sắc	làm quả.
-	Danh sắc	là nhân	Lục nhập	làm quả.
-	Lục nhập	là nhân	Xúc	làm quả.
-	Xúc	là nhân	Thọ	làm quả.
-	Thọ	là nhân	Vô Minh	làm quả.

Khi nào ái nương thọ sanh ra thì phải có vô minh sanh chung với, như thế thời vô minh đi chung với ái, cho nên bánh xe trước từ vô minh xoay vòng đến thọ thì đã máng vô minh là quả, thì vô minh trở thành làm nhân cho hành xoay như thế luôn vì thọ phải có vô minh khởi đầu nữa.

<u>Bánh xe sau xoay tròn từ ái đến lão tử</u>

-	Ái	là nhân	Thủ	làm quả
-	Thủ	là nhân	Hữu	làm quả
-	Hữu	là nhân	Sanh	làm quả
-	Sanh	là nhân	Lão tử	làm quả
-	Lão tử	là nhân	Ái	làm quả

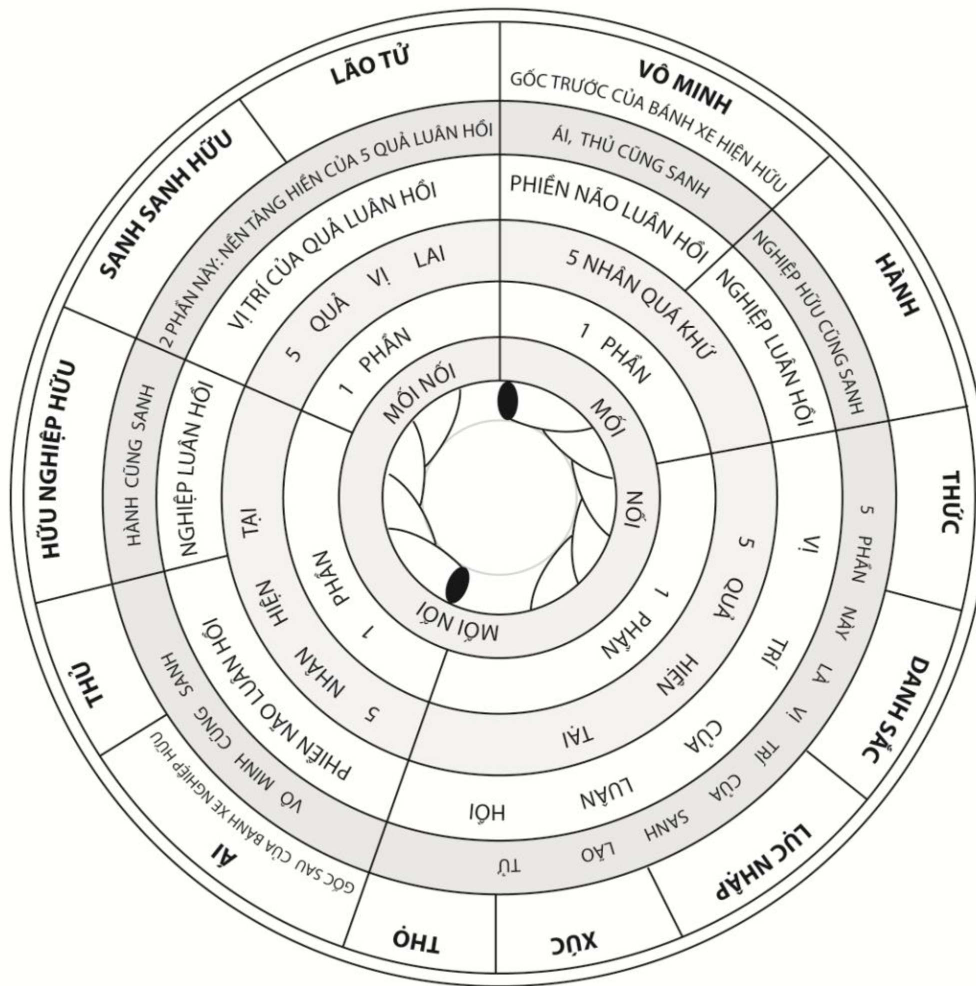
Khi già sẽ chết hoặc muốn sống lâu hay muốn đặng thành người trẻ tuổi, sự ham muốn ấy là dục lậu do nhân nghĩ rằng ta sẽ chết thì đầu thai thành... đó là tử làm nhân cho ái, thì ái làm nhân cho thủ...

Nếu đời này ít hoặc không có nghĩ như thế, nhưng trải qua vô lượng kiếp trước đã có nhiều lắm rồi.

Soạn xong 22 tháng 3 năm Giáp Dần, tạm đủ 3 lớp học Siêu Lý.
Nhưng mỗi khi dạy, phải điều chỉnh và bổ túc thêm.
Nếu quý vị thấy chỗ nào còn khuyết điểm, xin nhờ cho biết, rất cám ơn!!!

Phước này hiến, tặng, cho và hồi hướng đến tất cả chúng sanh.

Nếu 2 gốc, 3 nối, 4 phần, 20 nhân quả, 3 luân hồi, pháp vẫn có 12 Y tương sinh



Vòng ngoài 12 chi liên quan tương sinh ;Vòng 2: vân có sanh theo; Vòng 3: Tam luân hồi tiếp chuyển ; Vòng: 4 nhân quả 3 đời có 20 ; Vòng 5:thâu hẹp còn 4 phần ;

Vòng 6: Hành nối thức
Thọ nối ái
Hữu nối sanh

Giữa : Nếu 2 gốc đưa ra vân vân

PHIỀN NÃO LUÂN HỒI
có 3 1/2

NGHIỆP LUÂN HỒI
có 2 1/2

QUẢ LUÂN HỒI
CÓ 8 HOẶC 7 1/2

THỜI QUÁ KHỨ
có 2

THỜI HIỆN TẠI
có 8

THỜI VỊ LAI
có 2

NGHIỆP HỮU
NGHIỆP SANH

P	N	Q	Q	Q	Q	Q	P	P	N	Q	Q
VÔ MINH	HÀNH	THỨC	DANH SẮC	LỤC NHẬP	XÚC	THỌ	ÁI	THỦ	HỮU	SANH	LÃO TỬ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ái, thủ, hữu cũng có trong 5 nhân quá khứ

NỐI
QUÁ KHỨ - HIỆN TẠI
NHƠN QUẢ
TIỀN HỮU LUÂN

5 quả hiện tại

NỐI
HIỆN TẠI - HIỆN TẠI
QUẢ NHƠN

Vô minh, hành đã có trong nhân hiện tại

NỐI
HIỆN TẠI - VỊ LAI
NHƠN QUẢ
HẬU HỮU LUÂN

Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ cả 5 đã vào quả vị lai

GỐC TỪ VÔ MINH ĐẾN THỌ

VÔ MINH
HÀNH
THỨC
DANH SẮC
LỤC NHẬP
XÚC
THỌ
ÁI, THỦ, HỮU CÓ TRONG ÁI
SANH, LÃO TỬ CÓ TRONG ÁI
Khi 7 chi nhân quá khứ và quả hiện tại chuyển vùng thì 5 chi cũng ái theo

GỐC TỪ ÁI ĐẾN LÃO TỬ

ÁI
THỦ
HỮU
SANH
LÃO TỬ
VÔ MINH VÀ HÀNH cũng có theo đây
THỨC, DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THỌ cũng có theo đây
Khi 5 chi nhân hiện tại và quả vị lai xoay thời 7 chi cũng theo

TAM ĐỀ THIỆN Phần: Liên quan – cách thuận Thuộc: ____________ _____________duyên. …... câu	Thiện liên quan thiện	Vô ký liên quan thiện	Thiện và vô ký liên quan thiện	Bất thiện liên quan bất thiện	Vô ký liên quan bất thiện	Bất thiện và vô ký liên quan bất thiện	Vô ký liên quan vô ký	Vô ký liên quan thiện và vô ký	Vô ký liên quan bất thiện và vô ký							
1. Nhân duyên																
2. Cảnh duyên																
3. Trưởng duyên																
4. Vô gián duyên																
5. Đẳng vô gián duyên																
6. Câu sanh duyên																
7. Hỗ tương duyên																
8. Y Chỉ duyên																
9. Cận y duyên																
10. Tiền sanh duyên																
11. Hậu sanh duyên																
12. Trùng dụng duyên																
13. Nghiệp duyên																
14. Quả duyên																
15. Thực duyên																
16. Quyền duyên																
17. Thiền duyên																
18. Đạo duyên																
19. Tương ưng duyên																
20. Bất tương ưng duyên																
21. Hiện hữu duyên																
22. Vô hữu duyên																
23. Ly khứ duyên																
24. Bất ly duyên																

Học viên nương vào bản đồ này mà làm những phần còn lại.

Bản Phụ Lục		
	Từ được cập nhật theo bản Nội Dung Vô Tỷ Pháp được ấn hành năm 1983	Từ được sử dụng trong bản Siêu Lý Cao Học được ấn hành năm 1974
1. *Hetupaccayo*	Nhân duyên	
2. *Ārammaṇapaccayo*	Cảnh duyên	
3. *Adhipatipaccayo*	Trưởng duyên	
4. *Anantarapaccayo*	Vô gián duyên	(Bất đoạn duyên)
5. *Samanantarapaccayo*	Đẳng vô gián duyên	(Liên tiếp duyên)
6. *Sahajātapaccayo*	Câu sanh duyên	(Đồng sanh duyên)
7. *Aññamaññapaccayo*	Hỗ tương duyên	(Tương tế duyên)
8. *Nissayapaccayo*	Y chỉ duyên	(Y duyên)
9. *Upanissayapaccayo*	Cận y duyên	(Đại y duyên)
10. *Purejātapaccayo*	Tiền sanh duyên	(Sanh tiền duyên)
11. *Pacchājātapaccayo*	Hậu sanh duyên	(Sanh hậu duyên)
12. *Āsevanapaccayo*	Trùng dụng duyên	(Cố hưởng duyên)
13. *Kammapaccayo*	Nghiệp duyên	
14. *Vipākapaccayo*	Dị thục quả duyên	(Quả duyên)
15. *Āhārapaccayo*	Vật thực duyên	
16. *Indrīyapaccayo*	Quyền duyên	
17. *Jhānapaccayo*	Thiền na duyên	(Thiền duyên)
18. *Maggapaccayo*	Đồ đạo duyên	(Đạo duyên)
19. *Sampayuttapaccayo*	Tương ưng duyên	
20. *Vippayuttapaccayo*	Bất tương ưng duyên	(Bất hợp duyên)
21. *Atthipaccayo*	Hiện hữu duyên	
22. *Natthipaccayo*	Vô hữu duyên	
23. *Vikhatapaccayo*	Ly khứ duyên	(Hữu ly duyên)
24. *Avikhatapaccayo*	Bất ly duyên	
	Sắc ý vật	Sắc tim

MỤC LỤC

BẢN GIẢI
SIÊU LÝ CAO HỌC

DUYÊN HIỆP LỰC
(GHATANĀ PACCAYA)
&
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH
(PAṬICCASAMUPPĀDA)

Soạn, dịch:
Sư cả Tịnh Sự - Mahāthero Santakicco



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1
ĐT: 3 822 5340 – 3 829 6764 – 3 824 7225
Fax: 84 83 822 2726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www. Nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Công Oánh

Biên Tập: Cẩm Hồng.
Sửa bản in: Hồng Anh.
Trình bày: Tỷ kheo Siêu Thiện
Bìa và vi tính: Mỹ Hà.

Đối tác liên kết:
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In lần thứ I số lượng 500 cuốn 21 x 29.7 cm
Tại xí nghiệp in Fahasa.
Địa chỉ: 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TPHCM.
GPXB số: 1430-12/CXB/19-165/THTPHCM ngày 22/11/2012.
Xin xong và nộp lưu chiểu tháng 3 / 2013.